

Một Cuộc Đời - Một Ngôi Sao

(Truyện Ngài Xá-Lợi-Phất)

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Huế 1996

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 30-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

TỰ CẢM

[01]

Giòng tộc

Đứa con thánh thai

Một ngôi sao chào đời

Thời thơ ấu

Bóng tối hoài nghi

[02]

Đại hội Bà la môn

Thoát ly gia đình

Lang thang tìm Đạo

[03]

Ánh nắng siêu thoát

Người thầy cũ

Hai vị đại đệ tử

[04]

Sau khi đắc quả

Hạnh tri ân

Đôi bạn

[05]

Với trưởng giả Tu-Đạt

Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên

[06]

Bạn của cha già

Một vị A-La-Hán tí hon

Với chúng Sa-di

[07]

Hạnh nhân nhục

Với A-Nậu-Đà-La

Với Tôn giả Ananda

[08]

Thân quyền của Ngài Xá-Lợi-Phất

Với Nữ đạo sĩ tóc quăn
[09]
Những câu hỏi đạo cao siêu
Rừng Gosinga hương thơm, trắng sáng
Khen ngợi và khiển trách

[10]
Với Đê-Bà-Đạt-Đa
Họ lần lượt ra đi
Cuộc từ giã vĩ đại

[11]
Đền ơn Mẹ rồi yên nghỉ vĩnh hằng
Hội chúng trống rỗng
Cảm Bạt

-ooOoo-

Hồi hương hương linh cha mẹ
Kính tặng Huynh Đệ Chư Tăng và Phật tử Huyền Không Sơn Thượng, Sơn
Trung và Sơn Hạ

-ooOoo-

TỰ CẢM (thay lời tựa)

Chữ đốt trầm, ý khơi hương
Vọng ngôi sao sáng, cúng dường hôm mai
Mây vàng khói trắng bóng ai!
Chập chờn hư niệm, đời Ngài lung linh
Bút nên tâm, mực nên tình
Quy xin sám hối - chân kinh lòng này!
Trăng và hoa nở trên tay
Sương mơ còn ngại, lá lay rừng mòng!

Triều Sơn Phương
Tỉnh thượng liêu, hạ 96
Minh Đức - Triều Tâm Ảnh

--- o0o ---

Giòng tộc

Ven con sông nhỏ, lặng lẽ, xanh trong bốn mùa, mọc lên một ngôi làng cổ kính, tên là Upatissa. Năm ẩn sau những lũy tre xanh, núp mình dưới những hàng cau cao vút là những căn nhà gạch vòm cong, mái tròn xưa cũ; đột ngột vươn lên cao là những đền tháp đỏ chói trang nghiêm, màu sắc rực rỡ huy hoàng. Nơi đây có những tượng thần Nàgà hình rồng khổng lồ, tượng thần Hanuman hình khỉ đen đúa, tượng thần Nandi hình bò mộng to tướng. Ngoài ra, khắp các đền miếu, am động, cột cây to thì thật là vô số vị thần. Như thần Brahma bốn mặt; thần Sudra có ngàn mắt và bốn cánh tay; nữ thần Kàli đen thui thui, có bốn tay, mặt mũi kỳ hình dị dạng, trang sức bên ngoài thường là máu và đầu người vừa mới chặt v.v...

Không biết đã tự bao giờ, có lẽ đã tự nghìn thu sương khói, khi giống giòng Aryan cao quý, một dân tộc thượng đẳng - theo suy nghĩ của họ - từ phương Bắc tràn qua xứ này; sự pha tạp huyết thống và văn hóa đã mấy thiên niên kỷ, do tự nhiên hoặc ngẫu nhiên, tự do hoặc tất định, đã để lại dấu ấn miên tồn trên cơ thể phỉ nhiêu và bao dung của dân tộc Ấn. Bây giờ, bước viễn chinh đã tàn phai theo trí nhớ, thế nhưng trong những đêm trăng mờ trên những ngọn đồi thấp lau cỏ dẫm sương, ai đó còn giạt mình lắng nghe tiếng xào xạc của gió, tiếng reo của những cành trúc mềm, những lời thì thào mơ hồ từ hư không vắng lại. Trong ký ức di truyền của giòng giống pha tạp còn tồn tại những hình ảnh xa xăm của những toán binh ma rầm rập qua đồi; tiếng vũ khí sần sật, hờn sôi, tóe lửa của những lần xáp trận. Không! Tất cả đã lụi tàn, đã phai bóng theo thời gian. Và lịch sử của dân Trung Ấn cũng dễ dàng quên đi những bạo tàn kinh khiếp của con người - vì họ sẵn tấm lòng đức độ bao dung và niềm tin tôn giáo.

Do vậy, nơi đây đã thật sự yên nghỉ!

Suối nguồn kinh điển Vệ-Đà đã thẩm thấu và trang bị cho tâm linh xứ này một sức sống nội tâm âm thầm và mãnh liệt. Sự hận thù và tranh chấp trần gian kia có nghĩa gì! "Ôi! Sự huyền hóa của MÀYÀ, của Người, đã chứng bày ra đó biết bao nhiêu tấn tuồng ảo vọng?"

"- Thuở ấy, không có gì, này con! Kể cả vòm trời mênh mông, ngày và đêm. Không có cái chết và không có cả cái bắt tử. Chỉ có cái 'độc nhất' và ý chí của Người. Một cái mầm nứt ra, và khi ấy, tình thương xuất hiện."

Phải! Chỉ có tình thương và lòng từ ái xuất hiện.

Có những tượng thần nói lời từ ái bằng tay, bằng mắt. Có những tượng thần gọi thức thâm sâu cái bản ngã ngu muội đang ẩn tàng trong bao da đưng thịt, đưng xương. Có những tượng thần cuồng nộ, trợn trừng như xuyên suốt tim gan của ma quỷ. Có những tượng thần đen đúa, dữ dằn, giơ cao chiếc búa của thần Indra sẵn sàng búa xuống những chiếc đầu tri kiến, kiêu căng và đa dục... Những ngày lễ hội, đàn tế, những ngày sóc vọng, khói hương bằng bạc khắp nơi như sương mù. Nơi các gốc cây cổ thụ ngàn đời, nơi những hang động tịch liêu, nơi những nghĩa địa xương trắng, nơi những đền miếu to nhỏ đủ loại... những tiếng "aum, aum" không ngớt vang lên, ùn ùn xao động cả không gian. Lửa lập lòe từng đám như đuốc, như ma trời... Bóng người xỏa tóc nhảy múa, quỳ mọp, khấn vái, thiền định, nằm ôm đất, mâm trái cây, đầu súc vật, máu chảy lèo xèo; tiếng hát, lời ca man rợ của âm binh, lẫn lộn xen nhịp vào đây là những bài kinh cao cả, rơi đều đặn, len thấm, từ từ... Nó! Chính Nó. Chính những lời kinh cao cả chưa pha tạp kia đã duy trì Chánh Khí, là sợi chỉ vàng xuyên suốt từ ngàn xưa đến ngàn sau, làm tồn tại một tâm linh độc đáo, làm xán lạn một nền văn minh tinh thần dẫn đầu loài người: Tự do tín ngưỡng và tâm linh đạo học!

Upatissa là một ngôi làng được thừa kế trọn vẹn và tiêu biểu cho sức sống tâm linh ấy. Ở đây, cả hàng trăm vị thần cùng ngôi hòa bình trước sự chiêm ngưỡng và thờ cúng của mọi người. Người ta có thể đến đây để kích bác nhau, tranh luận nhau đến nảy lửa nhưng vẫn tôn trọng tín ngưỡng của nhau lẫn những tư tưởng dị biệt, bất đồng.

Ngài Xá-Lợi-Phất (Sàriputta) được sinh ra và lớn lên trong ngôi làng này. Thật không ngạc nhiên gì khi linh địa, giống giòng, văn hóa giáo dục ngàn đời, túc duyên vạn kiếp - đã làm nên cốt lõi cho một nhân cách siêu việt, một trí tuệ vượt bậc - chờ đến khi chỉ cần một lời pháp chơn chánh, một ánh nắng siêu thoát dọi đến, đóa hoa kia sẽ nở khai viên mãn.

---o0o---

Đưa con thánh thai

Sau giờ thiền định, Bà la môn Vaganta ra đứng tựa cửa sổ nhìn lên đỉnh núi xa xăm. Trời nhàn nhạt ửng sắc hồng. Ngọn Hy mã Lạp sơn phủ tuyết trắng, đứng cô đơn như không có bạn tri âm, lẻ loi và tịch mịch giữa hư không vô

biên! Nhìn núi, lão Bà la môn Vaganta chạnh nghĩ đến mình, rồi cũng lẻ loi và cô đơn như thế!

Ông cúi xuống, mái tóc đã chớm bạc, dẫu một tiếng thở dài rất khẽ rồi chậm chạp bước ra khung cửa Đông. Vườn cây ăn quả chạy dài xa hút trong tầm mắt. Bức tường bằng gạch nung rêu phủ, uốn lượn thoai thoải như con rắn khổng lồ nằm ngủ yên trong sương sớm. Bà la môn Vaganta dạo quanh một vòng trên sân gạch rộng thênh thang, bước chân cô liêu dẫm lên lớp rêu xanh xám từ lâu không có người qua lại. Chiếc lưng như còng xuống: một sức nặng đau khổ nào đó làm cho ông cơ hồ không chịu nổi. Xung quanh ù u hiu, tịch mịch không một tiếng người!

Đến góc cau có viên đá chạm sư tử hai đầu, ông Vaganta lừ đừ ngồi xuống. Từ trong điện thờ khói trầm tỏa ra, làn hương nhạt xanh, thoang thoảng thơm, mơ hồ, dễ chịu. Nắng sớm đã lên rồi. Ông Vaganta ngừng đầu lên, lướt qua vòm mái tròn to rộng của Căn Nhà Hội, rồi dừng lại trên đỉnh tháp xa tít. Một cánh chim chao qua ánh nắng hồng. Bức tượng Đức thần Brahma tia ra sáu luồng ngọc xanh đầy uy lực, thân Ngài phủ lớp men ngũ sắc sáng loáng, rực rỡ, vầng trán tỏa hào quang biếc trắng.

Ông Vaganta cúi đầu thấp xuống, đọc lâm râm một bài chú, bắt ấn quyết rồi cầu nguyện:

"- Kính lạy Đức Phạm Thiên cao cả! Là Đức Cha sinh của muôn loài. Bởi Ngài mà chúng sanh có trí tuệ, lạc phúc, vinh quang cùng Bất tử. Bởi Ngài mà chúng sanh có thực phẩm, trái cây cùng những nghề nghiệp nuôi mạng..."

"- Kính lạy Đức Brahman tối thượng tôn! Là linh hồn ngu si, nhỏ bé đầy đau khổ do Ngài Sáng Tạo ra, con kính ngưỡng Ngài ban phát cho con niềm vui trần tục để thế hệ cháu con tiếp nối tuân phục Ngài, thờ kính Ngài, phủ phục dưới chân Ngài bằng Đức Tin thanh khiết và tuyệt đối..."

" Kính lạy Đức Brahman vô năng thắng! Là linh hồn ti tiểu đầy nhiễm ô và bụi bặm do Ngài Sáng Tạo ra, con đã dọn sạch bản ngã bằng nước thiêng Soma, bởi Trâm Tư và Thiên Định. Con lẳng diu mọi vọng tưởng, chỉ còn lại một khát khao nối truyền tông hệ. Xin Ngài ban cho con một mụn con thơ. Con là linh hồn lạc lỏng bơ vơ không còn đâu làm điểm tựa trên cuộc đời này. Vậy, khát khao ấy là duy nhất và chơn chánh. Kẻ nô lệ của Ngài sẽ mừng vui tri ân Ngài mà làm một Ngôi Bảo Tháp, uy nghi tạc tượng Ngài,

trầm hương, trái cây, mâm súc vật, tế lễ quanh năm... để bảo truyền linh khí đầy ơn phúc của Ngài lan rộng ra bốn châu thiên hạ...

"- Kính lạy Đức Brahman tối thượng tôn, Hóa Sanh chủ, Vô Năng thắng! Xin Ngài ban cho con một mụn con thơ!"

Lời cầu nguyện của ông Bà la môn Vaganta đều đều tuôn ra không ngắt, như trận mưa lòng phiền não đổ tràn không gian yên tĩnh. Đức Brahman có nghe chăng? Và các thượng đẳng thần Brahma, Vishnou và Shiva có nghe chăng? Hay vợ chồng Bà la môn Vaganta bạc phước, hoặc vô ý phạm tội với Ngài nên đã hai phần đời người rồi mà vẫn không con nối dõi? Từ đền thiêng này sang đền thiêng khác, không biết bao nhiêu là phẩm vật cúng tế: gia súc, trái cây, ngũ cốc, hương trầm... mà vẫn không linh nghiệm. Rồi nào là chân bần, bó thí, trai đàn..., ghép mình trong bảo điện âm u mấy tháng trường rỗng rã để cầu nguyện; rồi biết bao nhiêu là bạn hữu Bà la môn uyên thâm về chiêm tinh, thuật số, đã đoán từ điềm lành này sang điềm lành khác; nhưng rốt lại, hai vợ chồng vẫn không có tin vui!

Nỗi buồn áy dè nặng lên nếp sinh hoạt tôn giáo và sinh hoạt gia đình.

Ông Vaganta vốn là Trưởng giáo Bà la môn tinh thông kinh điển Vệ-Đà và các chú thuật. Môn sinh của ông có đến mấy trăm người, ngày ngày đến thọ giáo. Tại nhà giảng, nhà Hội to lớn trong trang viện, bao giờ cũng tấp nập, đông đúc. Lớp học này kế tục lớp học khác. Toán môn sinh này rời đi, toán môn sinh khác tìm đến. Nơi cái sân gạch rộng thênh thang này đã có những buổi sinh hoạt tập thể, lớp học ngoài trời; nơi đã từng nổ ra những cuộc tranh luận sôi nổi đầy hào hứng. Nơi bảo điện trang nghiêm cổ kính kia đã có những lớp cầu nguyện kéo dài cả tuần lễ. Tiếng "aum, aum" đều đều vang vọng lên cao, lên cao mãi.

Bà Sàri là vợ của ông, về với ông lúc mười tuổi. Tục lệ tảo hôn của người Ấn, do luật Manou chi phối, được dân làng này tuân phục một cách tuyệt đối. Bà là một người mẫu mực của tôn giáo, dựa vào đức tin không gì lay chuyển nối với Đức Phạm Thiên. Bà quán xuyến giúp chồng trong nhiều lãnh vực. Vừa điều khiển một trang viện to lớn với hàng trăm gia nô coi việc đồng áng, vườn tược; vừa tổ chức, sắp xếp chu đáo, hoàn hảo các buổi lễ cúng, cầu nguyện. Bà còn rất trẻ, có cá tính và hoạt động sôi nổi. Bà cầu nguyện tinh tấn không mệt mỏi. Nhưng suốt cả mười năm rỗng rã như thế, tất cả tinh lực dường như đã suy kiệt. Niềm hy vọng có đứa con để nối dõi tông đường chỉ còn lắt lay như ngọn đèn sắp lụn tắt.

Lão Bà la môn Vaganta dẫu chỉ mới năm mươi nhưng trông đã già đi rõ rệt. Còn bà Sàri thì đã lộ liễu nỗi buồn phiền làm bạc trắng những sợi tóc mai! Nghĩ đến cơ đồ do suốt bao đời tâm huyết của tổ tiên, nếu mai này không con, thì trước mắt họ chợt trống không và khô cháy như một bãi sa mạc. Gia đình ông là gia đình trưởng làng, nếu có con trai thì họ có quyền lấy tên làng đặt cho con trai. Và đương nhiên là sẽ thừa kế cái di sản tinh thần quý báu làm kim chỉ nam sinh hoạt cho ngôi làng Upatissa cổ kính.

Một lần Bà la môn Vaganta nói với bà Sàri:

- Nay! Kẻ-nô-lệ-kiêu-diêm của ta! Hãy kiểm soát xem thử chúng ta đã có một lần nào sơ suất, khiếm khuyết trong các cuộc tế lễ không?

- Chẳng có đâu, Đấng-thần-linh-chí-tôn của em! Kẻ nô lệ đã đích thân xem xét đến nước trắng tinh khiết, cỏ thơm cho bò cái, dao tế lễ và cả que chà răng! Không có gì là thiếu sót, thừa phụ quân!

Ông Vaganta gật đầu. Ông biết bà nói đúng. Bà là người cẩn thận và chu đáo từng li, từng tí.

Ông nhớ có lần những người hầu hạ vì bất cẩn thế nào đó làm cho những cây đèn thờ phục cháy, nám xám cả một khoảng trần. Đây là hiện tượng "thần linh nổi giận" bởi do một bất cẩn hay một thiếu sót nào đó của gia chủ. Bà Sàri đã tra xét gắt gao đám nữ tỳ lo việc hầu cúng. Bà tìm không ra tội, nên đã dùng phép "thử tội". Bà cho người quấy phân bò cái vào thùng dầu sôi, người bị buộc tội hay bị nghi ngờ là kẻ có tội phải nhúng tay vào đó cho tới tận khuỷu tay. Ông Vaganta đã từng giải thích cho bà hay rằng:

"- Những kẻ tình nghi có tội, luật Manou bảo thế này: nếu sau khi rút tay ra khỏi thùng dầu sôi mà không bị bỏng, kẻ ấy vô tội vì được thần linh che chở."

Rốt cuộc, tám người nữ tỳ, sau lần thử tội ấy đều bị phỏng tay. Thế là cả tám người đều có tội! Giết những kẻ nô lệ, cả luật Manou và luật Dharma Shautras đều coi là "không phạm tội giết người"- vì chỉ có tập cấp cao quý Bà la môn mới là người! Tám người nữ tỳ sau đó đều phải bị hy sinh khi "thần linh nổi giận"!

Ông Vaganta khẽ nhíu mày ưu tư rồi hỏi tiếp:

- Vậy thì lòng chí thành, chí kính? Này Kẻ-nô-lệ-kiêu-diễm của ta, chúng ta có thành khẩn đúng mực chưa?

Bà Sàri bắt chợt quỳ xuống, ôm hôn chân ông Vaganta rồi nói:

- Hỡi Đấng-thần-linh-yêu-quý của em! Đối với phu quân mà thiếp đã tôn thờ như thế này, thì làm sao kẻ nô lệ lại dám thiếu lòng chí thành chí kính với Ngài!

Ông Vaganta gật đầu hài lòng. Ông biết bà lại nói đúng nữa. Theo luật Manou, bà đã tự gọi mình là kẻ "nô lệ" và gọi ông là "thần linh", đôi khi còn gọi ông là "chúa của lòng em"; thỉnh thoảng gọi là "thầy", là "phu quân" nữa. Bà không bao giờ trái lời ông, dù là một việc nhỏ. Luật Manou nói rằng: "người vợ nào trái lời chồng thì kiếp sau phải đầu thai thành chó rừng chuyên ăn thịt xác thú chết". Bà Sàri luôn là kẻ nói thật và tuân phục chồng như tuân phục đấng thần linh.

Ông âu yếm khe khẽ nâng bà dậy. Nếu ông không cho phép hoặc không nâng bà dậy thì bà sẽ quỳ mãi như vậy cho đến khi gục luôn. Luật Manou bảo rằng, đây là mẫu người đàn bà trung thành tuyệt đối với chồng, sẽ được thần linh khen ngợi.

Hôm nọ, sau buổi cầu nguyện, bà Sàri nói với ông bằng khuôn mặt lóe sang niềm vui cao cả:

- Này thần-linh-của-em! Kẻ nô lệ đã trải qua những khoảnh khắc xuất thần. Một vài linh điện ân triệu từ Đấng Cao Cả đã ban xuống, rung động 32 đốt xương sống rồi tụ sức nóng ở đốt xương cuối cùng. Chẳng hay, điều đó là thể nào hỡi thần-linh-của-em?

- Hy vọng đó là điềm đại phúc! Con-mèo-diễm-lệ của ta!

Nói thế nhưng Bà la môn Vaganta lại nghĩ khác: "Dầu sao, nàng cũng là đàn bà ngu muội, làm ô nhiễm sự thanh khiết của thần linh! Luật Manou không cho phép nữ nhân biết đến kinh điển Vệ-Đà, ngữ ngôn, chú thuật hoặc bất kỳ một kiến thức nào về các nguyên tắc lẫn trình tự tu chứng của Yoga. Bà đâu biết rằng đây chỉ là hiện tượng tự nhiên do sự tưởng tượng cao độ. Năng lực tưởng tượng có thể làm phát sanh nhiều hiện tượng bội lý ở ngoài thường nghiệm của trí năng lẫn cảm giác. Ồ! Nhưng lạy Đức Brahman! Biết đâu đây

lại là ân triệu đại phúc mà Ngài đã ban cho chúng con?" Đột ngột Bà la môn Vaganta đứng dậy, rời khỏi tảng đá con sư tử hai đầu.

Chuyện đó xảy ra bao lâu rồi? Dường như đã là lâu lắm? Từ đó đến nay, bà Sàri đóng cửa cầu nguyện. Bà không tiếp xúc với ai cả. Chỉ vài nữ gia nhân lui tới như chiếc bóng để phục dịch cơm nước cùng những nhu cầu cần thiết khác. Chính ông cũng không được phép gặp mặt.

Mỗi ngày đi qua rất chậm, mặc dầu thì giờ của ông hoàn toàn để chìm lắng vào thế giới cao cả của Yoga và cầu nguyện. Cứ mỗi buổi sáng thức dậy, vào đầu canh ba, ông máy móc thực hành những nghi thức cần thiết mà luật Manou đã qui định cho một người Bà la môn - vì nó biểu thị tư cách cao quý của một tập cấp đứng đầu xã hội, là người trung gian duy nhất giữa xã hội loài người và Đấng Thần Linh. Dầu trời nóng hay lạnh, ông cũng phải tắm rửa rất kỹ càng, chà răng ba lần bằng một thứ vỏ cây cho sạch tất cả những uế khí, bợn nhơ được tiết ra từ nội tạng. Rồi ông cẩn trọng trang điểm cho mình: đeo vòng hoa tươi, vòng vàng, vòng bạc hoặc đánh phấn, lựa tấm áo mới giặt thật thơm tho vắt qua vai, cột sợi dây nịt bằng lụa Kàsi có viền kim tuyến, vấn đầu bằng chiếc khăn to dài chừng bốn, năm sải tay, rỏ một loại thuốc vào mắt cho sáng. Sau đó ông đến bảo điện ngôi công phu, tọa thiền, đọc kinh hay cầu nguyện. Rồi bảo điện thì phương Đông, sao mai đã nhạt mờ.

Ở nhà điếm tâm, gia nô đã châu sẵn bằng những chiếc khăn trắng tinh, nước mưa tinh khiết trong cái chậu bạc lóng lánh. Ông Vaganta chậm rãi bước xuống. Cũng theo luật Manou, ông rửa tay, rửa chân và rửa miệng. Thức ăn bao giờ cũng cầu kỳ, sang trọng nhưng được đặt trong những tấm lá chuối, lá vả giản dị. Ông Vaganta thò tay bóc ăn từng chút một. Dầu là thượng vị nhưng ông không thấy ngon miệng.

Nhà điếm tâm lặng ngắt không nghe cả một tiếng muỗi kêu: gia nô hầu hạ đứng yên như đã hóa đá. Họ thường không được phép nói gì khi chủ nhân chưa hỏi.

Cái điều định hỏi, ông lại ngại ngần: đây là bà Sàri! À không, chỉ cần đưa mắt một vòng là ông biết bà Sàri chưa xả giờ cầu nguyện. Ngày này qua ngày khác, cứ lập đi lập lại mãi, ông Vaganta càng lúc càng thêm chán nản, buồn phiền. Ông không muốn bước xuống ngôi nhà điếm tâm như mọi bữa, mà thơ thẩn mãi trong sân gạch rộng thênh thang. Khi thì nhìn những hàng cây thốt nốt với những đàn chim trắng bay xa xa. Khi thì lặng lẽ nhìn những

bụi chà là trái vàng nặng trĩu. Khi thì nhìn những chùm bông ca ri đỏ thắm ẩn hiện ở ngôi vườn sau. Khi thì nhìn nhà cửa dãy ngang, dãy dọc với kho đụn, với tài sản mà thờ dài! Rồi để làm gì? Rồi để cho ai?

Bỗng, mắt trái ông máy động liên hồi, linh tính như có chuyện gì vui. Ông quay lại. Đầu sân con chim gì cất tiếng hót líu lo, lạnh lót một tràng dài. Phía xa bà Sàri bước ra từ khung cửa điện. Ông đứng sững. Bước đi của bà hôm nay có gì khác lạ. Đến gần, ông thấy mặt bà như thoáng ửng hồng.

- Thần linh của thiếp! - Giọng bà thì thầm, xoắn xít như cố nén niềm vui - Thiếp đã có tin mừng, phu quân ạ!

Ông Vaganta đứng lặng. Ông run cả toàn thân, môi lắp bắp hoài nói không được.

Bà Sàri nắm tay ông:

- Thầy của em! Hãy trấn tĩnh tâm hồn - Bà nói tiếp, cũng dồn dập trong hơi thở - Đúng là Ngài đã ban phúc cho chúng ta, từ cái hôm mà kẻ nô lệ tiếp nhận được linh điện... Bà dìu ông đi từng bước một, giọng nói đã bắt đầu điềm tĩnh - nhưng kẻ nô lệ còn ngờ. Mười hôm nay, thiếp cầu nguyện, lắng nghe, theo dõi, thì quả thật đúng như vậy. Có một vài biến chuyển trong cơ thể mà thiếp không tiện nói ra với phu quân. Hãy tạ ơn Ngài đi, thầy ạ!

Ông Vaganta sung sướng quá. Người ông như bay bổng chín tầng mây. Lâu lắm... lâu lắm mà ông chỉ biết lắp bắp:

- Tạ... tạ ơn chứ! Phải tạ ơn chứ!

---o0o---

Một ngôi sao chào đời

Mấy ngày sau, trang viện của Bà la môn Vaganta đã đổi khác. Một sinh khí mới như bùng lên. Sân trước, sân sau, nhà trong, nhà ngoài gia nhân lui tới tấp nập. Bảo điện trước đây âm u hương khói lạnh lùng, bây giờ sáng rực lên bởi hàng trăm ngọn đèn chóa đồng, chóa vàng, chóa bạc lấp lóa. Những hình người, hình vật, hình chim muông hoa lá, linh thần, tiên nữ trên những bức phù điêu chạm nổi, khảm bạc, khảm xà cừ, khảm hổ phách, khảm ngà đã được đánh bóng, sáng lung linh, huyền ảo, sống động.

Các môn sinh, môn đệ trong làng nghe tin vui của bậc trưởng giáo - nên cùng đến chung tâm cầu nguyện để tỏ lòng tri ân Đức Brahman cao cả. Bà la môn Vaganta đã lấy lại dáng dấp tươi trẻ, hoạt bát năm xưa. Bằng h?u cố tri khắp mấy thôn làng kế cận lục tục tìm đến. Tất cả đều là người cùng một tập cấp cao quý Bà la môn. Có người ăn bận diêm dúa với đủ loại trang sức, chân đi giày vải đắt tiền. Có người chỉ quấn hờ hững một tấm khăn quanh mình không bao che hết tấm lưng sạm nâu. Có rất nhiều người cao lớn, lực lưỡng, mắt xanh biếc, mũi cao lộ, râu mọc dữ dằn, vàng trán phẳng và rộng. Có người thấp, mập, tròn quay, bước đi lệt đệt. Nhưng tất cả mọi người cử chỉ đều phong nhã, lịch sự, toát ra một căn bản kiến thức lẫn tu chứng đạo học! Có người mắt luôn nhìn xuống, trầm lặng, bước đi chậm rãi, hai tay buông thả. Có người đôi mắt xa xăm, chìm lắng trong suy tư, dường như đang sống trong cảnh giới nào.

Họ đều là những Bà la môn hữu danh, vì trọng đức, mến tài trưởng giáo Vaganta mà tìm đến. Trong bọn có những người là thuần túy tu sĩ, có người có gia đình. Họ gồm những nhà bác học, nhà giáo dục, đạo sĩ yogi, các thầy Bà la môn tu tế ở các đền miếu - là thành phần ưu tú, tinh ba của xã hội.

Ông Vaganta đứng ở cổng, chấp tay lên ngực, vái chào, nghiêng mình, mỉm cười hay bắt đầu ấn tùy theo mỗi vị khách. Cứ nhìn dấu vẽ bằng thổ hoàng trên trán là biết Bà la môn này tôn thờ Thần Vichnou. Cứ nhìn vạch ngang bằng than phân bò cái trên lông mày là biết Bà la môn kia tôn thờ Đức Shiva. Hoặc các ngẫu tượng đeo ở cổ, ở tay là biết Bà la môn theo tín ngưỡng nào, tôn thờ vị thần nào. Dấu hiệu thì thiên hình vạn trạng, nhưng đa phần họ thờ thượng đẳng thần: tức Brahma, Vichnou, Shiva.

Bà la môn Vaganta đang vui niềm vui to lớn thì tiếp nhận thêm một tin vui khác: một gia đình ở làng Kolita kế cận, giao hảo thâm thiết với nhau đã bảy đời, cũng có "tin vui". Hai gia đình cố tri kỳ cựu này cùng đi thông báo cho nhau lại gặp nhau giữa đường! Như vậy, khi tính lại thì bà Moggallì ở Kolita cũng được thọ nhận linh điển cùng một ngày với bà Sàrì! Nếu như phân thân được, Bà la môn Vaganta và vợ đã tức tốc qua nhà bạn.

Có niềm vui, nỗi buồn nào mà hai gia đình này không san sẻ cho nhau? Họ thân thiết với nhau còn hơn là ruột thịt. Họ gặp gỡ nhau không những ở tập cấp, giòng trưởng, trình độ, kiến thức mà cùng với cả các thú vui du sơn, ngoạn thủy nữa. Điều kỳ lạ là tuổi tác họ cũng bằng nhau và sự hiếm muộn con cái cũng y như thế. Cũng đã mười năm ròng rã, họ cầu nguyện, cúng tế

đền thấp, miếu cao, đầu súc vật, mâm trái cây, bông hoa và trầm hương. Họ sẵn sàng bỏ ra cả mấy trăm ngàn đồng tiền vàng - để nhận một tin vui - là sẽ có một người con trai nối dõi tông đường, thừa kế di sản tinh thần và cả di sản vật chất nguy nga, đồ sộ.

Họ đều là bậc đại phú, đại quý đứng đầu làng và có quyền lấy tên làng đặt tên cho con trai họ. Vốn là trưởng giáo tại ngôi làng Kolita nên môn sinh và bằng hữu đến thăm nhân ngày vui này, cũng rất đông. Bà Moggallì ở Kolita thế là cũng bắt đầu hoài thai một nhân cách siêu việt, một ngôi sao thật sự: đây là Ngài Mục-Kiền-Liên, mà sau này đã cùng với Ngài Xá-Lợi-Phất, làm hai vị Đại Đệ Tử lỗi lạc, hai cánh tay phải và trái của Đức Bổn Sư để lăn bánh xe Pháp, hoằng truyền Chánh Giáo, phổ độ sinh linh.

Làng Upatissa không lo nhiều về cái ăn, cái mặc. Con sông Đại Hằng trước khi nhập vào biển cả, đã để lại ngôi làng này một nhánh nhỏ, yên tĩnh, đủ cung cấp nước bốn mùa cho ruộng đồng và vườn tược. Họ tự do canh tác, hưởng lợi tức mà khỏi đóng thuế cho nhà nước. Mỗi năm, họ chỉ nộp một ít lệ phí cho trưởng giáo Bà la môn để nhớ đến ân đức tổ tiên, dòng họ đã khai phá ra đất đai này. Ngoài phí tồn sinh hoạt gia đình, họ để dành hầu hết cho tín ngưỡng và sự thờ cúng.

Vườn nào cũng trồng cau, trồng xoài, chà là và thốt nốt. Thỉnh thoảng một vài nơi, họ trồng bông vải để dệt làm áo mặc. Kỹ thuật đan dệt ở xứ này đã có trước đó mấy ngàn năm, có thể là từ nên văn minh Mohenjodoro, hai nghìn chín trăm năm trước Công Nguyên. Như mọi xứ khác, họ trồng thêm ca ri, đậu, kê, lúa mạch, nếp, rau, các loại cây ăn trái miền nhiệt đới và chăn nuôi đủ loại gia súc. Bò cái là giống vật linh thiêng, được tự do ăn ở, đi lại nghênh ngang bất cứ nơi nào.

Đặc biệt tập cấp Bà la môn chỉ ăn rau trái và ngũ cốc, còn cá, thịt, gà, vịt... chỉ để dành cho hạng tiện dân, tôi tớ và kẻ giàu có ở ngoài tập cấp. Bù lại, họ dùng rất nhiều ca ri, gừng, đinh hương, hồi hương, hồ tiêu, ớt, quế cùng các thứ gia vị, hương liệu khác. Do vậy không ngạc nhiên gì, trong cuộc lễ mừng vui bà Sàri thọ thai, người dân làng, môn sinh, bằng hữu mang đến tặng gia đình này cả một núi lương thực, thực phẩm, rau trái, hoa quả đủ loại.

Ông Vaganta cho mười người nữ gia nô tín cẩn, kinh nghiệm lão thành để săn sóc cho bà Sàri từ cái ăn, cái uống, đi đứng, ngủ nghỉ. Bao giờ cũng có

hai thầy Bà la môn tinh thông y dược, luôn luôn theo dõi các biến chứng trên cơ thể bà để lo lắng thang thuốc kịp thời.

Bằng hữu thông thái khuyên ông tạo điều kiện cho bà được thanh tĩnh và thanh cao tâm hồn bằng cách nghiêm trì những giới luật mà tập cấp cho phép. Ấy là một vài cách điều tức, điều tâm phổ thông, một số kỹ luật về tri thức và cảm xúc được biểu hiện qua thân, khẩu, ý, ăn nói, đi đứng v.v...Người Bà la môn ngàn xưa đã hiểu rằng: sự thanh lọc mọi ô nhiễm ở tâm hồn người mẹ là yếu tố quan trọng quyết định cho trí tuệ và nhân cách của con cái sau này. Do vậy, ngày này qua ngày nọ, tai bà Sàri không hề nghe một lời nói vô ích, phù phiếm. Mắt bà không hề thấy một cảnh chướng mắt, khó chịu. Xung quanh bà tràn đầy mùi hương của hoa, của trầm, cùng những hương liệu tuyệt hảo làm thư thái và dịu mát tâm hồn. Ông Vaganta còn cho người lặn lội đi khắp các miền mua những giống chim có màu sắc rực rỡ, có giọng hót thật hay, du dương, êm đềm làm phấn khởi và hoan hỷ lòng người.

Mỗi buổi sáng trước khi vào nhà nguyện, bà Sàri đi dạo một vòng quanh hoa viên, bao giờ cũng thắm tươi các kỳ hoa dị thảo. Tiếng chim diêm nhíp líu lo, chan hòa, vui tươi như lạc vào một khu rừng thanh bình, u tĩnh. Lời ra từ cửa miệng mọi người, bao giờ cũng là lời kính, lời chú, lời kệ; lời của những hiền triết uyên thâm có tính khuyến thiện; lời của những thần linh hay gọi nhắc đến những tư tưởng cao thượng, thoát trần.

Ngày qua ngày, tháng qua tháng, nhờ sự chăm sóc chu đáo như thế, bà Sàri sanh hạ một trai tuần tú, phi phạm, không dính một tí huyết dơ; nằm an tĩnh trong chiếc bao hồng ngọc, sáng rỡ và tinh khiết. Sắc diện, dung mạo của trẻ như một chúa sư tử lông vàng bước ra từ động báu. Tất cả đều tinh anh - như kết tụ ở đó Ánh Sáng và sự Cao Cả từ muôn ngàn kiếp trước. Tên làng, thế là được phúc hạnh đặt tên cho trẻ: Upatissa!

Ngôi làng kế cận, bà Moggallì cũng sanh hạ cùng một ngày, một giờ, một viên ngọc quý, cũng lấy tên làng đặt tên cho con: Kolita!

Upatissa (Xá-Lợi-Phát) và Kolita (Mục-Kiền-Liên) là hai vì sao đồng xuất hiện giữa bầu trời quang sắc diễm kiều, châu quanh một vùng nguyệt bạch tinh khôi, mới mẻ: "Một bình minh chân lý đang có mặt giữa loài người."

Thời thơ ấu

Thật là không nói hết sự nuôi nấng, chăm sóc chu đáo của gia đình. Trẻ lớn lên như chiếc bóng của thiên thần với ngày tháng hạnh phúc, hoa mộng. Phước báu tiền kiếp sáng rực rỡ nơi dung sắc, nơi tiếng cười, giọng nói hồn nhiên của trẻ.

Ông bà Vaganta cảm thấy tuổi già của mình đã được Thượng Đế ban cho một ân sủng quá lớn. Hôm kia, ông nói với bà rằng:

- Phu nhân ạ! Kể cả những trò giải trí, ta cũng nên cho con ta hưởng những niềm vui thanh cao của cõi trời. Hãy bỏ đi những trò chơi vô ích, rỗng không, phù phiếm. Quân bình khẩu, ý; trong sáng, lành mạnh và hướng thượng tâm hồn: ấy là mục đích trò chơi của giòng giống cao thượng.

Lên sáu tuổi, Upatissa đã đến tuổi học vỡ lòng. Ông Vaganta cho mời ba thầy Bà la môn uyên bác từ thành Vương-Xá, đảm trách dạy cho trẻ ba môn học khác nhau. Đó là ngữ pháp, luận lý và triết học! Riêng ông Vaganta dạy cho con về đạo đức học, luân lý học và các môn thường thức khác... Đây là những cái thiện, cái ác, cái phải, cái trái... ở đời; phép ngoại giao, cách cư xử đối với kẻ trên, người dưới, trong và ngoài đẳng cấp; bổn phận đối với thần linh, quốc vương, vợ chồng, con cái v.v... ; cách giữ gìn thân thể cho lành mạnh cùng một số kỷ luật về cảm xúc, về tinh thần...

Quả là một tham vọng quá lớn của ông Vaganta, khi muốn nhồi nhét từng ấy môn học cho một đứa trẻ sáu tuổi, một chúng hữu tình nhỏ nhoi được giáng sinh do ân sủng của Thượng Đế! Nhưng thật đáng ngạc nhiên làm sao, Upatissa không tỏ vẻ lúng túng trước môn học nào. Chỉ non nửa năm sau, Bà la môn Vaganta đã dám hãnh diện để nói với bằng hữu rằng: chỉ cần ít năm thôi là các thầy A-đồ-lê bác học kia sẽ không còn bao lăm chữ nghĩa!

Sự thực có lẽ còn hơn thế nữa - vì Upatissa không phải chỉ có học bấy nhiêu! Vừa mới canh ba, khi đang còn trong giấc ngủ say nồng, ông Vaganta đã đánh thức con dậy để tập cho trẻ về Hathayoga - tức là những động tác thể dục để giữ gìn sức khỏe! Bà Sàri còn đề nghị ông dạy đức tin với thần linh bằng cách để thêm một số giờ cho trẻ đọc kinh, đọc chú và cầu nguyện.

Dường như Upatissa đã có sẵn ý chí, tinh tấn, nhẫn nại, căn tu lẫn trí tuệ lâu đời nên không một lời, một chữ, một môn học nào mà trẻ tỏ vẻ lơ là hoặc không thực hành, học và hiểu đúng mức.

Tám tuổi, Upatissa đã nổi tiếng khắp làng về sức học. Và kỳ lạ thay! Trẻ Kolita ở làng bên cạnh cũng như thế. Hai trẻ là hai ngôi sao sáng, là hai tiêu chuẩn mẫu mực cho hàng trăm trẻ con cùng lứa tuổi noi gương.

Hai gia đình thường tạo cơ hội cho hai trẻ gặp nhau. Và thật lạ lùng làm sao, những trò chơi của chúng bày ra lại nghiêm túc ngoài sức tưởng tượng của người lớn. Một trẻ đóng vai đạo sĩ khổ hạnh, một trẻ đóng vai du sĩ hành cước, chúng hỏi đạo nhau hoặc giả làm trò bô thí, cúng dường... Thỉnh thoảng trong những lời đối thoại, các bậc thầy cũng phải ngỡ ngàng về cái tầm mắt mở, có chiều sâu, chiều rộng của vấn đề. Tuy nhiên, trẻ con vẫn là tuổi vô tư vô lự. Chúng thích đi tắm sông, suối, thích chạy nhảy reo hò, thích ngoạn du đây đó. Giữa thiên nhiên, chúng thả sức nô đùa, rượt đuổi chim thú, hái trái cây, hái hoa xâu thành tràng... Thi thoảng chúng cũng vật lộn, đóng vai anh hùng, hiệp sĩ...

Có điều đặc biệt là chúng vẫn gọi nhau là huynh đệ. Upatissa là anh, Kolita là em. Cả hai không chịu kết bạn với trẻ trong làng mặc dầu là cùng tập cấp. Chúng tỏ thái độ đàn anh. Đôi khi lại dạy bảo, khuyên răn, vẽ vờn điều này, điều nọ một cách nghiêm trang đứng đắn.

Giữa đàn gà chỉ có hai con phượng hoàng. Cả hai gia đình thấy rõ như vậy và họ hãnh diện về điều đó.

Năm lên mười tuổi, sức học của Upatissa đã bằng sức học của một thanh niên Bà la môn hai mươi tuổi thông minh và ham học nhất. Trẻ đã bắt đầu bỏ hẳn các trò chơi và hoàn toàn chú tâm vào sự học. Nhờ sự nuôi nấng và bảo dưỡng đúng mức, Upatissa lớn như thổi, khuôn mặt thanh tú, phi phàm và đôi mắt tinh anh, ngời sáng như ánh sao mai. Ngoài các môn học của thầy mà trẻ theo đuổi dễ dàng, không phải cố gắng lắm; trẻ còn nghiên cứu số học, đo lường, tự nhiên học, địa lý, chiêm tinh, thuật số v.v... Cái trí của trẻ quả là một đại dương thăm thẳm, dung chứa hàng trăm con sông kiến thức, hiểu biết và trí khôn của cổ nhân từ ngàn xưa mà vẫn không thấy đầy tràn.

Thế là vừa mới mười hai tuổi, Upatissa và Kolita đã nổi tiếng là thần đồng bác học. Trẻ trong làng vây quanh thần tượng của họ. Và Upatissa bắt đầu đóng vai bậc thầy về đủ loại môn học một cách thông tuệ và ưu việt.

Cái cây đã đủ sức lớn. Bây giờ chỉ cần môi trường thuận lợi; các điều kiện về thời gian, ánh sáng, không khí, nước v.v... là nó tự đủ sức vươn lên vòm

trời xanh cao rộng. Ông bà Vaganta không còn một mảy may lo âu nào nữa về đạo đức, sở học cũng như trí tuệ của con. Tính tình và những phẩm chất cao thượng càng lúc càng hiện rõ như một đóa kỳ hoa từ từ mãi khai. Từ đây, ông giao phó trọn vẹn sự giáo dục cho ba thầy Bà la môn uyên bác. Và chẳng, ông bà còn nhiều việc phải làm; đó là liên tiếp mấy năm sau, bà lại được "linh điển ơn phúc" thêm ba trai và ba gái nữa! Quả thật, ông bà Vaganta đã được đấng Rama "quá thương"!

Upatissa lúc mười lăm tuổi đã có xung quanh hơn một trăm đồ chúng. Ba thầy Bà la môn hôm kia đến gặp ông bà Vaganta và nói rằng:

- Thưa Ngài trưởng giáo! Sở học của chúng tôi có hạn, chữ nghĩa của chúng tôi có hạn mà trí thông minh, lòng ham hiểu biết của đức công tử thì vô hạn. Chúng tôi không còn gì để dạy nữa.

Một vị lại nói:

- Chúng tôi, mỗi người, chỉ làm thầy đức công tử một môn học. Đức công tử hiện giờ có khả năng làm thầy chúng tôi rất nhiều môn học khác.

Tất cả họ đều xin rút lui.

Thật ra, bản thân Upatissa, chàng thấy cái sở học của mình còn nhiều thiếu sót, nông cạn. Cái gì cũng biết nhưng chưa có gì là đi chuyên sâu. Thế là chàng bắt đầu lựa chọn một môn học hợp với sở thích cần phải theo đuổi suốt đời: đó là Triết đạo học.

Mười sáu tuổi, chàng đi sâu vào kinh điển Vệ-Đà. Đây là kinh điển truyền thống mà dòng họ chàng đang thừa kế. Chàng nghiên cứu đến tận chân tơ kẽ tóc. Tuy nhiên, ở đó tổng hợp nhiều tri thức phức tạp, phong phú, đa dạng và đôi khi lại như mâu thuẫn nhau. Chàng đã không tìm ra sợi chỉ vàng xuyên suốt, và nhất quán. Sau khi ba thầy Bà la môn ra đi, họ đã để lại cho chàng những kiến thức không suy luận, những mặc khải không được phép hoài nghi! Chẳng lẽ nào lại thừa nhận, đặt đức tin tuyệt đối trước những tri thức mà ta không biết gì về nó? Chẳng lẽ nào lại đem rao giảng những điều mà ta chưa kinh nghiệm và thực hành?

Những thắc mắc, băn khoăn của Upatissa không phải là hợm hĩnh, cao đại mà là do lòng trung thực. Nơi vừng trán thanh mảnh, dịu dàng của chàng trai mới lớn, đã chấp chờn suy tư của một lòng biển rộng. Chàng đã có những

giờ khắc ngồi yên lặng, xuất thần giữa đêm khuya u tĩnh để nhìn lên bầu trời cao, xa xăm, diệu vợi. Một linh hồn nhỏ nhỏ đang cựa quậy, thao thức, nhìn ngắm và lắng nghe? Nhưng nó là gì với vô biên - cái thân phận này, cái thân phận con người muôn nơi, muôn thuở? Nó có mặt giữa cuộc đời để chịu định luật sinh thành và hủy diệt? Để nhận chịu nước mắt, niềm vui? Vinh quang và tủi nhục là để làm gì? Cứu cánh của những sinh hoạt lãng xãng: xu?ng lên, ra đi, sở đắc, yên nghỉ - của thiên thu và thời đại - là cái gì? Rồi nơi đám cỏ xanh lại có nắm cỏ vàng? Rồi bên xác chết tanh hôi ruồi nhặng lại có trầm hương thanh khiết? Rồi nơi tối tăm hắc ám lại có những nhân cách đâu đó chợt nhiên bừng sáng lên như đốm sao mai? Ngày và đêm, mưa và nắng, nóng và lạnh, thiện và ác - là để làm gì? Chàng không hiểu? Có những luật tắc chi phối nhịp nhàng như bởi bàn tay vạn năng - và đó là Thượng Đế? Thật ra, nếu có những câu trả lời - thì những câu trả lời ấy cũng là những tri thức có sẵn từ Vệ-Đà! Ôi! mà ở đó là kết tinh cả hằng vạn tri thức, hằng vạn trí khôn của cổ nhân - lẽ nào ta lại dám hoài nghi? Bốn phận của người là trở về với Ngài, với siêu việt tính, với Phạm Thê tối cao, hằng hữu, đáng vô tạo tác mà hằng sinh, đáng vô nguyên nhân mà làm ra thế giới! Những tri thức về thánh ca, tán tụng, cầu khẩn, tế lễ, thần chú... là con đường để đạt tới Ngài, để siêu thể hóa?

Con đường ấy không phải một sớm một chiều - Upatissa không thể nôn nóng. Chàng đi từng bước chậm mà chắc. Chàng thu lượm những tri thức ở tận những chiều sâu của kinh điển Vệ-Đà. Chàng dường như mê man, đắm say, trong thế giới lý giải và ý nghĩa. Ngay cả anh hùng ca Mahabharata, trường ca Bhagavadgita, trường ca Ramanaya, chàng cũng thuộc lòng và cố tìm cho ra những mật ngữ uyên áo. Mười bảy tuổi, vàng trán chàng dường như cao hơn, rộng hơn. Đôi mắt chàng dường như xanh hơn, sâu thẳm hơn. Một đôi mắt ngời ngời xuyên thủng hư vô! Nhưng tri thức tuyệt đối, vô tận, cuối cùng - vẫn không tìm thấy!

Mười tám tuổi, chàng đã có phong độ và tư cách của một đạo sư lỗi lạc nhất. Chàng nghiêm nhiên thay thế cha dạy dỗ môn sinh và lấy lại sinh khí các lớp học thuở nào. Kolita cũng thành tựu tương đương như Upatissa. Hiện giờ mỗi người có hơn một trăm môn sinh ở trong làng cùng các làng kế cận. Danh tiếng của hai huynh đệ hy hữu này đã vượt qua những lũy tre xanh, vượt qua dòng sông lặng lẽ, vượt qua phạm vi các thôn làng nhỏ bé để bay đến Vương-Xá thành - tức là kinh đô của văn hóa, kinh tế, tín ngưỡng và tâm linh đạo học.

Tuổi thơ của Upatissa không còn nữa, chàng đã làm đạo sư khi tuổi vừa thành niên.

---o0o---

Bóng tối hoài nghi

Như lời cầu nguyện trước Đức Brahman và các thượng đẳng thần, ông Vaganta cho xây dựng một công trình bảo tháp nguy nga đồ sộ.

Suốt hai năm ròng rã, tiền của đổ ra như nước của con sông Indus để hoàn thành công trình tạ ơn thiêng liêng này! Ông Vaganta cho mời những tay thợ tài ba, tinh xảo nhất từ thành Vương-Xá. Vật liệu quý giá, chắc bền và đẹp đẽ. Những phù điêu, những hoa văn chạm trổ có giá trị nghệ thuật cao được đặt mua khắp nơi trong nước. Những mặt hàng đá chạm nổi người, hoa lá, linh thú, linh điều, linh thần là những tác phẩm tuyệt vời của những điêu khắc gia hữu danh, vô danh cặm cụi từ tháng này sang tháng nọ. Những tấm gỗ chiên đàn, dạ hương ghép làm tường trong, làm trần cũng là những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời. Những đồ thờ, khí dụng bằng đồng, bằng vàng, bằng bạc được đặt mua từ Trung Hoa, Ba-Tur, Á-Rập hoặc tại những danh gia cổ kính còn lưu giữ được.

Ông Vaganta muốn để lại cho hậu thế, giòng tộc và cháu con một bài học vô ngôn về đức tin và lòng tri ân nên ông chẳng ngại tốn kém. Tất cả các thầy thợ được trả công hậu hỉ và hằng trăm người phụ việc mỗi ngày luôn luôn rộn lên những tiếng ca, nụ cười, niềm vui bay phơi phới.

Công trình hoàn thành là ngày vui lớn nhất của ông, của giòng họ, thôn làng và môn đệ. Lễ lạc thành khánh hỷ diễn ra trong bảy ngày, tiệc tùng ăn uống linh đình. Hàng ngàn người được mời đến hoặc không mời, đều được đãi đằng thơm tât, trọng hậu. Đây cũng là dịp để ông chứng tỏ uy tín, địa vị, danh vọng cùng khí độ của một bậc trưởng giáo đạo cao, đức trọng.

Suốt mấy ngày liên tục, đêm nào cũng có biểu diễn văn nghệ. Những hí khúc, vũ khúc do một gánh hát nổi danh đảm nhận được mời đến từ Vương-Xá thành. Các tuồng hát - mà nội dung được rút ra từ kinh Vệ-Đà, các Anh Hùng trường ca - đã được diễn một cách sống động, có đệm nhạc mang âm hưởng huyền bí. Những nhạc công sử dụng trống Mridanga, kèn hình rắn, đàn Tanbura, đàn Vina... đều là những nghệ nhân kỳ tuyệt, đã phối hợp một

cách thiên tài các vi âm để tạo nên các khúc Raga, những chuỗi Raga, thành kính dâng lên Thượng Đế làm xúc động lòng người.

Upatissa đã mất cả ý chí, quên cả bản ngã khi lắng nghe. Vật thể, không gian và cả thời gian như hòa làm một. Tâm thần như chìm ngập vào cõi miền bí ẩn, vô danh và an tĩnh... Chàng nhớ mãi khoảnh khắc đó - tương tự những khoảnh khắc chàng nhập định, xuất thần - mà cái tiểu ngã ti tiểu, bé mọn đầy những ưu tư, phiền não... được hòa tan vào đại ngã! Còn tất cả, chàng đều muốn quên. Quên tòa bảo tháp, quên những câu chuyện có vẻ uyên bác, thâm thúy của các hàng cha chú, các danh sĩ Bà la môn. Quên những lời chúc tụng sáo rỗng dường như là các hoa ngôn, xảo ngữ... chỉ còn dính ở đầu môi, chót lưỡi. Điều làm chàng xúc động nhất, muốn quên nhất là tiếng rống, tiếng la của hàng trăm súc vật bị hy sinh để tế thần. Chàng muốn bịt tai lại, nhắm mắt đi trước những hình ảnh máu me, những đôi mắt ứa lệ, thống khổ... của những sinh linh vô tội.

" - Ôi! Nếu Thượng đế, nếu Đấng ấy là Vô Ngã, là Thần Hóa, là Đại Ngã, là Nhất Nguyên, là Bản Thể Vũ Trụ hay Tuyệt Đối Vô Nhân... mà còn cần những máu me, xác chết sinh linh kia để cúng tế cho mình; cần những khổ đau thống thiết kia mới có niềm vui - thì trách gì cháu con Ngài đang sống trong nhầy nhựa, tanh hôi của chém giết và hận thù? Một thời đại kế tiếp một thời đại, một trang sử khép lại một trang sử, một vinh quang kế tục một tủi nhục, một văn minh nối tiếp một suy tàn - là nơi diễn ra những đấu trường đẫm máu, những tàn sát khủng khiếp, những bạo hành vô nhân tính, những âm mưu ác độc, tàn tệ - thì đây cũng nằm trong định luật của Ngài? tất yếu của Ngài? tự do tối thượng của Ngài?"

Upatissa đứng lên, chàng lặng lẽ đi vào rừng. Một nỗi buồn mênh mông làm chàng cơ hồ không chịu nổi. Chàng gặp Kolita ở đó. Cả hai lặng lẽ nhìn nhau. Đôi mắt họ cùng ứa lệ. Họ hiểu nhau. Họ biết nhau. Không ai cần thiết phải nói năng.

Khu rừng buổi chiều im mát, gió lồng lộng thổi. Họ nằm dài trên cỏ, vắt tay lên trán và không muốn suy nghĩ gì. Nhưng trí óc họ không yên. Từng đợt sóng xao động, chìm sâu rồi xao động trở lại... Tiếng ca đầu đó của những kẻ du mục vọng lại rất buồn, man mác hư vô. Dường như trong tiếng ca đó có bóng dáng của những kẻ lữ hành lầm lũi giữa sa mạc, lầm lũi phong trần giữa cuộc đi, cuộc về, cuộc đến? Họ và chàng đều giống nhau: một thân phận lưu đày tại thế, lạc lõng, bơ vơ... trên miền đất hoang vu, bất toàn của Thượng Đế.

- Đệ nghĩ gì hờ Kolita?

Upatissa thần thờ cất tiếng hỏi.

Kolita lắng nghe tiếng ca của kẻ du mục đã loãng xa trong gió, đưa mắt nhìn lên vòm trời sau những kẻ lá; lâu lắm mới đáp:

- Đức Brahman không toàn thiện. Thượng Đế không toàn thiện. Ở đây cũng trống không, hoang vu và đau khổ. Ngài còn tìm kiếm niềm vui và còn cầu mong sự ngưỡng mộ, cúng tế máu súc vật của cháu con Ngài! Sự toàn năng, đại bi và siêu việt của Ngài cần phải xét lại!

Upatissa cười khẽ:

- Vậy từ lâu chúng ta đi tìm một đấng không toàn thiện ư?

- Phải! Không những chúng ta mà cả tổ tiên, giòng họ chúng ta từ đời này sang kiếp nọ, người mù dẫn theo người mù. Và cứ thế, nối dài đến vô tận. Đi, mà chẳng biết đi về đâu... Hư vô và vực thẳm đang chờ đợi chúng ta ở phía trước!

Upatissa nghe nhói đau ở lồng ngực. Phải! Điều mà chàng không muốn nghĩ đến, muốn khóa lấp đi thì Kolita đã nói ra. Cõi trần này sinh tử quyện lẫn vào nhau. Vui buồn, thiện ác, vinh nhục, xấu tốt nương dựa nhau mà tồn tại. Vậy thì toàn thiện nằm ở đâu giữa những tương tranh nhị nguyên, lưỡng giá bất toàn?

"- Ôi! thế giới Màya huyền hóa! Giữa cái điêu tàn Ngươi cho mọc lên một nụ xanh. Giữa bàn tay hủy diệt của Đức Mẹ Kàli, một sơ sinh nhú ra từ nụ cười của đấng sáng tạo Brahma! Thế nghĩa là gì, hỡi Ngươi, hỡi Màya kinh khiếp?"

Upatissa đau xót nhìn bạn, thở dài. Sự có mặt của chàng trên đời này cũng vậy, cũng do sự bất toàn của Ngài! Chàng không hiểu gì cả. Phải chăng các thượng đẳng thần cảm thấy mình được tôn trọng, được cúng tế hậu hỉ - nên đã làm sơ tâu lên Đấng Brahman - và Ngài đã bằng lòng rút ra từ cái Đại Ngã của mình một cái Tiểu Ngã để quảng cho gia đình chàng theo với mong cầu, sở nguyện của họ? Rồi sau chàng, các tiểu ngã khác, các em chàng đã

lần lượt ra đời: Cunda, Upasena, Revata, Càlà, Upacàlà, Sùsupacàlà. Đức Brahman đã ban cho gia đình chàng quá nhiều ân huệ!

* * *

Những khi không tìm ra lý giải cho những câu hỏi xoắn xít, trùng trùng; khi mà các ưu tư, hoài nghi và buồn nản làm cho bấn loạn tâm hồn, Upatissa bèn rủ Kolita du sơn ngoạn thủy. Họ muốn quên chúng đi.

Upatissa với hơn một trăm chiếc võng và hơn một trăm môn sinh. Kolita với hơn một trăm cỗ mã xa và hơn một trăm môn đệ. Họ mang thức ăn cho nhiều ngày và đi khắp các nơi danh lam thắng cảnh trong vùng.

Giữa thiên nhiên, đất trời hùng vĩ, cỏ cây và sông núi hữu tình - họ thấy tinh thần được xoa dịu, mát mẻ. Nhưng nhu cầu hiểu biết không cho phép họ được nghỉ ngơi lâu dài. Họ lại học những bài học ngoài trời, thực nghiệm một số hiểu biết từ sách vở. Các môn học về địa lý, phong thủy, tự nhiên học làm cho họ mê say không khác gì những môn học về tâm linh. Dịp này, cả mấy trăm môn đệ được hai vị đạo sư trẻ tuổi khả kính của họ giảng dạy một cách cụ thể, thực tiễn, phong phú và sống động vô cùng.

Tuy nhiên, không bao lâu, nỗi buồn lại đến. Bỏ đám môn đệ, họ bách bộ bên nhau, đi ra xa. Ở đâu đó vẫn còn tồn tại một cái gì chưa giải quyết được. Truyền thống ngàn đời kinh viện, từ chương, cúng tế, cầu nguyện... lẫn những môn học thâm sâu uyên bác này... cũng không thỏa mãn được chàng.

- Hiền đệ yêu mến! Rõng không làm sao là cuộc đời này. Sở học của chúng ta không mấy may đem lại một ổn định tâm hồn. Càng học hỏi, hiểu biết, dầu các môn học thuộc về tâm linh đạo học hay thế học... trí óc chúng ta như rơi vào những đám tơ vò, các màng nhện chằng chịt xoắn rối, mâu thuẫn và không tìm ra đầu dây mối nhợ. Vẫn sừng sững tồn tại những bất khả tri, những bóng tối bất khả kiến giải. Nơi chân trời của Đại Ngã, của Brahman dường như vẫn hiện hữu hư vô, bất toàn và phi nhân tính. Vệ-Đà có nghĩa là tri (biết), nhưng lại đầy đặc cái bất khả tri! Còn những cái tri ấy - những tri thức về thánh ca, tri thức về giáo điều Samadeva, tri thức về cầu khẩn, tri thức về thần chú, những Mantra, những Brahmana, những Aranyaka... thì chẳng nên đáng "tri" một chút nào. Những cái tri ấy giúp ích gì cho chúng ta? Hay càng học, càng tri chừng nào chúng ta càng ngu dốt, cuồng tín, bần ngã, kênh kiệu, đa văn... để hình thành một tập cấp lãnh đạo tinh thần, bá chủ tinh thần, nắm độc quyền sứ giả của thần linh để vinh thân phì da, để

thao túng và bóc lột xã hội? Ôi! Ta không còn hiểu gì nữa, không còn biết "tri" cái gì nữa! Ta đã quá rối loạn, bất lực trước Thượng Đế vô tri, mù mênh phi lý và khói sương độc hại!

Thanh niên Kolita cúi đầu, mắt đỏ lẹ, mờ sương. Những ưu tư, băn khoăn của Upatissa cũng là những ưu tư, băn khoăn của chàng. Kolita nhìn lên bầu trời trong xanh có những đám mây trắng trôi bâng bạc. Tiếng cười đùa hồn nhiên của môn sinh bên kia suối vắng lại. Một con bò đứng đĩnh, yên lặng gặm cỏ dưới chân đồi. Một cô gái chẵn dề cất tiếng hát ví von bên kia triền thung lũng. Một đám hoa dại bé bỏng phô những nụ hoa li ti, khiêm nhường, rụng rờ sau cụm đá bạc đầu...

Ôi! Cảnh vật xung quanh yên lặng, thanh bình, đại toàn và tuyệt bích như thế - mà tâm trí chàng thì cứ đề đầu, có nhìn thấy mà cũng như không, bởi chàng đang rối loạn vì tư tưởng lộn cộn, đục vẩn ở trong đầu.

- Hiền huynh yêu quý! Kolita nói mà đôi mắt như chìm đắm ở một khoảng vô danh, xa mờ - Đây cũng chính là những điều mà đệ hằng suy nghĩ. Tất cả đều vô ích, vô vọng và phù phiếm thế nào. Tất cả đều rỗng không, bất lực và bất toàn. Chúng ta đã học, đã đọc, đã biết hết rồi tất cả trí khôn, sự mẫn tuệ, thông bác của tiên nhân, của loài người. Nhưng sự hiện hữu của một hạt bụi cũng không giải thích được, cũng là bất khả tri! Chỉ là những giáo điều mặc khải, những thánh thi vớ vẩn, tối tăm, ngu ngốc và xuẩn động. Hiền huynh hãy nghe đây!

Và Kolita đã ca lên, đã hát lên giữa bầu trời cao xanh lồng lộng:

"- Thuở ấy...

Vị đó không vui, không buồn
Chẳng biết vô tình hay cố ý
Cái Độc Nhất sinh ra
trải ra thăm thẳm
Vô biên,
hư vô và mềm mại
tầm lụa xanh trên nền trời
bồng làm nên hiện hữu
Pati và Patnie ôm hôn nhau
tình yêu xuất hiện
đau khổ có mặt

tinh tú và nhật nguyệt
ngày và đêm
thăng thốt bàng hoàng!
Hỡi các đấng Thần Linh Yên Tĩnh
Mẹ của Thiên Đạo
Mẹ của Bất Diệt
Thần Lửa, Thần Rạng Đông
Luống cày,
và Thần Indra giông tố
sự chết và hy vọng
mâm cây và hủy diệt
không ai sáng tạo ra người!
cái Độc Nhất hiện hữu
cái Vô Nhị hiện hữu
bỗng làm nên tất cả
bởi ý chí hỗn mang
tối tăm và sáng láng
và đây là Màya
Aum, Aum, Aum!"

Hát xong, Kolita thốt lên:

- Cái gì vậy? Cái thánh ca vớ vẩn kia là gì vậy? Ngu xuẩn!

Trong khi Kolita hát, Upatissa đăm đăm nhìn bạn. Trong đôi mắt ấy có hai ngôi sao bùng cháy, sâu thẳm, xa vời vợi. Upatissa không nghe lời ca mà chàng chỉ nghe âm hưởng, tiết điệu; sự tuôn trào những cảm thức, cảm tính bơ vơ, nóng hổi! Chúng như là những thực thể trần trụi, đam mê, thống hận - kêu gào nhảy múa bên bờ vực thẳm của thần Ràgu!

Ôi! Nhưng đây cũng chính là những cảm thức, cảm tính của chàng! Chúng cũng bơ vơ, nóng hổi và thác loạn như thế. Nhưng, sự phản nộ ấy cũng là những gọi kêu vô vọng, chỉ chứng tỏ sự bạc nhược, ủy mị của tâm hồn. Phải tỉnh táo, uy dũng mà đứng lên. Phải có niềm tin. Không còn niềm tin nơi Thượng Đế thì phải có niềm tin nơi chính mình. "Bất hạnh thay là những kẻ đã mất hết niềm tin trên cuộc đời này!"

- Này, hiền đệ Kolita! Hãy nhẫn nại! Hãy tỉnh táo! Upatissa nắm tay bạn, ân cần nói - Tại chúng ta ngu si và bất lực chăng? "Tat Tvam Asi" . Người là cái ấy, người là Đấng ấy , Người là Chân Như! Vậy thì Thượng-Đế-tính,

đại-ngã-tính, siêu-việt-tính ấy có sẵn trong ta. Nó ở trong ta, nhưng Cái Ấy không phải là xác và hồn, không phải là thân thể vô tri hoặc tư tưởng và tinh thần ranh ma quỷ quyết! Vì hồn mang, vì tối tăm, vì si mê dục vọng mà chúng ta đã không thấy Ngài chẳng? Chúng ta đã tự xa Ngài chẳng? Sự phẫn nộ và bất tín có lý chẳng khi chúng ta chưa tra xét bản thân cho đến tận cùng? Tồn Tại, An Tĩnh, Tri Thức, Chân Phúc là Một. Có tri thức mà chưa có An Tĩnh - nghĩa là còn rối loạn - thì ta chưa thể hội nhập được với Ngài. Vệ-Đà cũng đã từng dạy như vậy và đệ cũng đã từng hiểu như vậy mà! Cái thuần nhất, cái độc nhất, cái vô nhị ấy - cái ở ngoài hồn và xác ấy, cái ở ngoài thân thể và tư tưởng ấy - là ẩn số mà ta cương quyết phải tìm, phải bỏ hết cả cuộc đời để săn đuổi chúng. Chúng ta chưa đi thật sự bằng hai chân của mình - nghĩa là bằng kinh nghiệm, khổ đau trần trụi và tim huyết nóng hổi! Chúng ta chỉ mới đi bằng đầu óc, bằng lý luận, thẩm sát, bằng chữ nghĩa vô hồn và bằng mớ tri thức luận nhọt nhẹo! Chúng ta cũng chớ vội khinh bỉ thánh ca, thánh thư và thánh triết. Vì chúng chỉ là sự gợi ý, là ngón tay chỉ mặt trăng, là chiếc chìa khóa vô hình để chúng ta tự mở cánh cửa huyền mật của tâm linh. Bao giờ chưa mở được, chúng ta còn ra đi. Phải cũng cố lại niềm tin, dầu là niềm tin le lói!

Kolita đứng dậy, đôi mắt như phủ một làn sương mỏng long lanh. Chàng đã khóc. Sự chân thành và trung thực của lòng mình đã đẩy chàng đi quá xa. Upatissa cũng không khác nhưng chàng đã trấn tĩnh được!

Không ai dám thú nhận sự bất lực của mình trước đám môn sinh bởi cả hai vốn là bậc thầy ưu tú, cao cả, minh triết trước mọi người và trước xã hội.

Có một tiếng gọi, một thúc bách, một kêu réo ở phía bên trong: "Hãy thật sự lên đường đi thôi!"

--- o0o ---

[02]

Đại hội Bà la môn

Hôm ấy, Upatissa và Kolita được mời đi dự Đại hội Bà la môn ở Vương-Xá thành. Lần đầu tiên đôi mắt họ được mở rộng trước quang cảnh đông vui tấp nập, xe cộ và mọi người.

Vương-Xá thành là một kinh đô hoa lệ, thịnh vượng bậc nhất của nước Ma-Kiệt-Đà và của cả xứ Ấn Độ. Nơi đây là điểm giao lưu thương mại, kinh tế và văn hóa của các nền văn minh cũ Indus với các tiểu quốc miền Đông và miền Nam. Nhà cửa, dinh thự cao sang và cổ kính. Những con đường lớn thẳng tắp, những hoa viên sầm uất, tươi mát; những tượng đài uy nghi, những giảng đường công cộng mênh mông, những hí trường lộ thiên bao la, ngựa xe lui tới như mắc cửi.

Đây cũng là kinh đô của tâm linh tôn giáo. Tất cả các giáo phái truyền thống Bà la môn đã suy tàn ở miền Bắc bây giờ về lập căn cứ địa truyền giáo ở đây. Họ có sáu tông phái chính, chấp nhận mặc khải Vệ-Đà, truyền thống tập cấp và quyền uy của thánh kinh. Tuy thế, có một vài phái trong đó lại phủ nhận Thượng Đế và họ tự tiện giải thích thánh kinh ra sao tùy ý. Bên cạnh sáu phái truyền thống đó, ở Vương-Xá thành cũng quy tụ hàng chục giáo phái khác gọi là phản truyền thống, vì họ không chấp nhận Thượng Đế của Bà la môn, bác bỏ mặc khải Vệ-Đà và quyền uy của thánh kinh!

Có những nhà hiền triết phản truyền thống "cực kỳ phản động"! Họ đã so sánh hàng giáo phẩm chính thống Bà la môn - tức là giai cấp tu sĩ Bà la môn, đứng đầu bốn tập cấp và muốn lãnh đạo tinh thần xã hội - với một đoàn chó, con nọ cắn đuôi con kia thành một hàng dài rồi kính cẩn sửa lên: "Phải, chúng tôi muốn ăn! Phải, chúng tôi muốn uống!"

Có vị giáo chủ lập nên một tông phái mà nói rằng: "Không, không có gì cả! Không có thần linh, không có quỷ sứ, không có ma vương, không có thiên đường, không có địa ngục, không có luân hồi tử sinh và cũng không có luân cả vũ trụ! Các kinh điển Vệ-Đà, Áo-Nghĩa-Thư chỉ là tác phẩm của bọn điên khùng, dối trá và tự cao tự đại! Rằng, các ý tưởng đều tối tăm và hão huyền. Rằng, các danh từ, chữ nghĩa đều rỗng không và láo khoét. Rằng, dân chúng bị các lời đẹp đẽ, phù chú mê hoặc mà thờ các vị thần; đến lễ lạy, cúng kiến ở các ngôi đền, tuân lời các tu sĩ ngu dốt, thất học và hèn hạ đã dám rêu rao tự xưng là "thánh đức". Ôi! Vị thần Vichnou, các thượng đẳng thần, bọn đầu trâu mặt ngựa tu sĩ... và các con chó ăn phân, con dòi trong hầm xí cũng y hệt nhau mà thôi!"

Có vị giáo chủ lại truyền bá thuyết này: "Này, này, hãy lại đây! Đừng tin bọn thầy Bà la môn xảo quyệt! Hãy lại đây bản đạo chỉ cho cách làm cho "cái Ta" được sung sướng! Ở trên cõi trần này, cứ tự do mà hưởng thụ thân xác, vật chất. Kẻ nào mà nghe lời bản đạo, chỉ trông cậy vào chính mình

thời, thọ hưởng hạnh phúc ở cõi đời này thì sẽ được hưởng hạnh phúc ở cõi bên kia nữa. Hai đẳng đều hạnh phúc, hai đẳng đều có lợi!"

Có giáo phái lại hoàn toàn phủ nhận các giá trị tinh thần, và bảo: "linh hồn là tên nô lệ tiêu cực của ngẫu nhiên!"

Gosala, một giáo chủ, lại phán một cách xanh rờn: "Kẻ thiện hay người ác đều phải bị chịu chung bởi số mạng, bởi định mạng hết. Các người đừng ngu si, tưởng làm thiện là được phúc, làm ác là chịu tội. "Thiện giả thiện lại, ác giả ác báo" là câu nói của bọn điên khùng!"

Có vị giáo chủ thì điềm nhiên, rung đùi, vuốt râu mà phán: "Các giáo phái chủ, giáo phái sư, đạo sư, chân sư... đều là bọn ngu si, dốt nát, lòn bịp mọi người. Con người có là cái gì đâu! Con người chỉ gồm có đất, nước, lửa, gió! Kẻ ngu ngốc, bọn hèn hạ cũng như thánh nhân, hiền triết, khi chết rồi thì thân rã thành cát bụi, tiêu hủy hết trơn hết trọi, còn gì nữa đâu! mà nói láo! mà đoán mò!"

Bên cạnh các vị "thánh đức trăm tư Brahman" có vô số nhân vật miệt thị các tu sĩ, hoài nghi về các thần linh, và thần nhiên nhận mình là: "Hư Vô Chủ Nghĩa". Sanjaya - một triết gia phản truyền thống có danh vọng và uy tín lớn - thì theo thuyết "bất khả tri"; không chấp nhận, cũng không phủ nhận chết rồi linh hồn còn hay mất. Ông ta cho rằng, con người không thể biết được gì cả, hãy nên đi tìm sự an ổn mà thôi!

Ngoài ra, còn cả một giới ngụy biện lang thang, gọi là lữ hành hay du sĩ hành cước. Họ gồm đủ mọi hình thức kỳ dị nhất của xứ Ấn Độ. Họ du hành từ làng mạc này sang hương thôn khác, thị thành nọ đến phố phường kia để tìm tìn đồ hoặc đấu khẩu, luận tranh, phản kháng với những ai chống lại họ!

Có vài nhà dạy thuật luận lý cho mọi người để chứng minh, giải thích bất cứ một câu hỏi mắc mỏ nào. Xuôi ngược gì họ cũng đều ngụy biện được.

Có vài nhà lý giải, phân chia manh mún một câu, một chữ, một hạt vi trần... không biết để làm gì nhưng rõ ràng là được khá nhiều người vỗ tay tán thưởng!

Họ thật xứng đáng với những danh hiệu: "bọn bấn chẻ sợi tóc làm tư, làm bảy" hoặc: "loại lươn, loại trạch trơn tuột, nắm đặng này nó lẩn đặng kia"!

Có nhà lại phùng mang trộn mắt cố gắng chứng minh rằng: "không có Thượng Đế - và đạo đức thật là vô tích sự!"

Ở Vương-Xá thành có khoảng chừng sáu mươi hai giáo phái và tông phái như vậy. Dân chúng bu lại nghe họ thuyết giảng, tranh luận. Các giới thương gia giàu có, các quan đại thần mê chuộng triết học, lại cho xây cất những căn nhà hội, nhà giảng rất rộng, rải rác đó đây trong kinh thành làm chỗ hội họp; và để cho các biện sĩ, du sĩ, triết gia, nhà tư tưởng trở tài hùng biện. Các Đức Vua cũng khoái trò này, đích thân đến nghe, sau đó, thú vị tặng thưởng cho những triết gia thắng trong các cuộc đấu khẩu đó. Đôi khi phần thưởng lên đến một ngàn con bò cái và hàng ngàn đồng tiền vàng. Các ông hoàng, bà chúa cũng tham dự vào các trò chơi này rồi trở thành những người bảo trợ cho một nhóm, một phái nào đấy.

Các triết gia, nhà hùng biện của một tông phái sẵn sàng bước lên các hội trường, "căn cứ địa" của đối phương để tranh luận, vấn nạn nhau.

Có triết gia danh tiếng như Shandara bỏ già nửa đời người chu du thiên hạ mà biện thuyết để đã phá những tư tưởng khác chủ kiến của mình. Môn đệ của họ rất đông. Và dân chúng thì sẵn sàng dâng cúng đủ mọi thứ vật thực, nhu cầu, phương tiện - miễn cứ tu sĩ là được. Sa môn, Bà la môn, đạo sĩ, du sĩ, du thủ du thực gì cũng được ráo! Họ thích thú cổ võ, ủng hộ vô điều kiện.

"- A! Đúng là có một cái thời thật lạ lùng! Đúng là trăm hoa đua nở bên cái dòng tư tưởng tự do chảy tràn lan!"

Upatissa và Kolita thật là ngỡ ngàng và kinh khiếp trong những ngày du ngoạn đây đó ở thành phố. Cả hai đều hoang mang. Và điều họ thấy rõ ràng nhất là "giáo lý truyền thống Bà la môn đã bị lung lay tận gốc rễ". Nhan nhãn khắp Vương-Xá thành đây rầy bọn hoài nghi, bọn theo thuyết hư vô, bọn ngụ biện, bọn vô thần, bọn duy vật... Nổi bật nhất mà hai chàng phải lưu ý là hai triết gia danh tiếng, Charvaka và Mahavira. Có thể gọi họ là hai triết gia cực kỳ phản động mà giáo chúng lại rất đông. Sự có mặt riêng của Charvaka thôi cũng đã làm giảm uy thế của Bà la môn và tạo một cơn lốc xoáy vào trật tự xã hội Ấn Độ. Và đến khi Mahavira xiển dương giáo lý - ông ta ở tập cấp chiến sĩ, thuộc bộ lạc Licchavi - thì đã thật sự đảo lộn uy quyền đến tận nền móng: đứng đầu tập cấp Vương-Xá thành bây giờ không còn là Bà la môn nữa mà là giai cấp chiến sĩ.

Trước tình trạng đó, Upatissa và Kolita càng xác tín thêm một sự thật đau lòng mà hai chàng đã có sẵn trong ý nghĩ: "Chân lý, cái sự thật ngàn đời không còn là độc quyền thao túng trong tay của giới tu sĩ Bà la môn nữa." Tuy nhiên, hai chàng vẫn còn tin một điều, dầu là niềm tin lắt lay của một ngọn đèn sắp vụt tắt, là "ở trên cái bề mặt huyền ảo của đại dương, sự xôn xao của sóng gió, các tư tưởng đối lập, mâu thuẫn, hỗn loạn... vẫn tiềm tàng hiện hữu một chiều sâu yên lặng, vô danh và bất động..."

Họ nhìn nhau thở dài. Phải thật sự lặn xuống đáy đại dương, lặn sâu vào vùng thâm mặc của kinh điển Vệ-Đà. Hai chàng phải ra đi, phải tìm kiếm, phải tra vấn, phải học hỏi và phải thực hành cho đến nơi, đến chốn. Niềm tin ngàn đời không thể một sớm một chiều để cho nó tắt phụt!

Đại hội Bà la môn diễn ra trong một cung đền nguy nga đồ sộ. Bà la môn giáo biết địa vị của mình đã bị lung lay trong xã hội, nên cốt ý tổ chức một buổi lễ to lớn để biểu dương sức mạnh của tập cấp cùng lực lượng giáo đồ và quần chúng. Bởi vậy, hầu như các đại biểu, tín đồ Bà la môn khắp các tiểu quốc, thành phố, thị trấn v.v... đều tới tham dự. Các Bà la môn trưởng giáo ở các thôn làng xa xôi đều có đại biểu và đồ chúng trở về hội.

Những căn nhà vải to lớn đủ mọi sắc màu rực rỡ được dựng lên, có đủ chỗ ngồi cho hàng vạn người. Hàng trăm căn nhà nghỉ, nhà trọ, quán xá chiếm cả mấy khu rừng. Hàng trăm chiếc xe hai ngựa, bốn ngựa, xe lừa, xe trâu... rộn ràng đến từ khắp nơi trong xứ. Hàng trăm đoàn Bà la môn cùng với đồ chúng đến như nước chảy. Các thương gia, đại thương gia, đại gia chủ, cự phú, đại cự phú... tung tiền bạc cho cuộc lễ chi phí có đến hàng triệu đồng tiền vàng. Những núi lương thực, thực phẩm, hàng chục ngàn gia súc, từng đàn, từng đàn tung bụi kéo đi... để mà làm lễ hy sinh trong cuộc đại tế. Hàng ngàn gia nô, nô lệ phục dịch đó đây...

Vua Bình Sa Vương trích của công, ủng hộ cho cuộc lễ để lấy lòng các giáo chủ và đồ chúng. Ban đêm sáng rực như ban ngày. Trầm hương, nhang đèn nghi ngút. Tiếng "aum, aum" vang tận mây xanh, lan xa đến mấy do-tuần. Người ta ăn uống, tung hoa, rải nước, cầu nguyện, cúng tế, đọc kinh và đọc những câu thần chú thiêng liêng mà tai và trí phàm chỉ có nghe mà không thể hiểu được. Đêm xuống, người ta tổ chức múa hát, diễn trò trước sân khấu lộ thiên mênh mông. Tuông hát, vũ đạo, hí khúc đều được rút ra từ kinh điển Vệ-Đà hoặc các Anh Hùng trường ca mà hai chàng đều đã được tham dự nhiều lần. âm nhạc cũng vậy, nhưng ở đây được tổ chức vĩ đại và huy hoàng hơn.

Hai chàng đã thật sự choáng ngợp khi khúc hòa tấu ca tụng thần linh trôi lên. Các nghệ nhân ăn mặc kỳ dị, diêm đúa, tóc tai rối bù, mặt mày kỳ cục, trang điểm lòe loẹt, hóa trang thành âm binh quỷ sứ hoặc các ca nhân của cõi trời... Họ sử dụng các loại trống đủ hình, đủ cỡ; những ống sáo, ống tiêu trang trí hoa văn tỉ mỉ; những chiếc kèn hình rắn, hình trăn uốn khúc. Nhạc khí chạm trổ tinh vi, nhận ngọc thạch, kim cương, khảm xà cừ, khảm ngà, khảm bạc lấp la lấp lánh muôn màu muôn sắc. Họ vỗ bằng hai tay, bằng ngón tay, bằng đầu ngón tay vào chiếc trống Mridanga, đàn Tanbura. Hàng chục cây đàn Vina mà dây đàn căng trên một tấm kim loại mỏng và quý, một đầu cột vào một chiếc trống bằng gỗ, mặt bằng da cừu, đầu kia cột vào một quả bầu dùng làm thùng đàn...

Từ nơi đó người kỳ dị và nhạc cụ kỳ dị ấy, một thứ âm thanh pha trộn và phức tạp nổi lên. Âm thanh này kế tục âm thanh kia, kéo dài liên miên bất tận. Không có "hài âm", mà cũng chẳng có luật "hòa âm". Nhạc công tha hồ tự do biến điệu, và tùy theo mỗi tình cảm, cảm hứng, ý nghĩa mà các "raga" thay đổi, vi âm thay đổi.

Các bậc nhạc sư nói rằng, các "raga" đều có tính cách thiêng liêng, huyền bí. tương truyền do thần Shiva quy định, nhạc công mà khinh xuất, không tôn trọng các hình thức "raga" thì sẽ bị thần Vichnou đày xuống địa ngục.

Khi vùng âm thanh lan tỏa, ban đầu có vẻ rời rạc, đơn điệu nhưng sau đó, chuyển thành một dòng thác, một sức mạnh như thôi miên người nghe. Như một cơn lốc, nó cuốn hút vào trung tâm của nó mọi âm ba huyền ảo ở chung quanh. Nó đi từ cái hữu hạn, đơn độc sau dần tới phức tạp, vô cùng. Rõ ràng, nhạc lý này mang sẵn tư tưởng Vô-Đà, là trở về cái vô cùng của Đại Ngã. Do vậy, những âm điệu, nhạc tiết... uyển chuyển, tung lượn, lan tới, nhào lui nhưng tất cả đều xoắn lại, cuộn tròn lấy "nhạc chỉ"; đưa tâm thức người nghe vào một vùng âm thanh duy nhất như sự tập trung thiền định của một hành giả Yogi, mất tất cả các giao tiếp của ngũ quan, một trạng thái như vong ngã rồi lần hồi chìm ngập vào bản thể mênh mông, chan hòa, yên tĩnh!

Những bản "đảo vũ", "thái dương thân vũ" do các nàng Devadasi được vờ đến từ các đền tế, ăn vận như tiên nữ diễm lệ, trang điểm hoa hòe, lần lượt công hiến những vũ điệu mềm mại, nhịp nhàng.

Một số các nàng ca nữ miền Rohini cống hiến giọng ca thiên phú du dương, bay bổng, mê man, xuất hồn... Rồi đến các tuồng hát, những hí khúc nổi danh mấy trăm năm trước đều được mang ra trình diễn giữa ánh sáng lộ thiên huy hoàng. Hương muôn hoa, hương của muôn thứ hương liệu thơm ngát, ngậy ngát giữa không gian người và bụi.

Trải qua hai ngày, vì lạ lùng kích thích, đôi bạn cũng tìm được niềm vui khuây khỏa. Upatissa và Kolita thuộc vào hàng khách danh dự nên được ngồi ở những hàng ghế đầu chung với một số Bà la môn trưởng thượng, các gia chủ hữu danh, các quan đại thần và các thương gia giàu có, những danh sĩ lỗi lạc... Cả hai chàng đều vui vẻ như những khách danh dự khác, trao cho nghệ nhân những phần thưởng xứng đáng. Hai chàng đều là con nhà cự phú, tiền bạc không biết dùng để làm gì, nên họ sẵn sàng hào phóng treo những giải thưởng lớn nhất. Sự hào sảng, rộng rãi ấy được mọi người tán tụng, ca ngợi như là nghĩa cử hào hiệp, anh hùng! Được quý trọng, được ngợi ca rầm rộ, hai chàng lại sinh ra hổ thẹn, mất cả hứng thú.

Đến đêm thứ ba, cả hai đột nhiên sinh ra chán nản: "Làm như vậy để làm gì? Ích gì cuộc vui phù phiếm này? Sao ta lại ở đây, giữa đám người ngơ, trống rỗng, vô tích sự này?" Upatissa đứng dậy rời khỏi đám đông. Kolita cũng thế. Không hẹn, cả hai đều nhìn nhau, đôi mắt thăm sâu, khó tả.

Vất vả lắm cả hai mới lọt ra khỏi rừng người. Họ lặng lẽ bên nhau, bước đi, đi mãi. Đèn đuốc, hương hoa, tiếng người... dần dần khuất vắng sau lưng họ. Đến ngoại ô kinh thành, vòm trời như mở rộng ra, gió đồng nội thổi rì rào. Trên trời, mảnh trăng tròn vành vạnh, trong sáng, êm đềm và yên tĩnh. Họ nghe được lời thì thầm của đất, của giun dế, của cỏ lá, của những cái mầm vừa chựa mình nứt ra. Tiếng ai hát giữa đời hoang, theo gió cuốn đi xa, mang mang và buồn... Bóng những lũy hàng vôi vãi, âm thầm dưới trăng khuya lạnh lùng. Một vài tiếng cú rúc lẻ loi...

- "Hiền đệ Kolita thân mến! Chúng ta vừa thoát khỏi đám người huyên náo, hời hợt, những niềm vui tầm thường, dung tục. Thật không ích lợi gì khi để những ngày tháng trôi qua trong những tiếng cười đùa vô bổ; nhìn nghe những hình thức lễ nghi trịnh trọng, sáo rỗng; những lời tâng bốc, tán thán, ca tụng nhau; những đầu súc vật đầy máu me, ruồi nhặng lẫn những tiếng rên la thống khổ của chúng. Chẳng lẽ nào chúng ta cam tâm chịu mãi đời sống này, truyền thống tín ngưỡng đã khô kiệt tinh thần, đã mất hết sự trong sáng, đã thật sự vắng bóng minh triết? Chúng ta phải biết can đảm nhìn thẳng vào sự thật ấy. Đừng vì tình cảm gia đình, huyết thống, thói quen

truyền đời... để tìm cách biện hộ hoặc lần lữa mãi trong thế giới tư tưởng bất khả lý giải. Tín ngưỡng truyền thống của chúng ta không còn gì đáng để hãnh diện và tự hào. Tất cả chỉ còn là những xác chết trên bệ thờ, những ngôn từ sáo rỗng, hợm hĩnh, láo khoét. Sự hữu hạn, đau khổ, buộc ràng vây bọc chúng ta. Cả bên trong và bên ngoài. Tất cả chúng đều là huyền hóa, là Màyà!

Ôi! Niềm vui tuổi trẻ chóng qua. Tuổi già, tóc bạc, sự chết sẽ đến. Tử thân sẽ không chừa một ai. Sự hủy diệt kinh khiếp đó sẽ không tha thứ cho đâu một sinh linh bé mọn, một cọng cỏ, một hạt bụi vô tri. Đại dương vô cùng hoặc Hy mã Lạp sơn hùng vĩ thì cũng vậy. Nhật nguyệt, thiên hà, đại địa... cũng cùng chung một số phận. Con lũ vô thường sẽ cuốn trôi hết thảy.

Sao ta lại ở yên giữa cuộc đời này, sống say chết mộng, an phận, thủ thường nơi địa vị, danh vọng, bạc tiền, đồ chúng của mình mà chiêm ngưỡng, vô tri hay đồng lõa với Vô minh, Tử ma? Sao ta lại vùi mình giữa xác chết quên lãng, trong bóng tối hèn nhác, không có can đảm, vươn vai đứng dậy như một con mãnh sư? Sao không nhìn thẳng vào sự thật kinh khiếp kia?

Hãy nói đi! Hãy nói đi! Hiền đệ!"

Kolita dường như không ngạc nhiên gì lắm trước những ưu tư, những vấn nạn, những phẫn nộ của Upatissa; chàng gật đầu, nói nhỏ như hơi thở, chỉ vừa đủ nghe:

- Hiền huynh Upatissa quý mến! Đó là những vấn đề mà đệ đã suy nghĩ khi ngồi trong đền và khi cùng bước lang thang trên đường vừa đi qua. Đồng ý sẽ đứng lên, sẽ vươn vai đứng lên như con mãnh sư. Nhưng rồi chúng ta sẽ đi đâu, sẽ về đâu? Về cuối con đường? Có điểm cuối con đường để đến? Mục đích của nhân sinh là gì? Tất cả dường như ở trong vận hành vô nghĩa lý. Đâu cũng là vực thẳm không đáy, lửa, vô thường và hủy diệt.

Các vị A-La-Hán, các bậc thông tuệ, các bậc đại tuệ, các Đấng Đại Giác Ngộ - họ đã giải thoát ra khỏi cuộc đời này, nằm ở ngoài mọi định luật và mọi tất yếu của tâm, của nhiên giới - giờ họ ở đâu? Những kẻ mà Tử Thân và Màyà không tìm thấy dấu vết, giờ họ ở nơi nào? Những kẻ đã như những con mãnh sư, vươn vai đứng dậy, thách thức tuyên chiến với hư vô và tử ma - họ sẽ dạy cho chúng ta điều gì? Những ngàn xưa trước, những thánh triết, minh thư, những trí óc khôn ngoan mãi tiếp, thông tuệ của loài người - đã tự trang bị cho mình một đôi mắt để nhìn xuyên suốt qua những tân tuồng ảo

vọng - giờ họ ở đâu? Dấu chân họ còn lưu trên cát, còn lưu giữa hư không mơ hồ, lung linh sương khói?

Và có thật sự đúng như vậy chăng - có Con Đường Thật Sự dẫn đến nơi Chân Phúc và Bất Tử?

Kolita nói xong nhìn Upatissa, thở ra.

Upatissa cũng thở ra, cúi đầu xuống.

Họ đã gặp nhau từ sâu thẳm của tư tưởng, suy tưởng, ưu tư; nơi cái bế tắc trùng trùng đang muốn tìm về thông lộ.

Đôi bạn chợt nhìn vào mắt nhau. Bốn ngôi sao lóe sáng trong đêm.

---o0o---

Thoát ly gia đình

Bà la môn Vaganta nhìn con trai trưởng lớn lên, học hành uyên bác, tư cách đạo đức hơn đời, thấu nhận đồ chúng, giáo hóa môn sinh... thấy thấy đều xuất chúng. Ông hài lòng thầm nghĩ:

"- Con đường danh vọng và sự nghiệp của con ta, không mấy lúc đã nghiêm nhiên vượt xa ta. Không chỉ vượt xa ta, mà còn to lớn, vĩ đại như con sông Đại Hằng vào mùa nước nổi, như ngọn Hy mã Lạp sơn cao tít chín tầng mây. Bây giờ là phải thời để tính chuyện hôn nhân cho nó."

Ông lại nghĩ tiếp:

"- Luật Manou đã định phép tảo hôn. Con trai đến tuổi trưởng thành mà chưa có vợ thì mọi người sẽ chê trách, khinh bỉ, sẽ không có một địa vị nào xứng đáng trong xã hội để dành cho họ. Người đàn ông thật sự hoàn bị, trưởng thành thì phải đầy đủ ba yếu tố: bản thân, vợ và con. Thiếu vợ hoặc chưa con thì chưa thể gọi là trưởng thành!

Luật Manou cho phép hai gia đình được đính hôn khi con cái vừa sinh ra, đôi khi còn nằm trong bụng mẹ. Con gái từ ấu thơ đến khi đầy đủ chức năng làm mẹ, bất cứ khi nào cũng có thể đính ước. Tuy thế, con gái mười bốn tuổi

rước về nhà chồng là phải lẽ. Con trai ta năm nay đã mười tám, phải lập gia đình cho nó, kéo đến khi quá muộn."

Bèn gọi Upatissa đến, dạy rằng:

- Nay con,! Cha mẹ sẽ tính chuyện gia thất cho con trong năm nay. Một người Bà la môn chân chính không thể sống độc thân, ngoại trừ các tu sĩ Bà la môn sống đời xuất gia. Con đường danh vọng và sự nghiệp của con còn dài. Con cần phải có một địa vị xứng đáng nhất định trong xã hội. Đây là lợi ích thiết thực, mục đích thiết thực của các đấng nam nhi sống ở trên đời. Nó còn là niềm vui cao thượng cho cha mẹ lẫn giòng họ. Con nghĩ thế nào?

Thật ra ông Vaganta không cần hỏi con. Luật Manou quy định rằng, việc hôn nhân của con cái, cha mẹ được trọn quyền quyết định. Nhưng vì tôn trọng con, ông muốn con ông cùng dự bàn. Upatissa cũng đã suy tư nhiều về điểm này. Chàng là một thanh niên mới lớn, thỉnh thoảng cũng bị rung động bởi một vài bóng hồng. Chàng cũng bị những xao xuyến mơ hồ, những vọng tưởng chi phối. Nhưng chàng đã thắng lướt dễ dàng do có một kỷ luật tinh thần nghiêm túc. Ngoài ra, lý trí chàng vững mạnh, tư duy chàng có chiều sâu. Chàng không thể để cho những cảm xúc kia - những cảm xúc phù du - ảnh hưởng đến con đường và chí hướng cao thượng của mình.

Chàng đã từng nghe minh triết dạy rằng: "Lạc thú tinh thần thù thắng và vi diệu hơn lạc thú vật chất rất nhiều. Nó êm đềm, an tĩnh và trường cửu. Nó ngưng lắng và tự tại như sự bình yên của đỉnh núi. Nó thanh thản, nhẹ tênh như một đám mây trắng thông dong ngang trời. Nó tươi mát, dịu dàng như nụ hoa phong lan trong sương sớm. Nó trang trải, xanh êm, mịn màng của mặt hồ xanh trong không gợn sóng. Nó mênh mông, bao la và khoáng khoáng như hư không. Nó như sự hỷ hoan, reo vui của khóm trúc. Nó là tiếng chim hót dịu dàng, thanh tao, cao nhã trong vườn cây của cõi trời. Nó là tiếng suối chảy róc rách hòa với cây đàn gió đi qua núi đồi, vi vu giữa không gian lồng lộng..."

Cái lạc thú tinh thần ấy, nó lắng sâu, dịu nhẹ, mang mang, no đầy, chóing khắp, tằm mát, sung mãn... mà không hao tổn tâm cơ và khí huyết. Ôi! Lạc thú tinh thần vi diệu xiết bao!"

Còn lạc thú vật chất thì minh triết dạy ra sao? Ô! Minh triết dạy như thế này:

"- Lạc thú vật chất ư? Là hình ảnh của những con bọ dòi no nê ăn thực phẩm trong đồng phân. Là sự huyền ảo, ồn ào của buổi chợ chiều buôn bán súc vật. Là cái đậm đặc, li bì, ỉ ạch, biếng nhác của loài heo. Là xú khí đen đúa, tanh hôi của vũng nước cống tù đọng. Là nét mặt nhăn nhó, bần tiện của gã con buôn bụng to, cho vay nặng lãi. Là nét mặt phè phỡn, ngu si, hợm hĩnh của tên trọc phú học thói cao sang và lễ nghĩa. Là sự nhạt nhẽo, vô mùi vị của món cơm nếp nát. Là đóa hoa lòe loẹt sắc màu mà chẳng có thanh hương. Là sự khoe khoang, điệu bộ vô duyên của mù đàn bà đeo vàng trong hàm răng lồm chồm. Là viên thuốc đắng độc hại được bọc bằng mật ngọt thốt nốt. Nói tóm lại, lạc thú vật chất ư? Nó là sinh tử, máu, nước mắt, hận thù, gian ác, rắn độc, lửa, bọ trùng, quỷ đói, địa ngục đồng sôi... Nó chính là cái gì ô uế, thống khổ và tục lụy"

Đã hàng ngàn năm kinh nghiệm, kiến thức, trí khôn của cổ nhân, cổ thư đã dệt nên những trang văn chương với hình ảnh sống động như thế lẽ nào chàng không tin, không học, không bắt chước, không quay lưng lại với những cám dỗ của Ma Vương? Lại nữa, dẫu: "Đàn bà là lạc thú cao nhất cho người đàn ông, nhưng mà, đàn bà và tình yêu của nàng là cái bẫy sắt dẹt dẹt, êm ái nhốt người đàn ông vào tù ngục, thấp hèn và nô lệ."

Ở nơi nào đó trong luật Manou đã mạt sát người đàn bà thậm tệ:

"- Đàn bà là nguồn gốc của mọi tội lỗi. Vì đàn bà mà có kiếp trần, sinh tử, trả vay, trầm luân bất định trong muôn ngàn cõi."

Ở một nơi nào đó nữa:

"- Đàn bà có thể làm cho hạng đàn ông khôn ngoan sáng suốt nhất - chớ đừng nói là hạng ngu ngốc, điên khùng - bỏ chánh đạo mà đi vào tà đạo, để cho lòng dục và sự giận dữ lôi cuốn vào địa ngục không cơ cưỡng được."

Và chàng làm sao quên được một huyền thoại trong nhân gian nói về nguồn gốc của người đàn bà:

"- Đức Hóa công Twashtri, một hôm ngồi buồn, nảy ra ý định muốn tạo ra một người đàn bà - bỗng sức nhớ ra rằng, đã dùng hết vật liệu để tạo ra người đàn ông rồi; bây giờ không còn nữa, đành tạm mượn hình dáng, tính chất, trạng thái của những vật khi tạo ra vũ trụ để tổng hợp mà nặn nên nàng:

Người mượn hình tròn của mặt trăng, đường cong của các dây leo, tua uốn của cây nho, sự run rẩy của cỏ, sự mềm mại của lau sậy, sự mịn màng như nhung của cánh hoa, sự nhẹ nhàng của lá cây, hình thon thon của vòi voi, sự lấp lánh của sao trời, sự dịu dàng của mắt nai, sự rục rờ của bướm, sự vương vít của tơ trời, sự éo lã của liễu, sự cuồng nộ của biển động, tia sáng nóng rục của lửa, tiếng hót líu lo của chim cà cưỡng, sự đều đặn của các phòng ô ong, sự vui tươi của ánh nắng, sự nhí nhảnh của chim sáo, vẻ âu sầu của đám mây, sự bất thường của gió, sự e lệ của con thỏ, sự khoe khoang của con công, sự cứng rắn của kim cương, sự ngọt ngào của mật, sự tàn bạo của beo, sự băng giá của tuyết, tiếng gù gù của bò câu, nét làm dáng của mèo, tính giả dối của con sêu, tính trung nghĩa của chó nhà, tính lắt phất của lá trúc, tính lang chạ của phấn thông vàng, tính hàm hồ của sóng, tính nhẹ dạ của hạt sương, tính đa sự của ý tưởng... Tất cả những cái đó, Ngài nhào nặn lại với nhau làm thành người đàn bà trong thế gian, đem tặng cho người đàn ông, để cho y thỏa thích, đắm đuối... mà quên đi cuộc lưu đày miên viễn..."

Do vậy, Upatissa cương quyết phải bước ra, phải giải thoát. Và trước nhất là phải bước ra khỏi vòng tay dịu dàng, băng giá và lửa bỏng của người đàn bà mà tâm hồn cũng như tính tình không dễ gì người đàn ông tìm ra nghiệm số.

Chàng bèn nói với cha:

- Thưa cha! Các em con đều đã khôn lớn và hiểu biết. Chúng có thể lo liệu mọi việc trong gia đình. Chúng có thể chăm sóc, quản lý gia nô, vườn tược và đồng áng. Chúng có thể phụng dưỡng cha mẹ lúc già yếu, kế thừa dòng dõi, cúng giỗ tổ tiên, bảo vệ truyền thống tập cấp cũng như truyền thống đạo đức, thanh danh gia đình. Riêng con, con chỉ muốn xuất gia, sống đời du phương đạo sĩ khổ hạnh. Con chỉ muốn tìm Đạo. Con chỉ muốn tìm ra lý giải tận cùng của vòng sinh tử khổ đau. Con kính cẩn xin cha mẹ cho con được tròn ước nguyện. Con không có một sự lựa chọn nào khác.

Ông Vaganta tưởng tai mình nghe lầm. Không! Con ông đã trình bày rõ ràng, dứt khoát. Ông ngược đầu lên. Upatissa vòng tay, cúi đầu, vầng trán cao rộng mênh mông; đôi chân mày thẳng biểu hiện một ý chí vô hạn; đôi mắt như hai vì sao tỏa sáng dịu dàng. Ông nghĩ:

"- Con ta chưa bao giờ nói hai lời. Con ta chưa bao giờ chùn bước trước một quyết định, một ý nghĩ đã thốt lên tiếng. Nói lời gì, con ta cũng đã suy nghĩ thấu đáo, chín chắn trước sau. Ô! Vậy xuất gia là chí hướng của nó thật sao? Ôi! Đời sống của con ta từ nhỏ tới giờ là đời sống của một vị thánh. Nó chưa

bao giờ nói chơi, nói giỡn, nói lời vô ích phù phiến. Mười tám tuổi, nó nghiêm nhiên đã là một vị đạo sư đức hạnh và lỗi lạc. Ôi! Thế ra nó cương quyết bỏ gia đình này, lìa nơi tổ ấm chôn nhau cắt rốn. Sở học một đời của ba thầy Bà la môn, của ta không thỏa mãn được nó. Thánh kinh, cổ thư không giải đáp được bài toán tâm linh cho nó. Nó cũng coi thường luôn cái gia tài đáng giá tám trăm triệu đồng tiền vàng này."

Dẫu nghĩ như thế nhưng ông Vaganta vẫn muốn dùng cái quyền hạn của người cha, bèn nói mạnh mẽ:

- Không thể được, con không thể xuất gia sống đời khổ hạnh. Cha mẹ không đồng ý. Con là viên ngọc vô giá của gia đình, của dòng họ; là niềm hãnh diện của thôn làng; là nơi nương tựa vững chắc cho cả hàng trăm môn đệ. Con phải ở kề cận bên cha mẹ suốt đời để chăm sóc, bảo quản cả hai di sản quý báu: di sản tinh thần và di sản vật chất.

- Thừa cha! Giọng Upatissa không lớn hơn mà cũng không nhỏ hơn - Chí con đã quyết! Hãy cho con xuất gia!

Bà la môn Vaganta lão đảo đứng dậy. Ông mệt quá. Ông khổ quá. Ông già quá rồi. Ông chỉ muốn cho con ông sung sướng trên nhung lụa, trong lầu son, gác tía. Ông làm sao chịu đựng được khi nghĩ rằng, con ông, con của dòng họ Vaganta nổi danh, con của một trưởng giáo cự phú lại sống lang thang rày đây mai đó, xin nước cháo chua, cơm thừa, canh cặn từ cửa mọi nhà? Lại đầu trần, chân đất, rách rưới, đói khổ nơi rừng sâu, nơi nghĩa địa? Ông Vaganta chưa bao giờ có mối thương tâm, tủi buồn lớn lao như thế. Ông khóc, ông vật vờ, ông kêu gọi thần linh che chở cho ông làm thay đổi ý nghĩ điên khùng của Upatissa.

Nghe tiếng ông khóc, bà Sàri chạy lại. Khi hiểu có sự bà không tin. Bà dìu dàng đến bên Upatissa, ân cần hỏi:

- Này, con yêu quý! Có phải vì mẹ nghe lầm chăng? Ai lại dại gì từ bỏ gia sản ức triệu để đi xin ăn đầu đường xó chợ phải không con?

Upatissa giọng kính cẩn, ôn tồn đáp:

- Thừa mẹ, chí con đã quyết! Mẹ nghe như vậy là đúng, không làm đâu. Con xin được sống đời xuất gia, lang thang khổ hạnh. Di sản tinh thần và di sản vật chất này tuy là quý báu nhưng nó chỉ đưa đến danh vọng, địa vị, quyền

uy lẫn những hạnh phúc trong thế gian. Cái hạnh phúc ấy bộn bề, không chắc thật. Con từ bỏ tất cả mà ra đi, không phải là để thỏa mãn những mơ ước hữu hạn, không phải là để thỏa mãn ý dục cao đại và kênh kiêu trong lớp hào quang nguy trang của bản ngã. Con muốn chiến đấu cho dù có gục ngã trước Sự thật và Hư vô. Con muốn tìm ra cái Đạo lý với đáp số tận cùng về Khổ đau và buộc ràng Sinh Tử. Con muốn giác ngộ và giải thoát hoàn toàn, tuyệt đối. Ấy là sự hưởng thượng thiên liêng, tất định của đời con.

Bà Sàri với đôi mắt đỏ lệ van lơn:

- Đừng có đại khờ, nông nổi, mê muội! Gia sản này, nó cho ta vợ đẹp, con ngoan. Nó cho ta xe cộ, võng lọng, giường cao, nệm ấm. Nó cho ta món ăn, thức uống sơn hào hải vị. Nó cho ta gác bạc, lầu vàng, đờn ca, xướng hát, yến ẩm, tiệc tùng. Nó cho ta kẻ hầu người hạ, tiền hô hậu ủng. Cái đó mới là hạnh phúc thực tế giữa đời này. Nếu nói đến tinh thần hưởng thượng thì con cũng đã sẵn đủ trong trí óc tất cả trí khôn của tiền nhân để lại. Biết bao bậc thánh nhân, hiền trí từ ngàn xưa đến giờ, ở trong truyền thống này, chẳng lẽ họ lại thua con về sở tri, sở kiến? Coi chừng! Cái mà con tìm kiếm chỉ là mộng tưởng, là hư tưởng vẫn vơ; là lông rùa, sừng thỏ trên đời này! Chẳng ai đại gì đánh đổi một viên ngọc quý để lấy một ý tưởng siêu phàm, huống hồ là đánh đổi để lấy cái trống không, không thực có! Con ơi! Hãy nghe lời mẹ, đừng có tin lời dụ dỗ của ma quỷ! Ta có thể sống đời đạo đức, hiền thiện khi làm một Bà la môn gia chủ, có vợ, có con, có gia sản, có tất cả lạc thú mà Đức Brahman cho phép. Hãy nghe lời mẹ đi con!

- Chí con đã quyết, thưa mẹ!

Nghe giọng nói ngắn gọn, nghiêm nghị và cứng rắn của con, bà Sàri biết là khó lay chuyển lắm rồi, tuy thế, bà vẫn vắn hỏi:

- Vậy thì con tìm kiếm cái gì?

- Thưa mẹ, con đã nói rồi! Ấy là tìm con đường giác ngộ, giải thoát. Ấy là con đường bước ra khỏi mục đích mục đích hư huyền của thế gian, con đường đi ra khỏi mọi thẩm quyền, uy lực của Ma vương; đồng thời, bước ra khỏi thẩm quyền và uy lực có được từ ngàn xưa trong truyền thống tín ngưỡng của chúng ta!

Bà Sàri vẫn rất kiên nhẫn, chịu khó:

- Con đường ấy là gì hỡi con yêu quý!

- Thưa mẹ! Con chưa thấy, chưa biết. Vả chăng, ấy là con đường mà con đang tìm liêm. Con xuất gia ra đi là chỉ muốn để trọn tâm lực, ý lực, chí nguyện suốt đời cho sự tìm kiếm ấy!

Bà Sàri ngạc nhiên quá. Ngạc nhiên xen lẫn bàng hoàng. Giải thoát tất cả? Thật là không tưởng, thật là hư vô! Là cái gì mà bà không hiểu! Bà chỉ hiểu đời sống thực tế, với gia sản, với chồng con, với những hạnh phúc có được trong tầm tay mà mọi người trong thế gian hằng mơ ước. Hạnh phúc của bà bây giờ là vài ba đứa cháu xinh xắn, mũm mĩm, bụ bẫm, hồng hào để bế bồng, để hôn hít, để nghe giọng nói bi bô, ngây thơ, dễ thương của chúng. Dường như bà chỉ có hai bồn phận thiêng liêng trước mặt: cúng tế, cầu nguyện và thờ chồng, nuôi con!

Cũng như ông Vaganta, bà Sàri không hiểu được con. Nhưng làm sao ngăn cản nó được nữa? Nếu ước nguyện kia là duy nhất chơn chánh đối với nó thì sức mạnh cuộn cuộn của con sông Đại Hằng cũng khó có thể chuyển lay.

Cũng như ông Vaganta, đến lượt bà Sàri, lại chứng tỏ uy quyền làm mẹ:

- Mẹ không cho phép con xuất gia - Bà nói cứng - Mẹ đã quyết một lòng như thế.

Upatissa kính cẩn cúi đầu, chàng rất buồn nhưng vẫn đứng vòng tay yên lặng.

Đêm đã xuống. Buổi chiều chàng không ăn cơm, không uống nước. Chàng đứng bất động bên cửa sổ, trầm mặc. Thịnh thoảng chàng đưa mắt nhìn ra xa mà dường như không thấy gì. Cả trọn người chàng như chỉ tập trung duy nhất vào một ý chí sắt đá, kiên định: thoát ly gia đình!

Đêm đã hết canh hai. Bà la môn Vaganta trần trọc không ngủ được, ông bước ra khỏi phòng, nhẹ nhẹ đi dọc theo hành lang, nhìn qua cửa sổ. Con của ông vẫn cứ đứng yên trong tư thế cũ. Chàng như đã hóa đá. Ông tiến lại gần. Hai chân của Upatissa run run.

Ông Vaganta cất giọng khẽ:

- Con ơi! Con sẽ đứng như vậy cho đến bao giờ?

- Thừa cha! Cho đến bao giờ cha mẹ cho phép con xuất gia!

- Nếu cha mẹ không cho?

- Thì con còn đứng mãi.

- Con sẽ gục ngã.

- Vâng, thừa cha, con sẽ gục ngã.

- Con sẽ chết.

- Vâng, thừa cha, con sẽ chết - nhưng ý chí xuất gia của con vẫn không thay đổi.

Ông Vaganta lắc đầu ứa lệ, thiểu não bỏ đi. Ông đến kể tất cả điều ấy cho bà Sàri nghe. Khóc ròng rã, bà chạy lại bên con:

- Con ơi! Hãy nghe lời cha mẹ! Không nghe lời cha mẹ là bất hiếu, con có biết không? Làm cho cha mẹ đau khổ, héo mòn là con đã làm việc đại ác trên trần đời, con có biết không? Luật Manou con đã học rồi, tuy mẹ không biết, nhưng chắc chắn các Đấng Tiên Tri có dạy về điều đó chứ? Dạy về bổn phận của con cái, nhất là con trưởng, đối với cha mẹ chứ?

Upatissa nghe lời mẹ nói, rung động và xao xuyến cả tâm hồn. Chàng im sững giây lâu.

- Thừa mẹ! Chàng cất giọng khẽ nhưng rành rọt - nếu bất hiếu thì con đã không xin phép cha mẹ, đã bỏ đi theo với chí nguyện của con! Từ nhỏ chí lớn, con chưa một lần nào làm lỗi trong bổn phận của đạo làm con. Cha mẹ chứng thực cho con điều ấy. Con cũng đã thờ kính cha mẹ như Đấng Phạm Thiên trong nhà. Cha mẹ chứng thực cho con điều ấy. Bây giờ, con xin được xuất gia, là con cần cầu sự xuất ly vô thượng. Con sẽ tìm ra Hạnh Phúc Bất Tử vì lợi ích cho con và cho cả phần đông. Con muốn hy sinh niềm vui bé nhỏ để đổi niềm vui lớn. Ôn hiếu dưỡng đối với cha mẹ đã có các em con thay nhau lo liệu. Riêng con, con muốn báo đền công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ bằng cái gì Chân Thật hơn, Vĩnh Cửu hơn.

Bà Sàri thờ dài, lệ tuôn như mưa, tắt tưởi lui vào phòng. Bà la môn Vaganta cảm thấy mình hoàn toàn thua cuộc trước ý chí của con, nhưng ông vẫn còn hy vọng mong manh là Upatissa sẽ không chịu đựng nổi đói và khát. Ông đã làm. Một buổi sáng và một buổi chiều nữa qua đi. Đêm xuống, ông lặng lẽ qua lại mấy lần. Upatissa vẫn đứng như vậy, thần sắc có thay đổi, dáng đứng đã nhiều lần chao động, nhưng tựu trung, chàng vẫn khoanh tay, mắt nhìn ra xa....

Trong bóng tối: những gốc cây, những cột nhà, những bức phù điêu, những tượng đá... như cùng đứng âm thầm, lặng lẽ, đồng lõa với chàng để lên án ông. Ông lắc đầu như cố xóa tan một ám ảnh. Mệt quá, ông lui vào phòng, thiếp đi.

Sáng ngày, người ta báo với ông rằng, Upatissa đã mấy lần khụy xuống, nhưng chàng vịn vào gờ tường, lại đứng lên. Chỉ mới hai hôm không ăn, không uống mà chàng đã yếu đi rõ rệt. Ông Vaganta run rẩy chống gậy bước ra. Nhìn con, không chịu nổi nữa, ông khẽ thốt:

- Upatissa! Thôi! Được rồi!

Ông chỉ nói có vậy rồi tắt tả lui vào phòng.

Upatissa biết thế là ông đã chấp thuận. Một niềm vui bừng sáng lóe lên trong mắt. Chàng ăn uống trở lại và sức khỏe hồi phục rất nhanh. Còn mẹ chàng, bà Sàri thì tránh gặp mặt chàng từ độ ấy. Sự đau khổ trong lòng người đàn bà không có thuốc thang nào mà chữa được. Đối với bà, Upatissa thoát ly gia đình, thế là nó đã chết. Bà phẫn hận những kẻ đã rủ rê con bà, đã kéo Upatissa ra khỏi vòng tay của người mẹ.

Sau này, mỗi lần nghe tin Upatissa đi theo đoàn Sa môn nào là bà vói theo chửi mắng đoàn Sa môn ấy không tiếc lời:

- Bọn ngoại đạo! bọn cù bơ cù bất! bọn không cửa không nhà! bọn trọc đầu dê tiện! bọn số đen xúi quẩy!

Nỗi đau thương của người mẹ mất con, quả thật không có hình ảnh thiêng liêng nào trên thế gian mà xóa mờ đi được.

Upatissa giờ như cách chim xô lồng, bay vào vòm trời mơ ước, nơi không gian tâm linh mênh mông, vô tận...

---o0o---

Lang thang tìm Đạo

Upatissa và Kolita, cả hai cùng cảnh ngộ như nhau. Cũng khó khăn lắm, Kolita mới được phép rời khỏi gia đình.

Bà Sàri vì buồn con, nên sau này không có cảm tình với Giáo pháp của Đức Bổn Sư. Còn bà Moggalli thì cũng vậy, mang mối hận thù sâu đậm với Tăng chúng Đức Cồ-Đàm cho đến tận đời.

Vì lợi ích tối thượng, hai chàng gạt nước mắt ra đi, nhưng ai cũng mang tâm nguyện trong lòng là sẽ trả ơn cha mẹ bằng cách báo đền cao cả, khác với thế tình.

Một sớm mai kia, họ cởi bỏ nhung lụa, đồ trang sức vàng ngọc, quàng lên mình mảnh y của đời du sĩ. Họ nhìn lại trang viện to lớn nguy nga còn ẩn mình trong sương sớm. Nơi cái tổ ấm ấy, đã ấp ủ cả một thời thơ trẻ. Ra đi là vĩnh biệt. Nhưng cánh chim trời có bao giờ nhớ lại cái tổ chào đời nơi một cội cây xưa? Cả hai đều bùi ngùi, nhưng ý chí xuất gia là tối thượng, họ quay gót lên đường.

Cả hai được tháp tùng bởi gần hai trăm rưỡi môn đệ. Họ nhắm hướng Vương-Xá thành. Upatissa nói với Kolita:

- Hiền đệ thân mến! Chúng ta ở trong truyền thống, các giáo phái ở trong truyền thống thật chẳng có gì đáng để chúng ta học hỏi nữa. Theo đệ, những giáo phái ngoài truyền thống, đáng để cho ta học hỏi, có những ai?

Kolita trầm ngâm một lúc lâu:

- Ở đây, ở vương quốc của tín ngưỡng này, các giáo phái chủ, các giáo phái sư, triết gia, tư tưởng gia, bọn ngụ biện, du sĩ, bọn hư vô chủ nghĩa, duy vật... thật đông đúc và ồn ào hỗn loạn, tanh tưởi như buổi chợ cá. Ai cũng lập tông, lập giáo, dạy đạo... trưng những bằng hiệu quảng cáo rẻ tiền. Bọn thì được các phú thương ủng hộ. Bọn thì được các tiểu vương hậu thuẫn. Bọn thì mưu đồ chính trị, lợi quyền... muốn hất cẳng sự thống trị của giai cấp Bà la môn... để giai cấp Sát-đế-lị lên làm chủ nhân ông xã hội. Giáo thuyết của Mahāvira thì nghe có vẻ uyên bác, Charvaka thì trông có vẻ thực

tế - nó chỉ ngón trỏ vào mặt mũi Thượng Đế và bảo rằng đây là con ngáo ộp! Chúng ta đã gặp Mahāvira và cả Charvaka, giáo thuyết của hai ông này tương đối là có kiến thức nhất trong bọn - nhưng đối với chúng ta quả chưa đáng một đồng trinh! Vậy chỉ còn là Sanjaya, một đạo sư uy tín lớn không nằm trong sự bủa vây của chính trị và bọn thời cơ chủ nghĩa; theo đệ, chúng ta hãy đến đây xem thử thế nào?

Upatissa đồng tình với bạn:

- Đầu óc chúng ta đã quá cũ. Tri kiến của chúng ta đã quá cũ. Từ lâu, chúng ta học hỏi theo với cái biết của cổ nhân, của kinh điển ngàn xưa để lại. Chúng ta có luận bàn, suy lý - cũng là luận bàn, suy lý bởi những giá trị có sẵn, đã mọc meo và ám khói trên những bệ thờ! Chúng ta ê a tụng kinh, đọc chú theo những dòng, những chữ chỉ còn là cái xác vô tri, lồm ngồm nhảy múa hàng ngang, hàng dọc trong một ẩn ngữ nào đó chỉ có ma quỷ mới hiểu được. Đâu cũng là thánh triết, thánh thư, đâu cũng là chân kinh, thánh kệ; đâu cũng mật thư, bí truyền; đâu cũng rêu rao chân phúc và bất tử; đâu cũng tìm kiếm thiên đường, phạm thể. Đâu cũng hện lại một kiếp sau ở những thế giới xa vời mù mênh sương khói... nào đó!

Hiền đệ! Chúng ta sẽ không mắc bẫy chúng nữa: những bọn đạo sư vinh thân phì da, vông lọng ngựa xe, chỉ đường cho chúng sanh sang thế giới bên kia nhưng chúng lại sống nung núc lợi dưỡng ở chính cõi đời ô trọc này! Thế nhưng, chúng lại ngụy biện, rằng ta là hiện thân của thần này, thần nọ; rằng ta phải ở trong vòng lửa cháy này để cứu độ chúng sanh! Vậy, chúng ta hãy đi tìm những ai có tri kiến tương tự như chúng ta, đã no phê, đã chán mưa mọi loại tư tưởng và triết lý - nghe ra có vẻ cao siêu nhưng thật vô ích, vô bổ cho sự giác ngộ và giải thoát.

Kolita gật đầu:

- Đúng vậy! Đầu tiên, chúng ta hãy đến viếng thử Sanjaya, kẻ mà chúng ta hâm mộ mà chưa có cơ hội gặp mặt tham vấn.

Sanjaya tiếp họ với cung cách một đạo sư lỗi lạc, và chẳng, Sanjaya cũng đã từng nghe danh tiếng hai huynh đệ trẻ tuổi thần đồng này.

Sanjaya lịch sự, cười mở:

- Quý hóa thay! Hiền hữu! Nhưng bản đạo ngại rằng sự hiểu biết hủ lậu, què mùa của bản đạo sẽ làm cho chư hiền hữu thất vọng mà thôi. Chẳng hay chư hiền muốn tìm kiếm cái gì? Thượng Đế chăng? Brahman chăng?

- Có lẽ không phải vậy, thưa giáo chủ! Chúng tôi đã tìm kiếm Thượng Đế, Brahman suốt cả tuổi thanh xuân rồi. Mà cho dẫu chúng tôi có tìm thấy Ngài, có được Ngài thì Ngài cũng chẳng có liên quan gì đến niềm vui, nỗi khổ và ý chí tự do nơi một chúng sanh nhỏ nhoi, bé mọn này!

Đạo sĩ Sanjaya giả vờ ngạc nhiên:

- Vậy ra chư hiền dám cả gan bước ra ngoài truyền thống? Bước ra ngoài giá trị xưa nay? Dám nghi ngờ sự bất lực của Thượng Đế để đi tìm kiếm một cái khác hơn?

- Đúng vậy - Upatissa đáp - Chúng tôi chỉ muốn giải quyết thân phận tại thế thật sự của con người: đây là Khổ đau và Sự chết. Nói khác hơn: chúng tôi muốn tìm kiếm Chân Phúc và Bất Tử!

- Đồng ý! Đạo sĩ Sanjaya thú vị nói - sự tìm kiếm của chư hiền là đáng trân trọng! Nhưng có bao giờ chư hiền suy nghĩ như vậy chưa? Nghĩa là chư hiền lấy cái gì để đi tìm kiếm? Thân và tâm này vốn là cái khổ đau và sinh diệt, chẳng lẽ nào chư hiền lại từ cái khổ đau và sinh diệt ấy mà đi tìm cái Chân Phúc và Bất Tử?

Upatissa và Kolita lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Quả thật, họ chưa từng đặt ra một câu hỏi như vậy.

Đạo sĩ Sanjaya nghĩ là phải lúc, nên thuyết một thời pháp:

- Chủ tri của bản đạo như sau: này chư hiền! Quả thật, Thượng Đế, Brahman, các tối cao thượng đẳng thần đều đã chết, đã thối và bốc lên mùi xú khí mấy ngàn năm! Kinh điển truyền thống đã mất hết hiệu lực, uy lực; không đáp vấn được những khổ đau mà chúng sanh phải gánh chịu trên trần thế, không giải thích được những nghi vấn thực tế của bước chân đi hần đau hữu hạn! Thế giới được sáng hóa hay không được sáng hóa cũng chẳng có ích gì ráo! Thế giới có phục sinh hay không được phục sinh thì bò cũng ăn cỏ và chó vẫn thích ăn phân! Các tư tưởng đương thời nom có vẻ tươi mát như cọng rau ở đầu chợ hoặc rôm rả như tiếng pháo nổ lên giữa thời đại này - về định mệnh, về tất yếu, về tự do - đều chỉ là món hàng bán rao giữa

đường phố, giá thì đắt mà xem ra chẳng bổ dưỡng gì! Những chủ thuyết về duy tâm, duy vật, duy danh, duy số, duy nghiệm, duy lý, duy sự... của các triết gia, của bọn hoài nghi, nguy biện, hư vô chủ nghĩa... cho đâu có hay cách mấy thì sự khổ đau trên thế gian vẫn cứ tồn tại và sự chết vẫn cứ lôi kéo chúng đi vào hang thẳm bất khả tri! Có phải vậy chăng?

Này chư hiền! Làm thế nào chúng ta có thể tìm biết vô hạn từ nơi khối óc hữu hạn? Làm thế nào chúng ta tiên tri về một thế giới mà chưa hề có một ý niệm nào về chúng? Con cá sống trong ao hồ tù đọng kia làm sao lại dám vỗ ngực rêu rao biết về thế giới của loài chim giữa bầu trời cao rộng? Một vốc nước cống trong lòng bàn tay lại dám phân tích chi ly để tìm ra nước của đại dương? Ôi! Thật sự là chúng ta không thể biết được cái gì hết!

Sợi lông kia sao lại màu hung hung mà nó lại không đen, không trắng, không vàng? Hạt cát này sao lại ở đây, nó có mặt từ kỷ nguyên nào, nó trầm luân sinh diệt ra sao? Ôi! chúng ta thật sự không biết gì hết. Thế mà các bậc đạo sư trên thế gian này thường đong lường thế giới vô biên bằng cái sở tri nhỏ nhoi, chật chội khôn cùng của họ. Chúng tự cao tự đại, mê hoặc tín đồ, xảo ngôn, loạn ngữ rằng là nắm chân lý ngàn đời trong bàn tay lông lá của chúng.

Này chư hiền! Chư hiền nghĩ thế nào? Những điều bản đạo nói có đúng hay chăng?

Kolita gật đầu:

- Quả như vậy! Thế gian này giống như năm người mù sờ voi, và rồi chúng cãi nhau chí chóc, ai cũng tưởng là mình đúng cả. Chẳng có ai nói đúng cái thực tại toàn bộ. Ai cũng nói từ nơi cái sở tri, sở kiến chủ quan của mình mà thôi.

Sanjaya mỉm cười hài lòng:

- Vậy thì chư hiền hãy ở lại đây, trong Giáo pháp này! Ta là đạo sư, là đức thầy của chư hiền! Ta sẽ hướng dẫn cho chư hiền con đường đến chốn "bằng an hằng cửu".

Kể từ hôm ấy, Upatissa và Kolita cùng với đồ chúng của mình làm môn hạ đạo sĩ Sanjaya. Nhờ vậy, tiếng tăm của giáo chủ Sanjaya bỗng trở nên vang dội.

Tuy thế, không bao lâu sau, Upatissa chợt trở nên thất vọng. Bao nhiêu lý thuyết của đạo sĩ Sanjaya, thật ra chẳng được bao lâu. Lý thuyết ấy chẳng qua là thuyết "bất khả tri". Tức là ý thức cái hữu hạn của mình trước thế giới vô cùng nên quan niệm rằng: "chẳng nên tìm biết cái gì cả". Họ bắt lực trước tuyệt đối, vô biên nên mong tìm sự an ổn tạm thời, phù du. Cái gọi là "bằng an hằng cửu" của Sanjaya chỉ là những trạng thái hỷ lạc của thiên định mà hành giả nào cũng có thể đạt được. Rồi trạng thái ấy, bởi tâm và trí chưa thật sự yên ổn nên khô đau, rối loạn, bất an sẽ trở lại y như cũ.

Upatissa nói với Kolita :

- Hiền đệ à! Có bao giờ hiền đệ thấy một bầu trời thanh lặng, xanh trong không một gợn mây? Khi nào nội tâm ta tạm thời yên lặng mọi vọng tưởng thì trạng thái xanh trong, thanh lặng của bầu trời kia hiện ra! Xem chừng, triết học của Sanjaya không cao hơn điều ấy. Vẫn còn những động lực tiềm tàng, những năng lực ở ẩn đâu đó. Đúng thời, bão tố sẽ đến. Dù duyên, sấm chớp sẽ nổi lên. Cái an ổn đâu có to lớn như bầu trời xanh trong, thanh lặng kia chúng vẫn ở trong định luật sinh diệt.

Kolita buồn bã đáp:

- Từ hệ thống triết học Vedanta, chúng ta bước ra ngoài truyền thống. Một bên là nô lệ một đấng chủ thể toàn năng với hàng ngàn vị thần tác oai tác quái, hí lộng đủ trò; một bên là đắm chìm vào một vài phúc lạc phù du, tạm thời quên mất cái tiểu ngã đau khổ. Hai đàng đều chẳng thể. Hai đàng đều vong ngã. Cái Chân Phúc và Bất Tử - nếu là cái quan niệm được thì nó phải là trạng thái đại hòa bình, dứt tuyệt mọi câu hỏi và mọi hoài nghi; dứt tuyệt luôn những năng lực tiềm tàng ở ẩn đâu đó trong nội tâm chúng ta, chờ cơ hội là chúng ló ra, thò chân quậy sóng. Bao giờ còn câu hỏi, còn hoài nghi, còn một cái gì đó chưa được yên là chúng ta còn phải lên đường tìm kiếm. Dù có gian nan, gục ngã, chúng ta vẫn không thôi chí!

Hôm kia, sau khi đi khát thực trở về, hai chàng tìm đến đạo sĩ Sanjaya:

- Bạch đạo sư! Bạch thầy! Triết học của thầy, con đường thực hành của thầy, chúng con đã được học hỏi, đã chứng nghiệm, đã liễu tri. Chẳng hay đây có phải là cứu cánh của những thiện nam từ bỏ gia đình, của những du sĩ sống hạnh khước từ?

Đạo sĩ Sanjaya ân cần đáp:

- Các người là những đệ tử ưu tú, ưu việt của ta. Triết học, giáo pháp ta đã nói hết rồi. Con đường thực hành, cái mà ta chứng đắc chính là hiện tại lạc trú, hiện tại Niết Bàn. Cái ấy chính là Chân Phúc và Bất Tử. Các người chẳng cần tìm kiếm đâu nữa. Hãy ở bên ta làm cánh tay mặt, tay trái của ta để giáo huấn môn đồ. Ấy là hạnh phúc tối thượng vậy.

Đôi bạn Upatissa và Kolita lặng lẽ nhìn đạo sĩ Sanjaya. Họ không muốn lý luận với đạo sĩ trong lúc này, vì thật ra, đâu biết triết lý và con đường thực hành kia chưa phải là cứu cánh, nhưng hai chàng cũng chưa tìm ra được ánh sáng nào.

Chẳng lẽ, chân lý xưa đã bị vùi lấp dưới những đống tro tàn? Chẳng lẽ nào những điện thờ, am miếu, thần tượng, kinh điển, chỉ còn là những biểu tượng khô kiệt tinh thần, chẳng còn một mảy may giá trị nội tại nào? Nhưng chắc chắn hai chàng không thể đánh đổi cả cuộc đời thanh xuân để mưu tìm một vài niềm vui huyễn hóa, sinh diệt.

Gởi lại hai trăm rưỡi đồ chúng ở đây, hôm sau, hai chàng xin phép đạo sĩ Sanjaya để lê gót du phương, lang thang khắp xứ Ấn Độ.

Với tấm y che thân, cái bát kiếm ăn; lúc nghỉ nơi cội cây, khi nơi đền miếu, am thất, nghĩa địa, rừng rú, làng mạc...; bánh trái vừa đủ no lòng, họ quyết tìm cho ra đạo lớn.

Nghe nơi nào có bậc đạo sư lỗi lạc họ đều tìm đến để tham vấn. Cái băng giá của Tuyết Sơn, cái lửa bỏng của sa mạc, cái hừng hực khô khát của miền hanh khô nhiệt đới... gót chân quý tộc ấy đều đã từng dẫm qua.

Chưa có ở đâu thỏa mãn được cho hai chàng về tri kiến. Cũng chẳng có ở đâu giải đáp rành rẽ cho hai chàng con đường Chân Phúc và Bất Tử.

Đôi bạn cảm thấy lạ lùng khi đối diện với những đạo sư suốt ngày ngồi trên tảng đá, khổ hạnh trầm tư, da bọc xương, mặc cho nắng lửa và mưa dầm. Họ nói rằng, muốn tìm kiếm chân phúc thì phải hủy diệt sự đòi hỏi của thân xác; bao giờ thân xác này được hành hạ, triệt tiêu đến tận cùng thì tinh thần sáng láng sẽ xuất hiện. Họ không có một ánh sáng trí tuệ nào khả dĩ thấy rõ lập luận thô thiển và máy móc ấy. Dẫu cho ngồi cả ngàn năm - ví có thể được

như vậy, thì Chân Phúc cũng không thể tự dung nó tìm đến. Dầu kia mà khô kiệt thì ngọn đèn cũng lụi tắt mà thôi.

Có những đạo sĩ tự treo chân, treo tay mình lên ngọn cây. Thế là họ cũng thực hành con đường về với Phạm Thế!

Có những đạo sĩ nhịn ăn, nhịn thở - dẫu có chôn sống họ năm bảy ngày cũng không sao! Tu như vậy thì những tượng đá ngàn năm cũng thành bậc A-La-Hán mất thôi!

Có những đạo sĩ nằm ngửa lưng, trườn lưng ở trên đường, họ đang hành hương đến quê nhà của Thượng Đế .

Có những đạo sĩ ngồi yên lặng, tịch nhiên giữa nghĩa địa, tóc dài quá lưng, chim làm tổ trên đầu, những ngón tay dài đâm sâu vào lòng bàn tay, họ ăn những gì xung quanh mà tín thí động tâm cúng dường! Có lẽ đối với những đạo sĩ này, hình ảnh Thượng Đế mà họ tìm kiếm, chắc cũng man dã và thú rùng như họ vậy!

Ôi! Thật là không kể hết hàng trăm, hàng ngàn phương pháp và lối tu khác nhau mà hai chàng đã bắt gặp, đã tham vấn, đã đàm đạo. Và nói chung, lối tu khổ hạnh là cái được quần chúng mến mộ nhất, kính trọng nhất. Ai tu khổ hạnh đệ nhất thì kẻ ấy được nổi danh nhất!

Tất cả giáo chủ, đạo sư trên toàn xứ Ấn Độ, nói chung, là đều đi tìm Phạm Thế. Họ đi bằng con đường khổ hạnh, ép xác; con đường thuật chú, bùa phép; con đường cúng tế, cầu nguyện; con đường trầm tư, thiền định. Con đường chân chính nhất là con đường thiền định, trầm tư - nhưng rồi cũng không đi đến đâu, không đưa đến tới thượng an lạc và giải thoát. Họ đắm chìm, dừng nghỉ, thọ hưởng thụ động nơi các tầng thiền Sắc giới - một loại dục vọng tinh thần tế vi. Không đắm ở đây thì họ rơi vào miền trầm mịch của hư vô: hư vô của không, của thức, của tướng! Tất cả đấy là cạm bẫy của những hành giả hướng thượng; là những tạo tác nhân quả vi tế, thanh lương; đều là pháp sanh diệt, chưa phải là cái Chân Phúc và Bất Tử.

Buồn nản quá, hai chàng thốt lên:

- Có lẽ nào! Có lẽ nào giữa trời đất mênh mông này không có một vị A-La-Hán, một bậc giải thoát đã bước ra khỏi vòng quay tất định của nhân quả, của nghiệp, của những buộc ràng hệ lụy, khổ đau? Có lẽ nào?

* * *

Bao năm qua rồi, nước da đôi bạn đã sạm nâu, phong trần; thân thể có gầy đi nhưng đôi mắt thì như tinh anh hơn, sáng rực hơn. Sau đôi vầng trán nhẵn bóng, phẳng lạng kia ẩn tiềm một tri thức vượt bậc, một giá trị tinh thần phong phú, đồng thời, cũng ẩn chứa những câu hỏi buốt lạnh như băng giá, những vấn nạn nóng rực như hỏa diệm sơn!

Bước chân quyết chí tầm đạo lang thang vô định, bây giờ thất bại, bất lực, mang họ trở về quê hương cũ: Vương-Xá thành! Hai chàng muốn trở về làng mạc thăm cha mẹ, bà con trước khi tiếp tục theo tiếng gọi viễn du.

Dấu sao hai chàng chưa thật sự tuyệt vọng. Lửa ngàn đời của khát vọng hiểu biết còn nung đốt ở bên trong; Chân Phúc và Bất Tử còn thúc hối, rượt đuổi đôi bạn trên đường trường - nên trước khi chia tay, họ cam kết với nhau rằng: "nếu ai tìm ra con đường Chân Phúc và Bất Tử trước thì người ấy phải tức khắc thông báo cho người kia và ngược lại..."

--- o0o ---

[03]

Ánh nắng siêu thoát

Vua Bình Sa Vương (Bimbisàra - Tần-Ba-Sa) trị vì quốc độ Ma-Kiệt-Đà (Magadha) - một đế quốc hùng mạnh, đóng đô tại kinh thành Vương-Xá (Ràjagaha) - là vị thí chủ đầu tiên của Đức Phật trong hàng vua chúa.

Khi thái tử Sĩ-Đạt-Ta thoát ly đời sống vương giả, trên đường lang thang tìm đạo, có ghé qua Vương-Xá thành. Và một hôm, nhà vua trông thấy Ngài, một đạo sĩ khiêm tốn đang đi khát thực trên đường phố. Vua lấy làm kính cảm khi thấy tướng mạo uy nghi, tư cách trang nghiêm, thanh tịnh của Ngài nên sai người đi dò thăm. Khi được biết rằng, thường bữa, sau khi độ ngộ thì vị đạo sĩ cao quý ấy ngụ tại Pandavapabbata, vua cùng đám tùy tùng đến viếng Ngài và trao đổi chuyện.

- Thưa Đạo Sĩ! Vua Bình Sa chấp tay cung kính hỏi - Trẫm thấy Đạo Sĩ có cốt cách và dung mạo khác thường, chắc hẳn không phải là hạng dân dã mà

xuất thân phải thuộc dòng tộc cao quý nhất, hùng mạnh nhất. Trẫm tò mò muốn biết, có khi không phải, mong Đạo Sĩ hãy xả bỏ qua cho. Rằng, lý do làm sao, Đạo Sĩ tuổi đang còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh, lại chấp nhận đời sống nghèo hèn của hạnh khước từ? Hiện tại đời sống ấy ra sao? Và tương lai, cứu cánh ấy như thế nào?

Đạo Sĩ Cồ-Đàm trả lời:

- Chẳng có gì, tâu Đại vương! Phía trước đây, không xa lắm, dưới chân Hy mã Lạp sơn, trong châu thành Kosala của những gia tộc cổ kính, một bộ tộc cường thịnh và phú túc: tôi xuất thân ở đấy, triều đại Thái Dương, dòng dõi Thích Ca (Sàkyā).

Vì nhận thức được mối hiểm nguy, tệ hại của thú vui vật chất nên tôi đã rũ bỏ vương bào, khoác mảnh y hoại sắc của người khát sĩ. Hiện tại tôi không còn muốn bám víu vào ngũ dục, tôi xuất ly chúng và cần cầu cái gì cao thượng hơn. Giờ đây tôi cảm thấy được thoải mái trong đời sống xuất gia. Tôi được an lạc, cảm ơn Đại Vương đã quan tâm!

Vua Bình Sa nghe vậy rất hoan hỷ, kính thỉnh Đạo Sĩ Cồ-Đàm, sau khi chứng ngộ đạo quả, hãy trở về viếng thăm vương quốc Ma-Kiệt-Đà. Đạo Sĩ Cồ-Đàm cũng hứa khả với đức vua như vậy.

Mấy năm sau, đấng đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật từ giã cõi Bồ Đề bên sông Ni Liên, lên đường chuyển bánh xe Pháp, gióng lên tiếng trống Bất Tử.

Đầu tiên, Ngài đến vườn Lộc Giả, độ cho năm anh em Kiều Trần Như - là những kẻ cùng tu khổ hạnh năm nào. Tại Ba-la-nại, Đức Phật độ cho Yasa và băng hữu của ông, cả thảy năm lăm người. Cùng với nhóm Kiều Trần Như là sáu mươi vị A-La-Hán, từ đó, Ngài thành lập Giáo Hội Tăng Già đầu tiên, gồm những người thuộc giai cấp lãnh đạo, có học thức, cao sang nhất trong xã hội thời bấy giờ.

Đức Phật quyết định gọi sáu mươi vị A-La-Hán đi khắp các nơi truyền bá Giáo Pháp mới mẻ này. Ngài nói với các đệ tử:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Như Lai đã thoát ra khỏi mọi sự trói buộc, dầu ở cảnh người hay ở cảnh trời. Các con cũng vậy, hãy các thầy tỳ-khưu! Các con cũng đã thoát khỏi mọi sự trói buộc, dầu ở cảnh người hay ở cảnh trời.

Hãy ra đi! Này các thầy tỳ-khưu! Đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem lại sự hạnh phúc cho nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem lại lợi ích, an lạc cho chư thiên và loài người. Mỗi người hãy đi mỗi ngã. Hãy hoằng dương Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối; toàn hảo trong cả hai: tinh thần và ngôn ngữ. Hãy công bố đời sống thiêng liêng và cao thượng, vừa toàn thiện, vừa trong sạch. Có chúng sanh vương ít bụi cát ở trong mắt sẽ am hiểu Giáo Pháp, hiện quán Giáo Pháp và thân chứng Giáo Pháp. Có chúng sanh dẫu ít bụi cát ở trong mắt, nhưng nếu không nghe được Giáo Pháp, liễu tri Giáo Pháp, chúng sẽ sa đọa.

Các thầy hãy ra đi vì lòng bi mẫn, vì lòng thương tưởng đối với chúng sanh đang khổ nạn; đang bị bít bùng, doanh vẫy bởi phiền não chướng, sở tri chướng. Chính Như Lai cũng phải ra đi. Như Lai sẽ đi về hướng Uruvela ở Sanànigàma. Như Lai sẽ đi qua vùng Chư-Thiên-Đọa-Xứ (Isipatana), đến Vương-Xá thành hoằng dương Giáo Pháp, cứu độ cho nhiều người hữu duyên.

Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí. Hãy gióng lên tiếng trống của Chân Phúc và Bất Tử. Hãy truyền dạy Giáo Pháp giản dị, thiết thực và cao siêu chưa từng được nghe. Hãy mang lại niềm hy vọng an bình cho nhân thế. Được vậy là các thầy đã làm xong việc phải làm trên đời này!

Sau khi Đức Phật tuyên bố như vậy, sáu mươi vị thánh A-La-Hán chia nhau đi các phương.

Đức Phật ghé vùng Chư-Thiên-Đọa-Xứ, độ cho ba mươi người xuất gia theo phạm hạnh. Ngài đến vùng Uruvela độ cho anh em ông Ca-Diếp cùng một ngàn đệ tử của họ. Trong một bài thuyết pháp về lửa ở Gàya Ngài đã độ cho không biết bao nhiêu người đắc quả, trong đó ba anh em ông Ca-Diếp đắc quả A-La-Hán.

Khi Ngài đến Vương-Xá thành, ở trong rừng kè thì chung quanh đã có hơn một ngàn thầy tỳ-khưu. Đức Phật trở lại đây, kinh đô nước Ma-Kiệt-Đà là thể theo lời thỉnh cầu trước đây của Bình Sa Vương.

Tin lành đến tai vua, vì danh tiếng của vị giáo chủ vô song này đã bay khắp vương quốc, chấn động cả kinh đô tín ngưỡng, rung động những con tim tôn giáo. Đức vua bèn hối hả cùng tùy tùng và thân quyến đến đánh lễ và thăm viếng Đạo Sĩ năm xưa.

Một vùng hào quang xán lạn và yên tĩnh từ kim thân Đức Phật tỏa ra, vua Bình Sa cúi đầu rồi thành kính chiêm ngưỡng, và biết chắc, đây là một bậc Đại Giác Ngộ đích thực đã ra đời. Sau thời pháp, ánh sáng chân lý đến với mọi người. Bình Sa Vương đắc quả Tu-Đà-Hườn, xin quy y Tam Bảo; sau đó, Đức vua xin thỉnh Đức Phật và Tăng Chúng về cung điện thọ trai ngày hôm sau.

Trong dịp này, Bình Sa Vương xin làm bốn phần của một đệ tử cư sĩ, ngõ ý cúng dường khu Trúc Lâm của mình - là nơi không xa cũng không gần thành phố - để cho Chư Tăng dễ dàng hành đạo; và để cho những ai, có thể đến thính pháp rất tiện lợi. Đây là khu rừng tre mát mẻ, ban ngày không ồn ào, ban đêm yên tĩnh, kín đáo mà khoáng khoáng, trong lành.

Trúc Lâm còn được gọi là nơi trú ẩn của loài sóc, tại đây, Đức Phật đợi chờ cho nhân duyên chín muồi để độ cho hai nhân cách siêu việt, hai vị đại đệ tử, hai ngôi sao của Giáo Hội. Ấy là Upatissa (Xá-Lợi-Phất) và Kolita (Mục-Kiền-Liên) vậy.

* * *

Khi Đức Thế Tôn đang ở Trúc Lâm thì Đại Đức Assaji, một trong năm vị đệ tử A-La-Hán đầu tiên thuộc nhóm Kiều Trần Như, theo lời dạy của Đức Phật, lên đường chuyển bánh xe Pháp, cùng đi về một phương với Đức Phật, theo hướng Vương-Xá thành.

Nhân duyên của Upatissa đã đến.

Hôm đó, chàng cũng ở tại Vương-Xá thành, đang trên đường đi thăm đạo sĩ Sanjaya, thì chợt nhiên nhìn thấy một tu sĩ y bát trang nghiêm, dung nghi từ tốn; mắt nhìn xuống, tĩnh lặng, khiêm hòa; gương mặt trầm tĩnh, buông xả và tự tại. Tất cả đầy biểu lộ một sự vắng lặng, an tịnh, ổn định sâu xa ở bên trong; nó còn nói lên một sự dừng lặng, ngưng nghỉ, tĩnh tại - cái không còn xôn xao, lãng xãng tìm kiếm! Vị Đại Đức khả kính nọ khoan thai, chững mực đi từ nhà này sang nhà khác, nhận lãnh ít vật thực khiêm tốn từ tấm lòng của mọi người. Cốt cách siêu phàm và bình dị của bậc chân tu khiến Upatissa tò mò để ý. Chưa bao giờ chàng được gặp một Bà la môn, Sa môn, một đạo sĩ, một tu sĩ, một nhân cách, một con người bình thường và vĩ đại như vậy. Chắc chắn Ngài là một trong những vị đã đắc quả A-La-Hán (lý

tướng phổ thông thời bấy giờ) hay ít ra là một trong những vị đang đi trên con đường dẫn đến đạo quả A-La-Hán.

Upatissa tự nhủ: "- Ta hãy đến gần và hỏi Ngài: Vì sao Ngài thoát ly thế tục? Thầy của Ngài là ai? Ngài truyền bá giáo lý gì?"

Tuy nhiên, thấy Đại Đức Assaji đang yên lặng đi trì bình, Upatissa không dám làm rộn Ngài.

Khi Đại Đức Assaji đi bát xong, hướng mắt đến một khu rừng xa cát bước, Upatissa cung kính đi theo sau, tự nghĩ:

"- Chắc hẳn Ngài đang tìm đến một nơi an tịnh phải lẽ để độ thực. Ta sẽ đi theo Ngài, tìm cách hầu hạ Ngài như một người đệ tử. Rồi ta sẽ hỏi đạo từ nơi Ngài."

Đại Đức Assaji biết có người đi theo sau, nghĩ rằng:

"- Mấy ông du sĩ ngoại đạo này thường cống cao, ngã mạn. Chúng không biết rằng, khi Đức Thế Tôn xuất hiện ở trên đời thì tất cả các giáo phái chủ, giáo phái sư của chúng chỉ còn là những ngọn đèn le lói, những con đom đóm lập lòe! Thế mà chúng cứ muốn đem so ánh sáng của mình với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng! Tuy thế, ta cứ để cho chúng muốn làm gì thì làm với cái lập lòe, le lói ấy! Không ai có thể phá rối được sự an tịnh của những đệ tử Đức Tôn Sư - đâu là uy lực của Chư Thiên, Phạm Thiên, ma quân hay loài người!"

Đến một lùm cây cao, có bóng mát, Đại Đức Assaji đưa mắt nhìn bao quát một vòng rồi dừng chân lại.

Upatissa hiểu ý Ngài đã tìm ra được chỗ nghỉ, nên nhanh nhẹn lấy chiếc tọa cụ của mình mang theo, trải ra trên đám cỏ bằng phẳng, sạch sẽ rồi thưa rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy an tọa trên tấm tọa cụ này. Xin Ngài hoan hỷ tiếp thọ tấm lòng thành kính của con.

Đại Đức Assaji gật đầu đáp trả, mỉm cười bình lặng, ngồi xuống rồi mang bình bát ra, để bên chân rồi thông thả độ thực. Ngài dùng chậm rãi, từ tốn, an trú chánh niệm trước mặt, rất ráo hiện quán, rất ráo tỉnh thức.

Upatissa đứng một bên, vòng tay cung kính, nét mặt trang nghiêm, bình lặng.

Một ý nghĩ khởi sanh trong tâm Ngài Assaji:

"- Người này, vị du sĩ trẻ tuổi này; tuấn mỹ, trang nghiêm và rất mực cung kính này - biểu lộ một sự chân thực hiếm có! Ta chưa từng thấy ai, biết ai trong hàng ngoại đạo lại toát ra cái vẻ tri thức đích thực, đạo hạnh và khiêm tốn hy hữu như vậy. Phải chăng, đây sẽ là một đóa kỳ hoa khi được ánh nắng siêu thoát của Đức Tôn Sư dọi đến?"

Đại Đức Assaji vừa rời tay khỏi bình bát sau khi thọ thực xong, Upatissa đã nhanh nhẹn và cẩn trọng dâng đến Ngài nước rửa, nước uống, tắm xĩa răng mà những du sĩ hành cước luôn luôn mang sẵn bên mình.

Đại Đức Assaji im lặng thọ nhận, tự nghĩ:

"- Không phải không duyên cớ mà y đến bên ta, cung kính và hầu hạ ta với tư cách một người đệ tử thuần hậu, ngoan ngoãn. Ta hãy tìm một chỗ phải lẽ để nghỉ ngơi, sau đó, thì giờ ta sẽ dành cho thiền định, an trú tâm giải thoát rồi ta sẽ xem thái độ của y ra sao."

Đại Đức Assaji đứng dậy. Upatissa nhanh chóng thu dọn, cất đặt mọi thứ rồi thưa rằng:

- Bạch Ngài! Chẳng hay Ngài có ý định tìm một gốc cây khác, một khu rừng khác để tĩnh chỉ vào buổi trưa? Đệ tử xin được đi theo hầu hạ, có việc gì xin Ngài cứ tùy nghi sai bảo.

Đại Đức Assaji đáp:

- Bần đạo đã hoan hỷ thọ nhận tất cả mỹ ý của ngài rồi, vị du sĩ trẻ tuổi ạ! Nay đến thời tĩnh chỉ của bần đạo, khởi phiên đến ngài nữa. Không rõ bần đạo có thể giúp ích được gì cho ngài đây?

Upatissa thỉnh Đại Đức Assaji ngồi xuống trở lại trên tấm tọa cụ của mình, cung kính đánh lễ sát đất, ôm chân bụi của Ngài rồi bạch:

- Đệ tử lang thang tìm Đạo đã nhiều. Đệ tử đã lê gót ta bà khổ hạnh khắp mọi quốc độ, nghe nơi nào có vị đạo sư lỗi lạc đệ tử đều tìm đến chiêm ngưỡng, cúng dường, học hỏi giáo pháp. Đệ tử ở trong truyền thống Bà la môn đã học hết kinh điển Bà la môn, tu tập hết mọi con đường dẫn đến Phạm Thế, nhưng cuối cùng vẫn bế tắc và khổ đau. Bao năm nay đệ tử khẳng khái phát tay từ bỏ chúng, bước ra ngoài chúng; đã học hỏi với rất nhiều giáo phái, rất nhiều chân sư hiện đại nhưng Chân Phúc và Bất Tử vẫn không tìm thấy!

Bạch Ngài, vị Sa môn khả kính! Đệ tử chưa từng thấy ai có được ngũ quan trong sáng, bình thản và an tịnh như Ngài. Phong thái của Ngài mới tươi mát, tịch tịnh và siêu thoát làm sao! Bạch Ngài! Con chiêm ngưỡng Ngài như thế rồi tự nghĩ: "Đây đúng là nhân cách của bậc vĩ nhân A-La-Hán hay ít ra là cũng đang trên đường đi đến đạo quả A-La-Hán".

Vậy xin Ngài hãy dạy cho con biết, vì mục đích nào mà Ngài thoát ly thế tục? Có ai làm Tôn Sư của Ngài trên đời này không? Ngài thọ giáo với ai? Và Giáo Pháp Ngài thọ giáo ấy nó như thế nào?

Vị A-La-Hán chăm chú lắng nghe, tự nghĩ:

"- Đúng là y đã nói tận đáy lòng. Đúng là một du sĩ có học thức, có lễ độ, có hạnh kiểm. Đúng là y đã từng nỗ lực cần cầu sự an ổn, vượt thoát mọi khổ ách ở trên đời."

Ngài bèn khiêm tốn trả lời - thái độ khiêm tốn, chùng mực là đặc điểm của bậc Thánh nhân.

- Nay vị du sĩ trẻ tuổi chân thật! Bần đạo chỉ là một tu sĩ sơ cơ. Bần đạo chỉ mới tập tành bước chân vào Giáo Pháp này. Bần đạo ít học, ít ngôn ngữ, ít khả năng nên thật không đủ sức giảng giải Giáo Pháp một cách rành rẽ được.

Upatissa thành kính nói:

- Kính bạch Ngài! Con là Upatissa, xin Ngài cứ chỉ giáo cho con ít nhiều. Dầu chỉ một ít nhưng con sẽ cố gắng tự tìm hiểu Giáo Pháp bằng trăm ngàn cách.

Và chàng lại đánh lễ một lần nữa:

- Con là người khao khát Giáo Pháp như hạn hán trông mưa, nhất là thứ Giáo Pháp mà Ngài đã uống vào lòng rồi tỏa sáng, chói ngời nơi tứ oai nghi, nơi cung cách và nơi tác phong của Ngài. Xin Ngài hãy ban cho con một ít về Giáo Pháp ấy. Ngài chỉ cần một vài lời tóm tắt. Dẫu một vài lời nhưng là cái căn bản, cốt lõi và thiết yếu nhất.

Biết lòng khẩn, thiết tha của chàng thanh niên, Đại Đức Assaji nói:

- Vậy này hỡi người du sĩ đáng mến! Bàn đạo sẽ tóm tắt gọn ghẽ triết lý cao siêu của Đấng Tôn Sư. Hãy lắng tai để nghe, hãy lấy trí để thấy:

"Các Pháp phát sanh do bởi một nhân,
Nhân ấy, Đức Như Lai đã chỉ rõ.
Và Ngài cũng dạy phương pháp để,
diệt tắt nhân ấy.
Chính đó là giáo huấn của vị Đại Sa môn!"

Bốn câu kệ tóm tắt toàn bộ Giáo Pháp thật giản dị mà cũng vô cùng cao siêu. Trí tuệ của Upatissa lúc bấy giờ có lẽ đã thuần thục để thấu triệt chân lý ấy. Như một ánh nắng, một tia sáng... Chỉ cần một gợi ý, một mở phôi... là Upatissa thấy hé lộ một con đường đi đến Chân Phúc và Bất tử! Còn kỳ diệu hơn thế nữa, là không đợi đến lúc Đại Đức Assaji đọc xong bốn câu, mà chỉ mới hai câu đầu tiên thôi - Upatissa đã chứng quả Tu-Đà-Hườn (Sotapati), đã đi vào dòng Thánh.

Upatissa đứng lặng hồi lâu, toàn thân chàng chấn động mạnh: một trạng thái siêu thoát đã đến với tâm trí chàng!

Xúc động, cảm kích, tri ân bàng hoàng lẫn lộn - Upatissa quỳ xuống ôm chân Đại Đức Assaji, nghĩ rằng:

" Ý nghĩa của sự giải thoát, Chân Phúc và Bất Tử ta đã tìm thấy ở đây rồi."

Bèn nói:

- Bạch Ngài! Đệ tử đã tìm thấy rồi. Thật là siêu thoát và vĩ đại là Giáo Pháp vô thượng này. Xin Ngài đừng giải rộng thêm nữa. Đối với đệ tử, vậy là quá đủ rồi, quá đủ cho mục đích của một thiện gia nam tử xuất ly cần cầu an ổn mọi ách phược trên trần thế.

Đại Đức Assaji biết vị du sĩ trẻ tuổi đã đắc pháp nhãn, đã thấy ánh-sáng-của-con-đường, bèn tiếp:

- Hãy đi đến bên chân Đức Tôn Sư, Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác - Ngài còn có cả một kho tàng Pháp Bảo, chỉ để dành cho những ai có trí.

- Bạch Ngài! Hiện Đấng Vô Thượng Giác giờ ở đâu?

- Này kẻ tầm Đạo! Cũng gần đây thôi. Đức Tôn Sư hiện đang ở rừng Tre, chỗ trú ẩn của loài sóc.

- Bạch Ngài! Rồi đệ tử sẽ đến đó. Hiện giờ, đệ tử có một người bạn thân, cũng cần cầu Giáo Pháp như đệ tử vậy, trước khi chia tay, có lời hẹn ước như sau: "Nếu ai tìm được Đạo Bất Tử trước tiên, phải chỉ lại cho người kia." Nay đệ tử phải thông báo cho bạn niềm vui bất tử này. ất hôm nữa thôi, chúng đệ tử sẽ đến quy bên chân Đức Giáo Chủ vô song.

Upatissa cung kính quỳ mọp đánh lễ Ngài Assaji, từ giã, sau đó, đi tìm Kolita.

Thấy bạn với dáng đi, với nét mặt tỏa sáng rạng rỡ kỳ lạ chưa từng được thấy, Kolita ngạc nhiên hỏi:

- Này hiền huynh! Phải chăng hôm nay hiền huynh đã tìm ra Đạo Bất Tử?

-Phải, hiền đệ ạ! Thật là hạnh phúc thay cho chúng ta, cho tất cả chúng sanh, vì Đạo Bất Tử đã thật sự có mặt trên đời này. Một Đức Thế Tôn, một nhân cách vô song, một bậc A-La-Hán vĩ đại - đã tuyên bố một Giáo Pháp vô song và vĩ đại chưa từng được nghe! Huynh đã nếm được hương vị đầu tiên của Giáo Pháp ấy qua đệ tử của Đức Vô Thượng ấy. Bây giờ, hiền đệ hãy lắng tai để nghe, lấy trí để thấy... đây là bốn câu kệ tóm tắt Giáo Pháp bất diệt ấy...

Nói thế xong, Upatissa đọc lên. Khi bốn câu kệ ngôn vừa chấm dứt, cũng như Upatissa, Kolita chấn động cả châu thân, ánh sáng Bất Tử lóe hiện: Kolita nhập vào giòng Thánh, đắc quả Tu-Đà-Hườn.

Cũng im lặng giây lâu, cũng bàng hoàng xúc động như Upatissa, Kolita chấp tay cung kính:

- Quả thật là Giáo Pháp tối thượng, vĩ đại đã xuất hiện ở trên đời do một Đấng Đại Giác - vì lợi ích cho chúng sanh. Con xin cung kính đánh lễ Giáo Pháp ấy. Con xin cung kính tri ân Giáo Pháp, đã cho con thấy bến, thấy bờ, thấy được ánh sáng vinh quang và bất tử.

Kolita run run nắm tay bạn:

- Này hiền huynh! Vậy Đức Thế Tôn giờ ở đâu?

- Thầy của huynh cho biết rằng, Đấng Đại Giác hiện ở Trúc Lâm, tức là rừng Tre của vua Bình Sa.

- Chúng ta hãy mau mau đến chiêm bái Ngài.

Upatissa suy nghĩ một lát:

- Vâng, rồi chúng ta sẽ đến chiêm ngưỡng Ngài, sẽ quy y với Đấng Đại Giác ấy. Nhưng hiền đệ nghĩ như thế nào, có nên thông báo sự kiện hy hữu này cho thầy cũ của chúng ta, đạo sĩ Sanjaya hay biết chăng? Có nên thức tỉnh thầy của chúng ta từ bỏ mớ giáo lý hời hợt, nông cạn, ồm ờ đánh lận con đen bằng cái triết học "bất khả tri", với cái cội "bình an hằng cửu" giả tạo ấy hay không? Khi mặt trời chân lý đã có mặt - thì tất cả ngọn đèn của các triết thuyết trên thế gian sẽ không còn rọi sáng cho ai được nữa!

Kolita gật đầu:

- Phải lắm! Tất cả các con suối, con sông cuối cùng phải đổ vào con sông Đại Hằng, cùng thế ấy, hãy thuyết phục thầy cũ của chúng ta đi theo ánh đạo Quang Vinh Bất Tử.

---o0o---

Người thầy cũ

Trên đường đến tu viện của đạo sĩ Sanjaya, đôi bạn thấy thấp thoáng khá nhiều tu sĩ áo vàng. Ngạc nhiên làm sao, họ mới chú tâm để ý. Cũng là áo vàng, cũng là màu hoại sắc, nhưng trông những tu sĩ này hoàn toàn khác xa với những tu sĩ khác nhan nhản khắp nhiều quốc độ. Trông họ có vẻ gọn gàng, sạch sẽ và tươi tắn làm sao! Những vị này đều đồng loạt cạo bỏ râu

tóc; và cách đi đứng, phong thái, nét mặt của họ đều toát ra vẻ an nhiên, tĩnh lặng - thật khác xa với những tu sĩ ngoại đạo, lúc nào cũng nhuốm vẻ âu sầu, vàng vốt, hốc hác, đăm chiêu, lơ đãng, hời hợt, hấp tấp, kỳ bí, tóc tai rối bù, kỳ hình dị dạng, diêm dúa, dơ bẩn v.v...

Chỉ chừng ấy thôi, đôi bạn đã xác tín được đâu là thiện mỹ! Giáo Pháp ấy có một uy lực, một năng lực cảm hóa con người và cuộc đời. Giáo Pháp ấy không ru ngủ, huyền hoặc con người trong lời kinh tiếng kệ trầm buồn chỉ có tác dụng của liều thuốc an thần và hứa hẹn những thiên đường cực lạc xa xăm. Giáo Pháp ấy đã lôi dục vọng con người từ bỏ lý tưởng đại ngã, chân ngã rộng tuếch, phù phiếm trở về trực diện với hiện tại bằng sự tỉnh thức, chánh niệm nơi mỗi bước đi, hơi thở. Họ thấy, những đệ tử của Đức Vô Thượng, có lẽ là bạn của thầy ta, đang chậm rãi, thông dong, hiện quán trong từng cử chỉ, từng tâm niệm. Và rõ ràng, an lạc, hạnh phúc như tỏa sáng dịu dàng trên từng khuôn mặt, phơi phới, tươi đẹp làm sao! Ôi! Giáo Pháp và Giáo Hội của Đức Tôn Sư, quả thật, đã thổi một luồng sinh khí, mới mẻ, trẻ trung, trang nghiêm và trong lành - xua tan hương khói âm u của đền miếu, hang động, bùa chú, phù phép... đã tù đọng ngầy ngật mấy ngàn năm trong sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng của đất nước này. Và còn hơn thế nữa, đã lôi được tinh thần con người ra khỏi những triết lý một chiều, phiến diện; đám sương mù chia chẻ của lý luận; những học thuyết xa rời thực tế cuộc sống; những cầu nguyện cuồng tín về những thế giới "bất khả tri"!

- Vậy thì chúng ta phải cương quyết lôi kéo thầy của chúng ta từ bỏ nơi mê lộ mà tìm về với chánh đạo.

- Đúng thế! Upatissa đáp lời Kolita - một tín ngưỡng trong sáng và lành mạnh, một Giáo Pháp trong sáng và lành mạnh, một Giáo hội trong sáng và lành mạnh của những tu sĩ trong sáng và lành mạnh đang có mặt ở thế gian này - dĩ nhiên là phải để dành cho những căn cơ thượng trí!

Thầy của chúng ta lẽ nào không có tai để nghe, không có mắt để thấy, không có trí để tìm hiểu?

Gặp lại hai người học trò ưu tú, đạo sĩ Sanjaya rất mừng vui. Sau một hồi đưa đẩy xã giao, Sanjaya hỏi thúc đôi bạn kể cho nghe những việc xảy ra trên bước đường lang thang tìm đạo bấy nay. Ông hy vọng là họ đã trở về lại với ông nên tỏ ra thông cảm sâu sắc:

- Ta hiểu lắm! Cuộc lang thang tầm đạo dĩ nhiên là nhiều khê, vất vả lắm! Đi một ngày đàng, học một sàng khôn - thế gian còn bảo thế, huống chi đây là tháng ngày đi tìm chân lý. Vậy trí khôn của các người giờ như thế nào? Có vị chân sư, giáo chủ nào bước qua được thế giới "bất khả tri" của ta chăng?

Không trả lời câu hỏi của đạo sĩ Sanjaya vội, Upatissa chậm rãi thuật lại một cách tóm tắt công việc tầm đạo của hai chàng cho đạo sĩ Sanjaya nghe. Upatissa thừa khôn khéo để nói rằng, quả thật đi khắp mọi phương trời cũng không tìm đâu ra một chân lý siêu việt, cuối cùng, mệt mỏi, bất lực - hai chàng trở lại Vương-Xá thành...

Mới nghe nói đến đây, Sanjaya cười ha hả, cướp lời:

- Đấy! Ta nói có sai đâu! Tất cả triết gia, giáo phái chủ, giáo phái sư trên đời này... đều là những con đom đóm, sao sánh được ngọn đèn minh triết của ta?

Upatissa đoán biết là sẽ có câu nói ấy từ cửa miệng của đạo sĩ Sanjaya, nên chàng gật đầu:

- Bạch thầy! Thầy đã nói đúng! Quả thật tất cả giáo phái chủ, giáo phái sư trên đời này chỉ là ánh sáng đom đóm và giáo pháp của thầy là ngọn đèn...

Đạo sĩ Sanjaya gật đầu hoan hỷ:

- Các người biết thế là hay! Biết thế là hay!

Kolita nhẹ nhàng nói:

- Nhưng mà thầy ạ! Chúng đệ tử vừa gặp một Giáo Pháp, mà Giáo Pháp ấy lại sáng rõ như mặt trời mặt trăng kia!

- Cái gì? Cái gì? Các người vừa nói cái gì?

Sanjaya nhồm dậy, đã mất hẳn bình tĩnh.

Upatissa bèn kể lại, rằng, ngày hôm qua, tại đây, tại Vương-Xá thành này, chàng đã gặp được đệ tử của Đức Thế Tôn ra sao, cả hai chàng đều thấy rõ ràng Giáo Pháp ấy tỏa sáng tự trời cao, soi rọi mọi ngõ ngách tối tăm của phiền não và sở tri, đã thật sự đem đến an lạc tối thượng cho con người như thế nào...

Rồi Upatissa thỉnh nguyện:

- Bạch Thầy! Vì trọng thầy, mến thầy, và để đáp đền ơn nghĩa cũ - chúng đệ tử tha thiết mong thầy từ bỏ giáo pháp này, cùng đi với chúng đệ tử đến quy y với Đức Tôn Sư Vô Thượng.

Nghe xong, đạo sĩ Sanjaya ngạc nhiên la lên:

- Cái gì? Các người nói cái gì vậy? Đến làm đệ tử ông Thế Tôn ấy; người có Giáo Pháp vĩ đại như mặt trời, mặt trăng? Xem nào, các người có lầm lẫn không đây! Ta đây đã là tôn sư của nhiều người - bây giờ theo ý các người là phải từ bỏ tất cả, đừng làm tôn sư nữa, mà hãy đi làm đệ tử? Có xuẩn ngốc không chứ?

Sanjaya giận dữ, phát y đứng dậy, cất giọng ròn rảng:

- Đừng có thuyết phục ta những việc vô lý như thế! Danh dự và địa vị của ta không thể trong một lúc mà đem thả trôi sông. Ta đã nhất tâm khổ hạnh tu chứng, đạt được thiên định bậc cao. Ta lại cố công giáo huấn môn đồ, gây dựng cơ sở vật chất, tổ chức đời sống tu học cho người xuất gia và tại gia. Tất cả đều thịnh mãn, trù phú và tốt đẹp. Thành quả này không dễ gì một sớm một chiều mà có được, không dễ gì ai cũng làm được. Phải đầy đủ trí tuệ, dũng lực, bản lãnh, nghị lực, phước báu cùng từ bi tâm. Đáng lý ra, các người là hai đệ tử ưu tú của ta, phải ở bên ta, tiếp sức với ta, làm cho danh dự, tiếng tăm và địa vị của ta mỗi ngày mỗi to lớn, lan rộng, lan xa ra mới phải. Danh dự, tiếng tăm và địa vị của ta cũng là của các người. Ở bên ta, ta có cái gì là các người có cái ấy... thử hỏi các người còn đòi hỏi cái gì nữa mới được chứ?

Upatissa và Kolita thất vọng vô cùng. Trước đây, Sanjaya bao giờ cũng có vẻ trầm tĩnh, độ lượng, nghị luận sắc bén; thường chứng tỏ một nội lực, một sức học thâm sâu. Bây giờ, ông đã lộ trần trùng bản chất một con người nóng nảy, cạm cợt, ham danh, ham lợi một cách quá thô thiển.

Sanjaya vẫn không dừng lại ở đó:

- Hả? Tại sao các người lại im lặng? Trên đời này, có ai đại khờ đánh đổi một thành quả to lớn như vậy để chỉ lấy cái bát xin ăn, làm một đệ tử với hai bàn tay trắng, không tiếng tăm, không danh vọng?

Upatissa và Kolita vẫn im lặng.

Bất đồ, Sanjaya nắm bình hoa trên bàn ném xuống đất vỡ toang: những mảnh sành nhỏ va nhau loảng xoảng. Ông chậm rãi cúi xuống, lựa chọn, rồi cầm lên tay một mảnh nhỏ, nhìn hai người, cất tiếng:

- Nói đi, nói đi! Theo ý các người thì mảnh sành này hứng được bao nhiêu giọt nước?

Vì nể thầy Kolita đáp:

- Ít thôi, chỉ vài giọt là cùng.

- So với chiếc bình to chưa vỡ kia?

- Bạch thầy, chẳng thể đo lường được!

Đắc ý, Sanjaya cười to lên:

- Thấy chưa! Tự các người nói đây! Các người muốn ta tự đập vỡ cái bình to của mình ra, để nhận lại cái mảnh sành chút xíu mà đựng nước! Chỉ có kẻ ngu mới làm vậy phải không?

Trí tuệ Upatissa chột máy động. Dùng lý luận của đối phương để đập vỡ lý luận của đối phương là chuyện mà chàng thường làm. Nếu muốn, chàng chưa bao giờ hạ phong trước một ai cả. Ở đây, tuy nhiên, không phải là vậy, chàng chỉ muốn sử dụng sự sắc sảo của lý luận để thức tỉnh đạo sĩ Sanjaya mà thôi. Cho nên, để từ từ đưa Sanjaya vào lưới bủa của chính ông ta, chàng hỏi:

- Bạch thầy! Có thể nào, cùng một câu chuyện cái bình và mảnh sành mà đệ tử lại hiểu một cách khác không?

- Làm sao lại khác được!

- Ví như đệ tử hiểu ngược lại rằng: cái bình kia nếu thầy khẳng khái đánh vỡ thì tốt đẹp cho thầy biết bao!

- Làm gì có chuyện đó! Cái chuyện bình vỡ mà tốt đẹp là điều lạ thật đấy, đáng phục thật đấy!

Kolita chăm chú lắng nghe, không hiểu được trí tuệ của vị sư huynh mình sẽ dẫn câu chuyện đến đâu! Một trực giác xẹt đến. Ô! Chàng đã hiểu. Bất giác chàng mỉm cười.

Upatissa thấy Sanjaya đã rơi vào tròng; nghiêm trang và cứng rắn, chàng cất giọng trầm hùng, đanh thép, không khoan nhượng:

- Bạch thầy! Theo giáo lý truyền thống Bà la môn thì mỗi chúng sanh là một tiểu ngã. Gọi là tiểu ngã nhưng trải qua bao kiếp luân hồi, từ vô thủy đến nay, nó tích lũy không biết bao nhiêu là ác nghiệp, hận thù, oan trái; nó thu góp không biết bao nhiêu là tham muốn xấu xa, độc ác. Thế mà đã đủ đâu, cái tiểu ngã ấy chất chứa vô lượng dục vọng rồi mà nó vẫn cảm thấy chưa đủ, chưa thỏa mãn - nó còn muốn phồng cho to lên bằng đại ngã kia!

Thưa thầy! Dục vọng trong mỗi chúng sanh chính là những cái bình chứa ấy. Cái bình chứa ấy ở nơi thầy, hiện giờ nó đựng được nhiều thứ lắm. Nó đựng đầy trong lòng nó nào là kiêu căng, ngã mạn, tối tăm, tham vọng cùng sân si giận dữ!

Ngoài ra, cái bình tiểu ngã rất to của thầy còn có công năng diệu dụng khác; có thể cắm lên đấy những cành hoa lộng lẫy, diêm dúa như trưng lên những bảng hiệu quảng cáo mạ bạc thếp vàng lóng lánh: hoa này là vì giáo pháp, hoa này là vì đệ tử, hoa này là vì lợi lạc cho quần sanh, hoa này là vì chân lý tối thượng, hoa này là vì xả kỷ vị tha v.v...

Ôi! May mắn làm sao! Đáng mừng làm sao! Cái bình to ấy, hôm nay, thầy của chúng ta đã đập vỡ đi rồi!

Sanjaya nín lặng, nghẹn họng, tịt nghĩ:

"- Chúng đã dùng lý luận khôn khéo để bẻ gãy lý luận của ta dễ dàng như thò tay lấy đồ vật ở trong túi. Chúng đã dùng chính cái gậy của ta để đập lên cái sọ của ta, thế nhưng, ta đã không đỡ nổi. Chúng đã dùng chính cái lưới của ta để bủa vây ta, thế nhưng ta đã không thoát ra khỏi."

Upatissa bắt tiếp mũi tên thứ hai:

- Bạch thầy! Chúng đệ tử không nghĩ rằng, danh vọng, tiếng tăm, địa vị,... cho chí lâu đài, vương tước, bầy báu, gia sản vật chất đầy đầy Châu Diêm Phù Đề... lại quý trọng đến vậy. Khi đã đập vỡ cái bình rồi, thầy sẽ thấy như thế. Chỉ có một vương quốc thật sự đáng quý trọng, đó là những lời Pháp chơn chánh. Chỉ có một vương quốc thật sự đáng ngưỡng mộ, hướng về - đó là ánh sáng của Đạo Bất Tử!

Bạch thầy! Giáo Pháp của Đức Tôn Sư, Bạc Đại Giác đã thuyết có công năng đập vỡ những chiếc bình bản ngã to lớn, đoạn hoặc vô minh và phiền não cho chúng sanh, bẻ gãy bánh xe sinh tử và trầm luân vạn kiếp. Sau rốt, nó lại có công năng đem lại chân phúc, trí tuệ siêu đẳng và đức từ ái phi phạm. Giáo Pháp chỉ để dành cho những ai có tai để nghe, có mắt để thấy, có trí để tự mình giác hiểu. Giáo Pháp như nụ đằm hoa, hăng vạn năm mới nở một lần; nó có mùi hương vi diệu tỏa ngát trên trần thế, đem lại sự mát mẻ, trong lành cho chúng sanh giữa cõi nhiễm ô, tục khí.

Vậy thì bạch thầy! Những gia tài sinh diệt, những hoạch đắc thống khổ mê lầm của bản ngã kia làm sao lại dám đem so sánh với ánh sáng Giáo Pháp của Đạo Bất Tử? Nếu thầy biết nghe theo lời của chúng đệ tử - thì nên bỏ cái nhỏ mà tìm về cái lớn, phát tay cái hữu hạn mà nắm lấy cái vô cùng, xa lìa cái hạnh phúc phù du để chụp bắt cái an lạc như chân như thật, tung hê cái buộc ràng sinh tử để đi vào chân trời giải thoát và tự do.

Bạch thầy! Đây là điều đáng làm. Và thầy nên làm như vậy, bởi thầy là bậc trí trên đời này. Đạo sĩ Sanjaya bị thuyết phục một hồi, đâm ra lúng túng, tự nghĩ:

"- Họ hiểu biết nhiều quá. Họ rào trước, đón sau chẳng chịt, ta không có một kẽ hở nào để đặt chân vào đấy mà tranh luận. Tuy nhiên, ta không thể đứng vào vị thế bị bao vây, nhu nhược, yếu hèn, phải cất lên tiếng rống của con mãnh sư."

Bèn hét:

- Thật là lý luận rõm, khoa môi múa mép! Thôi! Ta tha thứ cho đó! Các ngươi hãy đi đi! Đi đâu thì đi! Hãy đi cho khuất mắt ta!

Upatissa hiểu tâm sự lẫn bản ngã của thầy, nên cố nhẫn nại:

- Thầy cùng đi với chúng đệ tử chứ?

Đạo sĩ Sanjaya la gắt lên:

- Sao nói gì kỳ lạ vậy? Làm sao ta lại phải đi!

- Sao lại không đi được hở thầy? Upatissa cương quyết không bỏ cuộc - nếu thầy thấy quan điểm của đệ tử là đúng, thầy phải chấp nhận nó, và đi theo đệ tử; nếu thầy thấy quan điểm của đệ tử là sai, thầy hãy bác bỏ nó, và đệ tử sẽ ở lại bên thầy. Dứt khoát là vậy. Chẳng hay, quan điểm của đệ tử đúng hay sai?

Đạo sĩ Sanjaya như bị đẩy đến đường cùng, im lặng một lát rồi thở dài nói:

- Các người không sai điểm nào cả.

Đến lượt Kolita ngạc nhiên:

- Không sai, nhưng thầy vẫn không theo? Nó đúng, nhưng thầy vẫn không chấp nhận?

- Phải!

- Tại sao? Kolita vặn hỏi - Một việc phải mà thầy vẫn không theo? Thế ra, thầy vẫn khư khư sống với cái sai của mình?

Đạo sĩ Sanjaya nghe nản quá, tự nghĩ:

"- Đối với những kẻ trí tuệ, chân thực và đầy nhiệt huyết này, nếu như không được trả lời một cách rõ ràng, dứt khoát, chúng sẽ căn vặn cho đến tận cùng, ta sẽ không còn chỗ nào mà lách, mà trốn được nữa. Ta đã mệt quá rồi, thôi, thà rằng cứ nói thật một lần cho xong."

Bèn nói:

"- Đất đã không chịu trời thì trời xin chịu đất vậy!" Các người hãy nghe đây! Các người đều là kẻ có trí tuệ, có thể hơn cả ta, lại là người chân thật nữa. Điều mà các người bảo rằng đúng, Giáo Pháp mà các người cho là Vô Thượng, Chân Phúc và Bất Tử - thì hẳn nhiên ta không một mảy may dám nghi ngờ. Nhưng đây mới là sự thật ta muốn nói - giọng Sanjaya đến đây như chùng hẳn xuống - ta thật sự đã già rồi, không thể thay đổi những thói

quen đã ăn sâu quá lâu; ta thật sự chỉ quen làm đạo sư thiên hạ, không thể thay đổi thành đời sống của một đệ tử được nữa!

Rồi ông nói to lên:

- Các người nghe rõ rồi đấy chứ! Thôi, hãy đi đi! Hãy để cho ta được yên!

Nghe lời thành thật, Upatissa cảm thấy thương xót cho vị thầy già, biết là không có cách chi thuyết phục được nữa, vẫn vót một câu cuối cùng:

- Khi Đức Thế Tôn xuất hiện ở trên đời, thì đây là phúc duyên ngàn vạn năm ít có, thầy mà không theo về, thầy sẽ hối hận .

Đạo sĩ Sanjaya nói nhỏ, như chỉ vừa đủ cho tự mình nghe:

- Phải rồi! Đúng là vậy thật. Đúng là phúc duyên, là đại duyên thật. Đấng Đại Giác kia là Tôn Sư mà ta đây cũng là Tôn Sư. Nhưng bao giờ, trên trời này, kẻ ngu muội cũng nhiều hơn, mà kẻ có trí thì ít lắm.

- Ý thầy nói gì, chúng đệ tử chưa nghe rõ?

Sanjaya lại la lên:

- Ta đã nói quá rõ rồi đấy chứ! Ta đã nói rằng, xin cho tất cả những kẻ khôn ngoan, có trí thì hãy đến với Đức Thế Tôn, Đấng Đại Giác của các người! Còn những kẻ ngu si, dốt nát, ngu muội thì hãy đến với ta! Ha ha ha! Xem thử ai nhiều hơn! Hà hà! Xem thử đệ tử Đức Tôn Sư của các người và đệ tử của ta, ai đông hơn! Hà hà!

Nói vậy là hết sách vở. Upatissa và Kolita bèn xá lễ, cáo từ.

- Vậy chúng đệ tử xin bái biệt. Rồi thầy sẽ hối hận.

- Ta, Sanjaya, đầu đội trời, chân đạp đất, không bao giờ hối hận!

Mặc dầu nói cứng vậy, nhưng khi Upatissa và Kolita đi rồi, ông thần thò dạo quanh tu viện, thấy tất cả đều vắng tanh, trống trải, ông vô cùng cáu giận. Bây giờ ông mới hiểu sự thật: ảnh hưởng tinh thần của Upatissa và Kolita quá lớn trong đám môn đồ của ông; và khi hai người ra đi, không những

mang theo hai trăm năm mươi đồ chúng của họ trước đây mà còn lôi cuốn tất cả đồ chúng của ông nữa.

Càng nghĩ, Sanjaya càng buồn nản, tức bực; ông uất đến hộc máu tươi. Tuy nhiên, điều mà chẳng ai ngờ đến là ông không mảy may oán hận Upatissa và Kolita, không mảy may oán hận đám môn đồ bất nghĩa, mà ông hận chính ông vậy. Ôi! cao cả thay mà cũng bi đát thay!

Xế chiều, hai trăm rưỡi đệ tử của Sanjaya không đành lòng bỏ thầy tuổi già cô độc một mình, họ bèn trở lại.

Upatissa và Kolita cũng cảm cảnh, khuyến khích họ trở về, rồi cùng với môn đệ nhắm hướng Trúc Lâm lên đường.

---o0o---

Hai vị đại đệ tử

Sau khi Đức Phật nhận lời khu rừng Tre của vua Bình Sa dâng cúng; Ngài cùng với môn đệ bộ hành đến tận nơi chiêm quan thắng cảnh Trúc Lâm nổi tiếng. Đức Phật đứng trên đồi cao nhìn lướt qua một vòng. Kia là những dãy núi xanh xanh bao quanh, nọ là những con suối trắng xóa vắt ngang, vắt dọc như giải lụa. Tầng đám cây xanh đậm nhạt ẩn trong nhau, xen kẽ nhau; điểm giữa là những vùng lá vàng, lá đỏ đậm sắc, nổi bật như bức tranh vẽ của con người.

Đến gần hơn, đi luồn vào trong rừng, thì trúc không phải là loài cây duy nhất. Cả một rừng nhiệt đới phô bày dáng cây, dáng lá, màu vỏ cây, màu hoa phong phú trông thật ngoạn mục. Những con đường không biết tự bao đời ẩn hiện thấp thoáng, bò men bờ suối, chìm khuất đâu đó lại tiếp nối dưới chân đồi xa... Suối chảy róc rách, uốn lượn đó đây, tạo thành vũng, thành hồ rồi bình yên lặng lẽ đi qua đám cỏ lục xanh rì... Chim đua hót vang rân. Nai hồn nhiên gặm cỏ. Thỏ sợ hãi nhảy vút qua nấp trong bụi rậm ... Và ô kìa! Thiên hô vạn hát là sóc! Sóc tía, sóc đen, sóc vàng, sóc nâu, sóc rằn ri, sóc ngũ sắc... với những cái đuôi phồng lên, với những đôi mắt tho lỗ, rụt rè... nhìn Đức Phật và Tăng chúng đi qua.

Ngồi lại trên một phiến thạch bàn, Đức Thế Tôn nói với môn đệ:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Giáo Pháp của Như Lai vừa xuất hiện ở trên đời như một luồng gió mới, như tiếng sấm gióng lên trong trời mưa, nhưng đã từ lâu lắm rồi, giáo lý truyền thống Bà la môn đã bung tai, bịt mắt mọi người trong phúng tụng, đàn tế và cầu nguyện nên không dễ gì ai cũng nghe được Pháp Mầu Bất Tử. Những tu sĩ Bà la môn đã kết hợp với nhau thành một giai cấp đầy thế lực, nắm giữ độc quyền liên hệ với thần linh; nắm giữ độc quyền đả ma, nghi lễ, cúng tế; thao túng mọi sinh hoạt tinh thần, tín ngưỡng; đã đim con người trong mọi thứ buộc ràng, nô lệ nên thật khó xiển dương một Giáo Pháp tôn trọng tự do, giải thoát cho con người.

Này các thầy tỳ-khuru! Những cây cối, chim chóc, nai, thỏ, sóc, trong khu rừng Trúc Lâm này quả thật là trù phú và thịnh vượng. Đất, nước, không khí trong lành này đã nuôi dưỡng nó, đã làm cho nó được tự do phát triển và lớn mạnh. Cũng vậy, muốn đem đến an vui và hạnh phúc cho chúng sanh thì Giáo Pháp phải có nơi làm cơ sở! Giáo Pháp ấy phải có đất, nước, không khí trong lành làm nhân, làm duyên hỗ trợ để nuôi nó lớn lên, nuôi nó trưởng thành vậy.

Này các thầy tỳ-khuru! Như Lai tuyên bố rằng: mảnh đất này là cơ sở đầu tiên ấy. Tại đây, Như Lai sẽ đợi chờ nhân duyên cho Giáo Pháp được trọn vẹn, toàn hảo. Một Giáo Pháp được gọi là trọn vẹn, toàn hảo không phải chỉ có một mình Như Lai và hơn một ngàn thầy tỳ-khuru như vậy.

Lời tuyên bố của Đức Phật, hôm ấy, Chư Tăng không hiểu hết ý nghĩa. Qua ngày hôm sau, vua Bình Sa, thân quyến và tùy tùng tìm đến vấn an, đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi ngộ ý thỉnh Đức Thế Tôn và Tăng chúng an cư mùa mưa ở đây. Đức Phật im lặng nhận lời.

Vua Bình Sa hoan hỷ phát tâm làm công đức, như bổn phận của vị Thánh đệ tử, xin được kiến thiết, xây dựng toàn bộ Trúc Lâm để Đức Phật và Tăng chúng có chỗ để an cư.

Một vị quan đại thần lão niên, bên cạnh vua Bình Sa kính cẩn thốt lên:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đệ tử là quan coi về thiên văn, địa lý, phong thủy. Từ lâu, đệ tử biết rằng, đây là mảnh đất có khí tượng siêu phàm, phi Đức Thế Tôn và Tăng chúng - không ai ở được. Ở đây, núi long, núi hổ, thiên tinh, đế tinh, kim tinh... tất cả đều châu về, qui phục. Giáo Pháp của Đức Tôn Sư, lấy đây làm căn cứ địa, thì Phạm Thiên, Chư Thiên, Ma vương, Dạ-Xoa, La-Sát, Vua loài người, giáo phái chủ, giáo phái sư, khắp nơi trong toàn cõi Châu

Diêm Phù Đề... phải qui châu hết thầy! Lành thay! Đệ tử cung kính chúc mừng Giáo Pháp Vô Thượng.

Chư Tăng có vị mỉm cười, có vị gật đầu lặng lẽ. Vua Bình Sa hỷ lạc dâng lên bưng bưng, quát yêu người bề tôi trung tín:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi! Đức Thế Tôn và Tăng chúng bác học, đa văn còn biết nhiều hơn - hơn cả vô lượng cái đầu óc nhỏ nòi, bé tí của tất cả ông thầy địa lý như người cọng lại! Đừng có bép xép, múa môi cái tài phong thủy không đáng nửa đồng xu! Mau mau cùng với đám thuộc hạ đi đo đạc, thiết kế... chọn chỗ thích đáng để xây dựng tịnh xá cho Đức Thế Tôn! Rồi nơi nào là nhà giảng, nhà hội, trai phòng, tịnh phòng, liêu thất, nhà tắm, nhà vệ sinh, rừng hoa, rừng cảnh, đường kinh hành, rừng cây thiền duyệt... mỗi mỗi phải hoàn bị, đầy đủ, tươm tất, tiện nghi, Khang trang, thoáng mát, ấm cúng, trang nhã! Nhưng hãy lưu ý đây: có nghệ thuật nhưng nghệ thuật ấy phải giản dị, có công phu nhưng công phu ấy không được rườm rà, quá tỉ mỉ. Tinh thần chỉ đạo của toàn bộ nghệ thuật kiến trúc ở đây là: phải mới mẻ, không được lặp lại, bắt chước từ nghệ thuật truyền thống, cũng không được lai căng! Cao hơn nữa, đây là tài sáng tạo của các người: tinh thần nghệ thuật ấy phải toát ra được sự êm đềm, tĩnh lặng, thanh thoát, giải thoát và cao nhã... như chính Giáo Pháp, như là đời sống Thánh hạnh của Đức Thế Tôn và Tăng chúng vậy.

Và hãy nghe cho kỹ đây: tất cả công trình xây dựng ấy phải hoàn thành trong vòng hai tháng, trước mùa mưa! Nếu không xong, Trẫm sẽ lột mũ, gõ đầu, đuổi về quê mà làm nghề kiến trúc và địa lý!

Quả thật là kiến thức của một ông vua tài trí và hùng mạnh, lại là một bậc Thánh đệ tử có bụng dạ nhân từ; nên lệnh ban ra, vị kiến trúc sư kiêm nhà thiên văn, địa lý kia hoàn toàn vâng phục chấp y, chẳng dám đưa ra được nửa lời góp ý.

* * *

Trúc Lâm tịnh xá đúng là căn cứ địa đầu tiên của Phật Giáo, là nơi tiền trạm, để từ đó, phát triển Giáo Pháp khắp các quốc độ. Đức Phật nhận lời an cư ba mùa mưa ở đây, ngoài ra còn cố ý chờ đợi... hai người! Có hai người này như cánh tay phải, cánh tay trái của Ngài, bánh xe Pháp mới được chuyển luân xa rộng và viên mãn.

Hôm ấy Đức Thế Tôn đang ngồi trên bảo tọa, tam chúng¹ doanh vây, thời Pháp chắm dứt, Ngài nói với mọi người:

- Này các thầy tỳ-khuru! Này hai hàng cận sự nam nữ! Như Lai đến Ma-Kiệt-Đà không những chỉ có nhân duyên với vua Bình Sa, là một hộ pháp đắc lực khuông phò Giáo Hội, mà còn có ý chờ đợi một nhân duyên khác nữa. Vậy thì hôm nay, ở đây, Như Lai sẽ tiếp nhận thêm hai đóa hoa kỳ tuyệt, hai ngôi sao sáng, hai nhân cách ưu tú nhất của Giáo Pháp. Nhân duyên ấy đã chín muồi, đã tròn đủ. Các người hãy nhìn xem! Hai thanh niên đạo sĩ Upatissa và Kolita cùng hai trăm năm mươi đồ chúng đang đến trước cửa của khu rừng.

Quả nhiên, khi Đức Thế Tôn vừa nói xong, Upatissa và Kolita đã vào đến tịnh xá Trúc Lâm, theo sau là môn đệ bước đi thứ tự, trang nghiêm, lặng lẽ.

Cả hai cung kính đến đánh lễ dưới chân Đức Đạo Sư rồi ngồi xuống một bên. Các đệ tử đi sau cũng làm như thế, và ngồi rải rác khắp đó đây.

Upatissa và Kolita đồng thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng đệ tử lang thang đã lâu nay mới về được quê nhà. Xin Đức Thế Tôn cho chúng đệ tử thụ giáo, quy y Tam Bảo, ở trong hàng Tăng chúng để cùng được hạnh phúc đi trên con đường Chánh Giáo.

Đức Phật đáp:

- Này các thầy tỳ-khuru! Etha Bhikkhave! (Hãy lại đây, tỳ-khuru!). Như Lai cũng đang đợi chờ các người. Khi Pháp Bảo đã thấy rồi, thì đời sống còn lại của một Sa môn Thánh đệ tử là những tháng ngày thiêng liêng và đạo hạnh trong sạch để lợi ích cho mình, cho Chư Thiên và loài người.

Khi Đức Thế Tôn vừa gọi: "Etha Bhikkhave!" thì Upatissa và Kolita đã đầy đủ y bát, tướng hảo quang minh, đứng phong độ là hai bậc thượng thủ của Giáo Hội, và sau khi Đức Thế Tôn nói vài lời tóm tắt, ngắn gọn về Con Đường, cả hai liền nắm vững căn bản Pháp Bảo, tâm trí thông suốt.

Lại một lần nữa, cả hai quỳ bên chân Đức Đạo sư với vô vàn sự tri ân cao cả. Từ đây Upatissa được gọi tên là Xá-Lợi-Phất (Sàriputta) và Kolita được gọi tên là Đại Mục-Kiền-Liên (Mahà Moggallàna).

* * *

Ngay vào buổi chiều hôm đó, Đức Phật cho gọi Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên đến bên rồi bảo:

- Trúc Lâm tịnh xá cho đến hôm nay đã rất đông tỳ-khưu và cũng đã rất nhiều người đắc được quả cao nhất, như vậy, Giáo Hội tạm thời vững mạnh. Nói tạm thời vững mạnh vì Như Lai vẫn chưa có được người trợ thủ khả dĩ thay mặt Như Lai để lo Phật sự, Tăng sự cùng thuyết pháp, giáo giới đến chư tỳ-khưu cùng các hàng cận sự nam nữ!

Hiểu ý Đức Phật, cả hai cùng quỳ xuống. Đại Mục-Kiền-Liên thưa:

- Xin Đức Thế Tôn cho đệ tử đến ngụ cư nơi một ngôi làng vắng vẻ, tịch mịch, cũng gần đây thôi. Đệ tử biết là phải làm gì cho tròn bổn phận.

Đức Phật im lặng nhận lời rồi nói với Xá-Lợi-Phất :

- Còn ông, hãy cùng đi với Như Lai đến một chỗ khuất tịch nhất. Cũng như Đại Mục-Kiền-Liên vậy, ông cũng còn một phận sự phải làm và phải hoàn thành. Cả hai ông phải đặt bàn chân cuối cùng lên mảnh đất Bát Tử. Đây cũng là ước nguyện của Như Lai!

Đức Phật lại nói với Đại Mục-Kiền-Liên :

- Ông cương quyết hành trì cho đắc đạo quả A-La-Hán, điều ấy là phải lẽ, là xứng đáng , là việc đầu tiên cần phải làm. Tuy nhiên, sẽ có những trở ngại trên lộ trình ấy. Khi nào khó khăn nhất, cơ hồ không vượt qua nổi, lúc ấy Như Lai sẽ có mặt ở một bên.

Dặn dò thế xong, Đức Phật dẫn Ngài Xá-Lợi-Phất ra đi. Ngài bộ hành đến một hang động tịch liêu tên là Sakarakhatalena - tức là Động Heo, và thường ngày cùng với Đức Xá-Lợi-Phất vào Vương-Xá thành để khát thực. Có phải Đức Phật muốn chỉ dạy riêng về những điểm thâm sâu, tế nhị cho Bạc Tướng Quân Chánh Pháp trong tương lai chăng?

Đại Mục-Kiền-Liên sau khi từ giã Đức Đạo Sư và Xá-Lợi-Phất, Ngài đến ngụ tại ngôi làng Kallavàta, cách Vương-Xá thành không bao xa. Ngày ngày

ngoài việc khát thực, hầu hết thì giờ Ngài để dành cho thiền định, tuệ quán, là phận sự duy nhất còn lại.

Đúng một tuần sau, lười biếng, hôn trầm và dễ duôi đồng loạt kéo đến, Ngài phải ra sức kiên trì để chống chọi. Đức Phật biết rõ tình trạng này, đã xuất hiện kịp thời để dẫn giải cho Đại Mục-Kiền-Liên các tầng bậc của thiền định, những pháp che lấp cần phải vượt qua, phải chiến thắng. Tuy nhiên, thế vẫn chưa đủ, còn có những cảm thọ vi tế của hỷ và lạc, của xả, của thuần tịnh nhất tâm, của không, của thức, của tưởng... Tất cả đây lại phải dùng đến tuệ quán để thấy rõ. Tuyệt đối không được an trú một pháp nào và cũng không được bỏ quên một pháp nào. Tất cả đều phải được nhìn ngắm trong suốt, trọn vẹn, trạm nhiên và hư tĩnh.

Do nhờ trí tuệ và tinh tấn, không bao lâu sau, chỉ vào buổi chiều ấy thôi, Ngài đã dễ dàng chứng quả cao nhất: A-La-Hán quả. Đồng thời chứng đạt luôn năm thắng trí, năm thần thông, là pháp của bậc thượng nhân.

Từ đây, Đại Mục-Kiền-Liên đã đủ điều kiện để làm một vị Đại Đệ Tử.

Còn Ngài Xá-Lợi-Phất thì thường ngày hầu cận Đức Tôn Sư mà chẳng được Đức Tôn Sư nhắc nhở, khuyến khích gì về đạo quả tối thượng ấy. Trên đường đi khát thực, hoặc những khi ở trong hang động, Đức Đạo Sư thường lặng lẽ, tỉnh giác, chánh niệm, bao giờ cũng tự tại, định tĩnh như Tu-Di sơn. Tỉnh thoảng, Đức Phật nhập đại định rất sâu, khí an tĩnh và hào quang tỏa sáng, dịu một vùng. Thế đấy, Ngài dường như đang thuyết pháp vô ngôn, hiện tiền, giản dị và sống động nhất. Năm bảy lần gì đó, Đức Phật có nói chuyện, nhưng nói về những điều không cao siêu gì lắm!

- Này Xá-Lợi-Phất! Giáo Pháp mà Như Lai thuyết, Giáo Pháp ấy gốc nó ở đâu?

- Bạch Đức Thế Tôn! Nó ở Tâm!

- Nói gần hơn một chút.

- Nơi hơi thở!

- Gần hơn nữa!

- Sát-na Tâm!

Đức Phật chẳng nói những kiến giải đó đúng hay sai, Ngài chỉ im lặng và dường như Ngài có mỉm cười rất nhẹ, thê thôi.

Một lần khác, trên đường khất thực trở về, Đức Phật nghỉ chân dưới cội cây, nhìn ra xa với cây cảnh, đồi núi, suối khe... trước mặt, Ngài nói:

- Này Xá-Lợi-Phất! Hãy hướng tầm mắt ra ngoài xa kia, nơi vạn vật đang dàn trải ra đó - ở đây có Giáo Pháp không?

- Vâng, có bạch Đức Thế Tôn.

- Nó là gốc hay là ngọn?

- Chưa thấy thì nó là ngọn, thấy rồi nó cũng không khác gốc!

- Thấy rồi, gốc ngọn ấy nó giống nhau ư? Nó hòa làm một ư?

- Cái nào ra cái ấy, cái nào tính chất ấy!

Cũng như lần trước, Đức Phật lại im lặng, bước đi. Chốc sau, Ngài lại hỏi:

- Này Xá-Lợi-Phất! Bước chân của Như Lai đi có Giáo Pháp, vậy bước nhảy của con chim trên tảng đá kia có Giáo Pháp không?

- Bạch, có ạ!

- Có vì con chim tự biết ư?

- Không! Bạch Đức Thế Tôn! Có, khi chính đệ tử nhìn bước nhảy ấy.

- Vậy Giáo Pháp của người thấy ấy với Giáo Pháp của Như Lai thuyết - cũng là một ư?

- Bạch, nó không hai!

Bây giờ Đức Phật mới quay lại nhìn Xá-Lợi-Phất, mỉm cười nhẹ:

- Ông có biết không? Trong nhiều kiếp quá khứ, Như Lai đã từng chất vấn ông, và ông cũng đã từng chất vấn Như Lai. Nhưng nay thì Như Lai chỉ chất vấn ông, mà ông lại không chất vấn Như Lai!

- Bạch Đức Thế Tôn! Đệ tử còn tối tăm, ngu muội; quá khứ đã bị che lấp, đệ tử không hiểu gì. Mong Đức Thế Tôn đại bi giáo hóa!

Im lặng giây lát, Đức Phật nói:

- Hãy kham nhẫn, này Xá-Lợi-Phất! Ông là người có trí, chỉ cần vài nét đại cương là ông sẽ hiểu ra toàn bộ. Nhưng nay chưa phải thời. Hãy kham nhẫn!

Vậy là đúng một tuần sau khi Đại Mục-Kiền-Liên chứng ngộ, chợt nhiên Đức Phật nói với Xá-Lợi-Phất:

- Hôm nay, ông có một người cháu, đã lớn tuổi, vượt đường xa đến thăm ông - y là một du sĩ ngoại đạo!

- Bạch Đức Thế Tôn! Có lẽ đây là đạo sĩ Dìghanakha chẳng?

- Nghe nói y học vấn uyên thâm, luận bác, tranh biện vào hàng trứ danh trong ngoại đạo?

- Bạch, quả đệ tử có nghe như vậy! Nhưng trước đây, lúc tranh luận với y, may mắn là đệ tử chưa từng thua cuộc!

Nói đến đây, Xá-Lợi-Phất quỳ xuống ôm chân Đức Đạo Sư:

- Bạch Đức Thế Tôn! Y cũng là người có trí, chỉ còn rất ít bụi cát trong mắt thôi. Xin Đức Thế Tôn vì bi mẫn, thuyết cho y nghe một thời Pháp về Đạo Bất Tử!

Đức Phật im lặng nhận lời.

Quả nhiên, không lâu sau, một đạo sĩ du phương tìm đến, ân cần thăm hỏi Đức Xá-Lợi-Phất một cách chân tình, lễ độ.

Thấy tướng hảo quang minh, cùng nét mặt bình an, thanh thoát của Đức Xá-Lợi-Phất, đạo sĩ Dìghanakha đâm ra tò mò:

-Thưa chú! Trước đây chú khác mà bây giờ chú khác. Trước đây mỗi lần chú cháu ta tranh luận với nhau, nơi vàng trán cao của chú dường như cau lại, nơi đôi mắt sắc bén, đầy khí lực của chú dường như có gọn một thoáng mờ như hơi sương! Bây giờ thì không vậy, nó sáng rõ, minh mông, và tỏa hào quang nữa!

Đức Xá-Lợi-Phất mỉm cười, nhìn người cháu lớn tuổi, học thức cao rộng mà tính khí hồn nhiên, cởi mở và chân thực, lòng Ngài tràn đầy thương mến.

Đạo sĩ Dìghanakha đi lui đi tới, hít thở, lắng nghe rồi nói:

- Thật là kỳ lạ! Không phải chỉ ở nơi chú, mà xung quanh đây cũng vậy, dường như toát ra sự bình an, mát mẽ và thanh khiết. Cái ấy không chỉ cảm nhận mà còn sờ được, ngửi được, nghe được! Tại sao kỳ lạ vậy chú!

Đức Xá-Lợi-Phất tự nghĩ: "Cái ấy có được - có lẽ nhờ năng lực của Đức Tôn Sư!"

Chợt nhiên đạo sĩ Dìghanakha quay lại:

- Thưa chú! Chẳng hay chú đang sống trong một Giáo Pháp như thế nào mà sớm được thành tựu pháp màu như vậy?

Đức Xá-Lợi-Phất ân cần nắm tay đạo sĩ :

- Nay cháu! Khi Đức Tôn Sư đã có mặt trên đời, nhất là khi Đấng Vô Thượng lại đang ở đây; thì cho dầu ít lời, ít chữ, ít câu của Ngài thôi cũng sẽ đem đến cho cháu Niềm Vui Bất Tử! Ta là gì mà dám nói Pháp Bảo trước Đức Tôn Sư!

Đức Phật xuất hiện từ cửa động phía sau bước lại. Dìghanakha nhìn sững. Tất cả từ nơi Ngài toát ra, cho dù vua của đỉnh Hy mã Lạp sơn kia cũng phải cúi đầu xuống thấp. Dìghanakha cung kính đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Sau đó Đức Phật thuyết kinh Vedanà Parigaha - tức là bài kinh nói về các trạng thái của Tâm cho đạo sĩ Dìghanakha nghe. Xong thời Pháp, đạo sĩ đắc quả Tu-Đà-Hườn.

Đức Xá-Lợi-Phất hầu sau lưng Đức Phật, nhờ để tâm chuyên chú vào thời Pháp nên đắc quả A-La-Hán với bốn Tuệ Phân Tích.

Như vậy, với sự thành tựu tri thức tối thượng, tuệ tối thượng, Đức Xá-Lợi-Phất từ đây cũng đã đầy đủ điều kiện để làm một Đại Đệ Tử nữa.

Biết người đệ tử của mình đã làm xong xuôi bốn phận cuối cùng - cũng như Đại Mục-Kiền-Liên đã xong xuôi quả vị cách đây một tuần lễ, Đức Phật, ngay lúc ấy, chợt đứng lên:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Bây giờ hãy cùng Như Lai lên đường trở về Trúc Lâm tịnh xá. Chúng ta còn nhiều việc phải làm!

Đến đây thì Đức Xá-Lợi-Phất chợt hiểu: "Đúng là cái thấy biết vi diệu của Bạc Toàn Tri Diệu Giác. Là phạm nhân, cho dầu một vị Thánh A-La-Hán cao nhất cũng khó hiểu được những diễn biến, những ý nghĩ, những tri kiến, những dự định trong tâm của một vị Phật.

Té ra, Đức Thế Tôn đột ngột rời Trúc Lâm tịnh xá đến hang động này cũng chỉ để thành tựu cho mình quả vị cuối cùng. Té ra, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn gọn vài lời gợi ý cho Đại Mục-Kiền-Liên cũng là để thành tựu cho Đại Mục-Kiền-Liên quả vị A-La-Hán nơi ngôi làng tịch mịch, thanh vắng nọ. Quả thật, các vị Phật xuất hiện ở đời, một biểu hiện nhỏ của các Ngài, qua thân, qua khẩu, qua ý, bao giờ cũng toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ; lúc nào cũng lợi lạc cho quần sanh."

Ngay chiều hôm đó, tại Trúc Lâm tịnh xá, Đức Thế Tôn bố cáo một cuộc họp rộng rãi, đầy đủ hơn một ngàn thầy tỳ-khưu cùng những cư sĩ tại gia, rồi Ngài nói rằng:

- Trước đây đủ Chư Tăng, đầy đủ hai hàng cư sĩ áo trắng, Như Lai muốn tuyên bố một tin quan trọng cho Giáo Pháp, để từ đó Giáo Pháp mới có thể phát triển vững mạnh, lan xa nhiều quốc độ: là từ đây, Như Lai đã có hai vị Đại Đệ Tử, là Trưởng tử của Như Lai, là con được sinh ra từ miệng của Như Lai - đó là Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên. Xá-Lợi-Phất là Đệ Nhất Đại Đệ Tử, Mục-Kiền-Liên là Đệ Nhị Đại Đệ Tử. Họ sẽ là hai cánh tay trợ thủ đắc lực cho Như Lai, được quyền thay mặt Như Lai giải quyết tất cả mọi lĩnh vực thuộc về Phật sự hay Tăng sự. Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên quả thật xứng đáng là Thượng Thủ của Giáo Hội. Như Lai trân trọng tuyên bố như vậy.

Đức Phật vừa nói xong, đại chúng xôn xao bàn tán. Có nhiều tranh luận nhỏ nhỏ đã xảy ra. Người ta không hiểu tại sao Đức Thế Tôn không dành danh

dự tối cao này cho các vị tỳ-khưu Trưởng lão, cao hạ như nhóm năm Ngài Kiều Trần Như, như nhóm Ngài Yasa? Hoặc như nhóm ba mươi vị tỳ-khưu ở Chư-Thiên-Đọa-Xứ? Thằng hoặc là nhóm ba anh em Ngài Ca-Điếp, có cả ngàn đồ chúng, tuổi cao, đức trọng - có thể là xứng đáng nhất bước vào hàng thượng thủ của Giáo Hội?

Còn Đức Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên - mặc dầu được Đức Thế Tôn tuyên bố là "con của Như Lai", tức là đã chứng quả A-La-Hán - nhưng họ đều là người trẻ tuổi, lại chỉ gia nhập Giáo Hội vừa đúng nửa tháng!

Vậy có thể nào, Đức Thế Tôn, bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác lại có tâm thiên vị?

Đức Phật hướng tâm đến, biết tâm của đại chúng, Ngài nói rằng:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Như Lai không hề thiên vị. Như Lai làm như vậy là hoàn toàn do sự thấy, sự biết của Như Lai .

Hãy nghe đây, các thầy tỳ-khưu! Quả thật năm ông Kiều Trần Như tuổi tác cao trọng, là những bậc trí thức, trí tuệ, hạ lạc cao nhất, rất xứng đáng vào hàng thượng thủ. Tuy nhiên, ở một kiếp trước, khi họ bỏ thí vật thực chín lần trong mùa gặt, họ không có nguyện vọng trở thành đại đệ tử. Họ chỉ phát nguyện bước vào Giáo Pháp của Như Lai đầu tiên và chứng được phẩm hạnh cao nhất. Giờ đây họ đã mãn nguyện. Điều đó có đúng sự thật không, hỡi nhóm ông Kiều Trần Như?

Nhóm các Ngài Kiều Trần Như đồng bước ra, quỳ xuống đánh lễ dưới chân Đức Phật, bạch rằng:

- Quả đúng như vậy, Bạch Đức Tôn Sư! Phẩm hạnh cao nhất và đầu tiên chính là phát nguyện của chúng đệ tử.

Đức Phật im lặng một lát rồi tiếp:

- Còn rất nhiều vị A-La-Hán khác xứng đáng vào hàng thượng thủ nữa, như nhóm ông Yasa, nhóm các ông ở Chư-Thiên-Đọa-Xứ, nhóm các ông Ca-Điếp. Nhưng họ cũng vậy, trong họ, không ai đã từng phát nguyện làm đại đệ tử cả, có phải thế không?

Dường như có một số vị Thánh im lặng nhắm mắt, hướng tâm về quá khứ, sau đó, Ngài Ca-Điếp, thay mặt mọi người, bạch:

- Quả đúng như vậy! Thưa Đức Tôn Sư!

Khi việc quá khứ không còn bị che lấp bởi sự tiết lộ của chư Thánh Tăng, nhất là sự xác nhận của Ngài Ca-Điếp, bậc đạo cao đức trọng, đại chúng đều hoan hỷ.

Đức Phật lại tiếp:

- Còn hai ông Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên, trong vô lượng quá khứ, vào thời Đức Phật Anomadassi, họ sinh ra làm một người Bà la môn có tên là Sàrada, và một người làm điền chủ có tên là Sirivaddhaka - nguyện vọng của họ là trở thành đại đệ tử khi gặp Đức Phật trong kiếp cuối cùng.

Vậy này các thầy tỳ-khuru! Như Lai không hề thiên vị! Như Lai vì thấy, vì biết, nguyện vọng của mỗi người - nên bây giờ, chỉ trả lại phẩm vị cho họ, đúng với nguyện vọng của họ mà thôi!

Đại chúng thở phào, nhẹ nhõm.

Một Đức Thế Tôn, một Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác khi tuyên bố một lời nào là đều có nhân, có quả, đều vì lý do chánh đáng, đều vì lợi ích lâu dài, hạnh phúc cho nhiều người.

Từ đây, Đức Xá-Lợi-Phất và Đức Đại Mục-Kiền-Liên nhận lãnh vai trò và trách nhiệm mới trong việc phục vụ Giáo Hội, làm Đại Đệ Tử đã được Đức Tôn Sư tấn phong với tất cả uy tín và danh dự cao trọng trước đại chúng môn đồ.

--- o0o ---

[04]

Sau khi đắc quả

Trúc Lâm tịnh xá về đêm thật là yên lặng. sao sáng đầy trời, không gian mát lạnh. Một vài cánh chim đêm vỗ cánh nhẹ nhàng, thoảng xa, những khóm tre đong đưa xào xạc...

Một hội chúng đông đúc dường ấy mà giờ đã yên lặng như tờ. Đức Xá-Lợi-Phất bây giờ mới ngồi nhớ lại...

Trong canh một, đứng hầu sau lưng Đức Đạo Sư, Đức Xá-Lợi-Phất theo dõi thời Pháp mà Đức Thế Tôn giáo giới chư tỳ-khưu ở phương xa mới đến. Ngài không bỏ sót một lời, một chữ. Thỉnh thoảng Ngài để tâm rỗng lặng như chỉ để lắng nghe tiếng hải triều âm từ biển Pháp mênh mông vọng lại. Ngài nắm bắt cái cốt lõi, cái tinh thần; rồi lấy Tuệ Phân Tích rọi đến, Ngài lại càng hiểu hơn nữa những chân trời, những ngõ ngách chi li của Giáo Pháp.

" - Ôi! Mênh mông và vô lượng thay là căn nhà Pháp Bảo của Đức Tôn Sư."

Nhóm tỳ-khưu này rời đi, nhóm tỳ-khưu khác lại đến. Đức Phật chợt đứng dậy, quay qua Đức Xá-Lợi-Phất :

- Như Lai đi kinh hành một lát, này Xá-Lợi-Phất! Ông hãy thay mặt Như Lai thuyết lại bài pháp vừa rồi. Ông cần ghi nhận rằng, có những bài pháp giản dị, ngắn gọn, dễ hiểu, nhưng chúng cũng phải được lặp đi lặp lại mãi. Điều ấy rất có lợi cho những thầy tỳ-khưu sơ cơ vừa chân ướt, chân ráo bước vào Giáo Hội.

Phụng mệnh Đức Tôn Sư, Đức Xá-Lợi-Phất ngồi lên một pháp tọa thấp hơn, bắt đầu bài pháp đầu tiên trong đời của một vị đại đệ tử.

Sau thời pháp, cả hội trường vang lên tiếng "Sàdhu" (lành thay), tán thán Đức Xá-Lợi-Phất không tiếc lời.

Đức Phật, lúc ấy, cũng đã ngồi trên bảo tọa, Ngài tán thán Đức Xá-Lợi-Phất như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Pháp mà Như Lai vừa thuyết, Xá-Lợi-Phất thuyết lại, không những trọn lời, trọn ý, minh xác, mẫn túc mà còn làm cho nó minh bạch, rõ ràng hơn, còn làm cho nó khúc chiết, tỉ mỉ, mạch lạc hơn; làm cho mọi người dễ nắm, dễ lãnh hội; làm cho nó sống động và lôi cuốn hơn.

Này các thầy tỳ-khuru! Xá-Lợi-Phất trước đây là một trưởng giáo Bà la môn lỗi lạc lúc vừa mười tám tuổi, là một học giả Vệ-Đà hữu danh, đa văn, bác học, quảng kiến. Ông thông hiểu rành rẽ, uyên bác, tất cả mọi loại triết học trong và ngoài truyền thống. Ông cũng là nhà ngôn ngữ siêu việt hai loại diễn ngôn: bác học và bình dân, thường ngữ và pháp ngữ! Lại nữa, Xá-Lợi-Phất còn là một nhà thông thiên văn, địa lý, thuật số, vật lý, tự nhiên học... Với kho tàng kiến thức mênh mông ấy, nhưng không bao giờ ông ấy thuyết ra một câu thừa, một chữ thừa. Tất cả chỉ cần vừa đủ, trọn ý; vừa văn chương quý tộc, vừa giản dị bình dân, lúc nghiêm túc, lúc dí dỏm. Ai mà đã từng được nghe Xá-Lợi-Phất thuyết pháp một lần rồi thì dường như, đối với họ, trên đời này, không có một Pháp sư, một giảng sư nào nữa cả.

Này các thầy tỳ-khuru! tiếng sóng của trăm con sông, ngàn con sông đổ dồn về biển nhưng không bao giờ bằng tiếng sóng của biển! Cũng vậy, Giáo Pháp Như Lai thuyết là hải triều âm. Giáo Pháp mà Xá-Lợi-Phất thuyết lại, cũng là hải triều âm, không hai, không khác.

Đầu canh hai, Đức Thế Tôn lui gót vào hương phòng, Đức Xá-Lợi-Phất biết rằng, đã đến giờ Đức Bổn Sư giáo giới đến cho Chư Thiên nên Ngài cùng Chư Tăng trở về liêu xá.

Đức Xá-Lợi-Phất đi quanh một vòng thăm nơi chốn mới mà Ngài biết phải ở lại đây với Đức Tôn Sư trong ba mùa an cư. Thật lạ lùng thay là uy lực của Giáo Pháp. Cả hơn ngàn tỳ-khuru mà đâu đâu cũng yên lặng. Giữa rừng trúc, bên bờ suối, trên những con đường kinh hành, trong liêu thất... nơi nào cũng tịch mịch: đây đó thấp thoáng vài ngọn đèn dầu lạc le lói, dường như chỉ vừa đủ sáng cho hai ba bóng người đàm luận nho nhỏ. Rất nhiều vị tỳ-khuru hành thiền rải rác ở ngoài trời, dưới cội cây, ven suối, trên những tấm thạch bàn, trên những đám cỏ bằng.

Tất cả họ đều tôn trọng Đức Phật, tôn trọng Pháp Bảo, tôn trọng Tăng Bảo. Ngoài ra, ai cũng nỗ lực tiến tu để khỏi hổ thẹn là một đáng trọng phu ở trên đời, nhất là các vị tỳ-khuru chưa hưởng được hương vị của Pháp.

Đức Xá-Lợi-Phất nghĩ tiếp:

" - Còn mình? Buổi sáng vừa thấy trọn vẹn Đạo Bất Tử, buổi chiều đã về đây dự cuộc lễ nhận vai trò làm đại đệ tử, buổi tối thì nghe Pháp và thuyết Pháp - quả thật ta chưa có thì giờ, một khoảng trống nào để tự mình chiêm

nghiệm, liễu tri trạng thái vô hành của tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Bây giờ là phải thời để làm điều ấy."

Nghĩ thế xong, Đức Xá-Lợi-Phất chánh niệm, điều hòa hơi thở một lát, chú mục vào hơi thở, an trú vào hơi thở.

Không lâu sau, tâm trú được kiên định, hơi thở nhẹ nhàng, nhỏ nhiệm; phi phát sanh, lạc phát sanh rồi luồng nhất tâm trôi chảy trong suốt, không một vết bọt; Đức Xá-Lợi-Phất đi vào định sơ thiền. Đây là các tầng định mà Ngài đã thuần thục vào thưở còn trẻ, nên Ngài dễ dàng, xuất sơ thiền, không tâm, không tứ thọ hưởng hỷ lạc của định nhị thiền; rời nhị thiền, ly hỷ trú xả, Ngài đi vào đệ tam thiền; xả niệm thanh tịnh, nội tâm thuần tĩnh nhất như, Ngài nhập vào tứ thiền, thân bất động, tâm bất động, an nhiên, tự tại.

Đến khoảng giữa canh ba, Đức Xá-Lợi-Phất xuất tứ thiền, khởi lên tưởng không là vô biên, Ngài trú vào định không vô biên xứ thiền. Lặng yên một lát, xuất định không vô biên, khởi tưởng thức là vô biên, Ngài tức khắc trú định thức vô biên xứ thiền. Rồi cứ thế, vô sở hữu xứ thiền, phi tưởng phi phi tưởng thiền. Ngài xuất và nhập rất dễ dàng, từ bỏ phi phi tưởng, Ngài xuống vô sở hữu. Xuất vô sở hữu xuống thức vô biên. Lìa thức vô biên vào không vô biên. Bỏ không vô biên, Ngài trở lại tứ thiền. Rõ ràng là từ định tứ thiền không còn phiền não nào dấy khởi, tất cả đều lặng yên - như một mặt biển mênh mông không hề dợn sóng.

Cuối canh ba, Đức Xá-Lợi-Phất trả thức, thọ, tưởng lại cho thức, thọ, tưởng - Ngài dùng tuệ quán nhìn ngắm sự vận hành lai khứ của các pháp. Bây giờ Ngài bắt đầu sử dụng Thất Giác Chi, tức là bảy pháp có sẵn trong tâm của Bạc Giác Ngộ - để lắng nghe muôn pháp. Khi dùng chánh niệm để ghi nhận hiện tượng gì khởi sanh nơi thân tâm. Khi dùng thử trạch pháp để phân tích một tư tưởng rất nhỏ nhiệm. Lúc thử dùng tấn để đẩy một thiện tâm cho đến viên mãn. Khi thử trú hỷ, thử trú an, thử trú định, thử trú xả v.v...

Ôi! Quả thật là dễ dàng. Tâm Ngài giờ là cả kho tàng, muốn sử dụng gì cũng được cả. Một chút nhất tâm hướng vào pháp gì là có pháp ấy...

* * *

Đức Xá-Lợi-Phất xả thiền lúc sao mai vừa mọc, cảm thán, Ngài thốt lên:

"- Thật vi diệu thay là Pháp Mầu Bất Tử! Hạnh phúc tối thượng thay là cõi an trú của Bạc Vô Sanh. Sự thành tựu này quả là đích điểm không mé bờ, không ở chỗ ấy thì không có ngôn ngữ nào có thể nói được. Quả thật là chỉ để cho kẻ trí tự mình giác hiểu.

Ta đang thanh thoát, tự do, sáng trong không hề còn một mảy bụi, trí óc ta rỗng rang không còn dính một chấp thủ tế vi nào! Tâm giải thoát là vậy, Tuệ giải thoát là vậy!

Ôi! Ta đã làm lần bao năm đi theo giáo lý truyền thống, và cũng đã mòn trán, lỏng gót đi tìm kiếm chân sư ở trên đời. Rồi chẳng hoạch đắc điều gì cả. Đã chẳng tìm kiếm được cái gì mới mẻ cả.

Ôi! Thật là đáng thương hại cho cả thế gian này. Tất cả mọi tôn giáo, tín ngưỡng đều lầm lẫn một cách đáng thương xót! Hạnh phúc là ở ngay đây thôi, tìm kiếm đâu xa! Nó ở chính trong khoảnh khắc sinh diệt này, nơi tâm thân một trượng này! Chỉ một niệm này thôi là đầy đủ giới, định, tuệ, đầy đủ ba bảy trợ đạo phẩm, đầy đủ khổ đế và diệt đế, đầy đủ ba mươi pháp Ba-La-Mật. Nếu không thấy thì triệu kiếp tu tập cũng không thấy, khi đã thấy rồi thì nó là cái thấy bất diệt ở ngoài thời gian. Không còn cái thấy nào khác nữa.

Ôi! Chỉ có một Đấng Toàn Giác mới cho ta uống được giọt nước Pháp Bảo trong mát tận đầu nguồn!"

- Phải chăng một đêm Trúc Lâm tịnh xá êm đềm, yên tĩnh - hiền huynh đã chứng nghiệm trạng thái hạnh phúc giải thoát của chính mình?

Đại Mục-Kiền-Liên không biết đã đến bên cạnh từ lúc nào, thần sắc tươi mát, rạng rỡ như lộc biếc ngày xuân.

Đức Xá-Lợi-Phất mỉm cười:

- Quả thật vậy, hiền đệ ạ! Rừng tre mát mẻ, không khí trong lành, đêm qua, ngu huynh có nếm được chút ít hương vị an lạc. Còn hiền đệ? Chắc cũng vừa trải qua một đêm chứng nghiệm Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát phải không?

- Không dám đâu! Chút ít an lạc thì có, nhưng sau đó, tâm trí của đệ hướng về sự so sánh giữa Giáo Pháp của Đức Tôn Sư với mọi loại triết học trên đời này.

Đức Xá-Lợi-Phất vỗ nhẹ vai bạn:

- Hay lắm! Vậy Giáo Pháp của Đức Tôn Sư và triết học của chúng ngoại đạo - qua ngọn đèn soi rọi đầy minh triết của hiền đệ - khác nhau như thế nào?

- Giáo lý của họ, dẫu ở trong hay ngoài truyền thống đều nói đến chân lý, cứu cánh, mục đích. Sau đó, họ xiển dương, rao giảng, quảng bá, viết thành kinh điển hay dùng tâm truyền tâm, hoặc bắt thành văn như truyền khẩu, đọc tụng v.v...; được chúng thực hành, y chỉ, tôn trọng, tôn thờ, kế thừa v.v...

- Đúng vậy! Nói đại lược thì hiền đệ thấy những chân lý ấy, cứu cánh ấy ra sao?

- Nó quá viển vông, mơ hồ, xa xôi, phát phưởng như hình sương bóng khói! Nó bất thực, trừu tượng, không tương... hoặc muôn đời vẫn chỉ là lý tưởng!

Đức Xá-Lợi-Phất tán thán:

- Kỳ diệu thay là hiền đệ! Chính ngu huynh cũng mang máng thấy như vậy! Còn Giáo Pháp của Đức Tôn Sư như thế nào?

- Rõ thôi! Hiền huynh biết rồi. Giáo Pháp mà Đức Tôn Sư chứng nghiệm và khai thị: nó thiết thực, hiện tại, cái cụ thể, cái luôn luôn để mà hiện quán, cái đương xứ này đây, cái hiện tiền trôi chảy trước mắt, cái như chân như thật chưa được khúc xạ bởi một ý niệm nào!

- Thật kỳ diệu thay! Quả đúng như vậy.

Yên lặng một lát, Đức Xá-Lợi-Phất hỏi tiếp:

- Đây là điều khác biệt tối thượng, vượt bậc như ánh sáng mặt trời và ánh sáng của con đom đóm. Vậy còn khác biệt nào nữa chẳng, hử hiền đệ?

- Còn nữa, thưa hiền huynh! Từ cái chân lý viển vông, bất thực ở trên, chúng để ra rất nhiều cảnh giới vọng tưởng khác nữa!

- Hiền đệ cứ tiếp tục!

- Vâng! Đại Mục-Kiên-Liên ngáp ngừng - Vì đệ không có được Tuệ Phân Tích sắc bén như hiền huynh, nên đệ chỉ có khả năng trình bày một cách tổng quát thôi! Hy vọng hiền huynh sẽ nắm được cốt lõi từ cái mớ "hỗ lớn" sau đây.

Đức Xá-Lợi-Phát mỉm cười:

- Trí tổng hợp là cái trí đa dạng, sở trường của hiền đệ. Hãy nói đi!

- Khi đệ đưa mắt một vòng nhìn qua cả hàng trăm loại triết học xung quanh thung lung sông Hằng thì thấy chúng ngoại đạo đã vẽ ra muôn vàn cảnh giới đầy hứa hẹn. Những cảnh giới ấy không ở đây mà nó ở kia, ở một tương lai gần, ở một tương lai xa! Cảnh giới ấy là trường sanh bất lão. Cảnh giới ấy là tối thượng lạc. Cảnh giới ấy là chân ngã, chân phúc v.v... Như vậy, phải chăng, nhằm để thỏa mãn khát vọng cho chúng sanh mà ngoại đạo đã vẽ ra những chiếc bánh sai khác; thêm bột, thêm đường, thêm gia vị, thêm hương liệu, thêm màu sắc... để phô phang và câu nử ở đằng trước? Và chúng bảo đây là chỗ ngụ cư của chư vị cổ Phật, chư vị Thánh Triết, Thánh Nhân A-La-Hán!

Đức Xá-Lợi-Phát gật đầu:

- Điều ấy ngu huynh cũng có thấy! Nói cho ngắn gọn, dễ nắm bắt là: tâm niệm vẽ vời cảnh giới tùy theo khát vọng của nó - rồi nó sẽ chụp bắt đúng cái chiếc bóng của tâm niệm ấy!

- Chính thị! Tâm niệm là tiểu ngã, cái mà tiểu ngã kiếm tìm chính là chiếc bóng của tiểu ngã! Hiền huynh chỉ cần một câu là diễn tả trọn ý, chân xác, cô đọng điều mà đệ đã trình bày rất dài dòng.

Đức Xá-Lợi-Phát giọng trầm xuống:

- Hiền đệ ạ! Trước đây đệ huynh ta cũng đã từng làm lần. Chúng ta cũng đã từng ngồi hàng giờ để thể nhập tiểu ngã vào các đấng linh thần. Và chúng ta cũng đã từng khởi lên những cái tưởng để "thể nhập" vào pháp giới bao la - mà chúng ta đâu có biết rằng "pháp giới bao la ấy", đâu là đại ngã vũ trụ, đâu là bản thể vũ trụ - cũng chỉ là cái khuếch đại của tiểu ngã ấy thôi! Chúng ta cũng đã từng ngồi miên man để thể nhập vào một áng mây trôi, vào dòng

sông xanh lặng lẽ, vào một khóm hoa tươi đẹp đang phô thắm dưới ánh nắng mặt trời, vào một tiếng chim hót, vào một chiếc lá, vào một hạt sương v.v...

Ôi! Sự sai lầm của chúng ta và của họ về phương pháp, về cứu cánh - tất cả bởi do chưa thấy được "sự vận hành vô ngã của chư Pháp"

- Đúng vậy! Giáo Pháp của Đức Tôn Sư, bởi từ vô ngã, vô thường mà nói ra - nên Giáo Pháp ấy vượt không gian, thời gian, không bị quy định bởi không-thời gian, không trụ vào một cảnh giới nào, không dính một sát na nào. Nó vĩnh cửu và vô biên giới!

-Thôi đủ rồi, hiền đệ! Nói ra từng ấy là vừa đủ. Hãy dừng lại nơi vĩnh cửu và vô biên giới ấy! Chúng ta đàm đạo với nhau, chúng ta nắm lấy cái ý mà quên cái lời. Còn chúng sanh thì khác, với chúng sanh thì khi nói vĩnh cửu, chúng sẽ chấp vĩnh cửu là cái thường hằng, thường còn! Nói vô biên giới - chúng sẽ chấp vào vô biên giới của không, của thức, của tướng; không chấp vào đấy thì chúng lại chấp vào cái bao la của vũ trụ, bao la của pháp giới, bao la của bản thể, bao la của đại ngã v.v...

Đại Mục-Kiền-Liên mỉm cười ý nhị nắm bàn tay của Đức Xá-Lợi-Phất lặng lẽ gật đầu. Cả hai đều hiểu nhau, biết nhau từ trong tim, trong ruột. Ngài Xá-Lợi-Phất chợt đứng lên:

- Giáo Pháp Đức Tôn Sư có điểm nào độc đáo, đặc biệt, đặc thù nữa không hở hiền đệ?

Đại Mục-Kiền-Liên bỗng đứng thẳng dậy:

- Nó đây! Là toàn bộ cái quán tự tại này!

- Hay lắm! Không sai được! Hãy trở lại đây với trọn vẹn cái hiện sinh, hiện tính, hiện thể này... với đầy đủ tánh, tướng, thể, dụng, nhân, quả, duyên, báo... này! Và bốn phạm mỗi hành giả minh triết nhất, sáng suốt nhất là hãy chụp bắt cho được nó bằng con mắt thứ ba! Con Mắt Tuệ Nhân!

Đại Mục-Kiền-Liên nhẹ nhàng thở dài, nói như hơi gió thoảng:

- Cũng khó thay cho chúng sanh, hiền huynh nhỉ? May ra chỉ có kẻ trang bị bằng Con-Mắt-Không-Ý-Niệm mới liễu ngộ được, thấy rõ được Pháp Mầu Bất Tử, Vô Sanh!

---o0o---

Hạnh tri ân

Lê thường, vào mỗi buổi sáng trước khi đi khất thực, Đức Xá-Lợi-Phát đều rảo quanh một vòng khắp Trúc Lâm tịnh xá. Nơi nào mà chỗ ở, chỗ nghỉ, chỗ ăn, nhà vệ sinh, nhà tắm v.v... chưa được sạch sẽ, chưa được cất đặt gọn gàng; Ngài bỏ công ra để dọn dẹp, quét tước. Ngài còn để ý những rác rưởi chỗ này, chỗ kia; để ý những y áo phơi phóng chưa được ngay ngắn, để ý cả những dấu tích nấu nướng bừa bãi trên những đám cỏ xanh...

Xong công việc, bao giờ cũng đã khá trưa Ngài mới ôm bát rời tịnh xá. Đôi khi với mồ hôi còn nhễ nhại, Ngài vẫn chậm rãi, tự tại từng bước. Tuy thế, Ngài thường đi bát không lâu, chỉ đứng năm, bảy nhà là đã đầy vật thực. Chỉ mấy hôm mà cả kinh thành Vương-Xá, không ai là không biết đến Ngài. Họ kính mộ và tôn sùng vị Đại Đệ Tử ấy.

Theo thông lệ, sau khi nhận vật thực, bao giờ Ngài cũng đọc một bài kinh phúc chúc ngắn gọn, nói vài ý Pháp gieo duyên rồi bước chân sang nhà khác. Ngài đề tâm bình đẳng, không kể người giàu kẻ nghèo, sang hay hèn, nam hay nữ. Ai cúng dường vật thực đến Ngài cũng cảm thấy tâm mình hoan hỷ, vui tươi trọn ngày.

Đức Xá-Lợi-Phát đi bát sau mà thường về sớm. Bản phận đầu tiên của Ngài là tìm dâng một ít vật thực lên Đức Thế Tôn, Đại Đức Assaji - tức là vị thầy dẫn dắt Ngài vào Đạo Bất Tử, sau đó Ngài mới tìm đến một cội cây để dùng ngọc, rồi đi kinh hành.

Sau buổi trưa, Đức Phật thường có một thời Pháp ngắn gọn. Đôi khi Đức Phật truyền Tam Quy, Ngũ Giới cho người mới nhập đạo. Thịnh thoảng Ngài cũng ban lễ xuất gia nếu được thỉnh nguyện. Riêng Chư Tăng thì dịp này có vị đến xin Đức Thế Tôn đề mục phù hợp tâm tánh mình. Có vị Đức Phật lại nói thêm Pháp khi thấy tinh thần họ đạt đến trình độ có thể bước lên thành quả cao hơn v.v... Những lúc như vậy, bao giờ Đức Xá-Lợi-Phát cũng im lặng hầu sau lưng Đức Phật, Ngài không bỏ qua bất cứ một chi tiết nào về tất cả cách thức giáo giới, về trường hợp của tất cả tỳ-khưu.

Buổi chiều, nếu Đức Phật thuyết pháp đến cho hàng cư sĩ tại gia thì Đức Xá-Lợi-Phát cũng phải có phận sự lắng nghe tất cả, ghi nhận tất cả. Một là để

học hỏi phương pháp giáo huấn của Đức Phật, hai là nắm bắt những chi tiết cao và thấp, rộng và sâu của Giáo Pháp. Đôi khi Đức Phật bảo Ngài thuyết lại cho hội chúng đông đúc cư sĩ tại gia nghe, và lần nào Ngài cũng trọn hảo chức năng của mình.

Hôm kia, thì giờ rảnh rỗi, Ngài liền tìm cội cây khuất vắng, tự nghĩ:

"- Ta và hiền đệ Mục-Kiền-Liên xuất gia chưa được bao lâu mà đã được Đức Tôn Sư tấn phong Đại Đệ Tử. Điều ấy dẫu là đặt đúng ngôi vị với lời đại nguyện xưa, mọi người đa phần hoan hỷ nhưng làm sao tránh khỏi những dị nghị này kia trong tâm những kẻ phàm phu? Nếu họ ganh ghét, đố kỵ thì ta không thể cảm hóa họ được. Vậy việc trước nhất phải làm, ngoài việc xuất nhập dễ dàng chín bậc thiền, ta phải còn làm cho sung mãn Tứ Vô Lượng Tâm, phát triển toàn hảo ba mươi Ba-La-Mật. Mong nhờ uy lực Ba-La-Mật, bóng mát Tứ Vô Lượng Tâm mà tất cả các vị tỳ-khưu còn phàm phu sẽ được an lành, dễ nghe lời dạy bảo."

Nghĩ thế xong là Đức Xá-Lợi-Phất nhập thiền. Sau khi xuất nhập thuận thực chín bậc thiền Ngài nhập Đại Bi Định, làm cho vững chắc Đại Bi Định, làm cho Tâm Đại Bi tẩm mát no đầy cả châu thân cho đến tận lỗ chân lông - rồi Đại Bi Tâm tràn đầy mát mẻ cả không gian xung quanh... Đến đây Đức Xá-Lợi-Phất chợt hiểu tại làm sao mà Đức Thế Tôn cảm hóa được Dìghanakha nơi động Heo ngày nọ. Quả thật, Đại Bi Tâm nếu được an trú sung mãn thì nó dễ dàng chuyển dịch Từ, Hỷ và Xả. Tướng của nó là bốn mà tánh chỉ một. Tánh là trú tâm mà tướng là hướng đến đại dụng. Pháp nào cũng từ nguyên tắc này mà ra cả! Đức Xá-Lợi-Phất không chỉ tu tập từng ấy. Thỉnh thoảng Ngài trú "không định", càng ngày càng kiên cố; và đây thường là chỗ cư ngụ, chỗ nghỉ ngơi, an dưỡng của Ngài. Trong sinh hoạt thường nhật, Ngài dùng Tuệ quán từng giây khắc một, cho nên những thọ, tưởng, ý, thức, trí dầu có nhỏ nhiệm, vi tế cách mấy cũng hiển hiện trước Ngài một cách rõ ràng và trong sáng. Như một tấm gương trong suốt, không một mảy bụi; những ảo giác, ảo cảnh, ảo tưởng vừa chỉ mới lóe hiện đã được nhìn thấu suốt, toàn vẹn; không gì đánh lừa được Ngài...

Buổi tối, vào canh một, Đức Phật thường để dành thì giờ cho vị tỳ-khưu nào tự do thỉnh cầu rọi sáng những mối nghi hoặc của mình, những điểm khó hiểu, phức tạp trong Giáo Pháp. Đôi khi Đức Thế Tôn thuyết pháp những đề tài do Ngài tự chọn. Nếu sau đó có những nhóm tỳ-khưu từ phương xa đến thì Đức Phật bảo Đức Xá-Lợi-Phất thuyết lại. Và lúc nào Ngài cũng được Đức Phật và đại chúng tán thán, ca ngợi.

Khoảng giữa canh hai, khi Đức Thế Tôn giáo giới cho Chư Thiên và Phạm Thiên, cũng là lúc Đức Xá-Lợi-Phất tìm chỗ vắng lặng của mình để thiền tọa hoặc đi kinh hành. Trước lúc đi nghỉ - nghiêng lưng một lát thôi - Đức Xá-Lợi-Phất luôn luôn nhớ đến chỗ của Đại Đức Assaji trong tịnh xá hay ở phương nào để quay đầu về hướng đó. Cho chí sau này, trên đường hoằng pháp, theo chân Đức Bổn Sư; đêm nghỉ tại thị trấn, làng mạc, rừng sâu, nghĩa địa..., chỗ có mái che hay không có mái che, Đức Xá-Lợi-Phất vẫn giữ thông lệ như vậy, quay đầu về phương hướng mà vị thầy đầu tiên của mình đang cư ngụ.

Có một số tỳ-khuru còn phàm phu, xấu bụng, xấu miệng, biết chuyện ấy, họ dè bủ, bàn tán như sau:

- Cái ông Xá-Lợi-Phất đã là Đại Đệ Tử của Đức Phật, là Bạc Tướng Quân Chánh Pháp, là Bạc Thượng Thủ của Giáo Hội... mà đêm đêm vẫn lễ bái các phương trời! Thế ra, đã là một bậc A-La-Hán rồi mà vẫn chưa bỏ được những tà kiến ăn sâu, mọc rễ về tập quán tôn sùng những vị Phạm Thiên của ngoại đạo ư?

Đức Phật biết rõ trí tuệ và đức hạnh của đệ tử mình, nên vào dịp thuận tiện nhất, Ngài tuyên bố minh bạch trước Tăng chúng rằng:

- Xá-Lợi-Phất, Trưởng tử của Như Lai không bao giờ lễ bái các phương! Nay các thầy tỳ-khuru! Hãy tôn kính và đừng mạo phạm đến việc làm của những bậc vô nhiễm, không còn bụi cát. Xá-Lợi-Phất, đệ tử của Như Lai chỉ lễ bái đến ai mà nhờ đó, ông ta tìm thấy Pháp Bảo Bất Tử. Người mà ông ta đánh lễ chính là Đại Đức Assaji trong nhóm năm ông Kiều Trần Như. Xá-Lợi-Phất rất biết ơn thầy, rất biết ơn người dẫn đạo đầu tiên cho mình.

Này các thầy tỳ-khuru! Hạnh tri ân là một phẩm chất tốt đẹp, cao quý - các thầy nên lấy Xá-Lợi-Phất mà soi gương!

Thường những lúc như vậy là cơ hội tốt để Đức Phật dạy dỗ Chư Tăng, giáo giới Chư Tăng. Đức Phật thuyết một số câu chuyện của đời Ngài trong nhiều kiếp quá khứ liên hệ với chủ đề. Đức Phật kể về một kiếp nọ, chính Ngài mang ân một người, chỉ vì người đó cho Ngài một cốc bạc thô, mà Ngài đã làm nên sự nghiệp. Một kiếp khác, chỉ vì muốn nghe một câu kệ chỉ đường về thiên giới mà Ngài sẵn sàng hy sinh mạng sống mình. Rồi Đức Phật tóm tắt như sau:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Chỉ một cắc bạc mà Như Lai đã nhớ ơn trọn đời! Chỉ nghe một câu kệ mà Như Lai đã đem đổi mạng sống. Vậy thì sao chúng ta không biết ơn, không lễ bái ông thầy, vì nhờ ông ấy, ta có được cơ hội đi vào căn nhà Pháp Bảo? ân đức của người cho ta Pháp môn giải thoát tối thượng hơn tất cả mọi loại ân đức trên đời này.

* * *

Thuở ấy có một người Bà la môn già thường chăm lo những công việc lật vật tại một tịnh xá trong thành Xá-Vệ (Sàvatthi), Chư Tăng có bố thí vật thực cho ông để sống, nhưng khi xin Chư Tăng để được xuất gia thì không ai chấp nhận. Đức Phật quan sát căn duyên biết ông lão Bà la môn kia có khả năng đắc được quả vị cao nhất, bèn hỏi Chư Tăng xem ai có duyên độ được ông ta. Chư Tăng không ai thấy mình có duyên cả. Bỗng nhiên Đức Xá-Lợi-Phất đứng lên đánh lễ Phật rồi tâu:

- Bạch Đức Thế Tôn! Có một lần đệ tử đi khất thực trong Vương-Xá thành, người Bà la môn nghèo khổ này đã dâng một vá cơm đầy mà ông ta vừa xin được để sống. Khi dâng cúng như vậy là ông ta đã dâng hết phần ăn của mình. Đây là sự cúng dường với tâm cao thượng. Đệ tử thấy rằng, ông lão Bà la môn có duyên với đệ tử, xin Đức Thế Tôn cho phép đệ tử thực hành trách nhiệm và bổn phận của mình.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Đức Xá-Lợi-Phất thâm nhận lão Bà la môn và làm lễ xuất gia cho ông ta. Từ đó, Ngài hết lòng chăm lo cho người học trò; căn kẽ chỉ bày từng học giới, từng pháp học một; hướng dẫn cách đi đứng, thu thúc; hướng dẫn đề mục thiền định và tuệ quán không kể là giờ khắc nào, ngày hay đêm. Khi người đệ tử già này cần sự giúp đỡ gì, tinh thần hay vật chất Ngài đều sẵn lòng hỗ trợ, chỉ bày với tâm hoan hỷ và đầy tràn bi mẫn.

Việc làm tốt đẹp, đáng trân trọng ấy của Đức Xá-Lợi-Phất vẫn bị chúng phàm phu tìm cách nói móc:

- Cũng phải thôi! Đã lỡ chỉ dạy cho học trò của mình những pháp cao siêu thì ông thầy cũng phải tận tâm mẫu mực biểu lộ những tâm đức cao thượng hơn mới xứng đáng chứ!

Để xóa tan những ác kiến ấy, Đức Phật lại phải giải thích:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đừng hiểu lầm Xá-Lợi-Phất! Đừng lấy tâm địa ô nhiễm của mình mà đánh giá trình độ tâm, trình độ trí "con của Như Lai"! Sở dĩ Xá-Lợi-Phất lao tâm khổ trí dạy bảo những Pháp hành cao thượng cho học trò là vì ông ta muốn đền ơn một cách cao thượng cho người, mà trước đây, đã có một hành động rất cao thượng đối với mình!

Rồi nhân tiện đó, Đức Phật kể chuyện về quá khứ, tiền thân của Ngài Xá-Lợi-Phất, làm một "con voi chúa biết đền ơn trả nghĩa" như sau:

"- Thuở xa xưa kia, dưới chân Hy mã Lạp sơn, trong khu rừng trù mật có một con voi chúa cai quản bầy voi mấy trăm con. Voi chúa mẫn tuệ, thông minh, tháo vác... đã chỉ huy, thống lĩnh đàn voi như một vương quốc của hòa bình và an lạc. Khi thấy mình đã già, voi chúa tự nghĩ: "cái già và cái chết sắp đến rồi, ta hãy bàn giao mọi công việc lại cho các voi trẻ thanh xuân thay ta đôn đốc, bảo ban hướng dẫn đàn. Tuổi của ta không còn thích hợp với chỗ bầy đàn, ồn ào, đông đúc nữa. Nay phải là thời ta tìm nơi khuất tịch, vắng vẻ, độc cư nhàn tĩnh để di dưỡng tâm hồn". Nghĩ thế xong, sau khi bàn giao công việc lại cho các voi trẻ, voi chúa lên đường vào rừng sâu tìm chỗ ẩn cư. Rủi thay trên đường, voi chúa đạp nhằm dăm gỗ nhọn hoắt đâm sâu vào chân, nhức buốt tận xương. Mấy ngày nằm nguyên ở đấy, chịu đựng cơn đau, cơn đói, cơn khát - chứ voi không thể nhấc chân được nửa bước.

Dưới chân núi có ngôi làng thợ rừng, họ sinh sống bằng nghề lấy gỗ. Hôm kia, một toán đi ngang chỗ voi chúa nằm. Voi chúa đưa mắt nhìn họ thiết tha, cầu khẩn. Người lớn tuổi nhất đọc được ý nghĩ của voi, bước lại, thấy vết thương. Họ cùng nhau phụ lực kéo dăm gỗ nhọn ra, sau đó tìm dược thảo quanh vùng, nhai nhỏ, đắp vào vết thương và băng bó lại cho voi. Họ còn lấy tất cả cơm và nước cọng lại của cả đoàn người, bỏ vào miệng cho voi ăn. Suốt bảy ngày như vậy, họ cử người gánh vật thực từ làng lên cho voi ăn để mau hồi sức. Voi lành mạnh, khỏe khoắn, đứng dậy đi được, tự nghĩ: "Bây giờ là không phải thời để ta ẩn cư nữa, đây là thời mà ta phải biết đền ơn trả nghĩa cho những con người nhân hậu tốt bụng này". Thế là voi chúa bắt đầu ra sức kéo gỗ. Năm trăm người thợ rừng sung sướng thấy công sức làm việc mấy tháng của họ chỉ bằng voi làm trong vòng mấy ngày. Đến bữa ăn, họ chung phân năm trăm gói cơm lại thành một đồng, voi chúa lấy vòi cuốn ăn hết chẳng khách sáo gì.

Làng thợ rừng ấy nhờ voi chúa mà mỗi lúc một giàu lên. Hôm kia, khi làm việc, voi đổ mồ hôi, mệt lả. Voi chúa nghĩ: "Bình thường với khúc gỗ to

bằng mười nó, ta vẫn kéo phăng phăng; nay ta đã không kéo nổi một khúc gỗ nhỏ, ta già yếu rồi, đã cạn kiệt sức lực rồi." Nghĩ thế, voi chúa bỏ đi, ba ngày sau, mang lại một voi thanh niên, thuần chủng, trắng như tuyết đến, cho ra mắt đám thợ rừng, gặt đầu như chào tất cả mọi người rồi lầm lũi, chậm rãi hướng vào rừng sâu.

Voi chúa đã để lại voi con, thay nó, từ đây đáp đền ân nghĩa. Sức của voi con làm việc gấp chục lần voi cha, làm cho cả làng thợ rừng được hạnh phúc, giàu có... Voi con được mọi người kính mến, quý trọng, thương yêu. Là hộ pháp, là tình thương, là thần tài, là thần hoan hỷ cho cả ngôi làng."

Kể chuyện xong, Đức Phật dạy:

- Biết ơn người khác, trả ơn người khác gấp trăm, gấp ngàn lần cái mà mình thọ ơn là việc làm quen thuộc của Xá-Lợi-Phất trong rất nhiều đời kiếp. Xá-Lợi-Phất đã cùng với Như Lai trong nhiều kiếp sống luôn sát cánh bên nhau, nhân duyên luôn gặp gỡ nhau, hỗ trợ nhau, nhắc nhở nhau trên con đường mưu cầu hạnh phúc cho phần đông, vừa bồi bổ, tấn tu Ba-La-Mật cho chính mình.

Này các thầy tỳ-khuru! Nghĩ sai lầm về Xá-Lợi-Phất, đã sai lầm mà còn ác tri, ác kiến với Xá-Lợi-Phất, là một trọng tội, nghiệp báo rất nặng, các người nên nhớ lấy!

* * *

Lão Bà la môn, học trò của Đức Xá-Lợi-Phất do sự chỉ bày chí tình, chí thiết, cặn kẽ, tận tâm ấy đã không phụ lòng thầy, một thời gian sau, quả nhiên, ông ta đắc được đạo quả A-La-Hán. Hạnh tri ân của Đức Xá-Lợi-Phất bắt đầu tỏa sáng diệu dàng trong Giáo Hội của Đức Tôn Sư.

---o0o---

Đôi bạn

Đức Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên đã có tình bạn thâm thiết tự thuở ấu thơ, lớn khôn, trưởng thành, lang thang tìm Đạo cho đến khi tạo ngộ Giáo Pháp của Đức Bổn Sư. Lúc này cả hai đều là Đại Đệ Tử, là hai cánh tay trợ thủ của Đức Phật thì tình bạn xưa càng thiêng liêng hơn nữa.

Từ khi đắc quả, họ thường gặp gỡ nhau để trao đổi về Giáo Pháp. Họ đều thấy rằng cái gia tài mà họ được thọ hưởng quá bao la, mênh mông, bát ngát. Dùng trí tuệ mà đi vào kho tàng ấy thật không có chỗ tận cùng, do vậy, những lần đàm đạo giúp họ soi rọi cho nhau thấy thêm những vi tế khác, ngõ ngách khác, bề rộng và bề sâu khác.

Hôm nọ, Đại Mục-Kiền-Liên từ xa đến tìm Đức Xá-Lợi-Phất để bàn về giáo lý Vô Ngã.

- Hiền huynh! Có thể lập ngôn: "Vô Ngã là Niết Bàn chăng?"

- Không thể lập!

- Có thể lập ngôn ngược lại: "Niết Bàn là Vô ngã được chăng?"

- Không thể lập!

Đại Mục-Kiền-Liên gật đầu rồi nói:

- Không phải là ngoại đạo, mà chính là những giảng sư, luận sư, pháp sư trong chính Giáo Hội của Đức Tôn Sư, họ là những kẻ chưa chứng quả cao nhất, đã thuyết giảng giữa thành phố và làng mạc những luận điểm như vậy, kiến giải như vậy. Một nhóm tỳ-khưu đầu từ Vesali đến, đang thảo luận với nhau ở đằng kia cũng ồn ào, tranh cãi về điều ấy.

Vậy hiền huynh có thể nào, bởi trí tuệ phân tích của mình, cho đệ thấy từ gốc đến ngọn của vấn đề, cuối cùng, cách lập ngôn nào tương đối chính xác nhất để khỏi kẹt vào có, không, vừa có vừa không, không có không không?

Đức Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên lúc ấy đang trú tại Kapotakandarà, ở đây có một khu rừng lớn, những ngọn đồi xanh tươi đẹp mắt và những đồng ruộng phì nhiêu. Sau những câu hỏi, họ dẫn nhau ra một ngọn đồi, buổi chiều, khí hậu mát mẻ, khung cảnh yên lặng.

Đức Xá-Lợi-Phất nói:

- Câu hỏi của hiền đệ thú vị lắm! Nhưng bây giờ hiền đệ một nơi, ngu huynh một nơi - Ngài đưa mắt chỉ một ngọn đồi rất xa - chúng ta hãy tọa thiền, nghỉ ngơi một lát đã nhé. Chiều tối, khi vào làng, chúng ta hãy tiếp tục trao đổi.

Đại Mục-Kiền-Liên cười nhẹ:

- Đúng vậy! Nên để lúc vào làng, có đủ các nhóm tỳ-khưu, đ? sẽ hỏi lại!

Khi đã an vị trên chỗ ngồi, chuẩn bị tọa thiền, Đức Xá-Lợi-Phát tự nghĩ:

"- Trí tuệ của Đại Mục-Kiền-Liên rất thâm sâu! Điều gì ta thấy thì Đại Mục-Kiền-Liên cũng thấy. Với câu hỏi vừa rồi, chẳng phải là Mục-Kiền-Liên không hiểu mà chắc là có lý do của nó. Ai cũng tưởng Đại Mục-Kiền-Liên chỉ sở đắc Đệ Nhất Thần Thông không thôi là lắm to đấy. Trí tuệ của Đại Mục-Kiền-Liên cũng bất khả tư nghì."

Đức Xá-Lợi-Phát với tâm trí thanh thoát, một lát, khí an tĩnh tỏa ra, Ngài nhập "không định", là nơi nghỉ ngơi, an cư của bậc Thánh.

Thời gian trôi qua, buổi chiều chậm chậm trôi qua, Đức Xá-Lợi-Phát đi sâu vào đại định, không còn biết gì ngoại cảnh bên ngoài. Tình cờ, một hung thần đi ngang, nó vốn có ác cảm với Sa môn nên đã dùng tất cả thần lực đánh xuống đầu Đức Xá-Lợi-Phát, mạnh như sấm sét, rồi bỏ đi.

Tuy nhiên, Đức Xá-Lợi-Phát không hay biết, Ngài vẫn an nhiên tự tại, bất động như địa đại trong thế giới tĩnh cư của mình.

Lúc ấy, Đại Mục-Kiền-Liên ở một ngọn đồi xa, Ngài không nhập định như Đức Xá-Lợi-Phát mà Ngài đang dùng "thiên nhãn" để nhìn xem nhiều ngàn thế giới... Khi vừa đem "thiên nhãn" về, Đại Mục-Kiền-Liên trông thấy hung thần đánh xuống đầu Đức Xá-Lợi-Phát rồi bay đi. Cũng dùng thần thông, Ngài có mặt bên cạnh Đức Xá-Lợi-Phát ngay tức khắc. Đức Xá-Lợi-Phát lúc ấy cũng vừa xả thiền.

- Này hiền huynh! hiền huynh được an lạc chứ? Hiền huynh có cảm thấy có gì bất ổn không?

Đức Xá-Lợi-Phát đưa tay sờ đầu mình:

- Hiền đệ ạ! Ngu huynh vẫn an lạc như bình thường. Nhưng không biết có cái gì, ở đây - Ngài xoa xoa chỗ trên đỉnh đầu - nó ê ẩm một ít thôi!

Đại Mục-Kiền-Liên bồng chấp tay, thốt lên:

- Ôi, thật là kỳ diệu thay! thật là hy hữu! thật là một chuyện lạ lùng chưa từng thấy! Nay hiền huynh! Sức mạnh thể chất và năng lực tinh thần của hiền huynh thật là vĩ đại và cao siêu, ngàn lần vô địch trên thế gian này!

Này hiền huynh quý trọng! Vừa rồi có một hung thần, chính thị một Aùc Dạ-Xoa, không biết lý do sao, đã đánh xuống đầu hiền huynh một cú đánh mạnh tựa sấm sét, mạnh tựa thiên lôi giáng! Hiền huynh có biết chăng, với sức mạnh, trọng lượng của cú đánh ấy thì một con voi to bầy, tám do-tuần cũng phải bị tan xác, một ngọn đồi cao, một tảng đá lớn tức khắc sẽ bị xẻ đôi!

Kỳ lạ thế đấy! Với sức mạnh của cú đánh như vậy, mà hiền huynh chỉ nói: "không sao, này hiền đệ, huynh vẫn an lạc như thường, nhưng không biết có gì ở đây - trên đỉnh đầu - nó ê ẩm một tí thôi!"

Đức Xá-Lợi-Phát cũng chấp tay, thốt lên:

- Ôi! thật kỳ diệu thay! thật là hy hữu! thật là một chuyện lạ lùng chưa từng thấy! Này hiền đệ! Năng lực tinh thần, năng lực thần thông của hiền đệ mới kỳ vĩ và siêu tuyệt làm sao! Làm thế nào với khoảng cách giữa hai ngọn đồi xa như thế mà hiền đệ có thể thấy tức khắc một Aùc Dạ-Xoa đến và bay đi? Rõ ràng là đôi mắt của hiền đệ quả là siêu tốc, chẳng lấy gì so sánh nổi!

Cả hai vị Thánh tán thán, ca ngợi nhau mà ai cũng khiêm tốn, trung thực tận đáy lòng.

* * *

Buổi chiều, khi vào trong làng, bên nhóm những vị tỳ-khưu, Đại Đức Mục-Kiền-Liên kể lại câu chuyện về hung thần và khả năng đại định kỳ lạ của Đức Xá-Lợi-Phát cho mọi người nghe; rồi Đại Mục-Kiền-Liên hỏi Ngài Xá-Lợi-Phát:

- Bạch Đại Đức! Chỗ bị đánh trên đầu của Đại Đức giờ còn ê ẩm chăng?

Biết là người hiền đệ của mình muốn trở lại đề tài Vô Ngã, nên Ngài trả lời:

- Không sao! ấy chỉ là một cảm thọ thôi. Thọ ấy có sinh thì thọ ấy có diệt. Sinh và diệt là bản chất, là tính chất của các cảm thọ - cũng như của tướng,

của hành, của thức! Chẳng có cái ngã nào ở đây để gánh chịu cả. Hiền đệ sao không nói về sự vận hành vô ngã của ngũ uẩn cho huynh đệ ở đây nghe?

Đại Mục-Kiền-Liên tự nghĩ:

"- Đây là phải thời để hiền huynh ta giáo giới cho một số tỳ-khuru tà kiến, ngu si này."

Bèn tự lấy tọa cụ đặt trên một chỗ cao ráo, bằng phẳng, sạch sẽ; cung thỉnh Đại Đức Xá-Lợi-Phát ngồi lên đấy, rồi nói:

- Xin Đại Đức bi mẫn chỉ giáo! Đại Đức vừa nói đến sự vận hành vô ngã của ngũ uẩn, vậy xin Đại Đức giảng rộng thêm. Đã từ lâu có rất nhiều giáo phái quan niệm có một "cái ta", có một Atman, một linh hồn trường cửu. Linh hồn ấy gây nhân, linh hồn ấy gặt quả. Quan niệm ấy có đúng không? Chủ thuyết ấy có sai lầm chăng? Trong Giáo Hội của Đức Tôn Sư, có người vẫn chưa thông hiểu rõ ràng về ngũ uẩn, về cái ta, về Atman! Do đó, những khởi nghi tồn tại ở đâu đó, như những cái rác vô hình vương trong mắt; nên những chấp kiến, những dị kiến mơ hồ, xao xác đã từng có mặt ở đây, giữa chư huynh đệ này, rằng là "Niết Bàn là Vô Ngã", rằng là "Vô Ngã là Niết Bàn"! Vậy cúi xin Đại Đức lấy Đại Trí Tuệ của mình soi rọi những chỗ tối tăm để cho đại chúng thấy đều lợi lạc.

Đức Xá-Lợi-Phát tự nghĩ:

"- Hiền đệ ta khổ tâm vậy thay! Hiền đệ ta đã cung kính ta như vậy cũng vì lợi ích cho phần đông. Vậy ta cũng nên giải nghi cho họ - và ta sẽ tạo duyên - thành một buổi thuyết pháp vấn đáp thú vị".

Bèn bước xuống pháp tòa, tự tay bỏ thêm bên cạnh một tọa cụ nữa, thỉnh Đại Đức Mục-Kiền-Liên lên ngồi. Khi cả hai cùng đã an tọa, Đại Đức Xá-Lợi-Phát hướng về đại chúng đang đoanh vây, nói rằng:

- Chúng tôi, cả hai cùng thuyết, chư huynh đệ hãy lắng nghe.

Nhóm tỳ-khuru từ Vesali và rất nhiều nhóm tỳ-khuru khác nữa, nhân duyên gặp hai vị Tôn giả ở đây, quả là hy hữu. Từ lâu, họ đã nức tiếng nghe danh hai vị Đại Đệ Tử của Đức Phật: một vị Đệ Nhất Đại Trí Tuệ, một vị Đệ Nhất Đại Thần Thông! Bây giờ đang cùng có mặt ở đây, thân tướng trang nghiêm, giọng nói với những âm thanh tuyệt hảo. Thật có phúc cho họ lắm. Kẻ âm

thầm chiêm ngưỡng. Kẻ tán thán ca ngợi thì ào. Kẻ chấp tay kính mộ. Gặp hai vị Đại Đệ Tử thì chẳng khác gì gặp Đức Phật vậy. Cả hội chúng bắt đầu im lặng, một con muỗi bay vo ve cũng nghe được âm thanh.

Giọng Đức Xá-Lợi-Phất giống lên như tiếng chuông ngân:

- Đại Mục-Kiền-Liên cho bần đạo được hỏi: tất cả các Sắc thô hay tế, thù thắng hay hạ liệt, trong hay ngoài, gần hay xa, quá khứ, hiện tại hay vị lai - tất cả các Sắc ấy, Đức Tôn Sư đã thuyết rồi, nó là hữu ngã hay vô ngã?

- Bạch, là vô ngã.

Đại đức Xá-Lợi-Phất đưa một cánh tay lên:

- Đây có phải là sắc không?

- Thưa, phải.

Đại Đức Xá-Lợi-Phất đưa một que củi lên:

- Đây có được gọi là sắc không? là vô ngã không?

- Bạch, cũng là sắc, cũng là vô ngã!

Đức Xá-Lợi-Phất chăm chú nhìn que củi, nói rất lớn mà như nói cho chính mình nghe:

- Lạ nhỉ! que củi này là vô ngã, vô ngã là tính chất của que củi này; tính chất của que củi này là vô ngã. Nếu ai đó bảo rằng Vô Ngã là Niết Bàn thì té ra người ta cần cầu tu tập để đạt cho được tính chất của que củi này!

Cả đại chúng lạnh ngắt, ngỡ ngàng. Họ chăm chú nghe Bạc Tướng Quân Chánh Pháp nói, chăm chú nhìn que củi! Rồi cả hội chúng nổ ra một trận cười! Một trận cười ứa nước mắt. Một trận cười hỷ lạc! Một trận cười rõ ràng là họ đã thấu suốt vấn đề. Té ra điều mà họ sôi nổi tranh luận chưa biết ai đúng, ai sai chỉ là que củi, trò cười trên tay Bạc Đại Trí Tuệ!

- Lành thay! Chúng đệ tử đã hiểu.

Để cho hội chúng xôn xao lắng xuống, Đức Xá-Lợi-Phất tiếp tục thuyết giảng:

- Nay chư huynh đệ! Hãy nhìn lại tám thân một trượng này; cái tám thân có bì da đặng thịt, đặng xương, biết mặc áo, ăn cơm, biết đi đứng, nói năng - nó là cái tiến trình vận hành, tiếp nối, liên tục, sinh diệt từng giây khắc của ngũ uẩn ấy thôi. Một cảm thọ khởi lên, ghi nhận cảm thọ là tướng, tham sân si tác động là hành, nhận biết toàn bộ tiến trình ấy là thức. Thức nhận biết, kinh nghiệm toàn bộ tiến trình ấy... rồi sanh khởi ngũ uẩn mới, thức tiếp xúc với sắc mới tạo ra thọ mới, tướng mới, hành mới rồi thức mới... cứ như thế cho đến vô tận tử sanh, vô tận trầm luân không bao giờ ra khỏi. Là thường nhân, là phàm phu, vì không có tu tập, không có tuệ giác, vì không thấy, không biết nên cứ tưởng là có một Atman, một linh hồn trường cửu. Vậy hãy như chân như thật thấy rằng: ngũ uẩn ấy là không, ngũ uẩn ấy là vô ngã!

- Lành thay! Chúng đệ tử đã hiểu.

Đại Đức Xá-Lợi-Phất quay qua Đại Mục-Kiền-Liên:

- Bạch Đại Đức : ngũ uẩn là vô ngã, vậy vô ngã của ngũ uẩn có phải là Niết Bàn không?

- Thưa, không phải!

Đại Đức Xá-Lợi-Phất quay lại nhìn đại chúng:

- Nay chư huynh đệ! Vậy ở đây "Vô Ngã là Niết bàn" rõ ràng là tà kiến, là kiến hoang vu, kiến rừng rậm, kiến kiết phược, kiến hý luận, kiến điên đảo,...! Vô ngã là sinh diệt, không có tự tính, không có thực thể, vậy nếu chấp Vô Ngã là Niết Bàn thì Niết Bàn ấy cũng sinh diệt, không có tự tính, không có thực thể hay sao?

Nghỉ hơi một lát, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại hỏi Đại Mục-Kiền-Liên:

- Bạch Đại Đức! Các pháp hữu vi có vô ngã không?

- Bạch, các pháp hữu vi cấu tạo, do duyên sinh, kết hợp - lớn như vũ trụ trắng sao, nhỏ như một mảnh lân hư trần - tất cả chúng đều là vô ngã.

- Bạch Đại Đức! Còn các tâm niệm của chúng ta thì sao?

- Bạch, những tâm niệm tạo tác lăng xăng, tạo tác thiên đường, địa ngục, khởi nghĩ chuyện này sinh chuyện kia, chính là hữu vi, điều mà Đức Tôn Sư đặt nặng trọng tâm, nó chính là hành, hữu vi ấy là hành. Hành chính là tạo tác ấy.

- Nó có vô ngã không?

- Thưa, nó chính là vô ngã!

Đề cho hội chúng suy nghĩ một lát, Tôn giả Xá-Lợi-Phất hỏi tiếp:

- Đại Đức đã cho biết về tất cả pháp hữu vi, bên trong và bên ngoài - tất cả chúng đều là vô ngã. Vậy còn những pháp vô vi, pháp không tạo tác, pháp trong tâm của Chư Phật, chư vị A-La-Hán, pháp ấy như thế nào?

- Pháp ấy cũng vô ngã.

- Quý hóa thay! lành thay! Tất cả các pháp đều là Vô Ngã. Tất cả Pháp là gồm pháp hữu vi và vô vi! Vậy có lý chằng khi bảo rằng: "Vô ngã của hữu vi và vô vi ấy là Niết Bàn?"

- Không thể được!

- Nay chư huynh đệ! Vô ngã là tính chất, là trạng thái của tất cả các Pháp đều là hữu vi hay vô vi! Vậy thì có thể lập ngôn: "Vô Ngã là Niết Bàn" chằng?

Cả đại chúng đồng thanh nhất loạt:

- Không thể được!

Các vị tỳ-khưu phát biểu rất lớn:

- Bạch Ngài! Chúng đệ tử hiểu rồi, chúng đệ tử đã rõ rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Chúng đệ tử vô cùng tri ân nhị vị Thượng Thủ của Giáo Hội đã trăm phương nghìn cách, vì lòng bi mẫn đã vận dụng tâm trí, đã khổ công khai sáng cho chúng đệ tử!

Một vị tỳ-khưu khác lại tán thán:

- Kỳ diệu thay Trí Tuệ của Bậc Tướng Quân Chánh Pháp! Kỳ diệu thay Trí Tuệ của Bậc Vô Thượng Thần Thông! Chỉ vài đoạn đối thoại của quý Ngài là những tà kiến ngu si bị vỡ tan như những bọt nước.

Một vị tỳ-khưu nào đó, đứng ở phía sau, cười ha hả một hồi rồi thốt lên:

- Ha, ha!... Cái đồng phân dơi này là vô ngã, té ra đồng phân dơi này cũng Niết Bàn... Ha, ha!

Đức Xá-Lợi-Phất vẫn trang nghiêm, phát tay cho đại chúng im lặng rồi hỏi tiếp Đại Mục-Kiền-Liên:

- Bạch Đại Đức! Niết Bàn là gì?

- Bạch, là gì... thì không nói được!

- Tại sao không nói được?

- Đức Tôn Sư thường im lặng mỗi khi ai hỏi Niết Bàn là gì.

- Vậy tại sao ở đây, giữa hội chúng này, có người đã phát ngôn thành lời: "Niết Bàn là Vô Ngã"?

- Đức Tôn Sư không nói mà ở đây có người nói được là vì họ chưa nghe được lời dạy bảo của Đức Tôn Sư.

- Xin vì lòng bi mẫn, Đại Đức hãy cho hội chúng rõ, Đức Thế Tôn đã chỉ dạy ra sao về điều ấy?

- Đức Thế Tôn dạy rằng Niết Bàn ở ngoài bốn phạm trù sau đây: ở ngoài cái "có", ở ngoài cái "không", ở ngoài cái "vừa có vừa không", ở ngoài cái "không có không không".

Đến đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói cho đại chúng nghe:

- Nay chư huynh đệ! Huynh đệ đã nghe rõ ràng lời dạy của Đức Tôn Sư được Trí Tuệ của Đại Mục-Kiền-Liên lập lại. Vậy có lý chằng khi chúng ta còn ôm ấp luận kiến: "Niết Bàn là Vô ngã"?

Cả hội chúng đồng thanh:

- Không có lý chút nào!

Vị tỳ-khuru ở lần phía sau lại nói to:

- Bạch quý Ngài! Nói không có lý chút nào cũng chưa đúng lắm. Phải nói là lý ngu si, lý tối tăm, lý ngốc nghếch, lý phần dơi, lý phần chim, lý que củi ạ!

Một giọng khác át đi:

- Huynh đệ, hãy từ tôn cái miệng. Chúng ta là tỳ-khuru, đều là chúng đệ tử của Giáo Hội Đức Tôn Sư; ở đây lại còn có hai bậc Thượng Thủ, hai bậc Đại Trưởng lão đạo cao đức trọng. Chúng ta phải biết lựa lời cho dễ nghe một chút. Nhị vị Trưởng lão sẽ không chấp nhất chúng ta, nhưng chúng ta cũng phải biết tự hổ thẹn chứ!

Một giọng khác:

- Đại Đức nói đúng đấy! Phải biết nghe lời nói đúng! Phát ngôn của vị tỳ-khuru nào đó không phải sai, không phải ác khẩu, không phải vọng ngữ... nhưng dường như chưa được là mỹ ngữ, thanh tịnh ngữ cho lắm!

- Hoàn toàn đúng!

Đức Xá-Lợi-Phát và Đại Mục-Kiền-Liên đều mỉm cười. Lòng của hai vị rất vui, rất hoan hỷ. Họ đều nghĩ rằng, trong không khí vừa nghiêm túc, vừa đứng đắn, vừa cởi mở này thì nên giải tan luôn cho đại chúng những mối nghi, những tà kiến, những loạn kiến còn tồn tại xung quanh các tranh luận về Niết Bàn. Chuyện ấy không những chỉ xảy ra ở đây, mà có thể ở khắp mọi nơi, bất cứ chỗ nào "khổ đế" chưa được liễu tri và rốt ráo Phạm hạnh chưa được thấy rõ.

Đại Mục-Kiền-Liên nói với đại chúng:

- Chư hiền! Thế là những câu trả lời sắc bén và thực luận đanh thép của Tôn giả Xá-Lợi-Phát về hai vấn đề : " Vô Ngã là Niết bàn, Niết Bàn là Vô Ngã" đã bị rã tan như nắm tuyết dưới ánh nắng mặt trời. Trong chư hiền có ai nghi ngờ gì về điều ấy nữa không?

- Bạch Ngài, hoàn toàn không, hoàn toàn thấu suốt.

Một tỳ-khuru cất giọng rồn rảng:

- Một ngụ ngôn rất xưa về con cá và con rùa trong chiếc ao nọ, không ai là không biết, nhưng đây là vì chúng đệ tử không chịu tu tập, không chịu kham nhẫn, khổ công ngày đêm hiện quán; cứ tưởng là trí năng, luận lý có thể với tới bên miền bên kia mà sinh ra đa ngôn, đại vọng, ngã mạn. Rõ chúng đệ tử là những con cá ngu si, tự mãn, kênh kiệu trong cái ao tù đọng của đời mình. Xin nhị vị Tôn giả xá tội cho.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát hoan hỷ:

- Lành thay! Chư hiền không có tội gì!

Im lặng nhìn quanh một lát, Tôn giả nói tiếp:

- Còn những tri kiến liên hệ đến Niết Bàn sau đây, chúng ta cũng nên đem ra thảo luận, hy vọng chư hiền sẽ đi đến chỗ "kiến hòa".

- Xin Tôn giả giáo giới.

- Nay chư hiền! Nếu ở đây có người bảo: " Niết Bàn là thường còn" - Chư hiền nghĩ thế nào?

Đại chúng đồng thanh đáp:

- Là thường kiến, tà kiến.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát hỏi tiếp:

- Niết Bàn là thường lạc?

- Là thường kiến, tà kiến!

- Cũng vậy, họ còn quan niệm là "thường ngã", "thường tịnh"?

- Là thường kiến, tà kiến!

- Niết Bàn là gồm cả "thường, lạc, ngã, tịnh"?

- Là thường kiến, tà kiến!

Đại Mục-Kiền-Liên chợt nói:

- Chư hiền! Chư hiền có biết tại sao các luận sư ngoại đạo đem "thường, lạc, ngã, tịnh" gán cho Niết Bàn chẳng?

Đại chúng im lặng, có vẻ đang suy nghĩ thì có một người đáp:

- Thưa Tôn giả! Có lẽ đây là cái bánh bằng " bột ngoại", trộn nhiều đường và chiên nhiều mỡ, ngon lắm đấy!

Cả hội chúng cười.

- Tại sao? Có người hỏi.

- Sao nữa! Vẫn giọng người kia - nhưng đây là cái bánh vẽ, huynh đệ ạ! Tưởng là ngon nhưng không ăn được đâu.

- Đúng có xa đề. Liệu hồn cái miệng, có nhị vị Tôn Túc Trưởng lão ở đây.

- Sao lại xa đề! Tôi biết hai vị Tôn giả không chấp ngôn, chấp ngữ; và tôi cũng biết là hai vị Tôn giả đáng kính biết tôi nói gì.

Một vị tỳ-khưu nói to:

- Tôi hiểu.

- Giải thích đi! Mọi người giục.

- Thưa chư Tôn giả - vị tỳ-khưu kia đáp - Giáo Pháp của Đức Tôn Sư dạy rằng: "Các pháp hữu vi là vô thường, thay đổi, biến hoại!" Nghe vậy, chúng sanh chạy tới, chạy lui hốt hải, bất an. Bọn luận sư ngoại đạo bèn kêu lại: "Đến đây, đừng sợ! Hãy đến đây mà tu theo giáo pháp của ta! Giáo pháp của ta là chiếc tàu to lớn, bằng sắt, ngang rộng cả hàng trăm do tuần, kiên cố, vững bền, thường hằng, bất hoại - có thể chở hết tất cả chúng sanh không phân ngu trí, trẻ già, tôm tép, lươn chạch... đi đến thế giới trường xuân, miên

viễn!" Vậy thì, thưa chư Tôn giả! Đấy không là chiếc bánh nhiều mỡ, nhiều đường là gì?

- Hay lắm,! Đúng lắm! Nói tiếp đi!

- Giáo Pháp của Bạc Vô Thượng Giác dạy rằng: " Các pháp hữu vi, tạo tác, kết hợp... là khổ!" Nhưng cái bọn lẩm miệng, xảo trí kia bèn đem ra cái bánh khác, chúng nói: "Lại đây các bạn! Hãy lại đây mà tu theo giáo pháp này! Tu theo giáo pháp này sẽ được 'thường lạc, thường vui', sung sướng lắm! Cực lạc lắm! Sung sướng cực kỳ!

- Tuyệt vời thay là huynh đệ! Cho nghe tiếp!

- Giáo Pháp của Đức Thế Tôn dạy rằng: " Tất cả các pháp, dầu hữu vi, dầu vô vi đều là vô ngã, không có tự tính, không có thực tính". Chúng sanh bơ vơ quá không biết bám víu vào đâu. Bọn luận sư ngoại đạo bảo rằng, không phải vậy, tu theo các ông đây thì chân ngã cũng có, hữu ngã cũng có, đại ngã cũng có! Thưa chư Tôn giả! Vậy là chúng lại đưa thêm những cái bánh khác, thơm nức!

Hội chúng cười ồ thú vị.

Chợt một người hỏi:

- Còn "thường tịnh" thì sao hỡi huynh đệ?

- Hả! Thường tịnh hả! Thì cũng vậy thôi! Chư Tôn giả đã từng ta-bà khắp các thành phố lớn ở Châu Diêm Phù Đề này, chắc chư Tôn giả đã thấy rõ điều ấy rồi!

- Thấy sao ạ?

- Thấy người ta đâm chém nhau để kiếm tiền, thấy người ta dùng đủ tất cả mọi thủ đoạn gian manh quỷ quyệt để làm giàu. Làm giàu để làm gì vậy? Một là lấp cho đầy cái túi tham không đáy. Hai là để được vinh cái thân, phì cái da. Cho cái thân ấy được đủ đởn, ăn ngon mặc đẹp, trang điểm hoa hòe, hoa sói, lên ngựa xuống xe, nhà cao cửa rộng... Nghĩa là chúng sanh chỉ vì muốn cho cái thân được sung sướng, cực lạc mà không từ nan bất cứ ác nghiệp nào! Đức Vô Thượng Chí Tôn vì thấy chúng sanh bám víu, đeo luyến, chìm đắm, mê chấp vào cái thân mà đi vào con đường đọa đày, thống

khổ... nên Ngài phải chỉ cái "như thực" của cái thân ấy cho chúng sanh thấy. Cái thân ấy à - thấy mà ghê! Nào đờm, dãi, phân, nước tiểu, phổi phèo, tim cật... Nào là bệnh lác, bệnh hủi, ghẻ, mụn nhọt v.v... Ôi! Tất cả đều gớm ghiếc! Quán thân "b?t tịnh" là vậy. Thân như gồm sứ mỏng manh, là cái bao da đựng thịt xương, máu mủ, là một đồng thịt thối, một ổ bệnh tật, một cái hòm tội lỗi, đốn đau và phiền não. Đây là cái như thực. Như thực bất tịnh là cái thân này. Thế mà chúng ngoại đạo đưa ra cái chủ trương "thường tịnh" là sao hở? Chúng có âm mưu gì? Có phải nói dài con đường đau khổ để chúng sanh mê đắm, đứ đờn nơi cái thân? Hay là quả thật chúng thấy đờm dãi, phân, nước tiểu... kia là thanh tịnh, thường trong sạch, thường ngon thơm hả?

Hội chúng lại cười.

Thấy họ đã đi quá xa trong sự luận bác thiên về chỉ trích chứ không thiên về trình bày, kiến giải, xây dựng nên Tôn giả Xá-Lợi-Phát ngăn lại:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, chớ hiền! Chúng ta đừng nên đi quá xa. Đức Tôn Sư có nói rằng: "Thế gian luận tranh với Như Lai - Như Lai không luận tranh với thế gian". Vậy thì vấn đề Niết bàn, hy vọng rằng từ rày về sau chúng ta đừng rơi vào những luận kiến ấy nữa. Từ rày về sau chúng ta đừng nên đoán mò, giải thích, lý luận Niết Bàn là như thế nào. Không đúng đâu. Niết Bàn không có thể nói bằng ngôn ngữ, ý niệm. Niết Bàn là cái thực, cái chân đế, cái siêu thế. Nó ở ngoài mọi nắm bắt của lý trí, kiến thức, tri thức; Niết Bàn là cái mà chúng ta phải tu chứng, hiện quán, kiến chiếu để thấy rõ, để thể nhập chứ không phải ở đâu môi, chót lưỡi. Thấy Niết Bàn là phải thấy bằng Tuệ nhãn, bằng Trí Tuệ Bên Kia Bờ, Trí Tuệ của Đệ Nhất Nghĩa Đế. Dùng các khái niệm, ý niệm của bờ bên này, của tục đế mà diễn đạt, nói năng, lập ngôn để kiến giải về bờ bên kia thì chẳng khác gì con cá ở trong ao hồ mà kể chuyện trên mặt đất cho mọi người nghe! Có phải vậy không, chớ hiền?

- Đúng vậy! Tri ân nhị vị Trưởng lão!

Có tiếng một người:

- Vậy vô ngã là gì nhỉ?

Một người đáp:

- Câu hỏi ấy đã là hữu ngã rồi đấy, huynh đệ!

- Một niệm khởi, không chấp vào niệm ấy là vô ngã; chấp nào niệm ấy là hữu ngã, huynh đệ!

Chợt Đại Mục-Kiền-Liên cao giọng:

- Chư hiền hãy nghe đây! Những giải đáp của chư hiền là đúng, tuy nhiên chưa nói ra được cái lý do cốt yếu mà chúng ngoại đạo gán ghép "thường, lạc, ngã, tịnh" cho Niết Bàn. Thứ nhất, ở đây, có kẻ vô văn phạm phu không học pháp của bậc Thánh, không tu tập pháp của bậc Thánh, không thấy rõ, không chứng đắc pháp của bậc Thánh - nên chúng bảo rằng Niết Bàn của ông Cồ Đàm là hư vô còn Niết Bàn của chúng là đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh. Thứ hai, khi mà lý tưởng về một đấng Phạm Thế, đấng sáng tạo chủ, đấng hóa sanh chủ, đấng thượng đế hằng sinh, đại ngã thần hóa truyền đời của đạo Bà la môn đã bị Đức Tôn Sư đập vỡ, hạ bệ, lòi tuột xuống mặt đất - chúng bèn đưa ra một luận điểm khác, chủ trương khác: thường, lạc, ngã, tịnh - là nội dung, là tính chất của Niết Bàn! Chư hiền có biết sao không? Thường, lạc, ngã, tịnh chỉ là trạng thái tâm, là cảnh giới của vị Đại Phạm Thiên, bất cứ ai trong chư hiền ở đây đắc định sơ thiền vững chắc đều có thể hóa sanh ở đây và sống đầy đủ với bốn ảo tưởng thường, lạc, ngã, tịnh này!

Ồ! Thật không có gì rõ ràng hơn thế nữa!

Kỳ diệu thay! Sau buổi vấn đáp, trao đổi, thảo luận ấy có rất nhiều vị tỳ-khưu chứng được Tu-Đà-Huàn, nhập vào dòng Thánh.

Khi mọi người từ giã nhau, tản mát trong rừng cây, vườn nhà, trong làng để tạm trú qua đêm - Đức Đại Mục-Kiền-Liên nói với Tôn giả Xá-Lợi-Phát:

- Thù thắng sao là buổi thiền đàm này! Thù thắng sao là trí tuệ của hiền huynh! Những tỳ-khưu trẻ này, từ đây đã hoàn toàn giải được những mối nghi. Mau hay chậm họ cũng thấy rõ Niết Bàn thôi.

- Vâng, đúng vậy! Trí tuệ đoạn tận lậu hoặc sẽ đến với họ, mau hoặc chậm thôi!

Đại Mục-Kiền-Liên chợt hỏi:

- Còn hành trình trí tuệ của hiền huynh như thế nào? Nghĩa là hành trình trí tuệ để đoạn lìa phiền não nội tâm, đoạn lìa vi tế sở tri chương của hiền huynh nó mau hay chậm để thấy đạo, thấy quả?

- Có bốn hạng người thành tựu trực giác giống nhau nhưng căn cơ nhanh, chậm khác nhau đấy hiền đệ ạ!

- Xin hiền huynh giảng rộng ra.

- Vâng! Hạng tiến hóa vừa khó khăn vừa chậm chạp. Hạng tiến hóa khó khăn nhưng nhanh chóng. Hạng tiến hóa dễ dàng nhưng chậm chạp. Hạng tiến hóa vừa dễ dàng vừa nhanh chóng!

-Hiền huynh chắc phải là căn cơ bậc thượng!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất hỏi:

- Còn đệ thì như thế nào?

Đại Mục-Kiền-Liên mỉm cười đáp:

- Dĩ nhiên là không thể bằng Bậc Đại Trí Tuệ rồi!

Cả hai vị Đại Đệ Tử này dường như là cố ý san sẻ, bổ túc cho nhau để ai cũng có thể đi đến chỗ toàn bích. Hơn ai hết, họ biết rằng, kiến thức, trí tuệ của một vị A-La-Hán không thể so sánh với kiến thức, trí tuệ của một vị Phật Toàn Giác. Chính Đức Phật Thích Ca thuở còn là đạo sĩ Sumedha, Ngài có thể chứng đắc đạo quả A-La-Hán vào thời Đức Phật Nhiên Đăng (Dipankara) nhưng Ngài đã không an trú ở đấy. Ngài đã bỏ túc công hạnh, trí tuệ trải qua hai mươi bốn vị Phật Tổ - từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Ca-Diếp - là bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp để hành Ba-La-Mật. Vậy một vị A-La-Hán tuy đoạn tận vô minh, ái dục, phiền não, được vô sanh và giải thoát nhưng còn biết bao nhiêu kinh nghiệm. phương tiện trí cần phải được học hỏi; biết bao nhiêu loại trí tuệ, công hạnh khác cần phải được bổ túc cho tròn đủ vì lợi ích cho phần đông

--- o0o ---

Với trưởng giả Tu-Đạt

Tăng chúng mấy hôm nay bàn tán xôn xao về chuyện ông triệu phú ở Xá-Vệ (Sàvatthi), đó là trưởng giả Tu-Đạt (Sudatta).

Sau khi nghe pháp từ Đức Thế Tôn, ông triệu phú, chứng quả Tu-Đà-Huòn. Niềm hân hoan sung sướng trong đời chưa từng có đã đến với ông - trưởng giả Tu-Đạt ngộ lời cung thỉnh Đức Phật và Chư Tăng về Xá-Vệ, quê hương ông để hoằng dương Chánh Giáo. Ông sẽ cúng dường đất và thiết lập tịnh xá để Đức Phật và Tăng chúng có chỗ tịnh cư. Đức Phật hướng tâm đến, biết đây là nhân duyên rất lớn; Xá-Vệ chính là thủ phủ sau này của Giáo Pháp nên Ngài đã im lặng nhận lời. Tuy nhiên, Đức Phật có gợi ý rằng, Ngài và Tăng chúng thường ưa chỗ vắng vẻ, không gần cũng không xa thành phố. Thế là trưởng giả Tu-Đạt mừng vui hơn hờ trở lại quê nhà tìm đất. Suốt mấy ngày cùng với phụ tá, gia nhân rảo khắp tất cả miền ngoại ô Xá-Vệ ông chỉ tìm thấy được một khoảng đất vừa ý. Ở đây có núi đồi nhấp nhô, nước suối ngọt ngào mát lạnh tỏa nức mùi hương. Từng khoảng rừng suốt ngày im bóng bởi những tàn cỏ thụ xanh um; cây lá phong phú sắc màu, kỳ hoa dị thảo đua nở khắp nơi. Xuyên trong rừng là những khoảng trống lớn nhỏ có thể làm nơi tụ họp hoặc hành thiền cả hàng trăm người. Lại có những tảng đá bằng phẳng, liền lạc nối dài cả hai ba chục đôn gánh chạy trong một thung lũng im mát. Suốt ngày gió hát chim ca, mù sương khi đậm khi nhạt, mây trắng vắt ngang đầu núi. Ôi! Quả thật là sơn thủy hữu tình, khí linh thiêng hội tụ chờ đợi đâu từ ngàn năm để chào đón bước chân của đấng vĩ nhân xuất thế!

Nhưng khu rừng xinh đẹp ấy lại là của hoàng tộc. Hoàng thân Kỳ-Đà (Jeta) là sở hữu chủ, dự định sẽ biến cải khu rừng này làm nơi di dưỡng tuổi già! Khó khăn làm sao! Trưởng giả Tu-Đạt khăn áo chỉnh tề đến xá lỵ hoàng thân Kỳ-Đà ngộ ý muốn hoàng thân chuyển nhượng cho miếng đất ấy.

- Tôi không dám mua đâu, thưa hoàng thân! Hoàng thân tiền rừng bạc bể còn chúng tôi là hạng dân dã thật chẳng dám cao vọng. Chỉ xin hoàng thân mở lượng hải hà mà chuyển nhượng cho tôi vì tôi muốn làm một công việc quan trọng nhất trong đời tôi.

Hoàng thân Kỳ-Đà ngẩng đầu lên, trả lời:

- Ta cũng không dám đâu, thưa ngài triệu phú. Ở Xá-Vệ này chẳng nơi nào đẹp và quý bằng khu rừng của ta. Ngài triệu phú phải biết rằng đất ở đây, nước ở đây, cây lá ở đây đều tỏa mùi hương,; mùa đông không lạnh, mùa hè không nóng, ngài biết chứ?

- Dạ biết, thưa hoàng thân!

Hoàng thân Kỳ-Đà cao giọng:

- Vậy sao ngài triệu phú còn đòi mua? Ta biết ngài triệu phú giàu sang nứt tiếng mấy đời, nếu ngài có khả năng thì cứ lấy vàng mà đổi đất, ta sẽ bán cho.

Trưởng giả Tu-Đạt hớn hờ:

- Thưa hoàng thân, đổi như thế nào ạ?

- Suối không kể, đá không kể, chỉ tính là đất thôi - ngài lấy vàng lát cho đầy mặt đất, vàng lát đến đâu là đất ta bán cho ngài đến đó!

- Đồng ý. Tôi sẽ mua với giá như vậy. Tôi biết hoàng thân là người trọng tín nghĩa nổi danh ở đất Xá-Vệ này, một lời nói ra xem nặng bằng non!

Thế là suốt mấy ngày ròng rã, trưởng giả Tu-Đạt với hàng trăm gia nhân hì hục vận chuyển vàng từ kho này sang kho khác, những mong lấp cho đầy đất, mua trọn cả khu rừng để cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Hoàng thân Kỳ-Đà không ngờ chuyện nói chơi mà thành thật. Ông vội vã cho thắng ngựa đến nơi xem. Ngạc nhiên làm sao, từ khu đất này sang khu đất khác, vàng đã được lát đầy, sít sao không có kẽ hở! Và kìa, trưởng giả Tu-Đạt đang đứng trầm ngâm nhìn ngắm những gốc cây cổ thụ.

Hoàng thân Kỳ-Đà mỉm cười:

- Sao? Đất quá phải không? Ta không cần vàng đâu, ngài triệu phú! Hãy rút lời lại đi, cũng không muộn mà!

- Dạ, không ạ! Thưa hoàng thân! Tôi không dám nghĩ là đất đâu! Tôi đang tính toán là vàng phải lát như thế nào ở nơi những gốc cổ thụ choáng đất kia!

Hoàng thân Kỳ-Đà mở lớn mắt, ông không còn dám tin vào tai của mình nữa. Quả có chuyện kỳ lạ như vậy ư? Ông triệu phú này điên khùng hay sao mà dám coi vàng còn tệ hơn đất cục? Đồng ý là đất này quý nhưng cũng không thể quý bằng vàng được! Từ ngạc nhiên đến tò mò, hoàng thân bèn cặn kẽ hỏi lý do. Trưởng giả Tu-Đạt cũng tự sự đầu đuôi kể cho hoàng thân nghe về Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Ông cũng không quên kể chuyện là vua Bình Sa đã qui y Đức Thế Tôn, cúng dường Trúc Lâm tịnh xá như thế nào. Riêng ông thì được nghe pháp và sự chuyên hóa lạ lùng, sự bình an lạ lùng xảy ra trong tâm ông ra sao!

Hoàng thân Kỳ-Đà chăm chú lắng nghe, tự nghĩ:

"- Ông Phật, qua đó chắc là một vị đạo cao đức trọng, một vị Thánh đang xuất hiện ở đời này. Ông triệu phú đã làm một việc có ý nghĩa vĩ đại. Ông ta là hạng dân dã mà dám phát tâm cao thượng - còn ta, ta cũng nên đóng góp vào đây một chút công đức."

Bèn nói:

- Thôi! Ngài triệu phú đừng tính vàng nơi mấy gốc cây kia nữa, nhiều lắm đấy! Ngài cúng dường đất đến Đức Phật và Tăng chúng còn ta thì xin được cúng dường cây. Đất là của ngài triệu phú, còn cây là của Kỳ-Đà này, được chăng? ²

Trưởng giả Tu-Đạt xiết bao mừng rỡ.

Sau khi mua đất xong xuôi, đã được Đức Vua đóng dấu có triện son, trưởng giả Tu-Đạt tức tốc trở lại Trúc Lâm tịnh xá tâu bạch mọi sự cho Đức Phật hay. Cũng như Vua Bình Sa kiến thiết Trúc Lâm tịnh xá, trưởng giả Tu-Đạt muốn cúng dường một công trình xây dựng thật quy mô nên xin Đức Thế Tôn góp ý chỉ đạo. Sau đó ông còn tâu trình việc khác nữa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Xá-Vệ là một thành phố giàu mạnh ở phương Bắc, dân cư đông đúc, mức sống khá cao, tuy thế so với Vương-Xá thành thì nó chỉ là vùng biên địa xa xôi, nhân dân tuy bản chất thuần hậu nhưng còn mọi rợ. Lại nữa, đây là chỗ mà bàng môn tả đạo đang lộng hành. Khắp thành phố, bọn ngoại đạo ngênh ngang làm tiền, mê hoặc dân đen ngu muội, cuồng tín

bằng những phép lạ, bùa chú, ngãi nghệ, thuật số... cùng hàng trăm cách cúng tế khác nhau. Thần linh đủ loại ngồi đầy mọi nơi, mọi chỗ. Quanh năm thiên hạ cúng tế đầu súc vật, hiến tế máu, trái cây, trầm hương nghi ngút. Họ tu ngồi xôm, hai tay ôm đầu và nhảy. Họ tu quét đất, nằm ra đất mà lạy mà bò. Họ tu lửa thể, đi tòng ngông chỗ này chỗ kia, thấy tóc, râu, lông chứ không thấy mặt mũi. Họ tu hạnh nằm giữa đất, ăn trên đất chứ không ăn trong lá chuối. Họ ngồi trong vũng bùn, cống rãnh. Họ treo ngược người lên cây và ăn mỗi ngày từng hạt, từng trái lượm được. Họ sống vinh thân phì da với năm vợ, mười vợ mà thuyết con đường về với Phạm thể. Họ đọc quyền về ma chay, cưới hỏi, các cuộc hội lễ với thần linh, ngày tốt xấu, hướng nhà, hướng cửa... với những giá cắt cổ, bóp hầu đầu hòng...

Bạch Đức Thế Tôn! Có lẽ do duyên lành vạn kiếp, mặc dầu bị bên này vận động, bên kia tuyên truyền, con vẫn trơ trơ không theo bọn chúng, không ngã theo đạo nào! Nhờ vậy con mới gặp được Đức Thế Tôn, được nghe Giáo Pháp trong sáng và lành mạnh. Cũng vậy, thành phố Xá-Vệ, quê hương của con cần thiết phải có mặt Giáo Pháp vô thượng của Đức Thế Tôn. Rác và bụi trong mắt mọi người cần phải được quét sạch. Cuồng tín và ngu si cần phải được trí tuệ rọi sáng. Những hôi hám, dơ dáy trong mọi sinh hoạt tinh thần cần phải được làm cho sạch sẽ, thanh tịnh...

Bạch Đức Thế Tôn! Phi Đức Thế Tôn! Không ai ngoài Đức Thế Tôn cùng các Ngài Trưởng lão Đại Trí Tuệ, Đại Thần Thông... là có thể khuất phục được chúng ngoại đạo. Ở Xá-Vệ có nhiều khó khăn và phức tạp khi đặt viên đá đầu tiên xây dựng cũng như sự phát triển sau này của Giáo Pháp.

Đức Phật chăm chú lắng nghe tất cả lời tường trình rõ ràng và mạch lạc của trưởng giả Tu-Đạt; Ngài biết là ông ta nói rất đúng, rất chính xác, bèn quay qua Tôn giả Xá-Lợi-Phất:

- Này Xá-Lợi-Phất! Ông nghe rõ về tất cả mọi điều mà ông trưởng giả Tu-Đạt vừa nói đó chứ? Đây là tất cả sự thật ở Xá-Vệ. Khó khăn lắm đấy!

- Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật tiếp lời:

- Như Lai muốn ông hãy đi đến Xá-Vệ, góp ý với ông Tu-Đạt trong việc kiến thiết, xây dựng. Còn việc đối phó, giao tiếp với chúng ngoại đạo thì ông cứ tùy nghi linh động giải quyết. Bất cứ sự cảm hóa, cải thiện, đổi mới nào -

mặc dầu là có lợi ích - vẫn bị sự chống đối, phá hoại, phỉ báng từ nhiều phía. Đây là cái đương nhiên phải xảy ra. Đừng mong là thuyền ra khơi luôn được thuận buồm xuôi gió, trời trong biển lặng! Đừng hy vọng hảo huyền là con đường đi của Giáo Pháp chơn chánh trên đời này sẽ được lót bằng những tấm thảm nhung! Con người không dễ dàng gì thay đổi một thói quen, nhất là những thói quen đã biến thành hình thức, tập quán ăn sâu, cắm rễ trong truyền thống từ đời này sang kiếp nọ! Nay Xá-Lợi-Phất! Giáo Pháp giác ngộ, giải thoát cần phải được xiển dương, cần phải được tăng trưởng, lớn mạnh, phát triển. Cần phải đi vào lòng người và lòng xã hội. Giáo Pháp của tự do và trí tuệ phải là ánh sáng, là ngọn đèn dẫn đường cho những tâm thức nô lệ, yếu hèn và ngu muội. Hãy giương cao ngọn cờ munja! Hãy giương cao ngọn cờ của bậc thiện trí! Hãy vô vi, vô dục, mở rộng tâm lòng từ bi quảng đại! Hãy bình lặng như đất, kham nhẫn như đất - tùy duyên mà giáo hóa sinh quần!

Này Xá-Lợi-Phất! Hãy nghiêng vai mà nhận lãnh trách nhiệm ấy, khó khăn ấy - tất cả, Như Lai giao phó cho ông. Chừng bốn, năm tháng nữa, trước mùa mưa, Như Lai và Tăng chúng trên một ngàn vị sẽ đến đây để an cư!

Đức Phật chỉ dạy như vậy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã nắm rõ toàn bộ vấn đề. Ngài tóm tắt trong óc mình như sau:

"- Vậy là có tất cả ba vấn đề chính yếu. Việc thứ nhất là sẵn sàng luận tranh với bọn luận sư ngoại đạo nhiều môi mép và miệng lưỡi; phải làm cho chúng tâm phục, khẩu phục Giáo Pháp Vô Thượng của Đức Tôn Sư. Thứ hai là phải đối trị với những phép lạ lòe đời của chúng ngoại đạo. Và thứ ba là góp ý xây dựng công trình kiến trúc!"

Đến đây, một ý nghĩ khác lại khởi sanh trong tâm của Tôn giả:

"- Nghe nói chúng ngoại đạo ở đây thần thông, phép lạ, pháp thuật cao cường, nhưng tại sao Đức Tôn Sư không cho Đại Mục-Kiền-Liên đi cùng? Tuy nhiên, một Đấng Toàn Tri Diệu Giác khi làm một việc gì là đã suy nghĩ chu đáo, rõ ràng ta không cần phải thắc mắc nữa!"

* * *

Từ Vương-Xá thành đến Xá-Vệ có rất nhiều lối đi, nhưng theo đường bộ, men dọc sông Hằng, vượt lên phía Bắc là con đường mà khách thương hằng lui tới. Đây là con đường đi qua nhiều quốc độ có ít trộm cướp, thú dữ, độc

trùng, mắng xà. Ông trưởng giả Tu-Đạt chọn lộ trình này mà Đức Phật và Tăng chúng cũng thường đi theo lối này.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đáp y, mang bát đến đánh lễ Đức Phật lúc sao mai còn vắng vặc trên trời.

- Nay Xá-Lợi-Phất! Như Lai tin tưởng ở nơi ông. Xá-Vệ sau này sẽ là kinh đô lâu dài cho Giáo Pháp, vậy ông hãy kham nhẫn mà chu toàn mọi công việc thay mặt cho Như Lai!

- Đức Tôn Sư dạy bảo gì cho đệ tử nữa không?

- Không, chỉ vậy là đủ.

Đức Đại Mục-Kiền-Liên, Đức Đại Ca-Diếp, Đức Ânanda, Đức Đề-Bà-Đạt-Đa cũng đến tiễn chân Tôn giả Xá-Lợi-Phất từ rất sớm.

- Đường bộ hành xa xôi diệu vợi, Tôn giả hãy bảo trọng.

- Sớm mong gặp lại Tôn giả để nghe lời nhắc nhở, chỉ dạy.

Chư tôn Trưởng lão ai cũng mến mộ Ngài Xá-Lợi-Phất, nói lời tiễn biệt: Ngài ân cần đáp lễ:

- Chư hiền, chư hiền cũng ráng bảo trọng, hầu hạ Đức Tôn Sư! Xá-Lợi-Phất tôi là ai mà dám mất thì giờ của chư hiền đến vậy!

Đặc biệt hôm đó Tôn giả nắm tay Ngài Ânanda:

- Hiền đệ rất được Đức Tôn Sư tán thán về sự nghe nhiều học rộng. Trong thời gian tôi đi vắng, nhờ hiền đệ chăm chút dạy bảo đám học trò chung của chúng ta, ước chừng đến hôm nay đã có mấy trăm tỳ-khưu, sa-di trẻ rồi.

- Thừa vâng, con sẽ tuân mạng!

Tôn giả lại nắm tay Đề-Bà-Đạt-Đa:

- Tôi đã nhiều lần gặp hai hàng cư sĩ áo trắng ở Vương-Xá thành để ca ngợi, tán thán giới hạnh tinh nghiêm, trong sáng của Đại Đức. Tôi thật rất sung sướng và hoan hỷ mà ca tụng tài đức, thanh danh của Đại Đức lan xa nhiều

quốc độ; để hàng hậu học noi gương, để cận sự nam, cận sự nữ phát khởi lòng tin.

- Tôi thật chưa xứng đáng để Trưởng lão quan tâm ưu ái như vậy. Tôi nguyện sẽ cố gắng để khỏi phụ lòng Trưởng lão.

Sau đó Tôn giả Xá-Lợi-Phất xá lễ, quay lưng theo lối mòn thiên lý, an trú chánh niệm trước mặt và cất bước.

Từ vệ đường, một chiếc xe hai ngựa đỗ lại và trưởng giả Tu-Đạt bước xuống.

- Cung thỉnh Đại Đức Trưởng lão lên chiếc xe của con.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất vẫn ôm bát đứng yên lặng.

Trưởng giả Tu-Đạt lại thưa:

- Đường sá xa xôi, mưa nắng thất thường, đầu thì đội trời, chân đạp đất; Trưởng lão chẳng có gì che chắn sức khỏe cho mình cả. Xin Trưởng lão hãy hoan hỷ bước lên xe.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Trưởng giả đừng lo cho tôi, sức khỏe của tôi còn tốt. Và lại Đức Tôn Sư có dạy rằng: "Này tỳ-khưu! Hãy nhìn con thiên nga kia, nó đã lìa khỏi ao hồ tù đọng để thênh thang giữa trời cao bể rộng! Các thầy cũng vậy! Các thầy đã có chiếc mỏ là bình bát, lá y là đôi cánh; các thầy cũng tự do thênh thang ra đi, lòng như mây trắng không vướng một chút gì trên trần thế, ăn cơm ngàn nhà, đến muôn phương mà giáo hóa sinh quần."

Trưởng giả Tu-Đạt kính cẩn chấp tay lắng nghe.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại tiếp:

- Ông là cư sĩ, lại lớn tuổi hơn ta, ông có thể ngồi trên xe ngựa mà đi, điều ấy là hợp pháp, chẳng ai chê cười cả. Còn ta thì khác, ta là thầy tỳ-khưu ôm bát đi xin ăn, ở trong một Giáo Hội tự nguyện sống đời vô sản bản cùng; ta đã có mỏ, có cánh để lên đường, ông khỏi lo cho ta! Lại nữa, Đức Thế Tôn sẽ không cho phép ta đi xe, đi ngựa; giới luật không cho phép, thế gian

không cho phép - mà chính ta, ta cũng không cho phép. Vậy ông hãy lên đường trước, hẹn gặp nhau ở Xá-Vệ.

Trưởng giả Tu-Đạt bây giờ mới hiểu điều đó:

- Thế thì con cũng vậy, mặc dù chỉ là cư sĩ sơ cơ, từ rày con cũng không cho phép mình ngồi trên xe cho ngựa kéo.

Nói xong, ông Tu-Đạt hồi hải mang cả chiếc xe ngựa tặng cho một gia đình nông dân nghèo bên đường, rồi khoác tay nai, hớn hờ bước theo chân Đức Xá-Lợi-Phất.

Thế là thầy trò lên đường, ngày đi đêm nghỉ. Ông trưởng giả Tu-Đạt có nhiều cơ hội để hỏi chuyện, cơ man nào là chuyện trong những khi rảnh rỗi. Tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng sẵn lòng giải đáp mọi điều cho vị Thánh cư sĩ tò mò, ham học hỏi này.

Mặt trời lên chừng ba con sào, dừng chân bên một bóng cây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Bây giờ ta sẽ vào xóm nhà kia để làm bốn phần xin ăn của một thầy tỳ-khưu. Trưởng giả hoặc là đi trước hoặc là đợi chờ ở đây thì tùy vậy.

- Bạch Trưởng lão - Ông Tu-Đạt ngần ngại - con có một ước muốn...

- Ông cứ nói.

- Con muốn đặt bát cho Trưởng lão. Dâng vật thực, nước uống, tắm xia răng đến cho Trưởng lão vào mỗi buổi trưa, trước giờ ngộ, tại chỗ dừng chân, được chăng?

- Nếu có lời thỉnh cầu của ông cư sĩ thì được, tuy nhiên, không được quá ba bữa.

- Thưa, con chưa hiểu.

- Đó là do lời nguyện của ta, ta muốn đi nhiều nơi để gieo duyên cho nhiều người.

- Vậy thì con không thể thỉnh mời luôn?

- Nay ông Tu-Đạt! Đã có trường hợp thí chủ thỉnh mời Đức Thế Tôn và Tăng chúng để hộ độ trong suốt mùa an cư. Tăng chúng thì có thể, nhưng Đức Thế Tôn hằng ngày thường muốn đi hóa độ nhiều nơi. Ngài chỉ nhận một bữa thôi.

Trường giả Tu-Đạt vậy là đã hiểu. Quý Ngài muốn cho nhiều người phát tâm cúng dường để họ được gieo duyên, tạo nghiệp lành cho chính họ. Đến trưa, ông làm bốn phần của một đê tử mà cảm thấy niềm hân hoan, mát mẻ dâng ngập cả tâm hồn. Thấy Tôn giả Xá-Lợi-Phất với bình bát bên chân, định tỉnh, an trú niệm, từ tốn, chậm rãi độ thực; ông tự nghĩ trong tâm:

"- Ôi! Quý Ngài cao thượng xiết bao! Người ta dâng cúng vật gì quý Ngài dùng thứ ấy, tuyệt đối không đòi hỏi, không gợi ý bao giờ! Xem kìa! Ta chưa thấy ai vo từng miếng cơm cẩn trọng, nhai cẩn trọng, nuốt cẩn trọng như vậy. Tất cả ở nơi Ngài đều toát ra sự cẩn trọng và vắng lặng một cách lạ lùng."

Khi ông Tu-Đạt cất đặt mọi thứ xong xuôi, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhẹ tay đặt lên vai ông:

- Phải cẩn trọng chứ ông Tu-Đạt! Vật thực kia chính là do ân đức của xã hội, chúng sanh mà có. Khi dùng vật thực, thầy tỳ-khưu phải hiểu rằng nó chỉ để nuôi mạng, để được mạnh khỏe mà tu học, chứ không phải để cho béo tốt, để mà phô phang bấp tay bấp chân như kẻ vũ phu...

- Thưa vâng!

- Lại còn biết dùng nơi chỗ vừa đủ, dùng no quá nữa, ông Tu-Đạt!

- Thưa vâng!

Một lát ông Tu-Đạt lại hỏi:

- Đức Thế Tôn và Tăng chúng có khi nào bị đói không, bạch Trưởng lão?

- Chuyện ấy không phải là không xảy ra! Như cách đây hai năm, tại Veranjà có nạn đói, suốt ba tháng nhập hạ ở đó, Đức Thế Tôn và năm trăm vị tỳ-khưu đã chia sót nhau chút ít thức ăn của ngựa do người lái ngựa có lòng tốt dâng cúng.

Ông Tu-Đạt tự nghĩ:

"- Sau này, khi thỉnh Đức Thế Tôn và Tăng chúng về quê nhà, ta sẽ bỏ ra tất cả gia tài để chăm lo vật thực cho đầy đủ, mấy ngàn vị cũng được. Ta quyết không để cho Đức Thế Tôn và Tăng chúng thiếu thốn bất cứ vật gì. Sức khỏe của quý Ngài chính là hạnh phúc cho tất cả chúng sanh."

Rồi lại hỏi:

- Đã có khi nào Đức Thế Tôn an cư một mình mà không có ai hầu hạ, không có người lo lắng vật thực không, thưa Trưởng lão?

- Có đấy! Ông Tu-Đạt! Một lần Đức Tôn Sư nhập hạ một mình trong rừng, một lần Đức Tôn Sư nhập hạ trên cõi trời Đạo Lợi.

- Con muốn nghe cho rõ ràng.

- Năm ấy tại Kosambi có hai nhóm tỳ-khưu cứng đầu, tranh cãi, tranh luận về kinh và luật rất là ồn ào, nhiệt nảo. Đức Thế Tôn đã đi vào rừng Pàrileyyaka để an cư một mình.

- Vậy thì phải làm sao?

- Có làm sao đâu mà ông lo lắng? Ở rừng, Đức Thế Tôn có hai thí chủ dâng cúng trái cây và nước uống hằng ngày. Đây là một con voi chúa và một con khỉ chúa, chính chúng cũng đã chán nản bầy đàn nên vào đây để tĩnh cư một mình!

- Thật là kỳ diệu!

- Còn vào hạ thứ bảy thì Đức Thế Tôn lên cõi trời Đạo-Lợi, thuyết pháp độ cho Phật mẫu để đáp đền công ơn sinh thành.

- Thật là kỳ diệu, thưa Tôn giả! Cõi trời ấy ở đâu? Đức Thế Tôn lên xuống ra sao? Thuyết pháp ra sao? Xin Tôn giả bi mẫn giải thích.

- Từ từ đã ông Tu-Đạt - Ngài ưu ái nhìn ông - từ từ ta sẽ kể cho ông nghe

Rồi Tôn giả kể:

- Khi hoàng hậu Ma-Gia hạ sanh hoàng tử Sĩ-Đạt-Ta được bảy ngày thì hoàng hậu hóa sanh lên cõi trời Đâu-Suất làm một Chư Thiên nam. Cõi trời ấy gọi là Đệ Tứ Thiên Đường, một ngày ở đây bằng bốn trăm năm ở nhân gian, và những hạnh phúc vật chất thì người đời không thể tưởng tượng được. Cõi trời Đao-Lợi thì gọi là Đệ Nhị Thiên Đường, có cả thảy ba mươi ba tòa cung điện nên có tên là Cõi Trời Ba Mươi Ba. Cai quản cung trời này là Thiên Vương Đế Thích mà nhân gian thường gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, ông ta cũng là đệ tử của Đức Tôn Sư. Một ngày ở đây bằng một trăm năm tại Châu Diêm Phù Đề này. Phước báu Trời Đao-Lợi tuy không bằng trời Đâu-Suất nhưng cũng gấp ngàn lần ở nhân gian...

Trưởng giả Tu-Đạt thốt lên:

- Thật là kỳ lạ!

- Chư Thiên có sắc thân rất vi tế, nên người đời thường không thể thấy được. Tuổi thọ của họ dài lâu, hình hài thay đổi rất chậm nên không thể giảng đạo, nói pháp về lý vô thường, khổ não. Vì tâm của họ quá tế vi nên Đức Tôn Sư phải giảng pháp vi tế - đây là Tạng Luận - nói về những diễn tiến của tâm, con đường đi của tâm, những tâm vương, tâm sở, sanh diệt, nhân quả của các trạng thái tâm ấy. Mỗi ngày, Đức Thế Tôn giảng ở cung trời Đao-Lợi. Vị trời, tiền thân là Hoàng hậu Ma-Gia - từ Đâu-Suất bay sang nghe; sau hạ ấy Phật mẫu đắc quả Tu-Đà-Hườn!

Trưởng giả Tu-Đạt cứ ngẩn ngơ nhìn trời, sau đó lại hỏi:

- Loài người có nghe được Tạng Luận ấy không, thưa Tôn giả?

- Được chứ! Đức Thế Tôn có năng lực thần thông vô lượng vô biên. Cứ sau mỗi thời giảng, Đức Thế Tôn xuống trần tóm tắt tinh yếu lại cho ta và ta giảng rộng ra cho đại chúng nghe. Suốt ba tháng ở nhân gian, Đức Thế Tôn giảng xong Tạng Luận.

- Thật là lạ lùng! Thật là cao siêu!

Tối đến, bất kỳ nghỉ ở đâu, Tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng tọa thiền. Đôi khi Ngài trú định suốt đêm. Thi thoảng Ngài nằm nghiêng lưng vào trước canh ba, quay đầu về hướng Trúc Lâm tịnh xá - nơi có Đức Thế Tôn và Trưởng lão Assaji ngự. Vào cuối canh ba, Tôn giả đi kinh hành cho đến sáng.

Trưởng giả Tu-Đạt lại được dịp tò mò chiêm ngưỡng. Ông ngạc nhiên sao vị Đại Đức này dường như không ngủ hay ít ngủ mà thần sắc lại tươi tỉnh, hồng nhuận như vậy!

Tôn giả lại phải giải thích:

- Ta đã ngủ rất sâu đấy, ông Tu-Đạt! Thiên định chính là sự nghỉ ngơi hoàn toàn của thân và tâm! Một khắc của thiên định bổ dưỡng cho sức khỏe con người hơn cả một đêm ngủ ngon, không mộng mị!

Sống bên cạnh vị Thánh, lúc nào ông trưởng giả cũng thấy mát mẻ, an lành, và đức tin, niềm kính trọng đối với Tam Bảo ngày càng lớn mạnh ở trong ông.

Hôm kia, sau khi Tôn giả Xá-Lợi-Phất đi bát về, họ dùng ngọc dưới một cội si già vươn tán rộng che phủ cả bên nước sông Hằng thì gặp một đám tang rất lớn. Người ta bỏ thi thể trên một cái giàn bằng cây, phủ vải trắng và phủ rất nhiều hoa. Một đám phu khiêng chừng vài mươi người đi giữa, bên sau là bà con cùng thân nhân quyến thuộc. Xung quanh và trước là mấy chục tu sĩ Bà la môn ăn mặc sang trọng, đầu quấn khăn trắng, chân đi giày và tất màu trắng. Trước nữa là một đám rước có dù, lọng các vị thần tôn trí trong mấy kiệu hoa, được đám nghệ sĩ ăn mặc sặc sỡ, diêm dúa tháp tùng, đánh trống, thổi kèn. Lại có cả mười cô vũ nữ nhà nghề ở trong các đèn tế vừa đi vừa múa các vũ điệu huyền bí của thần linh...

Không có một tiếng khóc. Đám tang mà giống một cuộc hội tề, một cuộc vui! Rõ ràng là thân nhân quyến thuộc không phải đưa một đám ma vào cõi chết với những hình ảnh ghê rợn của Diêm Chúa cùng lũ đầu trâu mặt ngựa mà họ đang cung tiễn một linh hồn đến nơi an nghỉ cực lạc vĩnh hằng!

Đến bên nước, mọi người dạt ra, họ đặt thi thể xuống. Vũ, kèn, trống tạm ngưng và giọng tụng kinh trầm bổng vang lên. Đám phu khiêng, bây giờ, cột xung quanh giàn gỗ những thân chuối to, bung từ từ xuống bên nước rồi thả nổi giữa sông. Tiếng kinh, lời cầu nguyện vang lên không ngắt trong lúc chiếc bè thi thể dần dần trôi ra giữa giòng... Những tiếng "aum, aum" tha thiết, thành kính bốc lên cao, lan giữa sông nước, vọng thấu trời xanh...

Vị tu sĩ trưởng Bà la môn chủ tế, đầu đội mũ đỏ, khăn đỏ, áo đỏ; chấp tay xướng, rồi tất cả tu sĩ Bà la môn cùng tụng theo với nội dung như sau:

- Hồi Đấng Rama! Thượng Đế Hằng Sinh! Là cha của muôn loài! Xin Ngài rủ lòng thương xót con cái Ngài! Xin Ngài tiếp độ vong linh! Xin Ngài tiếp dẫn vong linh! Xin Ngài phóng hào quang soi đường đưa vong linh đến cõi thiên đường cực lạc! Aum, aum!

Trưởng giả Tu-Đạt quay sang Tôn giả Xá-Lợi-Phất, hỏi rằng:

- Họ thành kính cầu nguyện như vậy mà Đấng Rama có tiếp dẫn họ không, thưa Tôn giả?

- Thượng Đế với nghĩa hằng sinh như vậy thì không có đâu, ông Tu-Đạt! Có thể đây là Ngọc Hoàng Thượng Đế trong quan niệm nhân gian. Có thể đây là vị Phạm Thiên tối cao trong truyền thống tôn giáo của họ. Các vị ấy chỉ là vị trời thôi, một chúng sanh do phước báu hóa sanh hoặc do đắc định hóa sanh. Các vị thiên ấy rồi cũng phải chết, hết phước báu thì họ phải tái sinh trong sáu đường như tất cả chúng sanh khác. Chính họ cũng chưa cứu được mình huống hồ tiếp dẫn cho ai!

- Cầu nguyện như vậy có năng lực không, thưa Trưởng lão?

- Không có năng lực nào vượt thoát ngoài năng lực của nghiệp, này ông Tu-Đạt!

- Xin Trưởng lão giảng rộng cho con nghe.

- Vâng! Ví như chiếc bè thi thể kia là một tảng đá nặng ngàn cân. Nếu ở bên này sông một trăm thầy Bà la môn, bên kia sông một trăm thầy Bà la môn nhất tâm cầu nguyện cho tảng đá kia được nổi. Tảng đá kia có nhờ cầu nguyện, có do năng lực cầu nguyện mà nổi lên mặt nước không, ông Tu-Đạt?

- Không thể nổi được, thưa Trưởng lão.

- Cũng vậy, nếu một chúng hữu tình sát sanh, hại vật, lấy của không cho, trộm cắp, tà vạy, dối trá, ác độc... đến khi thân hoại mạng chung, do ác nghiệp, trọng tội mà y đã tạo, phải bị đọa vào bốn đường khổ. Trưởng hợp ấy, mấy trăm thầy Bà la môn nhất tâm cầu nguyện thì người kia có thể nhờ năng lực cầu nguyện ấy mà được sanh lên thiên đường không, hử ông Tu-Đạt?

- Thưa không thể.

- Ví như có một thùng dầu đổ trên mặt sông, nổi trên mặt sông nhưng mấy trăm thầy Bà la môn kia cầu nguyện cho dầu bị chìm, thì dầu ấy có chìm không, ông Tu-Đạt?

- Thưa, không thể.

- Cũng vậy, nếu có một chúng hữu tình sống không sát sanh hại vật, có lòng từ, biết bố thí, giữ giới, làm các hạnh lành, sống đời chân thật, hiền lương... đến khi thân hoại mạng chung, do thiện nghiệp ấy, y được sanh lên cảnh trời. Đây là điều hiển nhiên của định luật nhân quả, là cái tất yếu. Dầu có hàng trăm thầy Bà la môn tụng kinh cầu nguyện đêm ngày mong cho người kia bị đọa, thì người kia cũng không vì vậy mà bị đọa vào bốn đường khổ, có phải thế không?

- Thưa, giờ thì con đã hiểu rõ ràng.

- Nay ông Tu-Đạt! Nhẹ thì được bay lên, nặng thì bị rơi xuống - đây là định luật. Một người làm việc lành, chuyên làm các hạnh lành thì tâm hồn người ấy luôn luôn được hỷ lạc, mát mẻ, thư thái, nhẹ nhàng cho nên được sanh lên. Người làm việc xấu ác thì tâm hồn người ấy luôn luôn bồn chồn, nóng nảy, sợ hãi, bất an... Cái tâm ấy quá nặng nề nên phải rơi xuống thôi, có phải thế không?

- Thưa, quả đúng vậy!

Trên đường đi, thỉnh thoảng cả hai người phải dừng lại vì có nhiều nhóm tỳ-khưu trên đường ngược chiều bộ hành về Trúc Lâm tịnh xá. Nhìn những tu sĩ thuộc Giáo Hội của Đức Bổn Sư, trưởng giả Tu-Đạt dễ dàng nhận ra ngay vì cách khoác y trang nghiêm, tóc râu sạch sẽ và có một tác phong, cử chỉ, cách đi đứng rất khác xa với những đạo sĩ hành cước hay du sĩ ngoại đạo. Và họ cũng nhận ra Tôn giả Xá-Lợi-Phất qua hình dáng bên ngoài, hoặc có vị đã nghe danh, hoặc có vị đã từng gặp mặt. Tôn giả đã ân cần thăm hỏi, khích lệ, sách tấn; đôi khi phải nhiều thì giờ giảng cho họ nghe một số điểm phức tạp, tế nhị thuộc Kinh hoặc Luận. Thế là tâm vóc của vị Trưởng lão này càng ngày càng cao lớn trong mắt nhìn của ông Tu-Đạt.

Cũng đã vài lần các tu sĩ ngoại đạo chế diễu, nói móc đến Đức Gotama nhưng Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã nhẫn nại lắng nghe, sau đó tìm lời khôn khéo, từ bi để giáo hóa họ. Nói tóm lại là nhờ uy nghi của Ngài, tấm lòng của Ngài cùng uy lực của Giáo Pháp mà chúng đều phải nhu thuận, nể phục.

Lòng của ông Tu-Đạt rất vui, rất mát mẻ như bước đi trong ánh nắng ban mai chan hòa cùng đất trời, núi sông, cây cỏ...

---o0o---

Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên

Sau khi đi một vòng thăm khu đất, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói với ông Tu-Đạt:

- Kỳ diệu thay! Ông không những là người có một tấm lòng quảng đại mà còn có con mắt và cả đầu óc kỳ vĩ nữa!

- Con không dám!

Tôn giả khẽ nắm bàn tay con người khiêm tốn, khi họ cùng đi dạo với nhau - và nói rằng:

- Ông biết không! Ta lấy làm ngạc nhiên khi cả vùng ngoại ô Xá-Vệ đất đai mênh mông, bỏ hoang, vô chủ mà ông lại không chọn, lại chỉ chọn vùng đất cam chịu đói vàng! Đất này còn quý hơn cả vàng đấy, ông Tu-Đạt!

- Xin Trưởng lão chỉ dạy.

Họ ngồi bên một con suối nhỏ, nước trong leo lẻo, đàn cá trắng đỏ vàng chao lượn nhớn nhỡ. Tôn giả cúi xuống vốc một bùm nước:

- Nước này thơm ngọt và mát lạnh như nước của cung trời. Thuở xưa ta học về nghề thuốc nên ta biết rằng nước này uống vào sẽ lợi thận, thông tiểu, chắc răng, sáng mắt... nó còn lọc sạch dạ dày và đường ruột nữa.

- Kỳ lạ thế ư?

Tôn giả đi vài bước, bóc một mảng vỏ cây, chỉ cho ông Tu-Đạt xem một số loài cây và một số loài hoa.

- Các vỏ cây này, lá này và hoa này đều có những mùi thơm khác nhau do chất nhựa tiết ra khác nhau. Thứ thì muỗi mòng phải tránh xa, thứ thì khử tất cả mọi ô nhiễm, chất độc, thứ thì bảo vệ con người thoát khỏi các chứng bệnh ho hen, nhức đầu, sổ mũi...

- Thật là kỳ lạ!

Bây giờ thì họ đang ngồi trên một tảng đá bằng phẳng, trước mặt là dãy núi cong cong che chắn cả hướng Tây Bắc.

- Hướng này là hướng thường có gió độc: ác phong, cuồng phong, hàn phong... nhưng dãy núi kia đã ngăn chúng lại rồi. Ngoài ra - Trường lão ngáp ngừng, vốc một nắm đất lên xem - không biết là từ trong đất, trong đá hay trong cây, có một cái gì đó điều hòa được nhiệt độ, làm cho khí hậu ở đây mát mẻ quanh năm! Thật là lý tưởng, thật tuyệt diệu, thật là tốt cho sức khỏe của Đức Thế Tôn!

- Đúng vậy - trưởng giả Tu-Đạt xuýt xoa - Tôn giả quả là bậc bác học, cái gì cũng biết. Trước khi mua đất này, con có hỏi ý kiến một thầy Bà la môn tinh thông địa lý, phong thủy, ông ta cũng nói như Tôn giả vậy.

Ngài Xá Lợi Phất lại nói:

- Đức Thế Tôn từ cung trời Đâu-Suất, lúc giáng thế, Ngài cũng chọn Hy mã Lạp sơn, nơi tụ hội khí thiêng linh nhất của Châu Diêm Phù Đề; còn ông, ông cũng biết lựa chọn một khu đất xinh tươi, một địa linh để sau này làm kinh đô cho Giáo Pháp. Công đức của ông lớn lắm, ông biết không?

Trường giả Tu-Đạt rất hể hả trong lòng.

Bây giờ họ đi vào rừng cây. Quả thật, không khí như bóc hương, vạn vật êm đềm, bình lặng. Chợt Tôn giả Xá-Lợi-Phất hỏi:

- Ông cảm thấy trong người như thế nào?

- Thưa, cảm thấy thư thái, sáng khoái; tinh thần như nhẹ lâng lâng...

- Đúng vậy! Đức Thế Tôn, các vị A-La-Hán muốn trú tâm thư thái thì các Ngài trú tâm thư thái, muốn trú tâm nhẹ nhàng, lâng lâng thì các Ngài trú

tâm nhẹ nhàng, lâng lâng. Nhưng đại chúng, chư phàm tăng, cận sự nam, cận sự nữ thì không thể làm vậy, có phải thế không?

- Thưa, vâng.

- Do vậy, Giáo Pháp sẽ tăng trưởng rất vững mạnh ở đất này, đâm chồi nảy lộc ở nơi này, đơm hoa kết trái phú túc, thịnh mãn... rồi sẽ lợi lạc vô cùng cho chúng sanh về sau.

Đứng nhìn những thế đất, chỗ uốn lượn của các ngọn đồi, màu xanh thăm tươi mát của lá cây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Giới luật của Đức Tôn Sư có dạy rằng: mỗi vị tỳ-khưu nửa tháng mới được tắm một lần vì khắp nơi nơi, chỗ nào cũng thiếu nước, nhưng đây thì không. Ở đây cho dù có mấy ngàn vị cũng dư thừa nước uống và nước sinh hoạt. Nếu biết chỗ, biết chọn đúng nơi để đào những chiếc hồ rộng thì hoa sen, hoa súng sẽ phô thắm hương sắc cả bốn mùa đây, ông Tu-Đạt!

- Thật là kỳ diệu! Kiến thức của Tôn giả thật là kỳ diệu! Hèn gì Đức Thế Tôn bảo rằng chỉ cần một Đại Đệ Tử của Như Lai là đủ! Bây giờ con sẽ rất sung sướng mà kiến tạo nơi đây thành một Đại Tòng Lâm huy hoàng nhất Xá-Vệ.

Ngày hôm sau, trưởng giả Tu-Đạt cho mời năm thầy Bà la môn tinh thông thiên văn, địa lý, kiến trúc đến đàm nhận công việc. Họ hăng hái chọn đất, chọn hướng, vẽ họa đồ theo gợi ý của trưởng giả Tu-Đạt. Họ làm rất nhanh, vì làm nhanh sẽ có phần thưởng xứng đáng.

- Thưa Trưởng lão! Họa đồ xây dựng các thầy Bà la môn đã vẽ xong, tuy nhiên họ bày ra rất nhiều lễ cúng phiền phức. Xin Trưởng lão chỉ dạy cho con nghe về việc này?

- Trước khi xây dựng, bảo họ đưa cho ta xem lại toàn bộ công trình họa đồ ấy, nhất là hương phòng của Đức Thế Tôn và đại giảng đường.

- Thưa vâng!

- Còn các lễ cúng - chủ chốt là họ cúng các Sơn thần, Thổ địa. Sơn thần, Thổ địa cũng có đây, ông Tu-Đạt, tuy nhiên, họ cũng là một loại chúng sanh thôi. Nơi những chỗ núi non, rừng rậm, ao hồ, gò đồng, cây cối, làng mạc,

ruộng vườn... đều có những loại chúng sanh khác nhau ngụ cư. Thường họ là những Chư Thiên bậc thấp, những Địa tiên, những Thọ thần, những Atula, những Dạ-Xoa, những La-Sát, những loài Rồng. Chúng có thể hiền lành, thiện lương; chúng có thể hung dữ, ác đức. Chúng sống xung quanh ta, gần ta, nhưng ta không thấy vì sắc thân chúng vi tế lắm. Chúng có thể thân thiện với ta, hộ trì giúp đỡ ta mà cũng có thể chúng ghét ta, phá hoại ta!

Này ông Tu-Đạt! Nói chung, đây là các loài phi nhơn. Thế gian thường sợ hãi chúng nhưng đệ tử Đức Thế Tôn thì không bao giờ sợ cả. Khi nào ông làm phước cúng dường thì ông hãy nhớ hồi hướng phước báu đến cho họ. Họ cần phước báu ấy lắm.

- Thưa vâng! Còn các lễ cúng như đầu súc vật các loại, mâm trái cây các loại... bày trên những cỗ bàn cao đến ngọn thì có lợi ích gì không, có hiệu quả gì không, thưa Trưởng lão?

- Không hữu ích gì đâu, ông Tu-Đạt! Mỗi loại chúng sanh có cấu tạo thân thể khác nhau, ăn uống khác nhau nên thực phẩm cũng khác nhau. Ví như các vị Phạm Thiên thì thân sắc của họ trong suốt, có hào quang hoặc có ánh sáng. Họ không ăn uống thực phẩm vật chất như cõi người mà họ "ăn uống" bằng các trạng thái tinh thần như lạc, hỷ, xả, thanh tịnh. Lạc, hỷ, xả, thanh tịnh là vật thực của các vị Phạm Thiên.

- Ô! Thật kỳ diệu!

- Các vị Chư Thiên trong sáu cõi trời Dục Giới thì họ cũng thụ hưởng vật chất. Nhưng vật chất ở đây rất là tinh khiết, tế vi, tối thượng, ngon quý vô ngần, thế gian quả là không bì được!

- Xin Tôn giả cho ví dụ.

- Ô! Lại thế nữa! Này nhé, ông đã từng thấy con bọ hung say sưa chúi mũi, chúi đầu trong những đồng phân bao giờ chưa?

- Vâng, thấy ạ!

- Ông đã từng thấy giò bọ hung nhúc làm một bữa tiệc thịnh soạn trong xác của một sinh vật sinh thời chưa?

- Dạ thấy ạ!

- Chư Thiên sáu cõi trời Dục Giới nhìn xuống loài người, thấy vật thực của loài người cũng y như ta nhìn bọ hung, giòi bọ trong đồng phân và trong xác chết của sinh vật vậy!

- Ô! Thật là kinh khủng!

- Thân thể con người hôi hám, dơ dáy; tâm địa loài người dơ dáy, hôi hám... Tất cả xú khí ấy bốc thẳng lên trời cao cả trăm do-tuần. Cũng vậy, ta có việc mới bước vào hầm xí, Chư Thiên có việc mới dám bước xuống Châu Diêm Phù Đề này!

- Thưa vâng, con đã rõ.

- Cho nên, súc sanh có vật thực của súc sanh, các loại Rồng, Dạ-Xoa, Sơn thần, Thổ địa... đều có những loại vật thực riêng, trong thế giới của riêng họ. Vật thực của loài người họ không dùng được. Đức Thế Tôn dạy rằng, phước báu mà chúng ta đã làm, hồi hướng phước báu ấy đến họ thì phước báu sẽ biến thành thực phẩm riêng cho mỗi loài, mỗi loại. Họ sẽ theo đó mà tùy nghi thọ hưởng. Hồi hướng là việc cần phải làm, lễ cúng mâm cao cỗ đầy là việc vô ích. Ông hãy nhớ vậy nhé!

- Thưa vâng!

- Còn Đức Thế Tôn và Tăng chúng thì ông khỏi lo. Đức Phật và Tăng chúng thường có uy đức rất lớn. Có Đức Thế Tôn và Tăng chúng ở đây thì các loài phi nhân kia phải chịu mình một phép, không dám hỗn hào, xúc xược, phá phách đâu. Sau này, chúng sẽ tìm Đức Thế Tôn mà quy y nữa đấy. Rồi chúng sẽ trở thành một lực lượng hộ pháp cho Giáo Hội của Đức Tôn Sư.

- Lành thay! Con thật vô cùng hoan hỷ.

* * *

Cái tin ông trưởng giả Tu-Đạt mua đất đổi vàng đã xôn xao cả kinh thành Xá-Vệ, đã chấn động lan xa cả mấy tiểu quốc. Nhưng xôn xao, chấn động nhất, bàn tán sôi nổi nhất là ở trong các giáo phái ngoại đạo, khi họ hay tin đất ấy đã được cúng dường cho Giáo Hội Đức Gotama. Họ cảm thấy thất vọng, tức giận, ganh tỵ... vừa cảm thấy một mối nguy cơ, hiểm họa sắp gần kề. Giáo Pháp của ông Thế Tôn nào đấy mà đặt căn cứ địa ở đây, lại được sự

tiếp tay của ông đại triệu phú giàu nứt đổ đổ vách kia nữa thì chẳng mấy chốc họ sẽ không có chỗ dung thân!

Hiểm họa đã đến với chúng ngoại đạo thật sự rồi: ông triệu phú kia đã thỉnh được một cao đệ của Đức Thế Tôn, một vị Đại Nhất Đại Đệ Tử thân thông quảng đại đích thân đến đây để xem xét, đôn đốc công trình xây dựng, dự định sẽ hoàn tất trước mùa mưa. Vậy là chúng họp bàn nhau những mưu kế để đối phó.

Buổi sáng, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đắp y, mang bát trang nghiêm đi vào thành phố. Theo dự định, Ngài sẽ không dừng lại một vài nhà để khát thực, mà Ngài sẽ đi vài con đường lớn để xem xét, lắng nghe dân tình. Bóng dáng một Sa môn xuất hiện uy nghi, và từ tốn trên đường phố Xá-Vệ quả thật đã làm cho dân chúng tò mò. Và có lẽ họ tò mò hơn khi nghe tin đồn dãi về một ông Đại Đệ Tử thân thông biến hóa của một tôn giáo mới - cả gan không tin Thượng Đế và phi báng cả thần linh - đang có mặt ở đây. Mới một ngày mà họ đã được rí tai cho nhau phải xua đuổi tôn giáo ấy đi, không được thân thiện, không được cung cấp vật thực, ai trái lệnh thì thần linh sẽ vạ cổ, thân tài sẽ không vào nhà nữa và con cái họ sẽ bị tai nạn, tật nguyền, nạn nước, nạn lửa v.v...

Thế là họ cứ thập thò, tùm năm, tùm ba... lăm lét nhìn Tôn giả đi qua. Lác đác đây đó từng nhóm côn đồ hung dữ cầm dùi, cầm gậy, sát khí đằng đằng.

Thành phố thật là sầm uất. Rất nhiều tu sĩ thuộc nhiều giáo phái đi khát thực; gặp Ngài, họ đứng trở mắt nhìn như một hiện tượng lạ vì Ngài thanh sáng quá, tươm tất quá! Có một cái gì rất quý phái, rất hiền lành, rất khiêm nhu từ nơi phong thái, dáng đi của Ngài... làm cho nhiều người không thể ghét được, không thể xua đuổi được! Tuy nhiên, bởi sự hăm dọa nào đó, khi Ngài đứng lại trước cửa mọi nhà thì không ai dám đặt bát cả.

"- Không sao! Ngài tự nghĩ. Dầu không có vật thực thì đệ tử của Đức Tôn Sư vẫn giữ tâm bình lặng như đất, và mở rộng lòng từ..."

Đi thêm vài con đường nữa, vẫn không có chút ít vật thực nào. Thoáng nhìn dân chúng, Tôn giả biết là trưởng giả Tu-Đạt nhận xét rất đúng: họ thuần hậu, chất phác, nhưng xen vào đây, trong bản chất vẫn thấp thoáng một chút gì hoang dã của núi rừng sơ nguyên, rất dễ sinh ra hung dữ và cuồng tín.

Đến một ngã tư đường, Tôn giả thấy một đám côn đồ tụ tập ở đấy. Chúng nguyên rửa:

- Ông Sa môn trọc đầu dê tiện!

- Này con số xui dơ dáy, hãy cút khỏi thành phố!

- Đừng cho chó ăn nghe bà con! Con chó của ông Sa môn Cồ-Đàm thối tha ấy!

Chưa thôi, chúng còn dàn hàng ngang và chặn lại. Mặc cho chúng làm gì thì làm, Tôn giả Xá-Lợi-Phất vẫn trầm tĩnh bước đi. Ở nơi Ngài toát ra một uy lực lạ thường làm cho chúng hãi sợ, tự động thụt lùi rồi nhường lối cho Ngài. Những lời mạ lị, phỉ báng ở đâu đó cũng như chìm mất, tắt tiếng trong cổ họng!

Từ một góc đường, có mấy tay mặt mày đỏ gay, hung dữ, mùi rượu xông lên nồng nặc, lao ra với đùi và gậy, chúng đánh xuống đầu và vai của Tôn Giả. Mọi người quanh đấy thất kinh la lên. Họ chạy bu lại.

Ngài Xá Lợi Phất dừng chân, nhìn mấy tên say rượu rồi nói với mọi người:

- Không sao! Họ chỉ là người say rượu thôi, họ không biết họ làm gì đâu! Khi hết say họ sẽ không làm như vậy nữa!

Nói xong, Ngài an trú chánh niệm trước mặt rồi lặng lẽ bước đi.

- Hay cho bọn côn đồ dám mạo phạm bậc tu hành chơn chánh!

Hoàng thân Kỳ-Đà trên chiếc xe hai ngựa bước xuống, sắc mặt giận dữ, quát tháo với cái đùi rung rung trong tay. Đám côn đồ sợ hãi, bỏ chạy tán loạn.

- Ngài Sa môn có sao không?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất chậm rãi đứng lại.

- Xin Hoàng thân yên tâm! Thay mặt Đức Thế Tôn, bản đạo hoan hỷ thọ nhận tấm lòng hào sảng của Hoàng thân khi cúng dường khu rừng cây!

- Ngài Sa môn sao lại biết tôi?

- Vâng, biết chứ! cảm ơn Hoàng thân đã ra tay tương trợ, nhưng Ngài không có gì phải lo lắng cho bản đạo. Xin phép được kiêu từ, bản đạo còn có việc phải làm.

Hoàng thân Kỳ-Đà đứng ngẩn ngơ trông theo vị Sa môn kỳ lạ. Với đui và gậy, với sức đánh như vậy; với lời mạ lị, phi báng như vậy mà chỉ như những giọt nước rơi trên lá sen, không dính gì vào tâm của ông Sa môn ấy cả.

Dân chúng thì cảm phục quá, thốt lên:

- Đúng là đức hạnh của một bậc chân tu.

- Cái Đạo ấy sao mà có vẻ hay quá nhỉ?

- Tại sao người ta ngăn cấm chúng ta để bát cho vị Sa môn dễ thương kia?

Hoàng tử Kỳ-Đà ngạc nhiên quay lại hỏi:

- Có việc như vậy thật sao?

- Thưa Hoàng gia! Chúng tôi được rí tai, bị ngăn cấm, bị đe dọa đủ thứ.

- Bọn côn đồ kia cũng từ âm mưu ấy sao?

- Thưa vâng!

Hoàng thân Kỳ-Đà nói to:

- Thật bọn chúng không còn coi luật vua, phép nước ra cái gì nữa! Xứ sở này tôn trọng tự do tín ngưỡng của mọi người. Ta báo cho dân chúng hay, nội vụ này ta sẽ tâu trình lên Đức Vua ngay tức khắc. Bọn nào xúi giục dân chúng, chửi mắng, mạ lị, dùng đui gậy với các vị Sa môn này, ngăn cấm sự đi lại hay ngăn cấm vật thực... thì quân đội hoàng gia sẽ trừng trị thẳng tay! Hãy thông báo tin này rộng rãi khắp thành phố. Ta là hoàng thân Kỳ-Đà, ta nói là ta làm, chưa có gì mà ta nói được lại không làm được!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất sau cả buổi sáng không ai để bát, thế là Ngài phải nhịn đói. Ra khỏi ngoại ô, Ngài xin nước uống rồi tìm một vườn cây yên tĩnh, lựa

một bóng cây im mát, trải tọa cụ trên đám cỏ bằng, an trú niệm và nhập thiền.

Lát sau, trưởng giả Tu-Đạt tất tả chạy đến:

- Thưa Trưởng lão! Ngài có sao không? Con nghe tất cả mọi chuyện do hoàng thân Kỳ-Đà báo lại. Trưa nay, Ngài chẳng có gì để độ thực!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đành phải mở mắt ra:

- Không sao đâu, ông Tu-Đạt! Hãy về lo công việc của ông, còn đây là công việc của ta kia mà!

- Thưa vâng!

- Ông hãy yên tâm! Không ai có thể có khả năng làm hại đệ tử Đức Tôn Sư cho dầu đó là Chư Thiên, Phạm Thiên, Ma quân hay loài người! Đi bát có vật thực hay không có vật thực cũng chẳng phải là vấn đề của một vị tỳ-khưu! Hiện giờ mục đích của chúng ta là nhiếp phục bọn ngoại đạo! Ông hãy biết rằng, từ bi sẽ thắng hung dữ, oán thù; hỷ xả sẽ thắng ganh ghét, tỵ hiềm; nhẫn nhục sẽ thắng tất cả mọi khó khăn, gai chướng; và dũng lực, ý chí sẽ thắng yếu đuối, ươn hèn... Đức Tôn Sư đã từng dạy như thế. Ông hãy về chăm lo công việc kiến thiết, xây dựng kẻo ta sẽ buồn vì ông đấy!

- Thưa vâng!

Trưởng giả Tu-Đạt không dám không tuân mệnh, chân bước đi mà mặt thì mấy lần ngoảnh lại. Ông tôn kính, cảm phục Trưởng lão xiết bao và đồng thời hai hàng nước mắt lại tuôn chảy. Quả thật, đức tính vị tha, quảng đại, cao thượng bao giờ cũng làm xúc động những trái tim chân thật và hướng thượng.

Khi Tôn giả Xá-Lợi-Phất đang an trú định thì chúng ngoại đạo lại tìm đến vây quanh. Một vài người lấy đá sỏi chọi vào, nói nhiều lời thô tục nhưng Ngài vẫn bình tĩnh như không... Đột nhiên lúc ấy có hai đạo sĩ tóc búi, dáng dấp phương phi đường bệ xô vệt đám đông bước vào, chăm chú nhìn Tôn giả Xá-Lợi-Phất.

Một người nói:

- Đây chính là Tôn giả Xá-Lợi-Phất, đệ tử của ông Cồ-Đàm.

Người kia hỏi:

- Nghe nói pháp thuật cao siêu lắm phải không?

Đám đông có người chỏ miệng vào:

- Đúng đấy! Đùi, gậy, đá sỏi không làm ông đau! Chửi mắng, phỉ báng ông coi như pha!

- Nếu lỡ ông ấy tức giận, ông trở pháp thuật thì chúng ta chạy đâu cho thoát?

- Coi chừng đấy! Người mà dám đơn thân độc mã đến xứ này tuyên truyền cho một tôn giáo mới thì không phải là kẻ tầm thường đâu!

- Tôn giáo mới ấy ra sao?

- Sao ông ta đẹp quá vậy?

- Hẳn có theo kinh điển Vệ-Đà không?

Đám đông lao xao như vỡ chợ. Người đạo sĩ tóc búi cất giọng lớn:

- Nghe đây, chư đạo hữu! Cách đây mấy tháng tôi có việc ở Vương-Xá thành, nghe nói có một vị Phật, một Đấng Toàn Giác xuất hiện ở trên đời: đấy là ông Cồ-Đàm, thuộc dòng dõi Thái Dương, giai cấp Sát-Đế-Ly, họ là Thích Ca, ở một vương quốc xinh xắn mỹ lệ bên cạnh chúng ta đây thôi - ấy là thành Ca-Tỳ-La-Vệ. Ông Cồ-Đàm này đã được phong làm thái tử, nhưng ông đã khăng khái từ bỏ vương vị, vợ đẹp con thơ, điện ngọc lầu vàng như quãng chiếc áo rách. Ông tu khổ hạnh sáu năm, sau đó thành đạo dưới cội cây Bồ Đề bên sông Ni-Liên. Từ đó ông giống một tiếng trống Pháp chưa từng được nghe- mà họ gọi là Tiếng Trống Bất Tử - đầu tiên độ cho năm vị đại đạo sĩ, hiền triết nổi danh ở vườn Lộc Giả...

- Ô!

Một số người kinh ngạc vì trong bọn họ đã có người nghe danh năm anh em Kiều Trần Như.

Người kia cất giọng rành rõi:

- Sau đó, ông tiếp tục độ cho những ông hoàng quý tộc, những trưởng giả giàu sang... thành tỳ-khuru, không biết cơ man nào mà kể! Ông hô: "Lại đây, này tỳ-khuru!" thế là các vị đó tự nhiên râu tóc rụng hết, y áo đỏ chói như san hô ở đâu đó không biết, trong chớp mắt đã có sẵn trên người họ, rồi bát nữa, rồi tám món vật dụng của thầy tỳ-khuru nữa, đều có đủ hết, mới keng! Như mới mua từ thành Xá-Vệ này vậy!

- Kỳ lạ! Đúng là pháp thuật rồi!

Người thuyết trình viên được dịp cao giọng:

- Chư vị có biết Con Rắn Thần bảo vệ lửa thiêng trong đền thờ thần lửa của đạo sĩ tóc búi không?

- Biết chứ! Con Rắn thần ấy to bằng cột đền, dài mười cái đòn gánh, trên đầu có cái mào đỏ cao cả sải tay, khi rắn phì hơi một cái thì lửa tuôn ra có ngọn và khói bốc lên mịt mù như thần mây hóa phép!

- Chư vị! Thế mà ông Cồ-Đàm đã từng ở một đêm với Thần Rắn ấy, sáng ngày Rắn Thần nằm bên chân ông ta ngoan ngoãn như một chú mèo con!

- Khiếp!

- Còn ba Ngài Đại Ca-Diếp cùng một ngàn đồ chúng của họ bây giờ trở thành đệ tử của ông Cồ-Đàm ráo trội!

- Này! Ngài Đạo Sĩ có làm không đấy!

- Làm sao được! Thần thông của ba Ngài Đại Ca-Diếp chỉ là trò trẻ con đối với ông Cồ-Đàm! Chính mắt tôi trông thấy mà!

- Thần thông ấy như thế nào?

- Nói ra chư vị cũng không tin đâu!

- Cứ nói cho chúng tôi mở rộng tầm con mắt.

- Này nhé, hôm đó, hôm đó ông Cồ-Đàm đã thò tay lấy quách cái mặt trời bỏ vô bình bát của mình rồi đập nắp lại!

- Thật không đấy! Ngài có khoác lác không đấy!

- Hèn gì hôm ấy tôi thấy mặt trời đi ngủ sớm, thiên địa tối om om!

- Thần thông như thế nào nữa?

Người kia lại được dịp trở miệng lưỡi:

- Khi đi đến sông Hằng, ông Cồ-Đàm thò bình bát xuống, thế là nước cả dòng sông Hằng cuộn cuộn tuôn chảy vào đấy. Sông thì cạn ráo mà bình bát thì nước mới lưng lưng! Eo ôi! Nhìn xuống sông mới khiếp; nào kinh ngư, cá sấu, thường luồng, tôm cá, ếch nhái... nhảy loi nhoi, trườn bèn bệt, quấy lung tung... thật là chuyện chưa từng thấy!

- Ôn thiệt!

- Có nói quá không đấy!

- Tôi thấy sao thì nói vậy. Mà còn nữa nhé! Nhờ thần thông quảng đại như vậy nên vua Bình Sa, các quan đại thần, hoàng tộc, binh lính mấy vạn người đổ xô đến quy y ông Cồ-Đàm hết ráo. Còn Tôn giả Xá-Lợi-Phất đây cùng với ông Mục-Kiền-Liên là hai trưởng giáo Bà la môn sùng sỏ ở Upatissa và Kolita cũng trở về quy giáo ông Cồ-Đàm với đồ chúng hai trăm rưỡi người.

- Có lẽ là hiện thân của thần Krishna chăng?

- Hay là con cái của thần Rama?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất lúc ấy đang trú "quang định" nên tự thân Ngài phát quang, càng trú sâu thì vùng ánh sáng trắng càng tỏa rộng...

- Coi kìa!

- Đi thôi các bạn ơi! Đừng có chọc thân linh mà khốn!

- Xin Ngài tha tội cho chúng con!

Chúng ngoại đạo bây giờ mới sụp xuống, vái lạy hết lòng thành kính.

- Ba vạn đồng tiền, từ nay chúng con không dám đụng đến các vị Sa môn của tôn giáo này nữa.

Thế rồi bọn chúng kéo đi. Quân binh của nhà vua rầm rập các ngã đường. Những ống loa được lan truyền đi khắp mọi nơi, thông báo nghiêm lệnh của Đức Vua về vấn đề tự do tín ngưỡng và truy lùng bọn côn đồ hành hung Tôn giả Xá-Lợi-Phất.

Suốt đêm, Tôn giả Xá-Lợi-Phất được yên ổn. Và ngày hôm sau khi đi bát, dân chúng vui sướng đặt bát cho Ngài. Những phẩm chất cao thượng của Ngài đã được dân chúng đồn đãi, thêu dệt làm cho danh tiếng của Ngài càng thêm chói lọi. Người ta còn truyền miệng nhau về thần thông biến hóa lạ lùng của Ngài nữa!

Chúng ngoại đạo, tiểu nhân đã cố hại bậc Thánh thật chẳng khác gì quăng đá lên trời, đá rơi xuống đầu chúng; chẳng khác gì nhỏ nước bọt ngược chiều gió, tự làm hoen lấm mặt mày! Nhẫn nhục và từ bi là tất thắng vậy!

Trưởng giả Tu-Đạt có lẽ là người mừng vui hơn ai hết sau biến cố ấy. Tuy nhiên, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhìn xa, thấy rộng hơn ông:

- Chúng chưa dễ dàng bỏ cuộc đâu! Ông trưởng giả hãy coi chừng chúng sẽ phá phách công trình xây dựng!

- Xin Trưởng lão an tâm! Hôm qua hoàng thân Kỳ-Đà đã tức tốc tâu trình nội vụ lên Đức Vua. Và Ngài đã cho quân lính đến đây để bảo vệ công trình.

- Có nên làm thế không, ông Tu-Đạt?

- Thưa, con hiểu. Con chỉ sử dụng gia nhân và người làm công. Con đã trả lương thật cao để chúng sốt sắng, nhiệt tâm với công việc bảo vệ.

- Hay lắm! Giỏi lắm! Ông Tu-Đạt! Tấm lòng ông dịu dàng như ánh trăng mà trí tuệ ông thì sáng như gương!

Được vị Thánh ca ngợi nhưng ông Tu-Đạt lại rất mực khiêm cung:

- Con thật không dám thế!

Thế là công trình kiến thiết "Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên" khởi công tốt đẹp. Trưởng giả Tu-Đạt cho vời những thợ thầy nổi danh khắp các tiểu quốc. Ông đặt mua vật liệu xây dựng quý giá và chắc bền ở nhiều thành phố, ngày đêm ngựa xe nườm nượp vận chuyển về. Hàng ngàn người làm việc đều được trả lương hậu hỷ, ăn uống đầy đủ. Không có một lời than thở. Không thấy xảy ra các cuộc ẩu đả, tranh cãi nhau. Trên dưới rầm rập một lòng. Tâm ý hòa bình. Mây lành phơi phới. Tiến độ công việc nhanh chóng như có phép lạ.

Hôm kia, vào buổi sớm, trên một mô đất cao trước cổng tịnh xá, trưởng giả Tu-Đạt phát hiện có sáu nhánh liễu ai cắm lên ở đấy. Một nhóm trẻ nít đang bu quanh.

Ông Tu-Đạt hỏi:

- Cửa ai cắm đây các con?

- Mấy ông đạo, họ vừa bỏ đi!

Trưởng giả tức tốc báo cho Tôn giả Xá-Lợi-Phất hay. Ông cũng biết đó là dấu hiệu thách thức của chúng ngoại đạo.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Việc này trước sau gì rồi cũng xảy ra. Ông hãy ra bẻ đọt cành liễu và cắm ngược cả sáu nhánh trở lại trên mô đất.

- Thưa, tại sao ta làm vậy?

- Cắm ngược nhánh liễu lại chỗ cũ là ám chỉ chúng ta sẽ đàm đạo trong tinh thần tương kính, ôn hòa!

Yên lặng một lát, trưởng giả lại nói:

- Nếu ta bẻ gãy hoặc ta không nhổ?

- Bẻ gãy là khinh thường họ. Không nhổ là tự ý thua cuộc. Và như vậy thì ta phải cuốn gói ra đi khỏi thành phố này, cuốn gói cả công trình xây dựng, cuốn gói luôn cả Giáo Pháp của Đức Tôn Sư!

- Vậy ra Trương lão chấp nhận một cuộc luận tranh?

- Ông không thấy đó sao, không chỉ một, mà là sáu cuộc.

Trương giả Tu-Đạt có vẻ bản thân lo nghĩ. Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại trấn an:

- Ông cứ ra ngoài mà làm theo lời ta dặn và hãy yên tâm! Đệ tử của Đức Tôn Sư không phải chỉ nhỏ có sáu cành liễu ít ỏi ấy, mà sẽ còn nhỏ trăm trăm nghìn nghìn nhánh liễu trên khắp toàn cõi Châu Diêm Phù Đề, và vĩnh viễn không bao giờ chiếm bại!

Thấy nói vậy ông Tu-Đạt vẫn còn bất an, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhẹ vỗ vai ông:

- Nay ông triệu phú! Trước khi quy y làm môn hạ Đức Tôn Sư, ta và Mục-Kiền-Liên vốn là những trưởng giáo Bà la môn được gần xa biết tiếng về sức học. Có thời, ta và Mục-Kiền-Liên lang thang khắp toàn cõi Châu Diêm Phù Đề, đã gặp rất nhiều chân sư, đạo sư của thiên hạ. Ta và Mục-Kiền-Liên đã từng luận tranh với họ, mặc dù chúng ta không muốn luận thắng họ, nhưng họ cũng chưa hề luận thắng được chúng ta! Lại nữa, Đức Tôn Sư, một đấng Toàn Tri Diệu Giác, không có gì hướng tâm đến mà Ngài không biết; vậy nếu ở đây công việc khó khăn, sức ta không làm nổi thì Đức Tôn Sư đã cất cử người khác rồi, thắng hoặc, tự Đức Tôn Sư sẽ dùng thần thông và sẽ có mặt lúc cần thiết. Chẳng có gì đáng ngại phải không?

- Đúng vậy, giờ thì con hoàn toàn yên trí.

Sáu nhánh liễu được cắm ngược trở xuống không bao lâu thì họ lục tục kéo đến. Họ, chính là đại diện cho sáu tông phái lớn nhỏ có mặt ở thành Xá-Vệ, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nghĩ vậy. Nhưng khi họ đến, Ngài hơi ngạc nhiên là họ rất còn trẻ, đủ mọi thành phần, sắc phục phức tạp và rất khó xác định là đại biểu cho ai. Đi theo họ, có lẽ là đồ chúng hoặc bằng hữu, lại toát ra cái tĩnh lặng, ôn hòa chứ không hung dữ như cơn đò trên đường phố.

Trên một đám đất bằng, dưới những tàn cây cổ thụ râm mát, họ vây quanh Tôn giả Xá-Lợi-Phất. Một người từ trong đám bước ra, cung tay hỏi:

- Tôn giả chính là Xá Lợi Phất, Đại Đệ Tử của Đức Thế Tôn?

Người hỏi rất nhã nhặn và lễ độ, quần trên vai hờ hững một chiếc quần tảo y rách nát xuống tận đầu gối; người gầy ốm, thanh tú, đôi mắt rất sâu, tóc dài quá vai...

- Hiền giả có phải là một hành giả Yogi thuộc phái Du-Già? Vâng, Xá Lợi Phất chính là tôi.

Người kia mỉm cười, lặng lẽ ngồi xuống theo thể kiết già - y không lót tọa cụ - trả lời:

- Chúng tôi rất kính trọng và cảm phục dấu hiệu hòa hiếu của Tôn Giả! Chúng tôi là gì mà dám đến đây luận tranh với Đấng Đại Đệ Tử của Đức Phật! Đúng là tôi thuộc phái Du-Già - y đưa tay chỉ một số người chung quanh - và bằng hữu huynh đệ của chúng tôi cũng vậy, cốt ý đến nghe để học hỏi. Cuối cuộc luận tranh chúng tôi xin được hỏi vài điều trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.

Họ gồm bảy người, đều là những hành giả yogi khổ hạnh. Phái này đầy dẫy khắp nơi, đi đâu cũng gặp. Họ thường mặc áo vải gai thô, mặc áo bằng da con sơn dương, mặc áo bằng vỏ cây tirita, mặc áo bằng cỏ cát tường bện lại, mặc áo bằng những tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện, đuôi ngựa bện, lông cừu bện... Họ nhổ râu tóc hoặc để râu róc mọc tự do. Họ ngủ trên giường gai, ngủ trên đất. Họ tiết chế ăn uống: ngày ăn một lần, bảy ngày một lần; một vài muổng cơm, một vài vá canh v.v... Nhưng những đạo sĩ khổ hạnh này dung mạo lại không xấu xí, nói năng lại rất điềm đạm, ôn hòa; toát ra một vẻ gì đó có chân tu, có thực học... Họ đến ngồi lặng lẽ, kiết già sau lưng vị đại huynh của mình, có lẽ vậy!

Ngài Xá Lợi Phất thân thiện đáp lời:

- Chư hiền là những hành giả yogi trẻ tuổi, trí thức, đạo hạnh; tôi sẽ rất vui sướng mà trao đổi giáo pháp với chư hiền.

Một người khác bước ra:

- Chúng tôi cũng không tranh luận. Chúng tôi nghe rằng Giáo Pháp của Đức Thế Tôn là "Diệt Khổ" như mục đích tối hậu của chúng tôi. Còn về nhận thức thì Giáo Pháp của Đức Thế Tôn là "Vô Ngã" mà chúng tôi cũng "Vô Ngã". Vậy thì hai quan điểm triết học về vô ngã có gì khác biệt nhau? Chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu về điều đó thôi.

Nhóm này chừng năm người. Người dẫn đầu tuổi độ trung niên, cao ráo, phương phi; tóc râu sạch sẽ, đôi mắt có thần sắc, vàng trán cao; choàng cần trọng chiếc y màu trắng đã ngả vàng. Những người kia cao thấp, gầy mập khác nhau nhưng thái độ chung cũng bình lặng, ôn hòa.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát cung tay đáp lễ:

- Chư hiền giả có phải là đệ tử của giáo chủ Kapila, một luận sư uyên bác của phái Số Luận nổi danh khắp toàn cõi Châu Diêm Phù Đề?

- Vâng! Chính thị! Đôi mắt tinh tường của Tôn giả thật đáng khâm phục!

- Chư hiền! Thật không dám vậy đâu. Vì mục đích "Diệt Khổ" của chúng ta giống nhau nhưng nhận thức "Vô Ngã" của chúng ta hoàn toàn khác nhau đấy. Vô Ngã của quý giáo là quan điểm, là chủ trương, là triết học. Quý giáo đã liệt kê ra hai mươi lăm thực thể của một chúng sanh. Hai mươi bốn thực thể đầu tiên liên kết với nhau như một mắc xích, là thành phần vật chất, là vô ngã; nhưng thành phần thứ hai mươi lăm, quý giáo lại bảo nó là thần ngã, siêu ngã, là nguyên lý phổ quát, là năng lực biến hóa hằng hữu, bất sinh bất diệt, có phải thế không?

- Thưa vâng!

- Giáo Pháp của Đức Tôn Sư không phải là quan điểm, là chủ trương, là triết học, là luận số, là lý giải, là tư tưởng... Đức Thế Tôn vì thấy như thực nên nói ra toàn bộ cái như thực về thân và tâm ấy - tức là về toàn bộ đất nước lửa gió, cảm giác, tri giác, ý chí, nhận thức - tất cả chúng đều là vô ngã. Thần ngã, siêu ngã ấy không có mặt trong Trí Tuệ của Đức Tôn Sư! Khác nhau là khác ở chỗ ấy, thưa chư hiền!

Các đạo sĩ thuộc phái "Số Luận" nín lặng, họ nghĩ trong tâm rằng: "Chưa chừng về giáo pháp phái Số Luận và mọi triết học, quan điểm xung quanh nó, vị Tôn giả này còn hiểu rõ hơn chúng ta là khác." Bèn từ tôn nói:

- Cuối cuộc tranh luận, chúng tôi xin được nghe và học hỏi thêm từ kiến giải của Tôn Giả.

Họ trải năm tám tọa cụ xuống rồi lặng lẽ ngồi kiết già, trầm mặc và an tịnh.

Một số người đến đây tuy bên ngoài có vẻ hòa hiếu mà trong tâm họ là quyết thắng, nhưng khi thấy hai nhóm giáo phái có tiếng là sùng sỏ nhất đã sớm bị "hạ phong" trước uy lực của Tôn giả thì họ cũng cùng chung một tâm lý là hơi "khóp"!

- Trí tuệ sáng sủa thì nhận thức mới sáng sủa. Nhận thức muốn được sáng sủa thì lý luận phải sáng sủa. Lý luận sáng sủa, nhận thức sáng sủa thì mới tìm ra Con Đường đến Niết Bàn - có phải vậy không Tôn giả?

Ngài Xá-Lợi-Phất mới nghe đã biết đây là miệng lưỡi của phái "Luận Lý" rất nổi danh đây đó. Ngài đưa mắt nhìn thấy người hỏi là một vị đạo sĩ mày cao mắt sáng, da trắng, môi mỏng, thần sắc rất trang nghiêm, quàng chiếc y sậm, sạch sẽ, tươm tất.

- Con đường đến Niết Bàn phải đi qua một đạo lộ nghiêm túc, cần tu chứng, liễu tri chứ không thể nào đi bằng con đường lý luận của "ngũ đoạn luận" như quý phái "Luận Lý học" chủ trương đâu, thưa hiền giả!

- Câu đáp vừa rồi của Tôn giả không phải "lý luận" là gì? Dẫu Tôn giả có trườn uốn cách nào cũng không đi ra khỏi con đường của phái chúng tôi!

- Trình bày khác với lý luận, thưa hiền giả!

- Khác nhau ra sao?

- Trình bày là vì thấy, vì biết, vì đã thấy đã biết; còn lý luận là vì chưa thấy, chưa biết!

- Xin được giải thích rõ hơn.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất chợt mỉm cười quay sang hỏi vị đạo sĩ ấy:

- Trước khi trả lời, hiền giả có thể cho biết hiền giả quê quán ở đâu không?

Vị kia dẫu ngạc nhiên nhưng vẫn đáp:

- Quê tôi ở Ba-La-Nại.

- Đường đến Ba-La-Nại có xa không? Phải bao nhiêu đường đất đi bộ? Bao nhiêu con sông phải vượt qua?

- Không xa lắm, mấy chục do tuần thôi, chỉ cần qua hai con sông nhỏ, có mấy thị trấn sẵn xe ngựa kéo, còn đa phần là đi bộ, lối đi cũng dễ dàng lắm.

- Cám ơn hiền giả đã "trình bày" cho nghe rất rõ ràng con đường đến Ba-La-Nại. Sở dĩ hiền giả trình bày được rõ ràng như vậy là vì hiền giả quê quán ở đây, từng sống ở đây. Như vậy thì đâu phải hiền giả "lý luận" con đường về Ba-La-Nại?

Cả hội chúng bất giác vỗ tay ngợi khen Trí Tuệ sắc bén của Tôn giả. Vị đạo sĩ ngăn ngợ một hồi rồi quỳ sụp xuống ôm lấy chân Tôn giả :

- Chỉ cần một ví dụ nhỏ của bậc Trí là đã giúp cho chúng tôi - cả huynh đệ chúng tôi - đôi mắt chột sáng ra. Rất tri ân Tôn giả vậy! Rồi chúng tôi sẽ tái ngộ Tôn giả sau.

Nói xong, cả sáu người lặng lẽ đến chỗ càn liểu rồi bỏ đi. Đám đông yên lặng rất lâu trước biển cổ đó.

Chợt một đạo sĩ to lớn, cầm vuông, râu hàm én, mặc y màu đất nung, cất giọng ồm ồm:

- Sự vận động, sinh hóa của vạn hữu có ý chí hay không có ý chí, thưa Tôn giả?

- Hiền giả hãy xác định rõ ý chí ấy là ý chí của Thượng Đế, ý chí của cá nhân, ý chí của các định luật, hay là ý chí của các năng lực mù quáng, vô hình?

- Tôi... tôi cũng không rõ! Chắc là ý chí của Thượng Đế!

Tôn giả Xá-Lợi-Phát cất giọng ôn tồn:

- Chính hiền giả cũng chưa nắm vững được câu hỏi của hiền giả. Lỗi ấy không phải là lỗi của hiền giả đâu. Tôi đã từng tham vấn nhiều vị uyên thâm thuộc phái "Phân Biệt Luận, Thắng Luận" của quý giáo, và chính họ cũng mù mờ như vậy. Quý giáo chủ trương rằng ngoài "nguyên tử và chân không" ra, không có gì hết. Rồi quý giáo bảo rằng các nguyên tử ấy là bất diệt, nó vận động, sinh hóa ra vạn hữu! Tuy bảo vậy nhưng quý giáo cảm thấy không ổn, vì các nguyên tử vốn là cái mù quáng, nhưng cái mù quáng tại sao lại

sinh hóa vạn vật muôn loài, cây cỏ trong một trật tự kinh khiếp, kỳ lạ đến như vậy? Đến đây quý giáo lại lúng túng, hoài nghi... nên quý giáo chợt nghĩ rằng: "hay là do ý chí của Thượng Đế"?

Thưa hiền giả! Quả thật thế gian này có sự tham dự ý chí của Thượng Đế hay không có tham dự ý chí của Thượng Đế thì những khổ não trong thế gian, trong chúng ta vẫn tồn tại bất động ở đây, từ nghìn xưa đến nghìn sau. Vậy thì ích gì những quan điểm triết học đúng hoặc sai, có hoặc không, có phải thế chẳng? Giáo Pháp của Đức Tôn Sư không xây dựng từ các quan điểm triết học, không giải thích thế giới hữu biên hay vô biên, không phân tích đất nước lửa gió, thân thể con người, vạn hữu thành những chi li phân tử, nguyên tử! Giáo Pháp của Đức Tôn Sư chỉ được gói gọn trong bốn sự thật sau đây: Sự thật về Khổ, Sự thật về nguyên nhân Khổ, Sự thật về diệt Khổ và sự thật về con đường đi đến diệt Khổ. Chỉ có vậy thôi! Giáo Pháp của Đức Tôn Sư chỉ nhằm giải thoát những khổ đau vô cùng tận của chúng sanh trong ba cõi sáu đường. Vậy ai là người đau khổ hãy đến với Giáo Pháp của Đức Tôn Sư để tìm ra phương thuốc diệt khổ. Ai không đau khổ thì đừng đi đến. Tất cả chúng ta đều tự do...!

Lời diễn giảng của Tôn giả Xá-Lợi-Phất toát ra một năng lực trí tuệ và từ hòa làm cho hội chúng cảm thấy mát mẻ. Vị đạo sĩ môn đệ phái "Phân Biệt Luận" và những huynh đệ của họ đều ngồi nín lặng: họ đã "bất an" với giáo pháp của họ mất rồi!

Chợt một giọng nói cất lên:

- Chúng tôi là đại biểu cho phái Mimansa (Thắng Man), chúng tôi quan niệm rằng trí óc của con người là khí cụ quá nhiều nhược điểm. Lý trí con người cũng vậy, nó chính là cô gái bán phấn buôn hương, gặp ai có tiền là nó đi theo ngay! Là tu sĩ, chúng ta đừng nên tin nó, vì nó không sản sinh ra được một "tri thức", một "chân lý" nào hết. Chúng tôi cũng cực lực lên án bọn vô tín ngưỡng, bọn tà giáo, bọn hoài nghi, bọn hư vô chủ nghĩa, bọn nguy biện, bọn vô thần, bọn duy vật... Chúng phi báng thần linh, thượng đế mà sống đời đam mê nhục dục, kiêu căng, sống đời xa hoa hưởng thụ...

Thưa Tôn giả! Con đường của chúng tôi không đi qua tâm địa phản trắc của cô gái điểm trí óc, không lặn mò vào mê cung rắc rối của luận lý; chỉ có sự minh triết và an tĩnh của tâm hồn là quý báu, là lộ trình chơn chánh, có phải thế không hở Tôn Giả?

Ngài Xá-Lợi-Phất nhìn qua, thấy người hỏi là một đạo sĩ da trắng xanh - có lẽ quanh năm trong đèn tế - mặc y màu trắng, tóc tai tươm tất, gọn ghẽ... Ngài nói:

- Con đường ấy là thực hành theo các hình thức nghi lễ cổ truyền một cách kính cẩn, nghiêm túc và giữ đức tin bất động với Thượng Đế chí tôn, phải vậy không, thưa hiền giả?

- Sao... sao Tôn giả biết rõ vậy?

- Thưa hiền giả! Con đường ấy chính tôi đã đi qua, cha tôi đã đi qua, hàng ngàn tu sĩ thuộc căn cơ đức tin trong truyền thống đã đi qua. Trước đây tôi là một trưởng giáo Bà la môn ở Upatissa, một giọng dõng cổ kính còn duy trì một gia tài kinh điển với tất cả mọi nghi lễ thờ cúng một cách đúng đắn, trang nghiêm nhất. Thế nhưng, từ thế hệ này sang thế hệ kia, chẳng có ai tìm ra được sự minh triết và sự an tĩnh tâm hồn! Còn hiền giả thì sao - các huynh đệ của hiền giả ở đây nữa - chắc đã tìm ra được sự minh triết và sự an tĩnh tâm hồn rồi chứ?

Nghe Tôn Giả đặt câu hỏi, họ im lặng không trả lời. Dù sao, các tu sĩ tu theo giáo phái này thường sống tri túc và họ rất chân thực.

Cho nên, một người đứng lên thổ lộ:

- Quả thật chưa tìm ra Tôn giả ạ! Chúng tôi vẫn còn đau khổ và bất an! Chúng tôi sẽ có ngày trở lại đây học hỏi Giáo Pháp Diệt Khổ của Đức Thế Tôn.

Nói thế xong, họ đến rút một nhánh liễu nữa rồi bỏ đi. Không hẹn nhau, bốn nhánh liễu còn lại cũng lần lượt được rút lên.

Một thanh niên đạo sĩ cất giọng rồn rảng:

- Thật đã ê mặt chưa? Khi chưa đến đây thì ai cũng hùng hùng hổ hổ, đến đây gặp đệ tử ông Cồ-Đàm, ai ai cũng khép nép, rụt rè, sợ hãi như chuột thấy mèo! Các người bảo tranh luận, sáu cuộc tranh luận mà có cuộc tranh luận nào đâu? Mới ló cái đuôi nào ra là ông Sa môn vung đao chặt đứt ngay cái đuôi ấy! Coi chừng sẽ không có một mảnh đất cắm dùi ở cái thành Xá-Vệ này! Sợ gì ông Sa môn trọc đầu đê tiện kia chứ? Cứ cãi phứa đi, cãi càng đi! Phải cũng cãi mà trái cũng cãi! Cứ cãi tưới hột sen đi! Phải làm như vậy

mới đúng! Rồi dân chúng, đạo hữu, tín đồ của chúng ta sẽ rêu rao chỗ này chỗ kia rằng: "cuộc luận tranh thật là nẩy lửa, cuộc luận tranh thật là bất phân thắng bại!" Mà bất phân thắng bại là chúng ta thắng rồi! Vì sao vậy? Vì chúng ta là đệ tử hạng năm, hạng bảy, hạng tôm tép, mà luận tranh ngang hàng với Đại Đệ Tử của ông CỒ-ĐÀM! Hãy xông lên mà cãi! Dựng cao cảnh liễu mà cãi!

Có một đạo sĩ trung niên nãy giờ hoàn toàn ngồi yên lặng không góp ý một lời, khí sắc rất an tĩnh, bây giờ mới mở giọng trầm âm, vang vang như chuông đồng:

- Người huynh đệ trẻ tuổi không được hỗn láo! Không có một giáo phái nào trên toàn cõi Châu Diêm Phù Đề này lại có cái thứ ngôn ngữ đầu đường xó chợ như huynh đệ! Cuộc nói chuyện hôm nay là giữa các bậc trí giả với nhau, ai cho phép miệng lưỡi côn đồ như huynh đệ chỏ vào? Bần đạo yêu cầu ai là huynh trưởng của người trẻ tuổi ấy phải biết xử lý môn hộ để không còn những lời bần tai phạm thượng đến Tôn giả đây, một nhân cách vô song, một trí tuệ vượt bậc, một đức hạnh hiếm có trong Giáo Hội của Đức Phật Tổ CỒ-ĐÀM!

Người đạo sĩ thanh niên biết mình có lỗi nên đã lẩn trốn đâu mất.

Vị đạo sĩ trung niên trật y vai phải cung kính đến xá lạy Tôn giả Xá-Lợi-Phất, rồi nói:

- Cái lạy này coi như là lời xin lỗi, thay mặt đạo sĩ vô lễ, bất kính vừa rồi, xin Tôn giả hỷ xả cho!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng xá lại đáp lễ:

- Nếu tôi có lời nào đụng chạm đến các quan điểm, đụng chạm đến một vài cá nhân trong quý giáo thì cũng xin chư hiền xá tội cho!

Cả hội chúng đồng thanh nói:

- Không dám đâu! Không dám đâu!

Vị đạo sĩ trở lại chỗ cũ trên tọa cụ của mình, cất giọng chậm rãi, trầm âm:

- Đã có đại biểu năm giáo phái rồi, còn tôi là đại biểu cho Vệ-Đàn-Đà. Thưa Tôn giả! Quê tôi ở bờ biển miền nam, năm xưa tham dự Đại hội Bà la môn ở Vương-Xá thành và đã có cơ may gặp gỡ được Tôn giả. Tôi rất hâm mộ Tôn giả và Tôn giả Kolita. Khi nghe tin nhị vị Tôn giả đã bước ra ngoài truyền thống và theo đạo sĩ Sanjaya, tôi tìm đến Vương-Xá thì nhị vị đã cất bước ta-bà tâm sư học đạo. Mới đây lại được nghe tin nhị vị đã là Đại Đệ Tử của Đức Cồ-Đàm, tôi rất vui mừng cho chư Tôn giả đã tao ngộ được Chánh Pháp. Thú thật rằng, đã hơn hai mươi năm trong truyền thống, tôi vẫn chưa tìm ra được bình an. Mọi tri thức, kinh điển tôi cũng đã hoài nghi từ lâu lắm. Tôi bất lực trước Màya (ảo hóa) và Avidya (vô minh). Tôi nghi ngờ Atman (tiểu ngã) và Brahman (phạm thể). Thần Vichnou và thần Ishavara cũng dường như vô năng trước sự thống khổ của chúng sanh. Tư tưởng, triết học thật rỗng không và phù phiếm!

Thưa Tôn giả! Tranh luận với nhau mà làm gì chứ! Tôi đã khuyên họ mà họ có nghe tôi đâu. Một đạo sĩ thanh niên đã tự bẻ sáu nhánh liễu đem cắm ở đây, nó muốn tạo ra thế tranh luận thắng bại giữa những giáo phái tu học. Tranh luận để học hỏi là tốt, nhưng tranh luận làm sao được đối với Tôn giả, người đã nắm được căn bản của mọi tông giáo trên đời này, rõ ràng như những đường chỉ trong lòng bàn tay của mình! Tôi chỉ muốn gặp Tôn giả để học hỏi thôi. Trước đây tại một ngôi làng quê, tôi cũng đã làm trưởng giáo Bà la môn. Thuở đó, so với Tôn giả tôi chỉ là con đom đóm mà Tôn giả là ánh mặt trời. Vĩnh viễn là như thế! Tôi khao khát học hỏi để giải thoát đau khổ mà thôi! Hẹn được tái ngộ Tôn giả.

Lời chí tình của vị đạo sĩ Bà la môn làm cho Tôn giả Xá-Lợi-Phất và toàn thể hội chúng đều cảm động.

Phái Du-Già, phái Số Luận cũng phát biểu:

- Chúng tôi chỉ muốn trao đổi để học hỏi. Thì giờ đã muộn, hẹn gặp Tôn giả một ngày gần đây để xin thọ giáo một cách tường tận hơn.

Thế rồi, không ai bảo ai, tất cả đồng đến chào Tôn giả Xá-Lợi-Phất. Họ trở lại trú xứ của mình.

Ngơ ngẩn, xuất thần nhìn mọi người giải tán trong ôn hòa, lặng lẽ; trưởng giả Tu-Đạt quỳ lạy ôm chân Tôn giả Xá-Lợi-Phất, cảm thán thốt lên:

- Như trên trời chỉ có một ngôi sao Bắc Đẩu, như rừng xanh kia chỉ có một chúa Sư Vương! Hôm nay, giữa chúng ngoại đạo trí thức, tài giỏi như vậy mà Trương lão tranh luận nhẹ nhàng như cầm cành hoa bên tay mặt mà bỏ qua tay trái; như vị nhạc công của cõi trời vuốt sợi dây đàn để điều chỉnh âm thanh cao thấp như ý muốn; như nắm viên ngọc mani mà dọi vào hóc tối này hay hóc tối kia! Con hoan hỷ, sung sướng và mãn nguyện dạt dào như sóng nước vô tận giữa biển đông! Trương lão có biết thế không?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói vui:

- Ông Tu-Đạt lúc này cũng sinh văn chương chữ nghĩa nhỉ?

- Dạ, không dám!

- Tâm thành của ông nó tự làm nên bút, ý thành của ông nó tự làm nên văn mà thôi, có phải ông muốn nói thế chăng?

Trương giả Tu-Đạt lại thêm sợ hãi, kính phục:

- Quả có vậy, quả con có ý nghĩ như vậy!

- Thôi được rồi! Việc xây dựng tịnh xá, thế là những chướng ngại, những khó khăn lớn đã đi qua rồi. Đức Thế Tôn có dặn bảo là công trình phải hoàn tất trước mùa mưa, ông nhớ chứ?

- Thưa nhớ chứ! Không những thế, con còn quyết tâm hoàn thành "vượt mức kế hoạch."

Chưa bao giờ trương giả Tu-Đạt cảm thấy hạnh phúc như hôm nay. Hỷ lạc ở trong ông ăm ắp cả tuần lễ không chịu tan đi. Ông muốn chia sẻ niềm vui ấy với tất cả mọi người. Thế là thợ thầy được tăng lương, kẻ làm công, người ở được biếu tặng tiền bạc, vải vóc, thực phẩm, thuốc men. Ngoài ra ông còn cho thiết lập hai trại chẩn bần, hai trại cúng dường cho thập phương đạo sĩ không phân biệt giáo phái nào, hai trại phát thuốc chữa bệnh cho người nghèo rải rác trong thành phố và vùng phụ cận. Ông thuê mướn một trăm người giàu lòng thiện tâm, trả lương rộng rãi để cho họ sốt sắng chu toàn các công vụ này...

Tiếng lành đồn xa. Tiếng lành về ông đại triệu phú từ bi, bác ái đã chinh phục trái tim mọi người. Các giáo phái sau cuộc tranh luận vừa rồi, có người

nặng mặc cảm, nhưng thấy ông hào sảng cứng dường không phân biệt, nên phải đem tâm kính trọng. Tất cả mọi người nghèo trong xứ thấy đều hàm ơn, họ gọi ông là trưởng giả Cấp Cô Độc (trợ cấp cho người nghèo khó, cô độc) là vì vậy. Còn Ngài Xá-Lợi-Phất lại trở nên sáng rỡ như một ngôi sao duy nhất trên vòm trời Xá-Vệ.

Và công trình kiến thiết "Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên" có quy mô vĩ đại, huy hoàng theo đó mà hoàn thành viên mãn.

* * *

Hôm kia, đứng trên ngọn đồi cao nhìn xuống, trưởng giả Tu-Đạt xoa bàn hải lòng ngắm nhìn công trình kiến trúc, tự nghĩ:

"- Trưởng lão Xá-Lợi-Phất quả là có đầu óc vĩ đại. Ngài không vẽ họa đồ, không nhìn sao, chọn hướng; Ngài không bắt tay vào việc xác định địa cuộc, tìm long mạch; không hề đưa ra một lời có tính quyết định - mà bao giờ Ngài cũng chỉ nói: "cho bản đạo góp một ý kiến nhỏ..., cho bản đạo được lòi cái dốt của mình ra...", Thế nhưng, điểm gì Ngài đã nói là như thò cái kim châm vào trúng đại huyết, như đưa ngón trỏ chỉ trúng ấn đường! Các vị kiến trúc sư, thiên văn, địa lý kia khâm phục sát đất, chẳng dám ho he nửa lời. Ôi! Ngài quả là bậc thầy của những bậc thầy; cao cả, trác việt mà khiêm nhu xiết bao!

Ồ! coi nào! để coi nào! là những ý kiến nhỏ, là những cái dốt lòi ra... thế rồi công trình giờ đây ra sao? Kia! Kia! Đại Giảng Đường chính là cái đầu của Con Rồng Thiêng. Hương phòng của Đức Thế Tôn rõ là một con mắt hiện, một con mắt ẩn! Những liêu thất, am cốc của Chư Tăng là những chiếc vảy rồng kể dài, nhấp nhô, uốn lượn nhịp nhàng suốt ba ngọn đồi. Những chân rồng, những móng rồng là những bệnh xá, nhà kho, nhà ăn, nhà nghỉ...; các công trình phụ như bể nước, hồ tắm, nhà vệ sinh nằm kín đáo trong những lùm cây xanh...

Ồ! coi nào! để coi nào! Rõ ràng là con Rồng Thiêng này đang uống nước - mà hai cái vòi của nó là hai chiếc cầu cong cong, thon nhỏ, thanh mảnh, dịu dàng, sống động. Ôi! Chiếc hồ mệnh mông nằm ngang trước Đại Giảng Đường, nước đầy ăm ắp và trong như mắt mèo, mỗi ngày phản chiếu năm sắc khác nhau! Khi đào chiếc hồ này các thầy Bà la môn tự quyết định vị trí và khoanh các vùng giới hạn. Họ bảo sẽ có mạch nước vô tận. Thế nhưng, khi họ đào đến một đòn gánh, hai đòn gánh - mạch nước cũng chỉ rỉ rỉ như

rồng nhiều nước miếng! Tôn giả Xá-Lợi-Phất mỉm cười... cho bần đạo góp một ý kiến nhỏ..., cho bần đạo được lòi cái dốt của mình ra... Các thầy thử cho đào chệch về hướng sao Bắc Đẩu ba đòn gánh thêm một hắc tay nữa xem sao! Thế rồi sao nào! Không phải hai đòn gánh, không phải ba đòn gánh, mà đúng là ba đòn gánh và một hắc tay, thì nước đầu đó từ trong lòng đất tuôn ra ào ạt, mạch chảy trong các huyệt nham thạch, luồng giữa mấy khối đá tảng, trong như ngọc và tỏa mùi hương chiên đàn! Kỳ lạ không chứ! Rõ Tôn giả là tổ sư của các tổ sư địa lý!

?! Còn hương phòng của Đức Thế Tôn thì sao nào? Các thầy Bà la môn cho quay mặt về hướng mặt trời. Tôn giả Xá-Lợi-Phất khen ngợi họ, vậy là giỏi, vậy là tài; tuy nhiên Ngài bảo, cho bần đạo góp một ý kiến nhỏ..., cho bần đạo được lòi cái dốt của mình ra..., các thầy hãy cho chệch về bên phải ngôi Sao mai một lóng tay! một lóng tay thôi nhé! Vậy là chuyện gì xảy ra? Hương phòng của Đức Thế Tôn bên trong mát lạnh hơn bên ngoài. Và không biết có một luồng gió nhẹ ở đâu thoang thoảng đi qua các khung cửa làm cho không khí của nội thất không bao giờ bị tù đọng. Các thầy Bà la môn phục quá. Từ đó về sau, họ không còn dám khoác lác, khoe khoang nữa!

Thế rồi, một lần trưởng giả Tu-Đạt hỏi Ngài:

- Thưa Trưởng lão! Giáo Pháp của Đức Thế Tôn cũng có thiên văn, địa lý, phong thủy sao?

- Không có đâu, ông Tu-Đạt. Ta học được các môn ấy từ thuở thiếu thời.

- Nó như thế nào theo lời dạy của Đức Tôn Sư?

- Nó chính là các định luật về trăng sao, phương hướng; định luật về thời tiết, khí hậu; định luật về vật lý... cùng các định luật khác nữa về sự tương quan, qua lại giữa nhau.

- Nó có biến cải được số phận, thọ yếu, sang hèn của chúng hữu tình không?

- Không biến cải được đâu ông Tu-Đạt. Giáo Pháp của Đức Tôn Sư là một nhận thức như thực, đúng đắn về toàn bộ các định luật ấy, không chôi bỏ bất cứ một định luật nào. Tuy nhiên, quyết định tối hậu cho số phận con người chính là định luật tâm, ngắn gọn hơn là định luật nhân quả nghiệp báo!

- Còn các định luật kia thì sao? Nó có hỗ trợ, tương tác, tương thuận, tương nghịch gì với định luật tâm không, thưa Tôn giả?

- À! Ông hỏi thế hay lắm đấy! Hãy nghe đây ông Tu-Đạt! Đức Thế Tôn ngồi dưới cội cây Bồ-Đề mà thành đạo, Ngài quay mặt về hướng Đông, là hướng của thanh khí, dương khí. Thanh khí, dương khí là khí nhẹ, khí trong sáng... nó sẽ hỗ trợ cho các trạng thái tâm nhẹ nhàng, trong sáng được thăng hoa toàn mãn. Đức Thế Tôn nằm nghỉ đầu quay hướng Bắc, mặt nhìn hướng Tây là để quân bình, hài hòa các khí, các lực giữa tiểu vũ trụ là con người và đại vũ trụ là quả địa cầu!

- Thưa, vậy là con đã hiểu rõ rồi!

- Bàng môn tả đạo họ sử dụng các thuật kia để nuôi mạng, để tà mạng, để lèo bịp đời, để quyết định số phận, thọ yểu, sang hèn của con người... cho nên họ đi vào mê lộ của tà ma! Họ chấp vào đấy, không chịu tu học, không chịu làm thiện, không chịu biến cải, thay đổi đời mình bằng những thiện nghiệp. Tâm là nhân, các định luật kia là duyên. Họ đã chấp duyên làm nhân mà họ không biết. Nguy hiểm là vậy!

- Thưa, chắc chắn là con đã nắm được rồi!

- Đức Tôn Sư với năng lực tâm bao trùm vũ trụ. Với năng lực tâm của Ngài thì mặt trời mặt trăng sẽ dừng lại và quả địa cầu này cũng có thể đứng yên nếu như Ngài muốn!

Nói như thế để hiểu rằng, Ngài không cần một định luật nào bên ngoài để hỗ trợ cả. Tuy nhiên, chúng ta là đệ tử, chúng ta phải có bốn phận bảo vệ sức khỏe cho Đức Tôn Sư. Sức khỏe của Đức Tôn Sư là sức khỏe lâu dài cho Giáo Pháp. Sức khỏe lâu dài của Giáo Pháp là hạnh phúc lâu dài cho Chư Thiên và nhân loại!

- Thưa vâng, con đã rõ!

Đến đây Ngài Xá-Lợi-Phất nói nhỏ lại:

- Vì Đức Tôn Sư luôn luôn sống giản dị, bình thường như một chúng sanh giản dị, bình thường; chỉ khi nào cần thiết nhất cho sự giáo hóa Ngài mới sử dụng thần thông hoặc các năng lực siêu phàm khác.

- Thừa vâng, con hiểu. Con cảm thấy thỏa mãn và vô cùng an vui trước những lời giảng giải cặn kẽ của Trưởng lão."

Nghĩ đến ngang đây, bất giác ông Tu-Đạt mỉm cười, đảo mắt nhìn công trình một lần nữa. Con Rồng bây giờ như đang chuẩn bị xòe móng, giương vây để bay lên giữa trời xanh bao la vô tận... Và hy vọng rằng, Giáo Pháp của Đức Tôn Sư cũng như con Rồng Thiêng kia vậy.

--- o0o ---

[06]

Bạn của cha già

Xế trưa hôm ấy, tại Kỳ Viên tịnh xá, Chư Tăng bàn tán không ngớt về một thiếu phụ xinh đẹp để tóc - không phải là tỳ-khưu ni - mà tự động đắp y vàng chói, mang cái bát bằng vàng ròng, đến ngồi giữa vườn cây, chỗ Chư Tăng thường độ thực. Nghe chuyện lạ, Tôn giả Xá-Lợi-Phất bước ra.

- Có phải Ngài là Đại Đệ Tử của Đức Thế Tôn?

- Phải, nàng là ai? Tại sao lại mặc y, mang bát? Tại sao lại ngồi ở đây?

Thiếu phụ xinh đẹp thành kính đánh lễ Tôn giả:

- Con không hiểu sao, bạch Ngài! Từ khi con có thai đứa bé ở trong bụng, con chỉ thích ăn những vật gì tinh khiết, sạch sẽ; tâm hồn con rất trong sáng, chỉ thích hướng đến cái gì cao cả. Hiện giờ con có hai sở thích, thưa Tôn giả.

- Nàng cứ nói, ta nghe đây!

- Thừa Tôn giả, thứ nhất là con thích mặc y, mang bát; nhưng y bát phải đẹp, vàng sáng, vàng ròng. Và con thích Chư Tăng sau khi độ thực xong, vị nào còn thừa cháo xin hoan hỷ rót vào trong cái bát xinh đẹp của con đây. Con thật rất sung sướng và thỏa thích được ăn bát cháo thừa ấy!

Nghe chuyện kỳ dị, Tôn giả Xá-Lợi-Phất hướng tâm một lát, rồi Ngài nói:

- Việc ấy dễ dàng thôi, Chư Tăng sẽ rất hoan hỷ làm cho nàng được hài lòng! Còn việc thứ hai?

- Ngay ngày mai, con muốn cung thỉnh năm trăm thầy tỳ-khưu, đệ tử của Tôn giả - cùng với Tôn giả là vị cầm đầu - đến nhà của con, để con được cúng dường món cháo sữa đặc biệt, cùng với mật ong, đề hồ và cơm nữa!

Vị thiếu phụ ấy không những một lần thích ăn cháo thừa của Chư Tăng mà đã nhiều lần như thế. Không phải chỉ một lần nàng mời Tôn giả Xá-Lợi-Phất cùng năm trăm tỳ-khưu đệ tử của Ngài về nhà để đặt cháo, sữa, mật ong, cơm mà đã nhiều lần như thế. Đến ngày mãn nguyệt khai hoa, buổi lễ trai tăng lại càng đặc biệt trân trọng. Đứa bé kháu khỉnh, xinh như con trời được tắm bằng nước thơm, mặc y phục bằng lụa thơm, đặt trên một cái giường vương giả lộng lẫy, được phủ bằng một tấm mền gấm nhẹ như bông trị giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng.

Họ bỗng trẻ ra mắt Tôn giả. Đứa bé ngược mắt lên nhìn Tôn giả, mỉm cười hân hoan và nghĩ thầm trong tâm: "Đây là vị thầy cao quý của ta, cũng nhờ cúng dường thầy ta mà ta được quả phước hôm nay. Bây giờ ta lại muốn cúng dường thầy ta cái gì đó nữa."

Tôn giả đặt bàn tay lên đầu đứa bé đọc một bài kinh chúc phúc ngắn rồi cầu nguyện cho đứa bé sau này trở về nương tựa nơi Ba Ngôi Báu. Khi Tôn giả đang đọc kinh, đứa bé quần tay trong chiếc mền gấm và làm cho chiếc mền gấm rơi xuống đất, phủ lên chân của Tôn Giả.

Người mẹ dường như tâm ý linh thông với con, nên bạch với Tôn giả:

- Xin Ngài hoan hỷ thọ nhận chiếc mền gấm mà con của con đã cúng dường.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã hiểu mọi sự nhưng Ngài chỉ im lặng. Thiếu phụ xinh đẹp, mẹ của đứa bé lại thưa tiếp:

- Bạch Ngài, xin Ngài đặt tên cho trẻ.

- Sẽ đặt tên như thế nào nhỉ? Việc này ta chưa từng làm qua!

Thiếu phụ lại nói:

- Bạch Ngài, con muốn Ngài trao cho nó cái tên thuở Ngài mới sinh ra.

- Ô! Vậy à? Vậy thì tên nó là Upatissa!

Người thiếu phụ hoan hỷ:

- Lành thay! Con của con đã là Upatissa! Vậy con của con mai sau sẽ nối gót Ngài, học được chút ít gì từ Trí Tuệ của Ngài là quý báu lắm rồi.

Thế rồi, không những là lễ đặt tên, mà còn lễ xâu lỗ tai, lễ nhận tấm vải thánh, lễ tắm rửa cạo đầu, thiếu phụ và con trai đều cung thỉnh trai tăng đến Tôn giả Xá-Lợi-Phất và năm trăm tỳ-khuru đệ tử.

Chư Tăng trẻ thấy chuyện lạ lùng vây quanh Tôn giả Xá-Lợi-Phất để hỏi. Ngài chỉ tay sang Đại Mục-Kiền-Liên:

- Khi có bậc Đệ Nhất Đại Thần Thông ở đây thì ta nào dám nói chuyện quá khư, vị lai? nào dám múa rìu qua mắt thợ? Các người hãy đánh lễ Tôn giả rồi Tôn giả sẽ nói cho mà nghe.

Đại Mục-Kiền-Liên, chẳng khách sáo gì, kể cho Chư Tăng trẻ nghe, chuyện cách đây mấy năm thôi, tại Vương-Xá thành.

"- Ở một góc phố tối tăm, tối tàn tại Vương-Xá thành, có một gia đình Bà la môn rất nghèo khổ - tên là Mahāsena - ông ta vốn là bạn thân của thân sinh Bậc Tướng Quân Chánh Pháp. Hôm kia, vị Đệ Nhất Đại Đệ Tử vào sáng sớm, sau khi xuất định, hướng tâm đến người Bà la môn nên đã đắp y, mang bát ra đi. Thấy Tôn giả đi đến từ xa, người Bà la môn tự nghĩ: "Con trai của bạn ta sẽ đến đây để khát thực, thật xấu hổ khi ta không còn bất cứ một vật gì." Thế là ông Mahāsena lên ra ngã sau trốn mắt. Lần thứ hai, Bậc Tướng Quân Chánh Pháp kiên nhẫn đến nữa, ông ta cũng trốn như vậy.

Hôm kia nhờ một đám cúng tụng, lễ vật có được là một bát cháo đầy ngon thơm và một mảnh vải quý, không dám ăn, không dám mặc, người Bà la môn tội nghiệp này mong ngóng bước chân khát thực của con trai bạn mình. Không phụ lòng trân quý ấy, hướng tâm là biết, Tôn giả đắp y, mang bát đến ngay. Người Bà la môn đã đợi sẵn, sốt cháo vào bát của Ngài. Được một nửa sô cháo, Tôn giả đưa tay ngăn lại:

- Được rồi, đủ rồi, thí chủ! Cả chiều và đêm hôm qua thí chủ đã nhịn đói. Cả ngày hôm nay thí chủ cũng nhịn đói nữa sao?

- Chẳng sao cả, thưa Ngài Sa môn! Đói một tuần là chuyện bình thường của tôi. Được để bát một cách trọn vẹn cho người mà tôi yêu kính là chuyện hiếm có trên đời này. Tôi chọn cái lợi to lớn hơn vậy.

Sau khi nhận đầy bát, muốn để người Bà la môn hoan hỷ, Tôn giả Xá-Lợi-Phát ngồi xuống và độ thực ngay tại chỗ. Ngài dùng xong, người Bà la môn dâng cúng luôn tấm vải quý, mặc dù ông ta đang mặc áo rách.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát tự nghĩ:

"- Cúng dường một cách trọn vẹn, không để dành lại, thà mình nhịn đói, sẽ mang đ?n quả phước vật thực một cách trọn vẹn và thù thắng. Cúng dường vải vóc quý giá, dù mình mặc áo rách, sẽ mang đến quả phước về y phục một cách viên mãn và thù thắng."

Rồi Ngài hỏi:

- Thí chủ có ước nguyện gì?

- Xin cho tôi được xuất gia trong Giáo Pháp chơn chánh của Đức Thế Tôn!

- Thí chủ sẽ được như nguyện!

- Y áo, vật thực tôi hàng có đủ, ngoài ra sẽ được dư dật để san sẻ cho bạn đồng tu!

- Thí chủ sẽ được như nguyện!

Từ đó, tâm ông Bà la môn thanh thản, mãn nguyện... Khi thân hoại mạng chung, từ Vương-Xá thành ông sinh vào bào thai một thiếu phụ xinh đẹp, trong một gia đình hào phú ở Xá-Vệ. Khi còn trong bụng mẹ, đứa bé đã thích cho mẹ mình mặc y, mang bát và ăn cháo thừa của Chư Tăng. Đứa bé lại có hảo cảm đặc biệt với Ngài Xá-Lợi-Phát, là thầy tế độ cho mình trong quá khứ nên xúi mẹ tổ chức nhiều buổi trai tăng, cúng dường cháo. Bây giờ nó lại muốn dâng chiếc mền gấm cho Tôn giả Xá-Lợi-Phát nữa. Trong tương lai, đứa bé này sẽ xuất gia và thầy của nó chính là Bạc Tướng Quân Chánh Pháp đây chứ không thể là ai khác!"

Chư Tăng trẻ nghe xong, cảm thán thốt lên:

- Thật là kỳ diệu!

Quả đúng như tiên tri của Đại Mục-Kiền-Liên, đúng bảy tuổi, bé Upatissa nói với mẹ:

- Thưa mẹ! Con muốn xuất gia sống đời Sa môn dưới chân Trưởng lão của con!

- Tốt lắm con ạ, mẹ rất hoan hỷ về điều đó.

Rồi người mẹ thỉnh Tôn giả Xá-Lợi-Phất đến, dâng cúng vật thực và trình bày ý nguyện của con. Buổi chiều, cả hai mẹ con đến Kỳ Viên tịnh xá quỳ xuống chân Trưởng lão. Tôn giả nói với Upatissa:

- Con này, đời sống xuất gia rất cam khổ, rất khó khăn, con có biết vậy không?

- Dạ con biết!

- Người xuất gia khi muốn ấm thì phải chấp nhận cái lạnh, khi muốn mát phải chấp nhận cái nóng! Con có chịu đựng được điều đó không?

- Con chịu đựng được!

- Một Sa môn thường phải sống đời không nhà không cửa, đâu không có nón che, chân không có dép đỡ, lại còn phải ôm bát đi xin ăn, người ta cho gì ăn nấy, chẳng dễ dàng lựa chọn miếng ngon ngọt béo bùi. Con có kham nhẫn được đời sống ấy không?

- Bạch Tôn giả của con! Con sẽ kham nhẫn được hết. Con sẽ thực hành bất kỳ những gì mà Ngài chỉ dạy.

- Tốt lắm!

Thế rồi Tôn giả truyền cho chú bé Upatissa mười giới, tập sự làm sa-di, dạy thêm phép quán năm chi tiết trong ba mươi hai thể trượt tức là tóc, lông, móng, răng, da.

Để tôn vinh cho việc xuất gia của con, cha mẹ Upatissa cúng dường cháo thập cẩm ngon bổ cho Chư Tăng ở tịnh xá Kỳ Viên có Đức Phật dẫn đầu, suốt cả bảy ngày. Ngày thứ tám, sa-di Upatissa ôm bát đi cuối cùng đoàn tỳ-khuru do Tôn giả Xá-Lợi-Phát dẫn đầu vào thành Xá-Vệ để khát thực.

Dân chúng ở Xá-Vệ mấy ngày nay đã nghe chú bé bảy tuổi xuất gia. Cả hàng chục, hàng trăm gia đình thân quyến, bạn bè của cha mẹ Upatissa hân hoan chuẩn bị vật thực để bát cúng dường cho chú sa-di tí hon.

Khi đoàn Sa môn đi qua, người ta cung kính cúng dường vật thực đầy đủ; đến chú sa-di cuối cùng, đẹp đẽ và dễ thương như một thiên thần, thiên hạ đổ xô lại, vây quanh. Không những chỉ để đầy một bát mà họ còn sắm sẵn bát mới, có cả lưới bát, để bát và chứa vật thực đầy ở bên trong đúng năm trăm bát như thế, cùng với năm trăm bộ y để cúng dường cho sa-di Upatissa.

Đoàn tỳ-khuru đã đi về hết mà sa-di Upatissa còn loay hoay không biết làm sao với sự cúng dường ấy.

Một cụ già bên đường góp ý:

- Chú sa-di hãy về đi kéo thầy và Chư Tăng mong. Lát nữa thôi, vật thực và y áo này sẽ được đưa đến Kỳ Viên tịnh xá với năm chiếc xe và mười con bò kéo!

Hôm sau, những người chưa được cúng dường trong thành phố, họ tự động thuê bò kéo đến chùa, cúng dường thêm cho sa-di Upatissa năm trăm bát thực phẩm và năm trăm bộ y nữa.

Upatissa vòng tay bạch với Tôn giả Xá-Lợi-Phát:

- Y và bát hôm qua và hôm nay con đã cúng dường tất cả cho một ngàn vị Đại Đức. Con làm như vậy có đúng chăng?

- Tốt lắm con ạ! Tâm nguyện xưa của con ra sao thì quả hôm nay là vậy.

Sáng sớm hôm kia trời trở lạnh, sa-di Upatissa theo gương thầy, dậy thật sớm đi một vòng quanh tịnh xá để quét rác và thu dọn chỗ này chỗ kia cho sạch sẽ. Chú thấy Chư Tăng lớn tuổi đang ngồi tùm năm tùm ba bên những đồng lửa, sa-di Upatissa hỏi:

- Bạch chư Đại Đức! Tại sao chư Đại Đức lại hơ lửa?

- Chúng ta già rồi, chú bé Sa môn! Tuổi già thì xương cốt rã rời, khí huyết khô cạn thường không chịu được lạnh chú bé ạ!

- Bạch chư Đại Đức! Đêm xuống thì trời sẽ lạnh hơn. Vậy khi ngủ nghỉ, chư Đại Đức nhớ đắp mền ấm cho dày để ngăn lạnh.

- Chú sa-di có nhiều phước nên có mền ấm còn chúng tôi thiếu phước, đào đâu ra tấm chăn đây?

- Vậy thì ngày mai, thưa chư Đại Đức, vị nào cần mền đắp thì đi với con vào thành Xá-Vệ.

Thế là ngày hôm sau, Upatissa đi quyên được cả một ngàn cái chăn ấm để dâng cho một ngàn vị tỳ-khưu. Chuyện kể rằng hễ ai gặp mặt được Upatissa là phát tâm hoan hỷ, thích làm phước. Cho chí một thương gia nọ, nghe người ta đồn đãi, bèn dấu mấy cái mền quý đi - nhưng khi Upatissa đến, ông ta lại hoan hỷ biếu tặng tất cả.

Mấy ngày hôm sau, những cậu bé bạn cũ rủ nhau đến thăm Upatissa, rồi những ngày sau nữa chú phải bận rộn tiếp đón nên không có thì giờ để tham thiền. Thế là chú đi xin Đức Phật đề mục thiền định rồi rút vào rừng sâu tu tập. Dân làng quanh vùng yêu mến chú vô cùng, họ cúng dường vật thực hết lòng. Nhưng chú bé sa-di chưa biết Pháp, khi nhận vật thực, bất cứ ai, ngày này qua tháng nọ chỉ có một câu duy nhất:

"- Mong thí chủ được an vui, hạnh phúc. Mong thí chủ thoát khỏi mọi đau khổ".

Chỉ ở rừng hai tháng, với quyết tâm tu tập thiền quán, Upatissa đã đắc quả A-La-Hán. Hướng tâm đến, Tôn giả Xá-Lợi-Phất biết điều ấy bèn vào đánh lễ Đức Phật xin được đi thăm sa-di Upatissa. Đức Thế Tôn y lời, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại qua rủ thêm Tôn giả Mục-Kiền-Liên. Rồi chốc sau lại có thêm các đại Trưởng lão khác là Ngài Ca-Điếp, Ngài A-Nậu-Lâu-Đà, Ngài Ưu-Đà-Di, Ngài Phú-Lâu-Na cùng những vị khác nữa. Các vị Trưởng lão này lại còn dẫn thêm đệ tử tùy tùng, người năm trăm đệ tử tỳ-khưu, người ba trăm đệ tử tỳ-khưu... nên tổng số người đi thăm sa-di Upatissa lên đến mấy ngàn vị.

Dân chúng trong làng thấy cả đoàn Thánh chúng Trưởng lão và cả mấy ngàn vị tỳ-khưu đến nơi xa xôi hẻo lánh này, họ vô cùng ngạc nhiên, tiếp đón nồng nhiệt, quỳ lạy bên chân Tôn giả Xá-Lợi-Phất vang danh thiên hạ, và xin Ngài ban cho một thời Pháp.

- Ta và phái đoàn hôm nay đến thăm sa-di Upatissa!

Nghe nói vậy họ càng ngạc nhiên hơn nữa: "Chú bé tí hon mà chúng ta hộ độ bấy lâu nay quan trọng như vậy sao?"

Được tin, Upatissa từ rừng đi xuống làng, đánh lễ thầy là Ngài Xá-Lợi-Phất rồi sau đó làm bổn phận của một đệ tử đối với các bậc trưởng thượng đầy uy đức của mình.

Chỗ nghỉ ngơi đã được dân cư lo chu đáo. Đèn đuốc dây đó cũng được đốt lên. Mấy khi mà được dịp hy hữu như thế này, dân chúng tha thiết thỉnh cầu được nghe Pháp.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Vậy thì hãy thông báo cho mọi người gần xa đến nghe.

Khi đâu đó đã sẵn sàng, Tôn giả nói với Upatissa :

- Này con! Các thí chủ của con ở trong ngôi làng này họ muốn nghe Pháp, vậy con hãy thuyết cho họ nghe đi!

Dân làng đồng thanh thưa:

- Thưa Tôn giả! Vị Đại Đức của chúng con không biết gì ráo! Vị Đại Đức của chúng con ngày này qua tháng nọ chỉ thuộc một câu duy nhất: "Mong thí chủ được an vui hạnh phúc, mong thí chủ thoát khỏi mọi đau khổ." Vậy xin Tôn giả đề cử cho một vị Cao Tăng Trưởng lão!

Tôn giả mỉm cười, quay sang hỏi Upatissa:

- Này Upatissa! Cầu mong cho thí chủ được an vui hạnh phúc, nhưng làm sao để được an vui hạnh phúc? Con cầu mong cho thí chủ thoát khỏi đau khổ

thì phương cách để giải thoát khỏi đau khổ ấy ra làm sao? Con hãy giải thích rộng hai câu ấy là thành một đề tài thuyết pháp trọn hảo!

Upatissa chăm chú lắng nghe, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Thưa vâng, con sẽ làm như vậy.

Thế rồi Upatissa thăng tòa, giảng như nước chảy mây trôi về khổ đế, về nguyên nhân khổ, về Niết Bàn và về con đường Bát Thánh đưa đến nơi tịch diệt... Rồi Upatissa kết luận:

- Thưa chư đạo hữu! Chúng sanh bị những khổ ách nên lê tấm thân trôi dạt giữa biển đời sanh tử, vậy muốn thoát khỏi mọi khổ ách phải biết tu theo Tứ Diệu Đế. Đắc được quả vị A-La-Hán chúng ta sẽ được hạnh phúc, an vui vĩnh viễn!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tán thán:

- Lành thay, này sa-di! Con đã khéo giảng, khéo thuyết về Con Đường Diệt Khổ vậy!

Nghe xong thời Pháp, dân chúng thấy đều ngạc nhiên. Một nhóm thì hân hoan vui mừng vì lâu nay đã được cúng dường cho một bậc Trí Tuệ. Riêng có một nhóm thì khởi tâm bất bình:

"- Té ra lâu nay vị Đại Đức này khinh thường chúng ta. Vị Đại Đức đã biết rành rẽ về Giáo Pháp mà lại giả bộ ngây ngô, miệng câm như hến, chẳng thèm dạy bảo cho chúng ta một lời, một chữ!"

Tại Kỳ Viên tịnh xá, vào sáng sớm, Đức Thế Tôn biết rõ chuyện ấy, sợ rằng nhóm người bất bình với vị Thánh A-La-Hán sẽ đắc tội, nên Ngài đắp y, mang bát, với thời gian duỗi cánh tay, Ngài đã có mặt tại ngôi làng với hào quang chói rạng.

- Đức Chánh Đẳng Chánh Giác đã đến!

Từ đầu làng đến cuối làng hớn hờ, xôn xao. Thật là một sự kiện trọng đại. Có bao giờ mà một bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, lại luôn cả tám mươi vị Đại Trưởng lão đồng xuất hiện và đi thăm một sa-di nhỏ bé như thế này?

Dân chúng vui mừng tổ chức buổi lễ trai tăng thịnh soạn cúng dường Đức Phật và Tăng chúng.

Sau khi dùng xong, Đức Thế Tôn nói với dân làng:

- Nay hai hàng cận sự nam nữ! Thật là hạnh phúc thay cho các người là nhờ vị sa-di này mà các người được điểm phúc trông thấy Như Lai, trông thấy hai vị Đại Đệ Tử, trông thấy Ca-Diếp cùng tám mươi Đại Trưởng lão. Quả thật, chỉ vì một vị sa-di này mà hôm nay Như Lai đến đây, các người nên hiểu như vậy để lợi ích lâu dài cho mình về sau."

Khi biết rằng nội tâm của những người bất bình đã trở nên yên lặng, họ đã biết tầm quan trọng của vị Đại Đức tí hon, Đức Phật quay qua Upatissa:

- Nay con trai! Hãy dẫn Như Lai đi thăm một vòng quanh trú xứ này!

Nói xong, Đức Phật nắm tay Upatissa, từ giả mọi người, khuất cuối con đường rồi đi lên một ngọn núi cao. Đức Phật còn vài lời giáo giới đến vị A-La-Hán sa-di ấy. Tôn giả Xá-Lợi-Phất trông theo, hài lòng, Ngài tự nghĩ:

"- Thế là ta đã tể độ trọn vẹn một người bạn của cha ta vậy."

---o0o---

Một vị A-La-Hán tí hon

Sáng hôm ấy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại nhận thêm một chú sa-di bảy tuổi vào hàng ngũ Tăng chúng, tên là Thông Trí (Pandita). Cái tên này có được là vì khi đứa trẻ mới ở trong bào thai thì mọi người trong gia đình, có ai là dốt nát, điếc câm đều trở nên sáng suốt.

Vì là gia đình một lòng mộ đạo, thường ngày để bát cho Tôn giả Xá-Lợi-Phất, nên Ngài đã đến dự lễ đặt tên, cầu nguyện hồng ân Tam Bảo, đọc tụng kinh phúc chúc v.v... Từ khi sinh ra cho đến bảy tuổi, lúc xuất gia, gia đình trai tăng làm phước rất nhiều lần đến Tôn giả Xá-Lợi-Phất cùng năm trăm vị đệ tử, mà đặc biệt, bao giờ vật thực cũng là những món thượng vị, nước thịt luộc, và món cá hồng!

Cũng như trường hợp sa-di Upatissa, ngày thứ tám, sa-di Thông Trí muốn theo thầy ôm bát vào thành phố để khát thực. Thấy đáng đáp vụng về, cách

mang y bát còn xộc xệch, chưa được tề chỉnh, trang nghiêm, Tôn giả Xá-Lợi-Phất kêu lại:

- Này con! Con cần phải học hỏi, tập sự về cách đi, đứng, nằm, ngồi; cách mang y bát đi khắp thực v.v... Sáng nay, con hãy ở lại tịnh xá với ta làm một số công việc. Sau đó ta sẽ chỉ dạy cho con trước khi vào thành phố.

Như thường lệ mỗi buổi sáng, Tôn giả Xá-Lợi-Phất có phụ tá là một số sa-di, hôm nay có thêm Thông Trí, cùng nhau đi quét rác trong khuôn viên tịnh xá; dọn những cầu tiêu, hầm xí; châm nước đầy vào những lu nước uống; sắp xếp lại những giường ghế ở những nhà ngang, nhà khách; thu lượm những vật dụng đây đó quăng liệng bừa bãi; dập tắt những đồng than đang còn âm ỉ khói...

- Có một số các vị sao lại để lung tung, bừa bãi, lộn xộn vậy hở thầy?

- Hãy từ bi, thương xót đến họ, này con! Khi tâm của một chúng sanh chưa được thu xếp, dọn dẹp, chưa được chăm sóc một cách chu đáo - nó cũng như vậy đó con!

Thông Trí chột quỳ xuống bên chân Tôn giả:

- Con đã hiểu điều này. Do vậy con sẽ biết cách thu xếp, điều chỉnh y bát, cách đi, cách đứng của con.

Thế là đã khá trưa, hai thầy trò mới dời chân khỏi Kỳ Viên tịnh xá. Lần đầu tiên được đi theo thầy khát thực, lòng Thông Trí rộn ràng sung sướng. Biết tâm của chú sa-di này muốn học hỏi nhiều điều, Tôn giả gợi ý:

- Này con! Một kẻ vô văn phạm phu khi không học hỏi Giáo Pháp thì đối với nó cái gì cũng phi pháp. Còn một người ham hiểu biết, có tâm cầu học... thì đi, đứng, nằm, ngồi đều là Giáo Pháp; cái gì mắt thấy, tai nghe, trí suy nghĩ thấy đều liên hệ đến Giáo Pháp!

- Thừa vâng!

Đi ngang ven lộ thấy một cái mương dẫn nước, Thông Trí tự nghĩ:

"- Cái gì mắt thấy,... đều liên hệ đến Giáo Pháp."

Bèn hỏi:

- Bạch thầy cái mương dẫn nước kia có lợi ích gì?
- Nước dâng tràn, lũ lụt có thể làm hại mùa màng, nhưng khi đã có con mương dẫn nó, điều chỉnh nó thì nó lại trở nên lợi ích cho ruộng vườn.
- Nước có hiểu biết gì không?
- Nó vô tri vô giác chớ có hiểu biết gì đâu!
- Vậy thì người ta có thể dẫn một vật vô tri vô giác đem đến lợi ích cho con người sao thầy?
- Đúng thế! Nếu biết làm những con mương cho khéo, người ta có thể dẫn nước đi đâu tùy ý, tùy nghi mà sử dụng.

Thông Trí tự nghĩ:

"- Thật là kỳ diệu! Một vật vô tri vô giác mà con người có thể hướng dẫn được nó, sử dụng nó như ý muốn. Vậy tại sao ta lại không thể hướng dẫn, nhiếp phục tâm ý mình đi theo con đường đến quả vị A-La-Hán?"

Đến một quãng đường nữa, thấy những người thợ đang hơ tên trên lửa, nheo mắt nhắm để uốn tên cho thẳng; Thông Trí hỏi:

- Bạch thầy, họ đang làm gì vậy?
- Họ đang nhắm uốn những cây tên trên lửa cho thật thẳng.
- Mũi tên kia có lý trí chăng?
- Nó cũng là vật vô tình, vô giác, vô tri!

Thông Trí lại nghĩ:

"- Thật là kỳ diệu! Vật vô tri kia mà người ta còn biết cách uốn cho thẳng. Còn ta, ta cũng có chút ít hiểu biết, sao không biết uốn nắn tâm ý mình cho ngay thẳng, chính trực?"

Sau đó hai thầy trò gặp một người thợ mộc đang đẽo bánh xe.

- Họ làm gì vậy hở thầy?

- Thợ mộc đẽo bánh xe.

- Gỗ không có chút hiểu biết nào chứ?

- Cũng như tên, như nước vậy! Gỗ vô tri mà người ta vẫn đẽo ra được bánh xe hữu dụng.

Thông Trí tự nghĩ:

"- Thật là kỳ diệu! Gỗ vô tri cũng đẽo thành bánh xe hữu dụng cho con người. Vậy sao ta không tự đẽo, gọt những cái xấu xa, tà vạy cho tâm ta được hữu dụng như cái bánh xe?"

Nghĩ đến đây, tự dung Thông Trí chợt trao bát cho Tôn giả Xá-Lợi-Phất:

- Bạch thầy, thầy hãy đi bát giúp con.

- Sao vậy?

- Con muốn trở về!

Biết được tâm ý của đệ tử mình, Tôn giả cầm lấy bát trên tay của Thông Trí. Thông Trí chào lạy Tôn giả xong, quay lưng bước đi, còn quay lại dặn dò:

- Khi thầy đem thức ăn về cho con, xin thầy nhớ là con chỉ thích ăn những món thượng vị làm bằng cá hồng ngon nhất mà thôi!

- Ở đâu ta có thể kiếm được thứ ấy cho con?

- Nếu thầy không thể kiếm được do phước báu của thầy thì thầy có thể kiếm được do phước báu của con.

Tôn giả trao chìa khóa phòng rồi khẽ xoa đầu Thông Trí, bảo:

- Hãy đi vào phòng của ta mà hành thiền, không được ở ngoài các khe suối, các cội cây đâu nhé!

Sa-di Thông Trí vâng lời, rảo nhanh về liêu thất, đóng phòng lại, chú bắt đầu thiên quán, cương quyết phải đạt cho được quả vị A-La-Hán trong ngày hôm nay.

Tại cung trời Ba Mươi Ba, Đế Thích Thiên Vương tự nhiên cảm thấy ngại vàng rung động và nóng rực, Ngài đoán chắc rằng ở dưới trần gian có tâm ý hướng thượng của ai đó cực kỳ uy mãnh, làm cho phước đức thiên cung chao đảo. Khi dùng thần nhãn xem, Đế Thích biết rõ nguyện lực của chú sa-di nhỏ tuổi. Để hỗ trợ cho Thánh hạnh của chú mau thành tựu, Đế Thích bảo Thần Mặt Trời đi chậm lại; lệnh cho Tứ Thiên Vương tức khắc xuống trần đứng canh gác bốn góc ở tịnh xá Kỳ Viên, và phải đuổi muông thú, chim chóc đi nơi khác đừng gây một tiếng động nhỏ... Do vậy, buổi sáng hôm ấy tịnh xá Kỳ Viên yên tĩnh một cách lạ thường...

Tâm của sa-di Thông Trí nhờ chuyên nhất, nhờ an tịnh hỗ trợ, mới thời gian chưa đến buổi trưa, chú lần lượt chứng Nhập Lưu, Nhị Quả, Tam Quả...

Trong khi ấy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đi vào thành phố, ghé lại một thí chủ thân tín đã từ lâu chưa đến khát thực. Lạ lùng làm sao, khi họ mang ra dâng cúng thì đây cả một bát món ăn thượng vị làm bằng cá hồng! Tôn giả muốn để dành cho chú sa-di, hợp với sở thích của chú; nhưng gia chủ cứ khẩn khoản mong Ngài độ thực cho hết và sẽ có một bát thứ hai cũng đầy đủ thượng vị cá hồng như thế.

Khi dùng xong, Tôn giả nghĩ:

"- Buổi sáng, chú đã làm việc nhiều, chắc giờ đã đói bụng rồi!"

Bèn đứng dậy, nói lời chúc phúc với gia đình rồi ôm bát vật thực trở về.

* * *

Bậc Đạo Sư, khi ấy ở tại hương phòng, nghe trong không gian có điều khác lạ; hướng tâm đến, Ngài thấy Đế Thích như ông thần đứng canh cửa, Tứ Đại Thiên Vương như bốn ông tướng đứng gác bốn phương; và trong phòng của Xá-Lợi-Phất, sa-di Thông Trí đã đắc Tam Quả đang cương quyết đắc quả A-La-Hán. Rồi Đức Thế Tôn hướng tâm đến Xá-Lợi-Phất, biết ông thầy này thương đệ tử, đang trên đường trở về, ôm bát vật thực thượng vị bằng cá hồng mà không biết trời đã ngã chiều.

Đức Phật nghĩ:

"- Vì không hướng tâm đến nên Xá-Lợi-Phất không biết học trò của mình sắp đắc quả A-La-Hán. Nếu vì Xá-Lợi-Phất không biết, trong lúc này mà về gõ cửa thì sẽ trở ngại tiến trình đạo quả của chú sa-di. Vậy ta hãy đón đường Xá-Lợi-Phất ngay từ ngoài xa, hỏi vài câu về Tạng Luận."

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đang trên ngã rẽ về liêu thất thì gặp Đức Thế Tôn, Ngài liền dừng lại đánh lễ.

Đức Đạo Sư hỏi:

- Ông mang cái gì về đây?
- Bạch Đức Thế Tôn, "Sức nóng"
- "Sức nóng" sinh cái gì?
- Bạch Đức Thế Tôn! "Sức nóng" sinh "Sắc"
- "Sắc" sinh cái gì?
- Bạch Đức Thế Tôn! "Sắc" lại duyên "Xúc"
- "Xúc" sinh cái gì?
- Bạch Đức Thế Tôn! "Xúc" sinh "Thọ".³

Ngang đây, biết là Thông Trí đã đắc quả A-La-Hán, Đức Phật liền bảo:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Vậy thì ông hãy mang "Sức nóng" ấy vào cho chú sa-di của ông đi!

Tôn giả vâng lời, đi vào và gõ cửa. Sa-di Thông Trí bước ra, đôi mắt như tỏa hào quang, trân trọng đỡ lấy bát vật thực trên tay Tôn giả rồi để qua một bên. Chú lấy chiếc quạt thốt nốt, quỳ xuống và quạt mát cho Ngài.

Đức Xá-Lợi-Phất nói:

- Hãy ăn đi con! Đúng là một bát thượng vị bằng món cá hồng mà con ưa thích đây!

Thông Trí hỏi:

- Bạch thầy, còn thầy thì sao?

- Ta đã dùng xong rồi.

Sa-di Thông Trí sửa lại y áo cho ngay ngắn, ngồi xuống quán tưởng năm điều rồi thọ thực.

Thấy chú cẩn trọng nhai nuốt một cách biết mình, chẳng tỏ vẻ gì là say đắm món cá hồng yêu thích; Tôn giả hướng tâm đến, biết quả vị tối cao mà học trò mình đã đạt, Ngài âu yếm nói:

- Giỏi lắm! Con quả thật xứng đáng là một thiện gia nam tử ở trên đời!

Sa-di Thông Trí nhìn thầy, đôi mắt tỏa sáng, biểu hiện sự tri ân cao cả.

Khi đã ăn xong, rửa bát dọn dẹp, cất đặt đầu đó xong xuôi, Thông Trí đưa mắt nhìn ra ngoài trời. Mọi người ngạc nhiên làm sao, khi ấy mặt trời bắt đầu lặn, mặt trăng từ từ nhô lên! Ai có thần nhãn lúc ấy sẽ thấy giữa hư không, Tứ Thiên Vương rời bốn hướng canh gác, muôn chim trở về Kỳ Viên ca hát líu lo, Đế Thích Thiên Vương rời vị trí canh cửa, hóa vàng ánh sáng bay lên cõi trời Đao-Lợi.

Cả tịnh xá, chư phạm Tăng huyên náo hỏi han nhau:

- Hôm nay sao lạ vậy? Buổi sáng thì dài cả ngày còn buổi chiều thì trôi qua trong chớp mắt? Chú sa-di Thông Trí sao chỉ thích xơi món cá hồng? Rồi Bạc Tướng Quân Chánh Pháp - thầy của chú - sao lại mang về đúng một bát cá hồng thượng vị? Mà sao khi chú ấy đang dùng trưa thì đúng Ngọ? Dùng xong thì trăng đã lên? Thiệt là kỳ quái!

Một số tỳ-khưu và sa-di quây quần quanh Tôn giả Xá-Lợi-Phất mong được biết lý do.

Ngài nói:

- Này chư hiền! Đừng nôn nóng, đừng vội vã! Chỉ có Đức Thế Tôn là biết lúc nào phải thời để vén bức màn quá khứ ấy!

- Thừa vâng - một vị nói - nhưng Ngài chỉ cần cho chúng con vài lời tóm tắt cũng đủ.

Chẳng dùng được, Tôn giả Xá-Lợi-Phất bèn kể chuyện quá khứ cho họ nghe.

"- Vào thời Đức Phật Ca-Diếp, tại thành Ba-La-Nại có hai vợ chồng thật nghèo khổ, nghèo hết chỗ nói. Được một người bạn lành khuyên hóa, cả hai vợ chồng đồng tâm hợp lực làm công, mong kiếm được ít tiền để làm vật thực cúng dường cho một vị tỳ-khưu. Người chủ trì đi kêu gọi cổ phần quen bằng hai vợ chồng nên hai mươi ngàn vị tỳ-khưu đã được phân phối hết. Người nghèo khổ khóc lóc, đấm ngực, bứt tóc, xin cho bằng được một vị tỳ-khưu để cúng dường. Đức Thế Tôn Ca-Diếp biết tâm trong sạch, cao thượng của người nghèo khổ, nên phút cuối, Ngài trao bát cho anh ta. Thế rồi phước báu ấy được trở quả hiện tiền do nhờ sự tiếp sức, bắt tay của Trời Đế Thích: người nghèo khổ được nhà vua cho làm chức Đại Thủ quỹ, đầy đủ danh vọng và phú quý. Vị Đại Thủ quỹ cúng dường những món ăn thượng vị bằng loại cá hồng đến Đức Phật và hai mươi ngàn vị tỳ-khưu trong suốt bảy ngày. Mệnh chung kiếp ấy, y được hạnh phúc qua các cõi trời. Kiếp này y chính là Sa-di Thông Trí vậy.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất chấm dứt câu chuyện ngang đây, nhưng có vị hỏi tiếp:

- Bạch Ngài! Xin Ngài giải thích cho rõ hơn về nhân duyên món cá hồng?

- Đúng vậy! Không có gì là không có nhân duyên! Người nghèo khổ kia suốt đời ăn mắm muối giòi... ngay món cá hồng mà y nghĩ, may ra có phép lạ mới gặm được chút xương của nó. Trước khi cúng dường, người nghèo khổ gặp một người bán cá bên sông. Thấy tâm địa tốt lành của người nghèo khổ, người bán cá tặng cho y cả một xâu cá hồng. Mặc dầu đây là món cá cả đời mơ ước, y đã không dành lại cho mình chút gì, mà đem làm nhiều món ăn với tâm niệm sẽ dâng cúng hết.

- Thật là cao thượng - một vị tỳ-khưu thốt lên.

Nghĩ là phải thời để giáo giới vài điều đến Tăng chúng, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Nay chư hiền! Nhân quả xưa nay là vậy. Ngay một thói quen nhỏ nhất, một sở thích riêng tư hiện tại nơi chư hiền cũng không phải là điều ngẫu nhiên, nhất thời! Nó tồn tại, tương duyên, liên tục từ kiếp này sang kiếp khác; nó len sâu, ẩn kín trong dòng nghiệp, tương như vô hình nhưng nó tích cực tác động thân hành, khẩu hành, ý hành một cách rất vi tế và rất cụ thể. Như sở thích, mơ ước món cá hồng, qua hàng triệu năm sau mà dường như vẫn còn nguyên vẹn sở thích, đeo níu ấy! Ngoài ra, một chút gieo duyên với Phật Đạo, với Đức Thế Tôn, bao giờ cũng là cơ may ngàn đời hy hữu: trước sau gì cũng nếm được Đạo Quả Vô Sanh Bất Diệt!

Tăng chúng tán thán:

- Quả thật là hy hữu! Quả thật là kỳ diệu!

Thấy Tăng chúng còn một vài thắc mắc về những hiện tượng xảy ra trong ngày, Tôn giả Xá-Lợi-Phất bèn kể cho họ nghe. Vì phước báu của chú sa-di Thông Trí đã khiến cho thí chủ cúng dường món cá hồng. Vì quyết tâm chứng đạo quả cao nhất trong ngày của sa-di Thông Trí mà Đệ Thích phải nóng nực, phải hiện xuống trần để giúp đỡ. Rồi Đức Phật cũng phải đích thân rời hương phòng đến hỗ trợ cho sa-di Thông Trí ra sao, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhất nhất thuật lại.

Một số tỳ-khuru sau câu chuyện và sau lời giáo giới ấy, họ thấy biết như sau: "A! Thân này được tập khởi như vậy, bởi thói quen, kinh nghiệm, tâm niệm như vậy mà tạo nên những cá tính riêng, mẫu người riêng biệt. Những giới cấm của Đức Đạo Sư là nhằm ngăn chặn những vọng động như vậy. Nhân như vậy thì đưa đến quả như vậy. Thấy rõ vọng động, làm yên lặng những vọng động thì giải thoát, an vui tối thượng chắc chắn sẽ đến như vậy..."

Nhờ tư duy đúng, họ không còn hoài nghi về con đường và cứu cánh. Một vài vị chứng quả Tư-Đà-Hàm, A-Na-Hàm, rất đông vị khác chứng quả Thất Lai!

---o0o---

Với chúng Sa-di

Kỳ Viên tịnh xá lúc này đã đến năm ngàn thầy tỳ-khuru. Tất cả mọi liêu thất đã chật chỗ. Các vị Đại Trưởng lão và môn đệ đều phải tuần tự thay nhau tản

mác quanh các khu rừng và làng mạc kế cận, vừa giảm được nhân số vừa gần gũi Đức Thế Tôn để hằng ngày thính pháp.

Riêng hai vị Đại Thượng Thủ thì rất bận rộn công việc. Vừa thay mặt Đức Đạo Sư thuyết pháp, vừa giải quyết vấn đề Tăng sự đây đó, vừa cắt đặt các công việc trong ngoài liên quan đến Giáo Hội, cận sự nam nữ. Chuyện thường xuyên bức xúc nhất là trật tự, kỷ cương trong đời sống, sinh hoạt tịnh xá. Dầu quan tâm bao nhiêu vẫn không tránh khỏi những đáng tiếc xảy ra, giữa một tập thể, mà sự ràng buộc với nhau chỉ có tình thương và tinh thần kỷ luật tự giác!

Tăng chúng quá đông, thế là phượng hoàng ở lẫn với gà, ngọc vàng lẫn lộn giữa bụi cát. Cả hàng ngàn tỳ-khuru và sa-di còn quá nhiều phạm tính, chưa được thuần thục trong Giáo Pháp, chính họ là thủ phạm làm xáo trộn nếp sống yên ả, thanh bình. Có nhiều nhóm đôi khi vì một gốc cây, một chỗ nghỉ mà sinh ra tranh giành, ẩu đả, chửi mắng nhau. Nhiều vị do ích kỷ, biếng nhác, ăn và chơi, không chịu sò mó công việc, không chịu tu tập mà chỉ mong chiếm tiện nghi, thủ lợi riêng cho mình, ai sống chết mặc ai! Có nhiều vị Thánh Tăng khiêm tốn, vô tranh, từ hòa đã phải lặng lẽ bỏ vào rừng sâu...

Ngay ở đây, tại bệnh xá trung tâm này mà vẫn còn nhiều thầy tỳ-khuru khai lão bệnh để được ăn vật thực của người bệnh; thu dẫu sữa, mật ong, tích trữ thuốc v.v... Nhiều thầy tỳ-khuru hiền lành, khiêm tốn, ít nói, thiếu thốn mọi thứ mà chẳng ai biết để san sẻ. Đã có trường hợp đáng tiếc là một thầy tỳ-khuru bị bệnh mụn nhọt, lở loét, hôi hám, dơ dáy... đã bị ai đó quăng vào bìa rừng một đêm. Sáng ngày, chính Đức Đạo Sư đã sai mang vào phòng giữ lửa, chính Ngài đích thân nấu nước sôi, tắm khăn ẩm lau sạch thân thể cho người bệnh. Sai người giặt y ngoại phơi khô, lấy y ngoại đắp, giặt y nội phơi khô... Vị tỳ-khuru bất hạnh này cuối cùng lại được diễm phúc: Đức Thế Tôn đã thuyết một thời Pháp, vị ấy đắc quả A-La-Hán và Niết Bàn ngay tại chỗ.

Những sơ sót ấy là do hai vị Đại Đệ Tử đi vắng và các vị Đại Trưởng lão bận Phật sự ở bên ngoài. Người có khả năng nắm rõ tất cả mọi tình hình, tình huống trong tịnh xá là sa-di La-Hầu-La - con trai yêu quý của Đức Thế Tôn. La-Hầu-La có đời sống kỷ luật tự giác, nghiêm túc nhất mà Tôn giả Xá-Lợi-Phất được biết. Ngoại trừ những lúc đi vào làng, vào thành phố, vào rừng để trị bình khát thực và thiên định, còn những khi ở tịnh xá, La-Hầu-La là cánh tay phải đắc lực nhất cho Tôn giả.

Đức Tôn Sư bảo Tôn giả Xá-Lợi-Phất làm lễ xuất gia sa-di cho La-Hầu-La lúc bảy tuổi. Từ bấy đến nay, La-Hầu-La được mọi người kính trọng, yêu mến vì hạnh kiểm, vì tư cách cùng những phẩm chất cao quý khác. Sa-di La-Hầu-La học hành rất quyết tâm, thiên định rất tinh tấn, chăm lo mọi việc trong tịnh xá rất chu đáo, quán xuyên...; và chưa bao giờ ý thế mình là con Phật!

Thời gian đầu, nhiều vị tỳ-khưu muốn thử La-Hầu-La bằng cách quăng rác, xả rác bừa bộn chỗ nào La-Hầu-La đi qua rồi đổ lỗi cho chú. Không nói không rằng, lặng lẽ mười lần như một, La-Hầu-La đều thu dọn, quét tước sạch sẽ. Từ đây họ kính trọng La-Hầu-La và không dám làm thế nữa.

* * *

Sáng hôm ấy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất bị cảm nhẹ, tuy thế, sửa lại y áo, Ngài định bước đi thì La-Hầu-La cũng vừa tới.

La-Hầu-La cung kính đánh lễ. Tôn giả thân ái nắm tay chú bước vào phòng.

- Bạch thầy! Thầy có được khỏe không?

- Dường như ta bị cảm nhẹ.

- Tay thầy nóng, có lẽ bị sốt đấy.

- Nó chỉ như gió thoảng, không sao đâu.

Thấy La-Hầu-La cứ chắp tay, ngần ngừ, Ngài hỏi:

- Con có gì cứ trình bày, đừng ngại!

- Bạch thầy! Con đã không quán niệm hơi thở theo lời thầy dạy mà con đã quán niệm sự vận hành vô ngã của ngũ uẩn!

- Chắc có lý do chính đáng chứ?

- Thưa vâng! Hôm đó con đi khất thực theo chân Đức Thế Tôn, ở sau, con chiêm ngưỡng Ngài và ý nghĩ sau đây phát sinh: "Cha ta, Đức Thế Tôn, có phong độ oai nghiêm đáng quý trọng xiết bao! Coi kìa! Dáng dấp của Ngài như thốt tượng chúa uy nghi, đĩnh đạc... như một chúa thiên nga bơi lội trên

mặt hồ cung điện cõi trời! Cha ta, Đức Thế Tôn, thuộc giòng dõi quý tộc, vương giả cao sang, từ ngai vàng, điện ngọc mà bước ra! Ôi! Cha ta, Đức Thế Tôn, có thân hình đẹp đẽ, thế gian này không ai bằng được!" Nghĩ thế xong, ngắm lại mình, con cũng hãnh diện vô cùng: "Ta cũng đẹp đẽ như Đức Thế Tôn, cha ta. Thân hình Đức Thế Tôn đẹp đẽ và thân hình ta cũng vậy."

La-Hầu-La nói tiếp:

- Bạch thầy! Đức Thế Tôn đọc được ý nghĩ trong tâm của con nên Ngài dạy: "Này La-Hầu-La! Bất luận thân hình đẹp đẽ hay xấu xa, cũng phải được quán xét như vậy: cái này không phải là ta, cái này không phải của ta, cái này không phải là tự ngã của ta!"

Lúc ấy con hỏi: "Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ có hình thể này, sắc thân này được quán xét như vậy hay còn gì khác nữa?" Đức Thế Tôn đáp: "Không những sắc, mà thọ, tưởng, hành, thức cũng đều phải được quán xét như vậy."

Con liền nghĩ: "Ai có thể, hôm nay, được Đức Đạo Sư trực tiếp giảng dạy như vậy mà lại có thể ôm bát đi trì bình?" Thế rồi con lui về tịnh xá, tìm một cội cây, ngồi kiết già và bắt đầu thiền quán. Chính lúc ấy là lúc thầy đi ngang, thầy dạy con về pháp Quán Niệm Hơi Thở!

- Giỏi lắm! Đây không phải là lỗi ở con mà lỗi ở ta. Ta vui mừng với con mới phải!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đứng dậy, choáng váng mặt mày, phải vịn vai La-Hầu-La.

- Thầy định đi đâu?

- Ta định đi một vòng quanh tịnh xá, xem thử đây đó ra sao.

La-Hầu-La cười:

- Thầy yên tâm! Lúc này, tất cả mọi nơi đều sạch sẽ, ngăn nắp, thơm mát.

- Là do con phải không? Con lo công việc nhiều quá sẽ bỏ bê sự học đây!

La-Hầu-La dìu Tôn giả ngồi xuống trở lại, nói rằng:

- Lúc trước, cứ mỗi buổi sáng, con nắm một nắm cát và nguyện rằng, ngày hôm nay phải học nhiều như nắm cát này. Bây giờ thì không thể như vậy nữa. Chư Tăng ngày càng đông, Giáo Hội Tỳ-khưu Ni cũng vậy. Các quan đại thần, Đức Vua Pasenadi, các tướng quân Licchavi, các đại thí chủ lui tới nườm nượp hỏi đạo Đức Tôn Sư. Thế là công việc ở tịnh xá càng lúc càng bề bộn và phức tạp. Và chẳng, không học được lý nghĩa nơi Kinh, Luật, Luận thì con học sự nhẫn nại, siêng năng, chịu khó, lòng bao dung, tâm từ ái, hỷ xả... trong các công việc chân tay.

Buổi sáng, trước và sau giờ đi khất thực, con và các sa-di khác họp bàn nhau để làm tất cả mọi công việc. Có một số sa-di được các Trưởng lão mang từ đâu đó về, thả xuống đây, họ còn lóc chóc, phá phách, hoang nghịch lắm. May mắn làm sao, mấy lúc này, có mấy Tôn giả sa-di xuất hiện, cáng đáng, giúp đỡ chúng con rất nhiều việc.

- Các Tôn giả sa-di? - Ngài Xá-Lợi-Phất ngạc nhiên nói - Thật là ta mới nghe lần đầu! Ý con muốn nói những vị sa-di A-La-Hán đã được Đức Thế Tôn tuyên dương trước đại chúng?

- Không phải các Tôn giả ấy! Tôn giả sa-di Thông Trí từ hôm đắc quả Thánh tối cao đến giờ Ngài thường đi hóa độ phương xa. Tôn giả sa-di Upatissa lại thích sống mãi ở khu rừng sâu ấy. Hai vị Tôn giả mà con muốn nói đây là hai Tôn giả một mắt: vị bị cái quạt đâm, vị bị cái que đâm từ lúc mới sanh!

- Ta biết chứ! Nhưng hai vị ấy hiện giờ đâu có rảnh rỗi gì! Vị nào cũng có một số đệ tử cần phải giáo giới!

- Đúng thế! Có lẽ các Ngài ấy bận việc lắm, tuy nhiên, các Ngài đã xuất hiện rất lạ lùng. Cứ hễ lúc nào công việc bề bộn nhất, các Ngài lại có mặt, giúp đỡ chúng con rất chu đáo, chóng vánh, xong xuôi họ đi đâu con cũng không rõ.

- Là những nhân cách tối thượng đấy con ạ! Họ tu đã rất nhiều đời kiếp. Cả hai vị ấy đều xuất gia lúc bảy tuổi. Và kỳ lạ thay! Họ đều chứng quả A-La-Hán cùng với những thắng trí khi dao cạo tóc vừa mới chạm đầu!

- Thật lạ lùng làm sao! Chúng con ngưỡng mộ hai Tôn giả ấy! Khi có hai cái đầu và bốn cánh tay của hai Ngài thì Kỳ Viên tịnh xá ngấn nấp, gợn gàng đâu ra đó như một phép lạ. À, thầy có thể kể đầy đủ nhân quả tu tập của hai vị cho con nghe được không?

- Được chứ! Nhưng những công việc sáng nay thì sao?

- Thưa, các người phụ trách chỗ này chỗ kia đã được cắt đặt, phân công xong xuôi.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất ngạc nhiên nói:

- Lạ nhỉ! Ta mới đi xa có năm, bảy hôm, mà ở đây, con và chúng sa-di đã thay ta làm tốt các công việc hơn cả ta nữa đấy! À, coi nào! con cắt đặt, phân công như thế nào, nói thử cho ta nghe xem.

- Thưa vâng! La-Hầu-La vui vẻ mau mắn đáp - Nơi bệnh xá lúc này có một số tỳ-khuru ở Komsabi, Vesàli về, đường xa nên ngã bệnh. Họ bị sốt rét, tả lỵ hoặc thương hàn hạ. Hôm kia, Đại Đức Mục-Kiên-Liên đến thăm viếng, ủy lạo, an ủi và sách tấn tinh thần. Khi đi, Ngài khuyến khích năm thầy tỳ-khuru trẻ ở lại, nhiệt tình chăm sóc cho người bệnh. Còn chuyện cơm nước, thuốc men, ông Cấp Cô Độc vẫn thường cho người cung cấp rất chu đáo. Nhưng mà việc quét bệnh xá, khử trùng, phơi giặt y áo, đồ các ống bơ... cùng nhiều việc tạp dịch linh tinh khác nhóm sa-di chúng con tình nguyện thêm năm người phụ việc.

- Lành thay! Các con tốt quá! Ta rất cảm động! Ta rất cảm ơn các con!

- Nơi Tăng xá, nơi chỗ Chư Tăng ở và đi thì thật là lộn xộn. Biết bao nhiêu là việc về giường hư, gối bẩn, mùng mền rách và dơ. Chúng con ba, bốn người làm không xuể. Ngài Đại Ca-Điếp thấy tội nghiệp nên đã cắt đặt thêm cho bốn vị tỳ-khuru trẻ nữa!

- Hay lắm!

- Còn Đại Giảng Đường mênh mông thì công việc cũng mênh mông. Ngay chỗ thuyết pháp của Đức Tôn Sư, bao giờ cũng có cả rừng hoa tươi, hoa héo lẫn lộn nhau, lại có cả một số hoa đã mũn ra. Nơi mấy chỗ lò trầm lúc nào cũng vấy bẩn tàn tro, cái cháy, cái không cháy rơi rớt xung quanh. Hàng ngàn tọa cụ, hàng trăm chiếc chiếu đủ loại, đủ cỡ bừa bộn, linh kính nằm một đồng chỗ này, nằm một đồng chỗ kia, xâm chiếm cả các hành lang. Ngay việc sắp xếp, quét dọn vào mỗi buổi sáng thôi, mười người cũng không lo xuể. Tội nghiệp cho Tôn giả Ànanda đầu tắt mặt tối ở đây cùng với

bảy, tám đệ tử của Ngài nữa. Cách đây hai hôm, chúng con có thêm mười sa-di tình nguyện vào phụ giúp công việc hàng ngày ở Đại giảng đường.

- Rất tốt.

- Ngoài hương phòng của Đức Tôn Sư, Ngài Ananda thường cử một vị tỳ-khưu lanh lẹ, có ý tứ nhưng chúng con vẫn phụ thêm một sa-di quét dọn cho sạch sẽ đường đi kinh hành và phạm vi khu rừng xung quanh.

- Đúng rồi!

- Nơi phòng tắm công cộng, nhà tiêu công cộng, phòng giữ lửa... bao giờ cũng có túc trực sẵn một số sa-di.

- Chu đáo lắm!

- Nơi phòng tiếp tân cũng rất bề bộn công việc. Cứ phái đoàn này đi thì phái đoàn khác đến. Tôn giả Ananda thường trực cho mấy vị tỳ-khưu nói năng văn vẻ, khiêm cung, lịch thiệp để tiếp khách. Dầu là vua chúa, các quan đại thần, tướng quân, đại triệu phú, giáo chủ các tôn giáo bạn, du sĩ, đạo sĩ hành cước v.v... bất cứ ai muốn gặp Đức Thế Tôn hoặc vị nào đều phải sang đây trước đã. Ở đây, sa-di chúng con tình nguyện thêm bốn người thay nhau làm vệ sinh, dẫn khách, tiếp nước...

-Tốt!

- Còn nữa! Nơi chỗ ngoài và trong khuôn viên tịnh xá, bao giờ cũng có mấy trăm kẻ tàn thực, họ làm vậy bản, phức tạp, ô uế đủ mọi thứ. Trước đây thầy có cất cử một số các vị tỳ-khưu và sa-di ở đây nhưng lần lượt họ bỏ đi hết, chỉ còn vài sa-di làm không hết việc. Bọn tàn thực họ đi lung tung, xả uế lung tung, nhưng nay thì chúng con đã ngăn giữ họ lại, quy định họ vào một chỗ. Các thầy tỳ-khưu dùng ngọ xong ở đâu đó, đi ngang có thể cho họ vật thực thừa.

- Trưởng giả Cấp Cô Độc đã mấy lần quy họ về trại tế bản, trại chẩn bản...

- Bạch thầy, họ kiêu chác cả hai nơi. Họ trốn ra ngoài mọi chỗ ở.

- Thật đáng xót thương cho tâm địa của họ!

- Bạch thầy! Xót thương thì cũng đáng xót thương nhưng rõ ràng tâm sao thì cảnh vậy. Địa ngục và ngạ quỷ có sẵn trong tâm họ, cả A-tu-la nữa, nên họ đi đâu thì mang cảnh giới ấy đến đó. án no rồi thì sinh chúng trộm cắp, đánh đập, chửi mắng nhau... kéo ra sông, ra rừng mà đú đờn, rừng mỡ, cười cợt, khóc lóc, nhảy nhót, luôn luôn than khổ, luôn luôn than đói... Rõ ràng là chúng không bao giờ biết đủ!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất liền từ nói:

- Chúng mà biết đủ thì làm sao có bốn con đường khổ hử con?

- Thưa vâng! Thật phải kham nhẫn, đại từ mới tiếp xúc được với họ. Cho họ ăn uống, y phục, thuốc men... mà họ vẫn cứ chửi mắng, vẫn nói xấu, vẫn ganh ghét, vẫn chúng nào tật nấy...

- Thôi con! Hãy chịu khó! À, còn những người phụ trách công việc, vật thực buổi trưa, ai lo? Phương cách của ta: "người đi hai bát nuôi một người làm việc" còn được áp dụng không?

- Thưa vâng, vẫn còn áp dụng. Các Tôn giả Đại Ca-Diếp, Đại Mục-Kiền-Liên, Ânanda ... cũng dạy đệ tử các Ngài phương cách ấy.

- Rất tốt, tốt lắm! - Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói tiếp - Không những chúng ta bận rộn nhiều công việc mà các Ngài Trưởng lão khác cũng thế. Con biết sao không? Giáo Pháp của Đức Tôn Sư đã phát triển ra rất nhiều quốc độ. Cả hàng ngàn, hàng ngàn am thất của tỳ-khưu và tỳ-khưu ni mọc lên như nấm khắp các thành phố, thị trấn, làng mạc... khi mà Giáo Hội lớn mạnh chừng nào, phát triển chừng nào thì những tệ trạng, phức tạp, xấu xa càng phát sanh chừng đó. ắt hôm nữa, ta lại phải đi xa để giải quyết một vài việc bất hòa giữa Tăng chúng.

Lặng lẽ nhìn thầy với lòng thương xót vô hạn, La-Hầu-La nói:

- Bạch thầy, thầy còn đang ốm.

- Không sao!

- Trưa nay thầy đừng đi khát thực nữa. Chúng đệ tử xin được cúng dường.

- Không sao đâu con, ta dự định nhịn ăn vài bữa, khỏe hẳn rồi sẽ lên đường.

La-Hầu-La nói:

- Thầy thường làm vậy nên con không dám cản. Nhưng khi nào khỏe, thầy hãy kể cho chúng con nghe về hai vị Tôn giả sa-di. Tăng chúng truyền miệng với nhau, chấp đầu này, vá đầu kia, chúng con không biết đâu là sự thực.

- Bây giờ vẫn còn sớm, con hãy đi một vòng, ai xong việc thì con quy tụ về đây, ngoài rừng cây, ta sẽ kể chuyện cho chúng sa-di cùng nghe.

La-Hầu-La vâng mệnh, đánh lễ Tôn giả rồi bước đi. Ngài cũng muốn dạo một vòng, xem thử công việc đây đó thực tế nó hoàn mãn đến mức nào.

Giờ ấy là giờ Chư Tăng lác đác rời am thất đi trì bình. Trông những bóng vàng thấp thoáng giữa rừng cây thật là đẹp, thật là thanh bình, thật là thiên vị. Ngài đưa mắt nhìn: đâu đó đều sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng. Rác khô, lá khô được tấp lại thành đống, đốt lên, khói lan tỏa, nhẹ nhàng rồi trộn lẫn trong sương mù. Cốc liêu nửa ẩn, nửa hiện giữa màu xanh điệp trùng, nối nhau vắt qua sườn đồi thoải thoải, qua các triền đá, xuống suối - đúng là dáng dấp một con Rồng nằm lấp ló trong mây!

Đến một khúc đường quanh, thấy có một nhóm sa-di, sau công việc, đang còn nắm trên tay những cây chổi bằng lá chà là: họ đang tụ tập và tranh luận nhau về một đề tài nào đó, Tôn giả ngồi xuống nơi một tảng đá, khuất sau cội cây cổ thụ, lắng nghe.

Một tiếng nói:

- Quét rác cũng tu tập! Thầy tôi, Bạc Tướng Quân Chánh Pháp dạy như vậy.

- Bạn đưa Bạc Tướng Quân Chánh Pháp ra mà dọa thì ai chịu thối? Nhưng "nghe nhiều, học rộng" không phải là tu tập sao?

- Ai cũng không biết bạn là học trò cung của Tôn giả Ananda mà lại đánh trống thổi kèn lên như thế!

- Sống đời trì bình khát thực, thực hành một đến mười ba pháp Đầu Đà là tu tập một cách đại cao thượng chứ?

- Ai mà không biết thế, ông bạn tiểu Đại Ca-Diếp! Vậy bạn tu được mấy pháp Đầu Đà nào?

- Vì tôi còn nhỏ, ngày nào cũng "đuổi quạ", gánh nước, quét rác miết - biết làm sao được!

- Thế là tu đấy, mà lại tu giỏi nữa, đừng lo, ông bạn tiểu Đầu Đà ạ!

- Phải thông thuộc Tạng Luận, các bạn nên nhớ như vậy! Tạng Luận mới "siêu" chứ!

- Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên vừa thông suốt Tạng Luận, vừa có cả Đại Thần Thông, là đệ tử của Ngài, bạn có được mấy Tạng, mấy thông hử?

- Anh em đừng có nhạo nhau nghe, nhạo nhau là không tốt đâu đấy. Đừng bắt chước bọn sa-di vừa mới tới mà hư hỏng đó nghe!

- Thôi, xin lỗi, thành thật xin lỗi!

- Xin lỗi không được đâu, phải sám hối kia!

- Sám hối thì sám hối, có sao đâu! Sa-di huynh trưởng của tôi, La-Hầu-La, còn thực hành những hạnh khó làm hơn vậy nữa kia!

- Phải thông luật nữa, các bạn! Không biết luật thì làm sao gọi là tu? Giới mới sinh Định, Định mới sinh Tuệ mà!

- Không sai! Ngài Ưu-Bà-Li con!

Có một giọng lớn tiếng, át tất cả:

- Này các bạn! Các bạn nói đúng cả đấy. Về phương diện tu tập nào, nếu được thực hành tốt thì Đức Thế Tôn, Bạc Tướng Quân Chánh Pháp, Đại Mục-Kiền-Liên đều tán thán, sách tấn, ca ngợi cả! Nhưng các bạn nói chưa hay! Làm sao các bạn nói về cách tu của mình một cách có hình ảnh cụ thể, sống động, nó mới tuyệt cú mèo!

- Thế nào là hình ảnh cụ thể hả?

- Thế nào là sống động, tuyệt cú mèo hả?

- Ví như tôi nói đây nhé! Tu là như nhảy xuống sông mà bơi, thế rồi hai tay cứ quẫy miết, hai chân cứ đạp miết, thế là có ngày sang được Bờ Bên Kia! Bờ bên kia là cái gì nhỉ - cái gì mà Bạc Tướng Quân Chánh Pháp hay nói đấy? Cái gì hở ông bạn Tạng Luận?

- Pàramì (đến bờ kia)

- Cao hơn nữa kia!

- Upapàramì (đến bờ trên)

- Hơn chút nữa!

- Paramatthapàramì (đến bờ rất ráo, cao thượng)

- Đúng đấy! Đúng cái chữ ấy đấy!

Một tiếng cười ha hả:

- Cứ quẫy miết, cứ bơi miết; nếu bạn không chết chìm thì có lẽ bạn sẽ sang được bên kia sông Hằng, nhưng đến được cái Paramatthapàramì thì còn lâu!

Mọi người thấy đều im lặng. Cái ví dụ có hình ảnh sông động bơi qua bờ thì rất hay - nhưng người hỏi ngược lại - thì cũng chẳng có ai cãi được!

- Vậy bạn thì sao nào? Đừng đứng đó mà cười người ta!

Người kia vẫn còn cười, đáp:

- Tôi ấy à? Tôi có cách tu của tôi! Cũng có hình ảnh lắm, cụ thể lắm, chẳng thua gì bạn đâu!

- Nói đi, ông bạn thân yêu!

- Thì nói, này nhé! Tôi tu như kiểu bắn chim vậy!

- Cũng kỳ đấy, nói nghe coi!

- Tu như bắn chim nghĩa là cái cung cho tốt, mũi tên cho tốt, mắt nhắm cho trúng, thế là chim rơi!

- Gì là cung tên? gì là mắt nhắm? gì là con chim? Phải giải thích cho rành rỗi chứ?

- Con chim là Niết Bàn, thừa chư hiền! Cung tên là Giới Định, nhắm mắt cho trúng là Trí Tuệ, thừa chư hiền! Muốn đến Niết Bàn mà không đi theo lộ trình Giới, Định, Tuệ thì đi bằng gì? Các bạn cứ cãi đi nào?

- Chịu, nói vậy thì đủ cả Tam Tạng, chẳng ai mà cãi nổi!

Chợt một giọng cười hề hề cất lên:

- Rằng hay thì thật là hay, nhưng nghe ra như thể một tay học mò!

- Ngon nhỉ! Nhưng tại sao bạn bảo tôi là học mò?

- Có gì đâu! Học mò là học chưa sáng, chưa thông! Nếu bạn bảo bạn sáng, bạn thông thì thử giảng về Giới Định Tuệ một cách nghiêm túc, thấu đáo, rõ ràng nghe coi nào?

Im lặng một lát, vị kia chợt xuống giọng:

- Đúng vậy! Bạn nói đúng! Tôi nói cái lỗ miệng chơi thôi! Không giảng nổi đâu! Tôi rất "gà mò" là khác!

- Thế anh bạn kia! Bạn bác bẻ người ta thì hay; còn bạn, bạn tu ra sao?

- Tôi ấy à? Tôi có một phương pháp siêu tuyệt mà lại rất đơn giản: tôi tu theo kiểu bắt đé đẩy các bạn!

- Bắt đé?

- Phải, như bắt đé vậy thôi!

Mọi người châu quanh, trố mắt ngạc nhiên. Vị sa-di kia nói:

- Hãy lại đây xem, các bạn!

Nói xong, vị sa-di kia dẫn mọi người đến bên một mô đất. Họ lom khom nhìn vào các hang lỗ. Vị sa-di nhanh tay lấy đất bịt chặt mấy lỗ, còn chừa sáu lỗ, rồi nói:

- Trong sáu lỗ này, không biết cơ man nào là đé. Các bạn muốn bắt chúng thì phải làm sao nào?

- Dễ ợt, lấy lửa mà đốt!

- Bạn nói vậy là sai rồi, là sát sanh rồi!

- Vậy lấy nước được không? Ngộ nước là chúng bò ra ngay!

- Sẽ có con chết ngộ, ông bạn!

- Chịu thôi!

- Vậy xem đây!

Vị sa-di lấy đất bịt chặt năm lỗ, chỉ chừa một lỗ, rồi chú lấy tay vỗ mạnh lên đất xung quanh hang đé. Mọi người thấy vui bèn vỗ theo. Một lát có một con thập thò, lộ ra, nhúc nhích mấy sợi râu rồi bỏ chạy. Các con khác từ từ chạy ra theo.

Vị sa-di vừa reo cười vừa đếm: Một con, hai con, ba con... Chú nâu, chú xám, chú đỏ, chú to, chú nhỏ, chú vừa... Tất cả đều được thấy rõ, ghi nhận rõ...

- Bạn nói gì vậy? Tại sao không bắt mà lại ghi nhận?

- Hãy nghe đây, thưa chư hiền! Bắt đé chính là phép Tu Tuệ Quán mà thầy tôi, Bạc Tướng Quân Chánh Pháp thường dạy. Sáu lỗ đé tượng trưng cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bịt chặt năm căn, chỉ còn chừa lại một căn ý mà thôi! Ý căn cũng là nhận thức, nó quan sát luôn cả ý căn. Khi hành Tuệ Quán, quan sát như thể, ý thì những tâm niệm của chúng ta tựa như những con đé... tham, sân, si, mạn, nghi,... gì đó đi ngang qua ý căn đều phải được nhìn ngắm, đều phải được thấy rõ. Thấy rõ, nhận biết thôi... chứ không được chụp bắt con đé nào cả! Thưa chư hiền! Chụp bắt chính là chấp thủ. Vậy hãy tha thứ cho nó, buông xả chúng đi. Khi ấy thì cả bọn, cả lũ họ hàng

nhà dế lâu đời lâu kiếp ở trong tâm chúng ta... đều phải ra ngoài mà đi chơi chỗ khác hết! Vậy là hết dế, vậy là giải thoát! Có phải thế không?

Các chú sa-di ngỡ ngác, trở mắt nhìn ông Pháp sư tí hon. Rõ ràng là trò bắt dế này hay quá, ấn tượng quá. Họ không biết là có chỗ nào sai trong lối diễn giảng ấy không nhưng ai cũng lãnh hội được ý nghĩa.

Chợt một sa-di đưa ra một câu hỏi cắc cớ:

- Vậy thì cái vỗ, cái đập ấy là gì?

Mọi người chăm chăm nhìn vào vị Pháp sư chờ câu trả lời, nhưng vị sa-di nhăn nhó đưa tay gãi gãi đầu, không đáp được!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Thật là may mắn cho Giáo Pháp! Thật là triển vọng thay cho Giáo Pháp! Đây là thế hệ kế thừa rất trẻ trung, rất sáng tạo về ngữ nghĩa, về ví dụ, về ẩn dụ. Chính nhờ thế hệ này mà sau này Giáo Pháp sẽ phong phú, đa dạng, nhiều màu sắc hơn. Qua câu chuyện này, ta càng xác tín được một điều, là có nhiều căn cơ rất dễ nhạy bén về trí tuệ chứ không phải chỉ có một vài trường hợp biệt lệ. Lại nữa, tâm hồn họ rất trong sáng, chưa bị bụi đời vấy nhiễm, chưa bị dính mắc bởi những kinh nghiệm, thói quen, tập quán thế tục. Vậy đối với thế hệ đồng chân xuất gia này, người thầy phải biết hướng dẫn, phải biết tôn quý, cẩn trọng, sáng suốt, cảm thông và thương yêu! Họ sẽ là những đóa hoa sen tinh khiết tô thắm cho tượng đài Tam Bảo trong mai hậu."

Tôn giả từ từ bước ra. Các chú sa-di thấy Ngài, hoảng sợ quá, đồng quỳ lạy.

Tôn giả mỉm cười, đến xoa đầu vài chú sa-di rồi vui vẻ ngồi xuống bên cạnh mấy hang dế.

- Câu chuyện giữa các con với nhau thật là tuyệt vời - Ngài chậm rãi nói - Từ chuyện quét rác, kinh luật đến chuyện bơi qua sông, bắn chim, bắt dế... tất cả đều tuyệt vời! Ta đã học được nơi các con rất nhiều điều đấy! Ôi! Các con của ta thật ngoan ngoãn, thông minh, dí dỏm, thực tu, thực học - thật là tuyệt vời!

Các chú sa-di tưởng là sẽ bị la rầy, không ngờ lại được khen ngợi hết mình; mà người khen ngợi họ lại là Bậc Tướng Quân Chánh Pháp, bậc lãnh đạo uy nghiêm, bậc vua chúa chưa chắc đã dám gần, bậc mà chính các vị Thượng Tọa niên cao, lập lớn thấy Ngài cũng run sợ, bậc mà ngay các giáo chủ ngoại đạo gặp mặt đã bị khớp tinh thần, cho nên họ vô cùng sung sướng, trở mắt, hểnh mũi ra!

Ngài âu yếm nói:

- Cái trò bắt đé này hay lắm đấy! Hồi nãy, ai trong các con đưa ra câu hỏi hóc búa là: "cái vỗ, cái đập - ấy là gì?" làm cho ta cũng phải suy nghĩ đến nát cả óc!

Các chú đồng cười reo:

- Bậc Tướng Quân Chánh Pháp mà cũng nát cả óc à? Hay quá nhỉ!

Ngài cười xòa:

- Phải nát óc chứ! Nát óc một hồi mới nghĩ ra được chứ dễ đâu!

- Tuyệt vời, bộ óc của Ngài mới tuyệt vời làm sao!

- Ngài hãy giảng cho chúng con nghe!

- Này nhé, các con! - Ngài cất giọng lớn hơn một tí - Tu Tuệ Quán là như vậy đấy. Hãy bịt chặt năm căn, chừa lại một căn là ý căn để quan sát. Hãy quan sát các tâm niệm như người đứng canh cửa vậy, cứ ngồi nhìn và điếm mặt: à đây là đé lửa, đé mèn, đé choai choai, đé lóc nhóc... Tất cả họ hàng nhà đé đều phải được ghi nhận một cách rõ ràng.

Một chú chọt hỏi:

- Vậy cái vỗ, cái đập là gì, bạch thầy?

- À, vỗ, đập là những động tác kích thích. Bất kỳ một pháp nào mang năng lực tác động, hỗ trợ, kích động, lay động... làm cho các thiện pháp tăng trưởng, làm cho tâm càng ngày càng được trong sáng, vắng lặng... thì nó chính là cái vỗ, cái đập ấy!

- Hay quá! Đúng quá!

Một chú có vẻ nghĩ ngợi rồi vòng tay nói:

- Bạch thầy! Biết sợ hãi những ý nghĩ xấu ác thì đây có phải là cái võ, cái đập ấy không?

- Đúng lắm! Ngài tán thán - con thật là giỏi, đã thấy rõ cái năng lực hỗ trợ ấy!

Vị sa-di khác cũng không chịu thua:

- Bạch thầy! Phải siêng năng công việc, đừng ăn no quá, đừng ngủ nhiều quá, đừng gây gỗ tranh hơn tranh thua với chúng bạn thì có phải là cái võ, cái đập ấy không?

- Lại đúng quá nữa! Các con thật tuyệt vời!

- Bạch thầy! Phải biết kính trên, nhường dưới, siêng năng nghe pháp, học hỏi Giáo Pháp, mở rộng lòng từ, biết yêu thương huynh đệ!

- Rất đúng, rất giỏi!

- Bạch thầy! Đi, đứng, ngồi, nằm đều phải Chánh Niệm, Tỉnh Thức... để xóa bỏ dễ duôi, hôn trầm, giải đãi cũng là cái võ, cái đập nữa chứ?

- Đúng thế, không sai được!

Được khen ngợi liên tục, chúng sa-di hoan hỷ quá, có lẽ suốt ngày hôm nay, chúng không cần ăn mà vẫn no!

Riêng Ngài Xá-Lợi-Phất lại tự nghĩ:

"- Như rừng cây của ông Kỳ-Đà này: cây nào lá nấy, hoa nào hương sắc nấy, loại nào cũng có cái đặc thù riêng của nó, thì chúng sa-di này cũng vậy, chúng đều có sở thích riêng, cá tính riêng, thói quen riêng... nhờ vậy khu rừng Giáo Pháp mai hậu mới phong phú, đa dạng. Đừng tạo nên những khuôn mẫu giống nhau; tạo khuôn mẫu hoặc quy định khuôn mẫu sẽ thui chột thiên tài, thiêu hủy năng lực sáng tạo tự do và hồn nhiên của chúng."

* * *

Họ tụ họp giữa rừng cây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhìn quanh hội chúng sa-di trẻ trung, mỉm cười nói:

- Các con ngày mai sẽ là rường cột cho Giáo Hội nên phải sống sao cho thật tốt, thật đẹp; phải biết nghe lời các bậc huynh trưởng, các bậc Trưởng lão để đem lại hạnh phúc cho mình và cho người khác. Các con có làm được thế không?

Cả hội chúng reo lên vui vẻ:

- Làm được, chúng con làm được.

- Chúng con mong ước trở thành như Bạc Tướng Quân Chánh Pháp kia!

- Mong được thần thông như Ngài Đại Mục-Kiền-Liên kia!

Tôn giả nói tiếp với giọng đầy thương yêu trìu mến:

- Vậy là tốt. Nhưng đôi khi các con chỉ cần noi gương các huynh đệ của các con thì đã là một đại hạnh cho Giáo Hội rồi. Như noi gương các Tôn giả sa-di Upatissa, Thông Trí, sa-di của Trưởng lão Tissa, sa-di Samkicca. Bây giờ thầy sẽ kể cho các con nghe về sa-di của Trưởng lão Tissa.

Rồi Ngài kể:

"- Có một chàng thanh niên ở Kosambi sau khi nghe Pháp từ Bạc Đạo Sư, anh ta từ bỏ thế gian và xuất gia. Do nhờ giới hạnh tinh nghiêm nên được đồng đạo kính trọng gọi là Trưởng lão Kosambivasi Tissa.

Năm kia, Trưởng lão Tissa sau khi mãn hạ, thí chủ đem đến dâng cúng y áo, mừng mền, và linh kính rất nhiều món tứ vật dụng khác. Trưởng lão Tissa nói: "Vậy là ta đã thọ nhận rồi, nhưng cái đồng ấy các người mang về đi nhé!" Thí chủ thưa: "Ngài nói vậy là Ngài không có lòng từ với chúng con." Trưởng lão Tissa đáp: "Còn nhận thì ta không có lòng từ với ta!" Thấy họ không hiểu, Ngài nói: "Các người thử nghĩ coi, một thầy tỳ-khưu sống ta bà vô trú, sau mùa an cư là như con chim thên thang giữa trời cao bề rộng. Bây giờ các người bắt vị tỳ-khưu ấy mang theo cả đồng tứ vật dụng thế kia

thì biết làm sao hử? Sao không sắm thêm cho ta một chiếc đòn gánh để ta làm gã đàn ông gánh hàng ra chợ bán?"

Cả chúng sa-di cười ồ thú vị.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất kể tiếp:

"- Thế rồi sau đó họ gọi đến một chú nhỏ với hảo ý là chú nhỏ kia sẽ phụ giúp công việc lật vật cho Trưởng lão. Ai ngờ chú nhỏ chỉ bảy tuổi và họ còn muốn Trưởng lão Tissa làm lễ xuất gia cho chú ấy vào hàng Tăng chúng nữa!

Nhìn chú nhỏ mặt mày sáng sủa, tinh anh, dễ thương Trưởng lão bằng lòng, dạy cho chú quán tưởng năm thể trực ở nơi thân rồi cho tắm ướm tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu thì chú nhỏ... bỗng trở thành Tôn giả sa-di!"

Cả hội chúng ngỡ ngác. Riêng La-Hầu-La thì hiểu, La-Hầu-La nói lớn:

- Vậy là chú ấy chứng đắc quả A-La-Hán cùng với thắng trí của bậc thượng nhân khi dao cạo tóc vừa mới chạm đầu, phải vậy không bạch thầy?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất gật đầu:

- Đúng vậy!

Hội chúng sa-di lại reo lên:

- Thiệt là cực kỳ!

- Sướng nhỉ! Chẳng cần tu một ngày nào cả!

- Người ta đã tu mấy a-tăng-kỳ kiếp rồi đây, ông bạn!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất xua tay tiếp tục câu chuyện:

"- Chú bé bảy tuổi đắc quả A-La-Hán chỉ một mình mình biết, một mình mình hay, còn Trưởng lão Tissa chưa chứng cái gì cả nên mù tịt.

Trong thời gian ở tịnh xá, Trưởng lão đem tâm yêu mến chú bé thật sự vì chú ngoan ngoãn, lanh lợi, chăm chuyên mọi việc trong ngoài thật chu đáo. Lại nữa, sắc mặt chú bé lúc nào cũng tươi vui, mát mẻ; ăn nói thì lễ độ, khiêm cung; ngồi nằm thì cẩn trọng, tỉnh thức, đêm cũng như ngày.

Hôm kia, Trưởng lão Tissa quyết định lên đường, về Kỳ Viên tịnh xá này thăm Đức Đạo Sư, bèn nói với chú sa-di: "Này con, đường xá xa xôi, sức vóc con thì không bao lâu, chỉ mang theo cái gì cần thiết thôi, tất cả những vật công kênh, nặng nề, hãy để lại tịnh xá cho các vị đến sau." Chú sa-di y lời, nhưng chú cũng mang theo cái dĩa quá to, rõ là như nhái tha cóc, chú còn cười: "Nhẹ lắm, không sao đâu bạch thầy! Con chỉ mang cái gì cần thiết cho bộ hành đường xa."

Suốt dọc đường, Trưởng lão Tissa rơi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi Trưởng lão ngồi nghỉ dưới gốc cây là chú nhỏ dưng tọa cụ. Khi Trưởng lão đứng chân giữa rừng là chú nhỏ dưng võng. Đêm ngủ là có đầy đủ mùng, mền, gối. Khi nóng có quạt. Mới chớm ho hen nhưc đầu là có liền thuốc v.v... Trưởng lão Tissa thốt lên: "Thật tuyệt vời thay cái chú sa-di này! cái dĩa của chú dường như là có thần thông í!" Chú sa-di cười cười: "Do phước báu tu hành của thầy mà có tất cả những thứ ấy."

Họ dừng chân bên một con sông mưa lũ, xung quanh không có làng mạc, chẳng thấy một bóng người. Họ bèn tá túc tại chiếc am nhỏ bỏ hoang, trong đó có một chiếc giường nhỏ. Chú sa-di nhanh tay quét dọn và thỉnh Trưởng lão vào nghỉ. Trời mưa tầm tã, chẳng có nhà nào mà khát thực, Trưởng lão Tissa nghĩ rằng thế là hôm nay hai thầy trò sẽ nhịn đói. Sau khi xả thiền, xế trưa, ngạc nhiên làm sao, Trưởng lão Tissa thấy chú sa-di y áo chỉnh tề, dưng cúng vật thực nóng sốt ngon lành. Trưởng lão hỏi: "Con làm sao có được những thứ này?" Chú sa-di cung kính đáp: "Bạch thầy, đi đường xa, con đã đề phòng sẵn trong cái dĩa của con mà!" Trưởng lão Tissa hoan hỷ thọ thực, lòng thâm cảm ơn đã có được một chú sa-di chu đáo nhất Châu Diêm Phù Đề.

Trời vẫn mưa và nước sông vẫn dâng cao. Họ đã ở lại đấy hai đêm. Qua đêm thứ ba, chú sa-di tự nghĩ: "Đêm nay nếu ta ngủ chung phòng thì Trưởng lão sẽ phạm giới. Vậy ta đừng nên ngủ, hãy ngăn oai nghỉ nằm!" Vị Trưởng lão cũng biết vậy nhưng vì ngủ quên, gần sáng mới sực nhớ, sẵn cái quạt thốt nốt, Trưởng lão quay cán đập nhẹ vào chỗ chú sa-di thường nằm: "Dậy đi con, hãy ra ngoài kia cho đến khi mặt trời mọc." Vì trời tối đen, Trưởng lão Tissa không biết chú sa-di đang ngồi kiết già trọn đêm cạnh chân giường,

nên khi hươ quạt ra, đầu nhọn cán quạt đâm vào mắt chú sa-di, tròng mắt lòi ra, máu chảy đầm đề. Dùng thiền định trấn giữ cơn đau, lấy tay bịt mắt, chú nói: "Bạch thầy! Con hiểu chứ, con sẽ ra ngay!" Thế mà Trưởng lão Tissa chẳng hay biết gì hết, quay lưng lại, nằm ngủ cho đến sáng. Chú sa-di một tay bịt mắt, nhưng còn một tay, chú vẫn làm mọi việc, chu toàn phận sự hằng ngày...

Trưởng lão thức dậy, chú sa-di dâng nước ấm rửa mặt, sau đó dâng một món cháo nhẹ; chú dâng bằng một tay, tay kia bịt mắt, sợ Trưởng lão thấy. "Sao vậy? - Trưởng lão hỏi - sao hôm nay con lại trở chúng vậy? Ai đòi dâng vật thực cho tỳ-khưu mà lại dâng bằng một tay?" Chú sa-di đáp: "Bạch thầy, con biết chứ! Con biết cái gì đúng phép và cái gì không đúng phép, nhưng quả thật cái tay bên này của con không được rảnh rang!" Nghe nói vậy, Trưởng lão mới chột để ý tay kia chú đang ôm mắt và có máu chảy giữa hai kẻ tay: "Mắt con sao vậy? Hãy đưa ta xem?" Chú sa-di trấn an: "Chẳng có gì quan trọng đâu, bạch thầy, một vết thương nhẹ thôi! Mong thầy an tâm và đừng chấp nhất chuyện con dâng một tay là được!" Trưởng lão nhồm người dậy: "Không được, yên tâm sao được khi con đã lo mọi việc cho ta, khi con là chú sa-di tốt đẹp, hiền thiện nhất trên đời này."

Nói xong, Trưởng lão cầm tay xem mới thấy rõ một tròng mắt lòi ra, bèn hốt hoảng: "Sao vậy? Chuyện gì xảy ra với con đây?" Chú sa-di thở dài: "Chuyện này thầy không biết thì hay hơn. Nếu thầy bỏ qua được chuyện này thì tốt biết bao nhiêu!" Chú sa-di đã nói hết lòng như vậy nhưng Trưởng lão Tissa vẫn không chịu bỏ qua, nên chú phải kể lại tự sự đầu đuôi. Nghe xong, Trưởng lão vô cùng xúc động, tự nghĩ: "Ôi! Lỗi lầm của ta thật trầm trọng xiết bao! Ta làm sao mà tha thứ cho ta được hờ trời?" Rồi Trưởng lão chấp hai tay lại, với thái độ đánh lễ đầy tôn kính, Ngai nằm trên đất, dưới chân vị sa-di, nói rằng: "Hãy tha lỗi cho ta, hỡi chàng trai tối thắng! Ta đã không biết điều này. Hãy làm nơi cho ta nương tựa, hỡi tâm hồn cao cả!"

Chú sa-di cung kính nâng tay và người của vị Trưởng lão, nói rằng: "Con đã ngại thầy có hành động như thế này nên con đã không nói ra - mà khi nói ra - con chỉ mong thầy dứt bỏ mọi ngờ vực, nghi nan. Bây giờ, sự việc thế rồi, thầy không có lỗi, thầy chẳng có gì đáng chê trách, mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay trong các kiếp sống mới có lỗi, mới đáng chê trách thôi!"

Sau đó, chú sa-di tìm cách an ủi, Trưởng lão cũng không bớt ăn năn, hối hận. Vị Trưởng lão không còn an tâm được nữa, khi cơn mưa tạnh, dòng

sông đã lặng, có thuyền bè, Trưởng lão lầm lũi, không nói không rằng, vác cái dầy của chú sa-di lên đường, tìm đến Đức Đạo Sư."

Kể đến ngang đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất im lặng, hội chúng sa-di cũng im lặng vì cảm động

- Câu chuyện chú sa-di của Trưởng lão Tissa là như vậy đấy, các con thấy có điểm nào noi gương?

Một chú nói:

- Học được tâm lòng nhẫn nhục, từ bi của một vị Thánh tí hon.

- Học được đức thâm lặng, khiêm tốn mà rất cao cả!

- Vị Trưởng lão kia cũng rất tốt, nhang ham ăn, ham ngủ quá!

- Cái câu hay nhất, đáng chiêm nghiệm nhất ở đây là câu: "Thầy chẳng có gì đáng bị chê trách mà con cũng vậy. Chỉ riêng có vòng luân hồi, nhân quả trả vay mới là có lỗi, mới đáng bị chê trách thôi!"

- Câu ấy đúng là nói được cái ý: "Chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả mà chỉ có dòng nhân quả, nghiệp báo nó diễn tiến, nó vận hành."

Nghe chúng sa-di bàn luận, phát biểu rất chính xác, Tôn giả Xá-Lợi-Phất rất vừa lòng:

- Các con hiểu hết cái tinh túy của câu chuyện thì ta biết nói làm sao nữa?

Hội chúng cùng cười.

La-Hầu-La chợt nói:

- Vị Tôn giả sa-di ấy ít nói lắm, lúc nào cũng cười cười, rất là hiền lành. Tất cả chúng sa-di ở đây đều cảm mến và kính trọng.

- Đúng vậy! Chính khi Trưởng lão Tissa về gặp Đức Đạo Sư, kể lại mọi chuyện, nói rằng vị Sa-di ấy trong tâm bao giờ cũng mát mẻ, lòng vị ấy quảng đại, vượt trội, khó tìm thấy trên thế gian này. Đức Đạo Sư xác nhận

rằng, con của Như Lai đã chấm dứt lậu hoặc nên lục căn bao giờ cũng vắng lặng, thanh bình.

* * *

Sớm hôm sau, mặc dù đang bị cảm, lại phải nhịn ăn, nhưng vì giữ lời hứa với La-Hầu-La, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại kể câu chuyện một Tôn giả sa-di khác trước hội chúng sa-di đang quây quần giữa rừng cây.

- Nay các con -Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói - gia đình của sa-di Samkicca có lòng tin bất thối đối với Giáo Pháp Đức Tôn Sư, lại thường xuyên đê bát cho ta. Họ là gia đình thương gia rất giàu có. Khi người mẹ mang thai thì bị một cơn bạo bệnh, chết một cách đột ngột. Theo tập tục, họ hỏa táng thi hài trên một giàn thiêu ở nghĩa địa. Muốn cho xác được cháy mau hơn, người ta dùng cây nhọn đâm thủng bụng, tim, ruột của tử thi. Một hài nhi ló ra. Người ta khều đứa bé rồi cũng đâm một vài nơi trên cơ thể, và que nhọn đã đâm thủng một mắt của đứa bé. Để cho xác chết mau biến thành tro than, người ta bỏ than cục, than hòn lên trên rồi bỏ đi...

Ngày hôm sau, ra chỗ thiêu xác, mọi người ngạc nhiên xiết bao khi thấy trên đồng than hồng còn âm ỉ cháy, một hài nhi bé nhỏ an tịnh như một pho tượng vàng ngồi trên đài sen. Sau một hồi ngỡ ngác lẫn kinh sợ, họ bế trẻ về nhà, cho vờ các trưởng lão Bà la môn uyên thâm tướng pháp và điềm triệu đến tham vấn. Họ tiên tri rằng:

- Nếu đứa bé này sống đời của một gia chủ thì phước báu của nó sẽ đem lại lợi ích áo cơm cho gia đình, quyền thuộc trong bảy thế hệ. Nếu xuất gia làm Sa môn thì nó sẽ đắc quả Thánh và có một nhóm đồ chúng năm trăm người.

Vì mắt của trẻ bị đâm thủng bởi cây que nên gia đình đặt tên cho đứa trẻ là Samkicca! Đến bảy tuổi, đích thân trẻ xin xuất gia, cả gia đình đều hoan hỷ:

- Vậy thì chúng ta hãy đặt đứa bé này dưới chân vị Trưởng lão cao quý và xin cho nó làm Sa môn.

Hôm kia, gia đình thương gia nọ thỉnh ta đến, sau khi dâng cúng vật thực, họ nói lên ý nguyện, ta bèn hoan hỷ nhận lời. Dẫn về tịnh xá, sau khi dạy nó quán tưởng năm điều, ta tắm ướt tóc và chuẩn bị cạo đầu. Cũng như trường hợp sa-di của Trưởng lão Tissa vậy, khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da

đầu là Samkicca đặc quả A-La-Hán và đặc luôn các Thắng trí của bậc thượng nhân!"

Kể đến ngang đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nghỉ hơi vì cảm thấy mệt. Chúng sa-di lại được dịp bàn tán:

- Thật là cực kỳ!

- Thiệt là sướng!

- Đủ tháng, đủ ngày - chỉ cần một đụng chạm nhẹ, thế là con gà chui ra khỏi vỏ trứng tức khắc!

- Rõ ràng là Samkicca đã tự đầy đủ trong chính mình cả rồi!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất khẽ ho nhẹ, nói:

- Các con bàn luận đúng cả đấy, giỏi lắm!

Một người hỏi:

- Tại sao than hồng như vậy, đâm thủng như vậy mà trở lại không chết, bạch thầy?

- Các con - Tôn giả nói - Kiếp cuối cùng của một vị A-La-Hán, không có năng lực nào có thể làm vị ấy chết được. Dầu quả núi Suneru đổ ập xuống, đè lên mình, vị ấy vẫn sống như thường!

- Chúng con đã hiểu.

- Tôn giả sa-di Samkicca sau đó ra sao hở thầy?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhìn quanh hội chúng:

- Chuyện sau đó các con biết rồi mà! Hôm nọ, tại đây, các con đã chứng kiến việc năm trăm tên cướp đã cải tà quy chánh, làm môn hạ của sa-di Samkicca về đánh lễ Đức Tôn Sư đ?y.

- Chúng con có nghe, có thấy, nhưng chưa rõ Tôn giả Samkicca dùng thần thông gì mà thu phục lũ cướp hung bạo ấy?

Tôn giả đáp:

- Chẳng sử dụng thần thông nào cả. Hôm đó sa-di Samkicca trú sâu vào định tứ thiên, dao kiếm của bọn cướp chém vào liền bị tét, bị gãy cả. Chúng sợ và xin quy y làm Sa môn, thế thôi! Năng lực của định tứ thiên, dao kiếm bất khả xâm phạm các con ạ!

Câu chuyện đến ngang đây thì có hai sa-di từ đâu đó, đột ngột xuất hiện, đến quỳ và đánh lễ dưới chân Tôn giả Xá-Lợi-Phất, cả hai đều bị hư mắt!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất ân cần nắm tay hai người, quay qua chúng sa-di giới thiệu:

- Nay các con! Thật là hạnh phúc thay cho các con! Câu chuyện mà ta đã kể cho các con nghe từ hôm qua đến giờ là nói về hai Tôn giả sa-di này: đây là sa-di của Trưởng lão Tissa, người hư mắt trái; đây là sa-di Samkicca, người hư mắt phải. Cả hai vị đều là những sa-di tối thượng, là hai ngôi sao sáng giữa hội chúng sa-di, các con hãy lấy đó mà noi gương cho phẩm hạnh tu tập của mình!

Hội chúng sa-di đều hớn hờ bao quanh lại. Người thì đánh lễ. Người thì chấp tay. Người thì đứng ngẩn ngơ chiêm ngưỡng! Người thì nhẹ nhẹ bước đến sờ tay, sờ y áo với vô vàn cảm tình thương mến và quý trọng.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nghe trong tâm tràn đầy hoan hỷ.

--- o0o ---

[07]

Hạnh nhân nhục

Có một nhóm tỳ-khưu ở Kìtagiri tỏ vẻ coi thường các học giới của Đức Đạo Sư do Đại Đức Assaji (không phải thầy của Ngài Xá Lợi Phất) và Đại Đức Punnabhasuka dẫn đầu, thế là Tôn giả Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên lại phải lên đường.

Đến nơi, hai Ngài lặng lẽ lắng nghe, dường như ai cũng có cái lý của mình cả. Tuy nhiên, sau đó Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã gạt những cái lý ấy qua một bên rồi kiên nhẫn, ôn hòa, từ tốn phân tích cái nào là đúng pháp, đúng luật, cái nào là không đúng pháp, không đúng luật. Đúng pháp, đúng luật thì đem đến hạnh phúc cho mình và người. Không đúng pháp và luật thì đem đến xáo trộn, bất hòa, khổ đau cho mình và cho người. Trí tuệ của hai vị Đại Đệ Tử quả đã như một ngọn đèn sáng soi rọi vào chỗ tối tăm, làm cho những kẻ có lỗi tự thấy rõ cái lỗi của mình. Khi phân xử xong, các vị tỳ-khưu sai trái tự xin nhận lấy hình phạt để tự răn mình, có vị tình nguyện về nhà, có vị xin sám hối và nguyện chừa cải.

Sau khi từ giã, cả hội chúng tỳ-khưu ở Kìtagiri đều nhìn theo với đôi mắt đầy cảm phục. Vì vậy, danh tiếng của hai vị Đại Đệ Tử càng lúc càng vang dội. Về tịnh xá, hai Ngài vào đánh lễ Đức Tôn Sư, kể lại kết quả công việc của mình. Đức Thế Tôn thấy sự phân xử sáng suốt, có lý có tình, lại đặt căn bản trên tinh thần tự giác nên Ngài tán thán trước hội chúng không tiếc lời.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Nơi nào được khen thì nơi đó sẽ bị chê. Nơi nào có yêu mến, kính trọng thì sẽ có người ganh tị, ganh ghét và đố kỵ. Ta hãy biết trước những pháp tương quan phát sanh như vậy."

Khi Tôn giả Xá-Lợi-Phất bước ra thì gặp Trưởng lão Channa (Sa-Nặc) với cái nhìn không được thân thiện. Trưởng lão Channa ngó lên trời, chấp tay sau lưng, nói to, nói trống không:

- Kẻ từ độ tôi ra đi với Đức Đạo Sư cao quý của tôi, làm một cuộc từ bỏ vĩ đại - khi ấy, các ông ở đâu? Các ông ở đâu chui ra mà bây giờ vỗ ngực tự xưng là Đại Đệ Tử, hả?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất im lặng.

Trưởng lão Channa nói tiếp:

- Bám sau đuôi của con ngựa Kiên Trắc, vượt qua sông A-Nô-Ma mênh mông sóng dữ, thế mà tôi không hề sợ hãi. Nhưng bây giờ đi đâu, quốc độ này sang quốc độ kia, thị trấn này, làng mạc nọ... Ở đâu cũng nghe người ta nhắc đến Xá -Lợi-Phất Đại Đệ Tử, Mục-Kiền-Liên Đại Đệ Tử...! Ôi! Quả thật cái danh kia làm tôi sợ hãi vô cùng!

Ngay khi ấy, một giọng phạm âm trầm hùng như sấm dội từ Đại Giảng Đường vọng ra:

- Channa! Ông hãy vào đây, Như Lai bảo!

Đức Thế Tôn kêu Trưởng lão Channa vào khuyên răn, la rầy đây là ác tri, ác kiến. Channa im lặng tỏ vẻ nhận lỗi, nhưng sau đó, bất cứ đâu, hễ gặp Tôn giả Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiền-Liên là không ngớt lời lăng mạ, phỉ báng:

- Xuất thân từ giống dòng ngoại đạo, chân ướt chân ráo đến Giáo Hội này mà làm oai làm phách, cứ đóng vai như Trưởng lão một trăm hạ không bằng!

- Đại Đệ Tử gì chúng nó. Cái vẻ mặt lúc nào cũng giả bộ nghiêm trang, từ hòa, nhẫn nhục... Ngó mà ghét!

Được Tăng chúng kể lại, lần thứ hai, lần thứ ba - Đức Thế Tôn lại kêu Channa đến và dạy bảo:

- Nay Channa, ông nên nhớ rằng hai vị Đại Đệ Tử của Như Lai là những người bạn tốt, tốt nhất trên nhân loại này. Được làm bạn với họ là hạnh phúc vô cùng, an vui và lợi lạc vô cùng.

Tuy thế, như nước đổ đầu vịt, Trưởng lão Channa vẫn cứng nào tật ấy. Đức Thế Tôn quán căn cơ, Ngài biết, bèn nói với Ngài Ànanda:

- Nay Ànanda! Không ai có thể khuyên dạy Channa được đâu. Khi trái cây đang còn xanh thì không ai có khả năng bảo trái cây kia chín được cả. Cũng vậy, khi nào cần thiết, ông hãy thay mặt Như Lai giáng xuống cho Channa một hình phạt gọi là Brahmada - tức là cấm không cho ai giao tiếp, nói chuyện với Channa cả. Chỉ khi ấy Channa mới được lợi ích, chính nhờ vậy mà Channa sẽ đắc được đạo quả A-La-Hán cùng với những thắng trí trước khi lâm chung.

Khi nghe lời Đức Thế Tôn dạy Đại Đức Ànanda như vậy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất hướng tâm đến, thấy rằng: "Kẻ mà hằng lăng mạ ta đây, khi sắp chết bị căn bệnh dày vò đau đớn thì chính ta đã cùng với Trưởng lão Mahà Cunda đến thăm, tìm thuốc men và vật thực thích hợp cho y. Sau đó, y quyết định chấm dứt mạng sống và Niết Bàn luôn tại chỗ."

* * *

Xung quanh Kỳ Viên tịnh xá và cả thành Xá-Vệ người ta bàn tán nhiều về những đức tính cao thượng của Tôn giả Xá-Lợi-Phất. Người ta bảo rằng, Tôn giả là người đã làm chủ hoàn toàn, đầy đủ các trạng thái tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả; là người không còn ngã mạn, kiêu căng, không còn tham ái, đố kỵ, bất bình, nóng giận...

Có một ông Bà la môn gia chủ đi ngang qua, nghe được, chỏ miệng vào:

- Ai là người không còn nóng giận đâu, chỉ cho tôi coi nào?

Mọi người bảo:

- Đó là Tôn giả Xá-Lợi-Phất, Đại Đệ Tử của Đức Phật.

- À! Có phải là cái ông độ nọ cùng đến đây với trưởng giả Cấp Cô Độc xây dựng tịnh xá đó phải không?

- Chính vị ấy.

Ông Bà la môn gia chủ kia mỉm cười:

- Các bạn lầm rồi. Không nóng giận là vì không có ai khiêu khích, chọc tức. Đã là con người trên đời này thì ai cũng có lúc phải nóng giận cả, không nóng giận là đồng với gỗ, đá, đất, cát sao? Nếu mà gặp tay tôi, tôi sẽ làm cho ông Xá Lợi Phất ấy nóng giận cho các bạn xem! Tôi rất sành về phương cách chọc giận người ta mà!

Ông Bà la môn nói huyền thuyên vậy, nhưng cách chọc giận của ông ta cũng bình thường: ông rình khi Tôn giả Xá-Lợi-Phất đang đi khát thực trên đường phố, bất thần từ phía sau, ông lấy gậy đánh lên lưng Ngài một cái rất mạnh. Tôn giả Xá-Lợi-Phất bất cứ đâu, bất cứ lúc nào Ngài cũng chánh niệm, tỉnh giác, đôi lúc Ngài trú "không định" - nên cái đánh kia không ảnh hưởng gì tới Ngài. Vẫn với bước chân chậm rãi, từ tốn, với đôi mắt thản nhiên, thanh bình - Tôn giả vẫn không hề quay lại.

Cảm thấy vô cùng hối hận, ông Bà la môn quăng gậy, quỳ mọp xuống dưới chân Tôn giả để tạ tội. Ngài ngạc nhiên, dịu dàng hỏi:

- Có gì vậy hở ông Bà la môn? Hãy đứng lên rồi nói chuyện.

- Vì muốn thử lòng nhẫn nhục của Ngài, vì muốn xem Ngài có nổi nóng không nên tôi đã mạo phạm lấy gậy đánh Ngài. Xin Ngài tha thứ tội lỗi cho tôi.

- Được rồi! Vậy là ta đã tha thứ cho ông rồi!

- Nếu Ngài tha thứ cho tôi thì bắt đầu từ bây giờ, xin Ngài hãy đến nhà tôi khất thực để cho tôi được dịp cúng dường.

Nói xong, ông Bà la môn cúi đầu, cung kính nâng cái bát của Tôn Giả, Tôn giả cũng nhẹ nhàng thuận trao cho, rồi đi theo ông ta về nhà.

Cả khu phố bu quanh, chứng kiến tận mắt một câu chuyện đẹp mắt: kẻ chọc giận người lại được người nhiếp phục! Thế nhưng, chuyện đến tai cận sự nam nữ trong thành phố lại khác: có một ông Bà la môn tên vậy, tên kia, ở khu phố nọ, đã dùng gậy đánh Ngài Xá Lợi Phất bị thương nặng! Không mấy lúc, cả hàng chục người với gậy và đá cầm tay đến bao vây căn nhà của ông Bà la môn với quyết tâm là giết chết kẻ hung ác.

Nghe xôn xao, Tôn giả Xá-Lợi-Phất bước ra, ông Bà la môn hai tay trịnh trọng ôm bát theo sau.

Nhóm cận sự nam nữ la lên:

- Bạch Ngài! Ngài có sao không?

- Thưa Tôn Giả! Tôn giả hãy đứng qua một bên.

- Ông Bà la môn hung ác kia! hãy bước ra đây!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhìn mọi người, hỏi:

- Này các đạo hữu! Này các cư sĩ tại gia! Có chuyện gì vậy?

Họ trả lời:

- Tên Bà la môn đê tiện, độc ác kia đã dùng gậy đánh Ngài, đánh lên sau lưng khi Ngài đi trì bình khát thực.

- Chúng con đến đây là để trị tội đích đáng, hắn đã xâm phạm đến Trưởng lão, bậc thầy nhân ái của chúng con.

- Dùng gậy trả lại gậy. Hãy đánh cho chết hắn ta!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất mỉm cười cho đám đông yên tâm, xoa tay rồi nói:

- Các đạo hữu hãy an tâm! Một chuyện hiểu lầm nho nhỏ thôi

- Bạch Ngài! Nhưng chính Ngài đã bị đánh!

- Đúng vậy! Ông ta đánh bản đạo chớ có đánh các đạo hữu đâu. Và ông ta đã sám hối. Ta cũng đã chấp nhận sự sám hối ấy rồi. Các người xem! Ông ta đã ôm bát một cách kính cẩn sau khi đã cúng dường vật thực cho ta! Từ rày hãy coi ông ta như một bạn đạo.

Đám đông nhìn, thấy, hiểu tự sự - nên họ đã tự động giải tán.

- Noi gương hỷ xả của Trưởng lão - chúng tôi tha thứ cho cái mạng của ông đấy, ông Bà la môn. Ráng mà tu hành cho đàng hoàng!

Ông Bà la môn sợ quá, lắp bắp:

- Vâng, vâng, tôi sẽ đàng hoàng!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất thản nhiên, ôm bát lặng lẽ trở về Kỳ Viên tịnh xá.

Tối đến, trên pháp tòa, câu chuyện ấy được Đức Thế Tôn kể lại để giáo giới cho đại chúng. Ai cũng tấm tắc khen ngợi đức hạnh nhẫn nhục vô song của tôn giả Xá-Lợi-Phất.

* * *

Hôm nọ, cuối mùa mưa, sau khi an cư xong, một số rất đông tỳ-khưu đến chào từ giã Tôn giả Xá-Lợi-Phất để lên đường. Theo thông lệ, Ngài hay ưu ái gọi các vị tỳ-khưu bằng tên của gia đình họ đặt, gọi tên theo giới hạnh hoặc pháp hạnh của vị ấy. Ví dụ:

- Này hiền giả Mangalo! Hiền giả an vui chứ?
- Này con của bà Dhanì! Có khỏe không?
- Vị Đại Hoan Hỷ đây rồi!
- Đại Đức Tinh Thông Tạng Luật đây rồi!
- Thượng Tọa Độc Cư Khổ Hạnh đây rồi! v.v...

Thấy Tôn Giả, Bạc Tướng Quân Chánh Pháp niềm nở, vui vẻ, thân tình với tất cả mọi người như vậy, ai cũng hoan hỷ, ai cũng cảm thấy mình được quan tâm, được biết tiếng. Và họ hãnh diện về điều đó. Có một vị tỳ-khuru trẻ, mà hoàn toàn Tôn giả Xá-Lợi-Phất thấy lạ hoắc, không biết gọi tên sao, nên Ngài đành phải bỏ qua.

Nhưng vị tỳ-khuru ấy không bỏ qua, cảm thấy buồn, cảm thấy bực tức, bất mãn, tự nghĩ:

"- Ngài khinh thường ta, coi thường ta, Ngài đã thiên vị, đã không đối xử thân thiện với ta như những vị khác."

Bất đồ, lúc ấy Tôn giả Xá-Lợi-Phất đứng dậy, bước qua, chéo y của Ngài phất đung vị tỳ-khuru trẻ nọ. Lòng bất mãn càng tăng, vị tỳ-khuru trẻ qua Đại Giảng Đường bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tôn giả Xá-Lợi-Phất khi không Ngài lại đánh con! Chắc hẳn Tôn giả ấy nghĩ rằng mình là một Đại Đệ Tử oai phong lẫm liệt nên muốn làm gì thì làm sao! Xin Đức Thế Tôn hãy phân xử cho công minh. Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã đánh con một bạt tai - đến nỗi tai con như bị bỏng, bị điếc! Sau khi làm vậy rồi, Ngài chẳng tỏ vẻ gì là hối lỗi, thân nhiên bước đi không thèm đếm xỉa gì con cả! Xin Đức Thế Tôn hãy phân xử, oan con lắm!

Tăng chúng được uy tụ trở lại Đại Giảng Đường. Câu chuyện được lan truyền rất nhanh qua miệng của nhiều người. Lúc ấy Đại Mục-Kiền-Liên và Tôn giả Ànanda biết rõ là đã có một sự cáo oan xảy ra cho huynh trưởng của mình. Nhưng không sao, cả hai Tôn giả đều rất vui, đã tuyên bố trước hội chúng tỳ-khuru của mình:

"- Này chư hiền! Hãy cố gắng tụ họp ở Đại Giảng Đường cho đông đủ! Hãy đến đây và nghe! Khi sư huynh của ta, Tôn giả Xá-Lợi-Phất mà đối diện với Đức Bồ Sư rồi - chư hiền mới cảm nhận được thế nào là tiếng gầm của con sư tử."

Trước cả hàng ngàn tỳ-khưu có mặt, Đức Thế Tôn hỏi:

- Này Xá Lợi Phất! Có phải như vậy chăng, ông đã thô bạo đánh vị tỳ-khưu này một bạt tai làm điếc cả lỗ tai rồi bỏ đi không thèm đếm xỉa đến?

Mọi người hồi hộp trước lời chất vấn của Đức Đạo Sư. Tôn giả Xá-Lợi-Phất chẳng chấp nhận cũng chẳng chối từ tội, Ngài cất giọng trầm hùng vang vang như chuông ngân:

- Bạch Đức Thế Tôn! Khi một thiện gia nam tử xuất ly cần cầu an ổn mọi khổ ách, y đã từ bỏ gia sản, vinh hoa phú quý - thì đối với y chỉ có một mục đích duy nhất là giải thoát mọi khổ đau trên trần thế. Khi một Sa môn tấn tu phạm hạnh, đã đứng vững chắc trong đạo quả, kẻ ấy hoàn toàn làm chủ được chính mình, hoàn toàn với tứ vô lượng tâm: tư, bi, hỷ, xả.

Bạch Đức Thế Tôn! Những người như vậy có thể nào làm đau đớn đồng đạo của mình mà bỏ đi thản nhiên không một lời xin lỗi.

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi mà trong tâm không còn sân hận, ác độc, hiềm hại ai, kẻ ấy bao giờ cũng có được đức tính trầm lặng, khiêm nhu, nhẫn nại... tâm vị ấy như mặt đất, mặc cho ai chà, ai đạp, ai bước tới, bước lui, quăng lên đây tất cả mọi dơ ứ bất tịnh, ai đại tiện, tiểu tiện lên đây cũng được hết!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như nước, thì nước ấy mặc tình ai uống, ai tắm, ai rửa đồ dơ dáy, nước ấy cũng không vui, không buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như lửa, thì lửa ấy mặc tình người ta thấp đê cúng, đê thờ, mặc tình người ta lấy đê đốt tử thi, nấu ăn, đốt cỏ rác, đốt đồ dơ ứ, lửa ấy cũng chẳng vui, chẳng buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như gió, thì gió ấy đâu phải vì qua tha ma, mộ địa mà chồn chân; gió ấy đâu phải vì qua chỗ phú quý, cao sang mà dừng lại? Dơ, sạch gió ấy không phân biệt; buồn, vui gió ấy có biết đâu. Muôn đời nó vẫn bình lặng và an nhiên như thế!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như miếng vải chùi chân, thì ai chùi chân cũng được cả, nó chẳng bao giờ phàn nàn sao lau vật này mà không lau vật kia! Miếng vải chùi chân là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy, ở chỗ dơ uế nhất nào dám khinh khi ai, ác ý với ai, sân hận với ai? Không! Bao giờ nó vẫn như vậy, bình lặng và an nhiên!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như một hạng người thấp kém nhất trong xã hội, như một gã chiên-đà-la cùng đinh, hạ liệt, thì ai muốn đánh, muốn chửi; cho chí họ có giết chết cũng vô tội, người đó luôn luôn ý thức giá trị thấp hèn của mình đâu có bị đối xử thế nào, vẫn không than van bao giờ!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như một con bò rừng sừng, thì nó rất sợ đụng chạm đến vật cứng, nó không bao giờ dám gây hấn với ai, báng húc ai. Sống, nó muốn thu rút cái sừng của mình lại, đó là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như con rắn mang cái xác nặng nề, trườn tới trườn lui không ra khỏi cái xác. Cũng vậy, người ấy đã tự thấy rõ cái thân này gồm ba mươi hai thể trược bất tịnh, lại chứa sẵn bao nhiêu bệnh tật ở trong, lại còn ốm đau, già chết, vị ấy chỉ mong cầu tu tập để sớm quẳng bỏ cái xác nặng nề, hôi hám ấy, có đâu còn rảnh thì giờ để cho khi mạn, ác ý phát sanh lên đem đến phiền não cho người!

Bạch Đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví tâm mình như chén mỡ đặc thì chén ấy còn đựng được gì? Có thể nào chén mỡ đặc lại đựng thêm được tham, nô, si, ganh ghét và thù oán?

Bạch Đức Thế Tôn! Chín điều ấy là con, con chính là chín điều ấy. Tất cả mọi phẩm hạnh, mọi đức tính của một Sa môn mà Đức Tôn Sư hằng giáo giới, dầu con chưa thành tựu vẹn toàn nhưng con vẫn đang đi từng bước một, vững chắc và ổn định. Từ khi thấy đạo, thấy quả đến nay, con chưa hề hổ thẹn một điểm nào về giới luật để đến nỗi phải tự khiển trách chính mình.

Xin Đức Thế Tôn và cả đại địa minh chứng cho con sự thật ấy."

Khi Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói xong, địa cầu dày bốn mươi do tuần rung chuyển như chấn động. Đại Giảng Đường lặng ngắt như tờ. Có rất nhiều vị tỳ-khưu cảm động quá đến chảy nước mắt. Người mà khiêm tốn đến cùng tận như vậy thì thế gian không có người thứ hai.

Chợt nhiên, vị tỳ-khưu trẻ sợ hãi, bước tới, quỳ mọp xuống chân Đức Đạo Sư:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chính con là kẻ nói dối! Chính con đã tự dựng nên câu chuyện để nói xấu đến Bạc Tướng Quân Chánh Pháp. Đây là lỗi lầm không thể tha thứ của con.

Đức Phật nói:

- Nay Xá Lợi Phất! Ông hãy bi mẫn tha lỗi cho ông tỳ-khưu ngu dại này - nếu không, cái đầu của ông ta sẽ vỡ tan thành bảy mảnh.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất trả lời:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tự nhiên là đệ tử đã tha thứ cho vị tỳ-khưu này rồi.

Rồi với hai bàn tay chấp lại, Ngài hướng đến vị tỳ-khưu trẻ, nói rằng:

- Ngoài ra cũng xin hiền giả hoan hỷ xá lỗi cho tôi nếu tôi vô tình có làm điều gì đó méch lòng hiền giả.

Tiếng rống của con sư tử và những hành động sau đó của Tôn giả Xá-Lợi-Phất làm cho Tăng chúng ai nấy cũng đều cảm phục.

Họ bàn luận với nhau:

- Nay huynh đệ,! Hãy xem những đức tính siêu việt của Bạc Tướng Quân Chánh Pháp. Đối với vị tỳ-khưu vu khống mình, đầy ác tri, ác ngữ như thế kia mà Ngài không tỏ vẻ gì là nóng giận hay oán ghét ông ta.

- Vị Đại Trưởng lão của chúng ta thật là tuyệt vời! Vị tỳ-khưu kia có lỗi, thay vì phải quỳ xuống ôm chân bụi của Ngài mà sám hối trước; ở đây, Trưởng lão của chúng ta lại chấp tay, cung kính xin lỗi mặc dầu Ngài không có lỗi.

- Huynh đệ có nghe rõ tiếng rống của Ngài trước Đức Thế Tôn và Tăng chúng không? Ôi! Quả đất kia không chịu đựng nổi giới đức của Ngài nên phải rung động đến từng mảy vi trần cát bụi.

Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Dĩ nhiên con trai trưởng của Như Lai đã chắm dứt trọn vẹn lòng sân hận, bực tức, bất mãn; chắm dứt trọn vẹn mọi luyến ái trên cuộc đời này.

Tâm hồn con trai trưởng của Như Lai ổn định như quả đất vĩ đại, vững chắc như những trụ cột của một tòa cổ thành và yên lặng như một hồ nước trong không gợn sóng.

Với một con người như vậy, giới đức thanh tịnh như vậy, định tĩnh tựa Tu-Di sơn như vậy thì Ma vương không còn tìm thấy dấu vết và vòng luân hồi tử sanh chẳng còn mảy may hiệu lực gì đối với vị ấy.

---o0o---

Với A-Nậu-Đà-La

Tôn giả Xá-Lợi-Phất là người bạn tốt của tất cả mọi người, rất nhu thuận, hiền hòa, kham nhẫn; luôn luôn biết chịu khó lắng nghe. Nhưng gặp trường hợp Ngài cũng rất cương trực, thẳng thắn, sẵn sàng vạch rõ những sai lầm của bạn mà không khoan nhượng. Đây là đối với trường hợp Ngài A-Nậu-Đà-La (Anuruddha).

Đại Đức A-Nậu-Đà-La là một trong sáu ông hoàng cũng xuất gia một lần sau hai năm Đức Phật thành đạo, đó là Bhaddiya, Ananda, Bhagu, Kimbala và Devadatta. A-Nậu-Đà-La rất kính mến Tôn giả Xá-Lợi-Phất và Xá Lợi Phất đối với A-Nậu-Đà-La cũng vậy. Tuy nhiên, lắm lúc Tôn giả Xá-Lợi-Phất thấy A-Nậu-Đà-La còn những ngã mạn và những ô nhiễm vi tế ở nội tâm mà chưa có cơ hội nói thẳng với bạn.

Hôm kia, vào buổi sớm, Đại Đức A-Nậu-Đà-La đến viếng thăm Tôn giả Xá-Lợi-Phất, sau khi chào hỏi rất lễ độ, Đại Đức A-Nậu-Đà-La ngồi xuống một bên.

- "Người có con mắt thần thân mến" - Tôn giả Xá-Lợi-Phất chậm rãi nói - Hôm nay, hiền giả sao không đi ngao du vào một ngàn thế giới mà lại đến viếng thăm liêu cốc chật hẹp của ngu huynh như thế?

Đại Đức A-Nậu-Đà-La cười thoải mái:

- Không dám đâu, thưa hiền huynh! Đệ quá ít công việc mà hiền huynh lại quá nhiều công việc. Nghe nói hiền huynh không được khỏe nên đệ đến viếng thăm. Sao hiền huynh không buông bỏ gánh nặng trên vai xuống, sống thanh thoi, thanh tịnh, vô sự một đời như đệ không hơn sao?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất hỏi lại:

- Theo hiền giả cái gì là gánh nặng cần phải buông bỏ?

- Công việc của Giáo Hội là gánh nặng, thuyết pháp là gánh nặng, bôn ba đây đó để giải quyết mỗi bất hòa giữa Tăng chúng là gánh nặng; sắp xếp, cắt đặt công việc từ bên trong ra bên ngoài là gánh nặng, đi thăm viếng vị này, vị kia là gánh nặng, hướng tâm đâu đó để đi bát gieo duyên là gánh nặng, hóa độ người là gánh nặng v.v... Ôi! hiền huynh quá nhiều gánh nặng phải làm trên đời này!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất kiên nhẫn, chăm chú lắng nghe rồi hỏi tiếp:

- Vậy cái gì là không gánh nặng?

- Thưa hiền huynh! Điều ấy Đức Đạo Sư đã dạy rồi! Vị tỳ-khuru vào buổi sáng, chánh niệm tỉnh giác đi vào làng để trì bình khát thực. Rồi kia là cội cây, là ngôi nhà trống; sau khi độ thực, vị ấy an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy nhất tâm chú mục vào hơi thở, lia trao cử, phóng tâm, cắt đứt hôn trầm, giải đãi, đạt tâm phi, tâm an, nhập vào sơ thiền do ly dục sanh... Cứ thế không tầm, không tứ, vị ấy vào định nhị thiền... tam thiền... tứ thiền. Với sự định tĩnh sâu xa, vững chắc không xao động, vị ấy hướng tâm đến một thế giới, hai thế giới, thấy rõ chúng sanh ở đây y báo là vậy, chánh báo là vậy... Với tâm định tĩnh như Tu-Di sơn, vị ấy nhìn qua phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, trên và dưới thấy rõ được một trăm thế giới, hai trăm thế giới, một ngàn thế giới,... rõ ràng như nhìn những chỉ tay trong lòng bàn tay của mình. Như một vị vua Sát-đế-lị giàu mạnh và oai hùng, buổi sớm leo lên lầu cao, nhìn xuống lâu đài, dinh thự, làng mạc, phố chợ, nhà cửa v.v... Cũng vậy, khi nội tâm đã trong sạch, không còn nhớ bợn; khi

trí tuệ đã được huấn luyện, đã được tập trung, đã được làm cho thuần thực; với nghị lực vững chắc và mắt nhìn sắc bén, tinh tường... vị ấy đứng trên đỉnh cao của sự tiến hóa, trên đỉnh cao của sự tu tập, thì dưới cõi trần xô xao bất tịnh kia đều được thấy rõ, chẳng có gì có thể che dấu được vị ấy...

Thưa hiền huynh! ấy gọi là làm xong việc phải làm, ấy gọi là không còn gánh nặng trên cõi đời này!

Nghe sự thuyết minh tràng giang đại hải của A-Nậu-Đà-La, Ngài Xá Lợi Phát cảm thấy thương xót cho bạn. Tôn giả nói:

- Này A-Nậu-Đà-La! Tôi rất mừng cho hiền giả đã có con mắt nhìn thấy một ngàn thế giới. Ấy là hiền giả đã có được "thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân"!

- Không dám!

- Nhưng mà này hiền giả thân mến! Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên là người có thiên nhãn vĩ đại hơn nữa kia! Tôn giả ấy lại nhìn được một trăm ngàn thế giới, hai trăm ngàn thế giới trong lúc hiền giả chỉ mới nhìn thấy được một ngàn thế giới!

A-Nậu-Đà-La biết thực sự vậy nên Ngài nín lặng.

- Lại nữa, Đại Mục-Kiền-Liên không những chỉ có thiên nhãn thông, mà Tôn giả ấy lại có cả thiên nhĩ thông, tha tâm thông, sinh tử thông, thần túc thông và cả biến hóa thần thông ...

A-Nậu-Đà-La lại nín lặng.

- Với ngũ thông vĩ đại và siêu nhân như vậy nhưng chưa bao giờ Tôn giả ấy lại nói rằng mình có con mắt tinh tường, đứng trên đỉnh cao của sự tiến hóa; chưa bao giờ tự nhận mình trí tuệ đã được huấn luyện, đã làm cho thuần thực... mà Tôn giả ấy luôn luôn cảm thấy mình còn thiếu sót, nông cạn, luôn luôn tầm cầu và học hỏi.

A-Nậu-Đà-La ngồi im sững như hóa đá.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát nghĩ là phải thôi, nên đập mạnh, đánh mạnh không còn nương tay nữa.

- Hiền giả thân mến! Cho dù ngũ thông kia có đến chỗ thuần thực viên mãn thì đây cũng chỉ là trò chơi, là cái vỏ cây, cái giác cây, chưa phải là tinh túy của Giáo Pháp. Ngoại đạo cũng có khả năng đắc ngũ thông ấy. Cứu cánh của Sa môn hạnh là phải tận diệt cho được những nhiễm ô, phiền não. Cứu cánh của Sa môn hạnh là giác ngộ giải thoát. Vậy tại sao hiền giả lại tự đắc, tự phụ với con mắt nhìn thấy một ngàn thế giới của mình? Sao hiền giả không tự thấy rõ những vi tế nhiễm ô đang ngủ ngầm trong tâm hiền giả mà ôm cứng, dính chặt nơi cái sở đắc nhỏ nhoi của mình? Chính quan niệm gánh nặng và không gánh nặng của hiền giả là do tâm biếng nhác, ích kỷ của hiền giả. Chính nội dung cái thuyết minh dài dòng của hiền giả chứng tỏ hiền giả bị buộc chặt rất kiên cố bởi ba kiết sử: ngã mạn, phóng tâm và vô minh!

Hiền giả phải biết rõ mình chứ? Phải biết trung thực chứ? Cho đến bao giờ mười kiết sử đều được thấy rõ, đều được cắt đứt như thân cây sa-la cụt ngọn không còn sanh khởi trong tương lai thì khi ấy mới dám nói là buông bỏ gánh nặng trên vai xuống!

A-Nậu-Đà-La thân mến! Tôi nói thẳng thắn quá, xin hiền giả bỏ qua cho!

Mọi sự thật đã được vạch trần. Chưa bao giờ A-Nậu-Đà-La nghe được một thời pháp thâm thúy như vậy, đau xót đến tận tim tủy mà tri ân cũng đến tận tim tủy. Ngài quỳ xuống sát đất, nằm dài ra đất và ôm bàn chân bụi của Tôn giả Xá-Lợi-Phất mà bạch rằng:

- Bạch tôn huynh vĩ đại khả kính! Những đòn đánh mạnh của tôn huynh đã cho kẻ ngu si này một bài học ngàn đời. Đệ thấy rõ tất cả rồi, không còn hoài nghi gì nữa cả. Tháng ngày còn lại này, đệ sẽ độc cư, một mực tinh tấn để làm xong công việc cần phải làm. Đệ hứa chắc như vậy. Nếu không thành tựu được mục đích cuối cùng, đệ không bao giờ dám gặp mặt tôn huynh nữa!

Đúng như lời hứa, ngày hôm sau, A-Nậu-Đà-La xin phép Đức Thế Tôn, rời tịnh xá ẩn dật trong rừng sâu và tinh tấn thiền quán. Không bao lâu sau, Ngài trở về trình diện Tôn giả Xá-Lợi-Phất với nụ cười rạng rỡ, nói rằng:

- Thưa tôn huynh! Đệ hôm nay nhìn thấy rõ một ngàn thế giới, vững chắc không xao động.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất mỉm cười:

- Đúng thế, hiền giả thân yêu! Hiền giả đã nói vậy thì không thể sai được!

Vĩnh cửu, chân phúc đang có mặt giữa hai vị Tôn Giả.

---o0o---

Với Tôn giả Ànanda

Hôm nọ, Bạc Tướng Quân Chánh Pháp đang đi khát thực ở thành Xá-Vệ, Ngài chợt thấy một đứa bé không một mảnh vải che thân, đang bới tìm vật thực trong đồng rác như một con quỳ ăn bùn, thân hình ốm tong teo tựa que củi. Tôn giả tự nghĩ:

"- Không biết nó là con ai? ở đâu? lại sống đời lang thang đói khổ không nhà không cửa như vậy?"

Khởi lòng từ mẫn đối với nó, Ngài gọi:

- Này con, hãy đến đây coi nào!

Đứa bé nhìn thấy dung nghi trang nghiêm của Trưởng lão, sợ hãi, đứng khép nép một bên.

- Con sống ở làng nào? Cha mẹ con ở đâu?

- Thưa Ngài - đứa bé lễ phép nói - con không có nơi nương tựa. Cha mẹ con vì con, vì con là số đen nên đời sống quá khổn khổ. Hôm nọ, mẹ con trao cho con một cái bát, đẩy con vô chợ rồi trốn đi!

Tôn giả ân cần hỏi:

- Hiện giờ con có đói không? Con có muốn ăn chút gì không?

- Dạ, con đói, con luôn luôn đói!

Tôn giả ngồi xuống, mở bình bát - trong ấy chỉ có cái bánh - lấy cho đứa bé rồi nói:

- Con hãy ăn đi!

Đứa bé sung sướng cầm cái bánh, cắn một miếng. Bất chợt một con chó đi ngang, đớp cái bánh rồi chạy mất. Đứa bé nhìn theo, khóc tím tím.

Tôn giả phải dỗ:

- Thôi được rồi, rồi con sẽ được ăn no.
- Dạ!
- Con có muốn sống đời xuất gia như ta không?
- Con muốn lắm, nhưng ai sẽ nhận một kẻ khốn nạn như con?
- Ta, ta sẽ nhận con! Ta sẽ cho con xuất gia!

Với đứa bé bên chân, Tôn giả lại đi bát tiếp tục. Nhưng lạ lùng sao, cả thành phố Xá-Vệ vốn rất kính trọng và đặt đức tin nơi Tôn giả mà sáng hôm ấy Tôn giả chẳng có chút vật thực nào.

Về lại tịnh xá, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đến gặp Tôn giả Ānanda:

- Này hiền đệ! Hiền đệ hãy xem đứa bé khốn khổ này!

Tôn giả Ānanda rất giàu lòng từ tâm, thấy đứa bé Ngài vô cùng thương xót, lấy bánh cho ăn. Nhưng đứa bé chỉ ăn được cái bánh thứ nhất, qua cái thứ hai thì một con chim diều hâu bay qua, tha cái bánh đi mất.

Thấy chuyện lạ lùng, Tôn giả Xá-Lợi-Phất kể chuyện ngoài đường phố cho Tôn giả Ānanda nghe. Cả hai thờ người ra suy nghĩ.

Chợt Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Bây giờ chúng ta sẽ tắm rửa, mặc y áo rồi cạo đầu xuất gia cho nó.

Xong xuôi, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại ôm bát ra đi, chỉ mới vài con đường nhỏ, Ngài đã đầy bát. Trở lại tịnh xá, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói với Ngài Ānanda:

- Bây giờ hiền đệ ngồi một bên, ta ngồi một bên; cầm cái bát trong tay rồi chúng ta sẽ cho đứa bé ăn.

Ngài Ananda không hiểu:

- Tại sao?

- Đứa bé này nghiệp rất nặng, suốt đời phải chịu quả báo rất khốc liệt, nó sẽ không bao giờ được ăn no.

Đứa bé bây giờ đã trong tạng tướng một sa-di, trông sáng sủa hơn một chút nhưng gầy gò, ốm yếu rất tội nghiệp.

- Hãy ăn đi, này con! Hãy ăn cho no!

Được khuyến khích, nó bốc bánh ăn, bốc cơm ăn. Nhưng vừa mới ăn được một ít nó liền bị đau bụng ỉa chảy, nó chạy một mạch ra nhà xí. Đến khi nó giặt y nội, hết đau bụng thì đã quá Ngọ. Tội cho hai vị Tôn Giả, hôm đó, cả hai vị đều không ăn!

* * *

Tôn giả Xá-Lợi-Phất kể cho Tôn giả Ananda nghe:

"- Thời Phật Ca-Diếp, trong một tịnh xá kia có một tỳ-khưu giữ giới trong sạch, chuyên tu thiền quán, tính tình bộc trực, hồn nhiên.

Hôm kia, qua làng là một Trưởng lão lục căn thanh tịnh, người thí chủ của vị tỳ-khưu trông thấy thỉnh về nhà, cúng dường món ăn rồi nghe pháp. Buổi chiều, người thí chủ thỉnh Trưởng lão về tịnh xá nghỉ ngơi. Mấy ngày hôm sau, thí chủ dâng cúng thực phẩm thượng vị vào buổi trưa, dâng cúng những loại nước trái cây, hương hoa... vào buổi chiều. Thấy vậy, vị tỳ-khưu tâm tư không được vui, nghĩ rằng tâm người thí chủ hôm nay đã bị chia hai. Đến lúc nào đó người thí chủ sẽ không cần đến ta nữa. Vậy làm thế nào để đuổi vị Trưởng lão kia đi.

Quán tâm, vị Trưởng lão biết tâm của vị trụ trì, đêm ấy Ngài ngồi trọn đêm, thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả. Gần sáng, Ngài dọn dẹp sàng tọa, quét dọn, cất đặt mọi thứ xong xuôi, cầm bát bay qua hư không đi về một trú xứ khác.

Vị trụ trì không biết, buổi sáng, lấy móng tay cào nhẹ nơi cái chuông, gõ nhẹ nơi cánh cửa rồi đến nhà thí chủ. Thí chủ hỏi tin về vị khách tăng, vị trụ trì đáp:

- Bần đạo không rõ. Sáng ngày bần đạo đã đánh chuông, đã gõ cửa nhưng không thể đánh thức vị ấy được. Có lẽ món ăn thượng vị hôm qua chưa tiêu hóa hết nên vị ấy đến giờ còn say ngủ chẵng?

Vị thí chủ sau khi dâng cúng một phần vật thực cho vị trụ trì, gói thêm một phần khác nhờ vị trụ trì mang về cho vị khách tăng. Trên đường về, tâm tư vị tỳ-khưu kia phiền muộn, nghĩ rằng: "Nếu hấn ta được ăn mãi những món thượng vị như thế này thì có ai nắm cổ đuôi đi hấn cũng không chịu đi đâu. Giờ đem cho? Sẽ bị bại lộ! Đổ xuống nước? Sanh tô sẽ nổi lên và sẽ bị thấy! Quăng trên đất? Lũ quạ sẽ tụ họp, kẻ qua đường sẽ biết!"

Cuối cùng, khi đi qua một đám ruộng đang được đốt, vị tỳ-khưu khều cả đồng than đỏ hừng hực rồi thiêu cháy phần vật thực. Y khoan khoái, xoa tay hài lòng.

Về lại tịnh xá, mở cửa nhìn chỗ khách tăng, thấy đâu đó sạch sẽ, ngăn nắp, vị trụ trì giật mình: vậy là y đã biết rõ tâm tư của ta. Vì biết rõ tâm tư của ta, y đã không quấy nhiễu, lạng lẽ như tâm của một vị Thánh, bỏ đi nơi khác.

Nghĩ vậy, nỗi sợ hãi nổi lên, tâm y như bị thiêu đốt. Suốt thời gian dài cho đến lúc mạng chung, vị tỳ-khưu kia luôn luôn dằn vặt, khổ sở, ưu sầu; luôn luôn nhu có một lò lửa nằm ở trong ruột gan. Chấm dứt thọ mạng, vị tỳ-khưu kia rơi xuống địa ngục, bị đốt, bị nấu mấy trăm ngàn năm."

Nghe quả báo, Tôn giả Ānanda nói:

- Vì một miếng ăn mà khổ thế đấy. Thế rồi sau đó ra sao hờ hiền huynh?

- Sau đó, năm trăm kiếp làm Dạ-Xoa đói, không được ăn no bụng dầu chỉ một ngày. Có một bữa được no bởi ăn đồ ô nhiễm của thai bào. Hết năm trăm kiếp Dạ-Xoa là năm trăm kiếp làm chó đói, chẳng bao giờ được no bụng, chỉ có một bữa no do ăn đồ ối mửa của người khác. Hết kiếp chó, nó sinh ra trong ngôi làng nghèo đói, vào một gia đình cùng khổ nhất. Từ khi nó sinh ra, gia đình kia trở nên nghèo đói cùng cực, cuối cùng phải đuổi nó đi. Rồi cứ thế, nó bị tống từ nơi này sang nơi khác. Ở một ngôi làng biên địa, nó làm thuê sinh sống, lấy một người đàn bà bần khổ và sinh được hai con.

Từ khi nó ở đây, ngôi làng này bị vua xử phạt bảy lần, nhà cửa bị cháy bảy lần và sông hồ bị khô hạn bảy lần. Dân làng biết nó là con số đen nên tống cổ nó đi. Đến một ngôi rừng, một phi nhân ăn thịt vợ và hai con của nó. Lại đau khổ, lang thang, nó đến một vùng biển, xin làm thuê trên một chiếc tàu. Tàu đi bảy ngày thì bị đứng yên như bị mắc cạn. Họ rút thăm xem ai là con số đen. Cả bảy lần thăm đều rơi vào tay nó. Người ta quăng nó xuống chiếc bè trên biển rồi bỏ đi.

Tôn giả Ànanda nghe đến sồn tóc gáy.

- Ôi! Quả báo thật là khủng khiếp.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát lại tiếp tục:

"- Vậy mà đã hết đâu. Suốt năm trăm kiếp nó sinh làm người khốn khổ như vậy. Kiếp này, nó sinh trong một làng đánh cá ở nước Kosala. Từ khi nó ở trong thai bào, cả ngàn gia đình đánh cá ấy rơi vào nghèo đói. Đã thế, cả làng bị vua xử phạt bảy lần, làng bốc cháy bảy lần. Họ bèn tìm con số đen. Họ phân thành hai nhóm, một nhóm năm trăm gia đình. Thế rồi năm trăm gia đình kia được sung túc, năm trăm gia đình có nó lại nghèo đói. Họ phân chia nữa, cuối cùng tìm ra được gia đình nó, tản xuất ra khỏi làng. Khốn khổ thay người đàn bà bụng mang dạ chửa, lê lét tám thân đi xin ăn không bao giờ đủ no. Khi sinh đứa bé đã biết đi, biết chạy, người mẹ giao cho nó một cái bát, đẩy vào trong chợ rồi bỏ trốn... Chính lúc ấy, ta thấy nó và dẫn nó về đây!"

Kể xong, không khí như lặng lại. Tôn giả Ànanda nói:

- Cái bánh ngoài đường phở - chó ăn! Cái bánh ở đây - điều hâu tha! Khi chúng ta cầm bát muốn cho nó ăn no - thì nó đau bụng!

Tôn giả Xá-Lợi-Phát nói:

- Từ trước đến nay, hiền đệ thường thích nhận trọng trách cho xuất gia sa-di, đến tuổi thọ đại giới, hiền đệ thường dẫn đến ta làm thầy tế độ. Đệ tử chung của chúng ta đến nay có thể lên đến năm trăm vị rồi. Riêng đứa bé này quá đặc biệt, ta cho nó xuất gia, nhưng hiền đệ chịu khó lưu tâm một chút. Sở dĩ huynh phải kể dong dài về quá khứ như vậy là vì nhờ có một thời y tu hành tinh tấn, duyên ấy giúp y sẽ thành tựu đạo quả A-La-Hán vào cuối đời!

- Thừa vâng, hiền huynh!

Đã dặn dò Tôn giả Ànanda kỹ lưỡng như vậy mà Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại còn dẫn chú sa-di đến gặp A-La-Hán, kể tóm tắt cho A-La-Hán nghe, rồi nói:

- Vậy con cố gắng chăm sóc cho chú tân sa-di này nhé! Vật thực, cơm, cháo, bánh gì đó - con hãy lưu tâm chia xớt cho chú với nhé! Chú đã khổ sở quá nhiều kiếp sống rồi. Đại gia đình của Đức Tôn Sư sẽ là mái nhà ấm cúng nhất cho chú làm nơi nương tựa.

* * *

Tình cảm của Tôn giả Ànanda đối với Tôn giả Xá-Lợi-Phất rất sâu đậm, và Tôn giả Xá-Lợi-Phất đối với Tôn giả Ànanda cũng vậy. Không phải hai vị chỉ liên hệ với nhau bởi đám môn đồ mà vì quý trọng, thương mến phẩm cách của nhau. Tôn giả Ànanda đâu chưa đắc được quả vị cuối cùng nhưng đã được Đức Thế Tôn tán thán trước đại chúng rằng:

- Nay các thầy tỳ-khuru! Có năm lý do mà Như Lai coi Ànanda như là một Đại Đệ Tử. Năm lý do ấy là gì? Thứ nhất, Ànanda có sức học uyên thâm, ngoại trừ Xá Lợi Phất ra, không ai bì được. Thứ hai, Ànanda có một trí nhớ thật phi thường, chẳng ai trong Giáo Hội này sánh được. Thứ ba, Ànanda giữ giới luật và phẩm hạnh rất trong sạch, cao thượng. Thứ tư, Ànanda là một Sa môn rất kiên trì học hỏi, kiên trì công việc và kiên trì trong việc giáo giới người khác. Và thứ năm, là Ànanda luôn luôn chuyên tâm cần mẫn trong mọi việc dầu nhỏ hay lớn. Bởi có năm phẩm chất lỗi lạc ấy mà Như Lai coi trọng Ànanda, khen ngợi Ànanda!

Còn đối với Xá-Lợi-Phất, có lần Đức Thế Tôn hỏi Ànanda rằng:

- Nay Ànanda! Trong hàng tứ chúng có rất nhiều người quý trọng, cảm mến Xá-Lợi-Phất, còn ông thì sao? Ông có bằng lòng vị Sa môn ấy không?

Tôn giả Ànanda đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ai mà không bằng lòng Tôn giả Xá-Lợi-Phất trừ phi người ấy khờ dại, ngu muội hoặc tinh thần thấp kém, tối tăm và hư hỏng.

Bạch Đức Thế Tôn! Sa môn Xá Lợi Phất là một vị tỳ-khưu hoàn toàn siêu việt, có một sức học và một trí tuệ vô biên. Thế gian này khó kiếm ra được một người có kiến thức quảng bác, một tâm hồn trong sáng, một lý trí sắc bén, một tấm lòng quảng đại, bao dung... như Tôn giả ấy. Ngoài ra, vị sư huynh của con là tấm gương chói lọi nhất về một đời sống ít ham muốn, biết đủ, vắng lặng, ưa tĩnh cư, không thích nơi ồn ào, huyên náo. Bạc Tướng Quân Chánh Pháp lại là người giàu nghị lực, giàu ý chí, có tài biện luận chưa hề thua ai trong tam giới. Đại huynh của con còn có cả nghệ thuật biết lắng nghe người khác, lắng nghe một cách chăm chú, đầy hiểu biết. Là bậc luôn tự chế, luôn luôn chánh niệm, tỉnh giác, luôn luôn kiểm soát một cách trọn vẹn và thù thắng thân, khẩu, ý của mình. Lại là người luôn luôn có nét mặt trong sáng, dịu dàng, cởi mở, vui tươi... Ôi! Phi Đức Thế Tôn, trong Giáo Hội, Ngài ấy là ngôi sao sáng về tất cả mọi phương diện vậy.

Sự tán thán, ca tụng của Tôn giả Ānanda về vị huynh trưởng của mình có lẽ là hết chữ nghĩa, và chẳng, điều ấy cũng là đúng sự thật. Những tâm hồn cao cả thường yêu mến những tâm hồn cao cả. Chính Tôn giả Xá-Lợi-Phất khi được người ta dâng cúng vật gì quý báu, cũng để dành lại, trao tặng Tôn giả Ānanda. Mà Đại Đức Ānanda cũng vậy. Lần nọ, Tôn giả Ānanda được một ông Bà la môn dâng cúng một bộ y quý giá, Ngài muốn để dành dâng đến Tôn giả Xá-Lợi-Phất mà không biết làm sao - vì theo luật, một vị tỳ-khưu không được phép giữ y lâu nếu chưa xả y cũ - mà lúc ấy Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại đi công tác Phật sự xa, mười hôm sau mới về!

Thế là Tôn giả Ānanda bèn bạch Phật, trình bày lại sự việc. Thấy tấm lòng thành khẩn và chí tình của Tôn giả Ānanda, Đức Tôn Sư đành phải "du di" thay đổi lại giới luật:

- Thôi được rồi, Ānanda! Nếu Xá-Lợi-Phất mười hôm nữa mới về - thì bắt đầu từ hôm nay, Như Lai cho phép chư tỳ-khưu được giữ y trong vòng mười hôm vậy.

Ôi! Các điều luật của Đức Đạo Sư mà tình lý trọn vẹn, dễ mến xiết bao!

* * *

Có một số vị tỳ-khưu bàn tán rằng, vì Tôn giả Ānanda là bậc hữu học nên mới có những tình cảm riêng tư như vậy đối với Tôn giả Xá-Lợi-Phất. Điều ấy là sai lầm. Tôn giả Ānanda thường tôn kính và yêu mến tất cả những vị Đại Trưởng lão giới hạnh trong sạch và trí tuệ uyên thâm. Mà đại biểu cao

cả cho giới hạnh và trí tuệ ấy, trong Giáo Hội, không ai bằng được Xá-Lợi-Phất. Đôi khi, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại còn khiển trách nhẹ nhàng Tôn giả Ānanda là khác nữa.

- Này hiền giả Ānanda! Hiền giả tiếp xúc với Ni giới nhiều quá đấy!

- Biết làm sao được hở sư huynh, khi Ni giới họ có cảm tình với đệ!

- Tại sao lại có cảm tình?

- Vì từ khi đệ xin cho nữ giới được xuất gia, họ coi đệ như ân nhân của họ.

- Rất nhiều vị trong Ni giới là những mệnh phụ phu nhân, xuất thân cảnh vàng lá ngọc, vương giả, triệu phú... Họ đẹp đến chim sa, cá lặn - hiền giả có thấy như thế không?

- Thưa vâng!

- Vậy khi tiếp xúc với họ, mắt hiền giả để ở đâu?

- Thưa hiền huynh! Đệ dường như không thấy!

- Vậy nếu khi đã lỡ thấy thật sự rồi?

- Thì đệ sẽ không nói chuyện!

- Vậy giả dụ họ có hỏi chuyện thì phải làm sao?

- Thì đệ sẽ đề phòng, cương quyết lấy chánh niệm làm người canh cửa!

- Lành thay! Hiền giả thật là tuyệt vời! Nhưng không biết đây có phải là những điều do hiền giả tự nghĩ ra không?

Bỗng Tôn giả Ānanda chấp tay xá lạy:

- Chẳng có gì đâu được đôi mắt sắc bén của hiền huynh! Chính Đức Thế Tôn đã chỉ dạy phương pháp đối trị ấy cho đệ đấy!

- Nhưng mà hết Ni giới làm phiền - bây giờ lại đến nữ giới, ai họ đến đây cũng tìm cho bằng được Trưởng lão Ānanda!

Tôn giả Ânanda thở dài:

- Đây là sự thật. Tuy nhiên, mỗi người như vậy có một hoàn cảnh thật đáng thương. Đệ đã dạy đạo cho họ, an ủi họ, sách tấn họ.

- Vậy là tốt! Nhưng mà này hiền giả thân mến - chính vì tình cảm ấy nên hiền giả cứ mãi loay hoay bên này bờ hữu học, hiền giả biết chứ?

- Thưa vâng!

- Còn tãng tướng của hiền giả cũng đẹp quá. Hiền giả như một nụ hoa tỏa hương thơm ngào ngạt nên ong bướm các nơi lũ lượt tìm đến.

- Điều ấy không phải lỗi ở đệ. Đức Thế Tôn còn đẹp hơn, hiền huynh cũng đẹp đẽ không kém vậy.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất chợt nói to:

- Vậy là hiền giả hiểu sai ý của ta rồi. Cái đẹp không phải là điều đáng khiển trách. Ta muốn nói rằng: càng đẹp thì phải càng tinh tấn hơn, giác tỉnh hơn, nghị lực, dũng mãnh nhiều hơn. Phải có một nỗ lực phi thường để thắng lướt tất cả mọi chướng ngại. Sự thành tựu sau này của hiền giả, vì vậy, sẽ là một ngọn đèn lớn soi rọi cho hàng hàng thế hệ, chẳng phải tầm thường đâu.

- Tri ân huynh đã quá khen!

Đến đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nắm tay Tôn giả Ânanda ân cần nói:

Bồn phận của ta đối với Giáo Hội chỉ là một giai đoạn ngắn, còn bồn phận của hiền giả đối với Giáo Hội thì vô tận, không thể đo lường được, hiền giả biết không? Đừng hiểu lầm ý ta nhé!

Ôi! Thật là rất đạo tình, rất thấm thiết, trách gì, sau này, khi nghe tin Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhập diệt, Tôn giả Ânanda đã khóc lóc, kêu lên: "Ôi! Khi mà người bạn cao thượng của tôi đã ra đi rồi, thì đối với tôi, cuộc đời như chìm vào trong đêm tối tăm vĩnh viễn!"

--- o0o ---

Thân quyến của Ngài Xá-Lợi-Phất

Mấy ngày hôm nay Tăng chúng bàn tán sôi nổi chuyện tín nữ Visakhà về việc bà cho kiến tạo một tịnh xá tên là Pubbàrama tại phía Đông Kỳ Viên. Và chính đích thân Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại đứng ra, chăm sóc, coi ngó công trình đẹp đẽ này.

Đức Phật có lần viếng thăm quốc độ Anga, thành phố Bhaddiya, ông ngoại của cô bé Visakhà bảo cô bé tập trung năm trăm tở gái, năm trăm cỗ xe và năm trăm thi nữ để đi đón tiếp Đức Phật. Trong dịp này, sau thời Pháp của Đức Phật, cô bé đắc quả Tu-Đà-Huần. Lớn lên, Visakhà có đủ năm vẻ đẹp của người phụ nữ là: tóc, da, xương, vóc và tuổi trẻ. Nhà chồng của bà ở Xá-Vệ lại theo phái lõa thể, nhưng bà đã tìm cách đưa gia đình chồng về với đức tin Tam Bảo.

Bà Visakhà để bát cho Chư Tăng hằng ngày tại nhà, có lúc lên đến hai ngàn vị. Trưa, chiều bà đến tịnh xá để cúng dường và thỉnh Pháp. Bà Visakhà giàu lòng giàu lòng bố thí và tận tình hộ trì Chư Tăng không kém gì trưởng giả Cấp Cô Độc. Bà xin Đức Thế Tôn tám điều:

- Dâng y cho Chư Tăng cho đến mãn đời,
- Để bát cho Chư Tăng đến thành Xá-Vệ,
- Để bát cho Chư Tăng rời thành Xá-Vệ,
- Dâng vật thực đến Chư Tăng đau ốm,
- Dâng vật thực những vị chăm sóc bệnh nhân,
- Dâng những thuốc men đến những vị sư đau ốm,
- Dâng lúa mạch đến chư sư,
- Dâng y tắm mưa đến tỳ-khuru ni.

Đức Phật nhận lời. Một lần đến chùa bà bỏ quên chiếc áo khoác trị giá chín triệu đồng tiền vàng, Đại Đức Ananda không biết của ai nên cất giữ. Người tỳ nữ trở về trình lại tự sự. Bà đến hầu Phật và tỏ ý muốn làm một việc thiện với số tiền bán chiếc áo ấy. Đức Phật bảo nên cất một tịnh xá nằm tại phía Đông công vào. Không ai có đủ tiền mua áo nên bà phải bỏ tiền ra mua lại chiếc áo ấy. Thế là với số tiền lớn, bà xây dựng một tịnh xá rộng rãi, kang trang, đẹp đẽ.

Khi công việc xong, Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Lúc này Giáo Hội đã phát triển vững mạnh. Cận sự nam nữ thì đã có hai vị đại thí chủ Cấp Cô Độc và Visàkhà lo lắng mọi sự. Chư Tăng dẫu đông đúc bao nhiêu, vật thực vẫn đầy đủ để nuôi mạng. Những vật dụng khác thuộc tứ sự từ đây sẽ không còn thiếu thốn. Người bệnh hoạn, đau ốm, già cả đều có người chăm nom, săn sóc. Giới chúng sa-di lúc này cũng đã nhiều người lớn tuổi, đã biết rõ trách nhiệm và phận sự của mình. La-Hầu-La là một quản chúng tốt được bạn đạo kính trọng và nể phục.

Ta vừa nghe tin cha ta mới qua đời. Vậy đây là phải lúc, hợp lẽ ta đến xin Đức Thế Tôn về thăm gia đình."

Đức Thế Tôn nhìn người Đại Đệ Tử đầu yêu tóc đã điểm bạc, bao năm nay chỉ nghĩ đến người khác, lo cho người khác, chu toàn xuất sắc những phần việc được giao phó mà không hề nghĩ đến bản thân, Ngài ân cần nói:

- Ông nên làm vậy, này Xá-Lợi-Phất. Cuối cùng cả gia đình ông đều tốt đẹp, viên mãn, sẽ như ý nguyện của ông.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đến thăm Đại Mục-Kiền-Liên, Tôn giả Ânanda, Đại Ca-Điếp, A-Nậu-Đà-La... và cố ý gởi gắm việc hầu hạ Đức Tôn Sư cùng việc thay Ngài chăm sóc Giáo Hội. Năm trăm đệ tử của Tôn giả đồng xin được tháp tùng.

La-Hầu-La bịn rịn nắm tay thầy:

- Bạch thầy, về quê nhà thầy hãy thận trọng. Mẫu thân của thầy chưa có đức tin với Chánh Pháp, bà làm nhục con thì được nhưng nếu làm nhục thầy thì con sẽ đau xót lắm!

Chuyện La-Hầu-La bị làm nhục một lần tại Nàlaka thì từ Đức Phật đến Tăng chúng không ai mà không biết.

"Thuở đó, ở Vương-Xá thành, La-Hầu-La cùng với một số huynh đệ sa-di đi bộ hành về quê của Tôn giả Xá-Lợi-Phất để khát thực. Mẹ của Tôn giả thấy rõ là Sa môn nên đem tâm ghét cay, ghét đắng; bà cho người mời vào rồi hỏi:

- Các vị là học trò của ai?

- Chúng tôi là học trò của Tôn giả Xá-Lợi-Phất.

- Thế à! bà vốn đã nói - Xá-Lợi-Phất là con trai của ta, các vị là học trò của con trai ta, vậy ta phải xem các vị như cháu nội của ta vậy.

Nói xong, bà quát tả hữu:

- Bây đầu! Hãy mau ra tiếp bát các cháu nội của ta!

Đám gia nhân vâng lời, xin thỉnh bát, rồi mời mấy vị sa-di vào phòng khách an tọa. Bà hỏi lung tung:

- Các cháu nội của ta, các cháu đã đói bụng chưa?

Các sa-di im lặng.

- Về đây là như về nhà của các cháu vậy! Các cháu ưa ăn gì nào, cứ thật tình nói đi?

Các sa-di im lặng.

Bà Sàri biết các sư không bao giờ than đói bụng, không gợi ý thích ăn món gì nên bà mới hỏi vậy.

- Hay là ta nói nhé! Các cháu có thích ăn món thịt gà không? Bọn nô lệ đầu, hãy làm thịt mấy con gà béo mập nhé!

Đến nước này La-Hầu-La phải nói:

- Không được đâu, thí chủ!

- Hay là các cháu chê thịt gà. Vậy thì thịt heo nhé! Hãy thịt một chú lợn choai choai nghe bọn bây, các cháu của ta thích món ấy!

- Không được đâu, thí chủ!

- Vậy thì cá nhé! Hãy ra hồ bắt mấy con lý ngư mang vào đãi các cháu ta!

- Không được đâu, thí chủ!

Bà Sàri chột làm mặt giận, nói lấy:

- Cái gì cũng không được, không được! Món ăn ngon béo bở cũng không muốn. Thôi được rồi, bà nội cũng không ép.

Bà bỏ đi vào trong một lát, khi đi ra thì gia nhân ôm theo những bình bát đầy ở trên tay. Bà bảo trao bát cho mấy vị, rồi nói:

- Heo suốt đời thích ăn cám, chó suốt đời thích ăn phân, trâu bò suốt đời thích ăn cỏ. Các Sa môn Thích tử, Sa môn con trai ta, đệ tử con trai ta suốt đời thích ăn cơm thừa, canh cặn, nước cháo chua, nước cháo thiu thì biết làm thế nào? Thôi, dù sao ta cũng là bà nội, chiều theo ý các cháu nên các món mà các cháu ưa thích, ta đã sai gia nhân trộn lẫn với nhau rồi, cho dễ ăn, cho dễ nuốt! Trời cũng đã trưa, thôi các cháu đi đi. Ta già cả rồi, không đưa tiễn được!"

Nghĩ lại chuyện cũ, Tôn giả Xá-Lợi-Phất buồn lòng cho sự "đáo đẽ" của mẹ. Ngài nói lời an ủi với La-Hầu-La rồi cùng hội chúng lên đường.

Về đến quê, Ngài để năm trăm tỳ-khưu ở rải rác trong các rừng cây rồi một mình trở lại thăm nhà. Đây đó vắng tanh. Sân gạch thên thang phủ một lớp rêu dày. Cả một cơ ngơi khang trang, vĩ đại chỉ mới mười mấy năm mà đã có vẻ điêu tàn, hoang phế. Ngài tần ngần, đứng lặng. Một chú bé chừng sáu, bảy tuổi chạy ra, Tôn giả biết đây là Revata, em trai út của Ngài.

- Này em! ta là Xá-Lợi-Phất đây!

Revata nhìn sững: "Đây là anh trai cao cả, tôn quý của ta? Đâu đâu người ta cũng thán phục, ca tụng ông anh vĩ đại này! Ồ! mà sao anh trai ta đẹp quá, uy nghiêm quá, lại dễ mến nữa!"

Revata chạy lại. Tôn giả thân mến ôm trẻ trong vòng tay, xoa đầu, mỉm cười hỏi:

- Em nhận ra ta chứ?

- Em nhận ra anh ngay! Anh yêu quý!

- Sau này em sẽ xuất gia như ta chứ?

- Vâng, em sẽ xuất gia theo anh. Không những xuất gia theo anh mà xuất gia theo cả anh Cunda, anh Upasena, xuất gia theo các chị Càlà, Upacàlà, Sisupacàlà nữa!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ: "Hai em trai lớn của ta xuất gia thì đúng rồi vì ta hướng dẫn họ, khuyến khích họ. Nhưng còn ba người em gái, ta vừa nghe tin họ mới lấy chồng kia mà? Sao Revata lại nói vậy?"

Bèn hướng tâm đến, Tôn giả thấy rõ, liền nói với Revata.

- Em nói đúng. Sau này cả bảy đứa con của gia đình Vaganta sẽ xuất gia hết. Giờ thì em nghe lời anh dặn đây: phía Tây ngôi làng này có mấy chục vị tỳ-khưu đang tu hạnh đầu đà trong một khu rừng. Khi nào em muốn xuất gia thì hãy đến đây, giới thiệu em là em trai của ta, họ sẽ vui vẻ nhận em vào Giáo Hội. Em nhớ không?

- Dạ em nhớ! Em sẽ xuất gia trong khu rừng ấy.

Khi câu chuyện vừa dứt thì bà Sà-rì đã đứng bên ngưỡng cửa, tóc bà đã bạc trắng, lưng đã còng, trên tay cầm chiếc gậy trúc đầu rắn.

- Ông về đây làm cái gì?

- Thưa mẹ!

Tôn giả cúi đầu.

Bà Sà-rì gắt:

- Thưa mẹ cái gì? Ai là mẹ của ông?

- Thưa mẹ! Con hay tin ba vừa mất!

Bà chống gậy, quay lưng đi:

- Mất cái gì! Ông chết nhăn răng, ông chết tức tở vì con cái bỏ đi theo ông Cồ-Đàm hết, bỏ đi theo đám ăn xin đầu đường xó chợ hết!

Tôn giả lại cúi đầu, không dám nói một lời.

Revata nói:

- Sao mẹ lại mạt sát anh trai của con? Anh trai của con dù sao là một bậc vĩ đại, danh vọng nổi tiếng khắp toàn cõi Châu Diêm Phù Đề này! Anh trai của con vì thương cha, nhớ mẹ mà về thăm! Anh trai con im lặng, vòng tay, cúi đầu như vậy, có dám nói gì đâu mà mẹ lại đối xử quá thậm tệ...

Tôn giả Xá-Lợi-Phát gắt em:

- Revata! Em không được nói với mẹ như thế!

Revata giận dữ bỏ đi. Bà Sàri cũng chống gậy vào nhà sau. Tôn giả Xá-Lợi-Phát lặng lẽ bước lên nhà trên, vào điện thờ. Ngài đứng vòng tay, mặc niệm trước chỗ thờ của cha, thốt lời cầu nguyện trong tâm:

"- Thừa vong linh cha! Hãy nghe lời con đây! Cuộc đời này con không báo đáp gì được trước ân đức sinh thành, dưỡng dục của cha vì chánh kiến bất đồng. Bây giờ cha mất rồi, con nguyện rằng, phước đức tu hành cả trọn kiếp này của con, và vô lượng kiếp trước nữa, con hồi hướng đến cho cha. Mong nhờ phước báu ấy hỗ trợ cho cha, để cha được nhiều yên vui và lợi lạc."

Bà Sàri đã đứng bên lưng, giọng nói dịu lại:

- Ông về được bao lâu?

Ngài quay lại:

- Thừa mẹ! ất hôm thôi, con lại phải đi!

- Ông về với bao nhiêu tỳ-khuru?

- Thừa mẹ! Năm trăm vị.

- Hiện giờ họ ở đâu?

- Thừa mẹ! Rải rác trong các khu rừng, quanh ngôi làng này.

- Ta sợ ông mất mặt với họ, dù sao gia đình của chúng ta là gia đình danh giá, vọng tộc, lại là cự phú ở trong làng. Vậy thì ngày mai, ông mời hết tất cả họ đến đây, ta sẽ dâng cúng vật thực một cách tươm tất, đàng hoàng. Ta muốn rằng, dầu là vua chúa cũng không thể cúng dường vật thực sang trọng hơn dòng họ Vaganta!

- Thưa mẹ! Con xin vâng!

- Y áo có thiếu không? Nhân tiện, ta cúng dường luôn năm trăm bộ y - để xứng đáng là một cuộc làm phước trọng thể.

- Thưa mẹ! Tất cả đều đã có đủ y.

- Thêm một bộ nữa, không được sao?

- Thưa mẹ! Mỗi vị thường sống hạnh tri túc với tam y của mình.

- Vậy thì ta không ép.

Bà lại chống gậy bỏ đi.

- Thưa mẹ...

- Gì nữa đó?

- Con muốn nhân tiện mẹ làm phước, mẹ thỉnh Chư Tăng tụng kinh hồi hướng phước báu đến cho cha!

- Đây là tín ngưỡng của ông, chứ không phải tín ngưỡng của tôi. Tôi không phải thừa thỉnh ai hết!

Thấy mẹ vẫn cố chấp như thưở nào, Tôn giả Xá-Lợi-Phát nín lặng.

Chợt bà hỏi vọng ra:

- Chiều và tối nay ông nghỉ đâu?

- Thưa mẹ, ngoài rừng cùng với chúng tỳ-khưu!

- Thôi được rồi, tùy ý ông.

Ngày hôm sau, giữ đúng lời hứa, bà bảo mấy trăm gia nhân chuẩn bị cơm nước, bánh trái, đầy đủ các món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm, cao sang nhất cứng dường cho Tăng chúng năm trăm vị. Quả thật, danh vọng của gia đình dòng họ Vaganta quá lớn nên một tiếng hô của bà là "nhất hô bá ứng", trên dưới, trong ngoài tuân lệnh răm rắp. Bà cũng hoan hỷ cùng với gia nhân sót vật thực vào từng bát cho mỗi vị. Tuy nhiên, nỗi buồn khổ của người mẹ "mất con" vẫn hăm hực trong lòng bà, nên khi để bát cho một vài nhóm tỳ-khưu coi bộ lớn tuổi, bà tức giận nói nhỏ vào tai họ:

"- Cũng vì mấy ông trọc đầu dê tiện này! kể cả ông Sa môn Cồ-Đàm điên khùng kia nữa mà ta phải vĩnh viễn mất đi đứa con trai! Hãy ăn cho no bụng rồi cút đi! Cút cho khuất mắt ta!"

Khi để bát cho Tôn giả Xá-Lợi-Phất, bà cũng nói nhỏ bên tai như hơi gió thoảng:

"- Chỉ có ông là ngu si nhất trên cuộc đời này! Chỉ có ông là bị ông Cồ-Đàm cho ăn "cháo lú" nên mới bỏ cả gia tài tám chín trăm triệu đồng tiền vàng để đổi lấy cái đời sống thân tàn ma dại ngốc nghếch!"

Tôn giả Xá-Lợi-Phất cùng Chư Tăng không ai hé miệng nửa lời, vẫn cẩn trọng, từ tốn, khiêm cung, lặng lẽ độ thực. Dùng xong, Chư Tăng năm trăm vị cùng đọc kinh phúc chúc và quán tưởng. Lời kinh trầm hùng và cao cả như hải triều âm cuộn cuộn đổ tràn ra không gian. Uy lực của lời kinh, của âm thanh làm cho ngôi làng như lặng ngắt, mấy trăm gia nhân tự động chấp tay lên ngực. Bà Sàri cao ngạo là vậy mà cũng phải chống gậy thẳng lưng lên, có một sự tôn kính nào đó thoáng gợn lên làn da mặt của bà...

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nghĩ rằng vậy là mình đã báo đáp được phần nào ân đức của cha, nên chào mẹ, em trai Revata rồi lên đường. Bà Sàri trông theo, trên đôi mắt ứa ra mấy giọt lệ.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Rồi một lúc nào đó, mẹ cũng đến được bến bờ an vui, sẽ không còn đau khổ nữa!"

Tôn giả còn ở lại trong làng một ngày nữa, Ngài đi đến khu rừng Đầu Đà, nơi có những tỳ-khưu đang sống hạnh tĩnh cư, cốt ý gởi gắm Revata sau này.

Nghe Tôn giả đến, mấy chục vị tỳ-khưu hớn hở, vui mừng ra tiếp rước y bát, nước rửa chân và giẻ chùi chân. Tôn giả vấn tắt vài lời, thăm hỏi sức khỏe, sự an vui trong tu tập rồi nói:

- Thưa chư hiền! Tôi có một đứa em trai, bảy tuổi, tên là Revata; nếu sau này, khi nào em tôi tìm đến đây thì chư hiền hãy làm lễ xuất gia cho nó, tôi sẽ vô cùng biết ơn.

- Thưa vâng, chúng con sẽ y lời, thưa Bậc Tướng Quân Chánh Pháp.

Các vị khác lại thưa:

- Không mấy khi Tôn giả ghé chân đến đây! Ôi! Cả khu rừng này đều được hạnh phúc. Việc Revata là việc nhỏ, chúng con sẽ chu toàn! Bây giờ xin Tôn giả ban cho một thời Pháp để được lợi lạc lâu dài cho chúng con.

Tôn giả vui vẻ hỏi:

- Về vật thực, y áo chư hiền có đầy đủ không?

- Dạ đầy đủ.

- Về sàng tọa, thuốc men, chư hiền có đầy đủ không?

- Dạ đầy đủ.

- Về học giới, chư hiền có gì thắc mắc không?

- Dạ không, chúng con sống rất hòa thuận nhờ tôn trọng, nhắc nhở, khuyến khích, sách tấn nhau từng học giới.

- Vậy về pháp hành chư hiền đã có đầy đủ bên mình cả chưa?

- Dạ chúng con đều đầy đủ. Chúng con, mỗi người đều xin được pháp hành từ Đức Đạo Sư!

Nhìn quanh hội chúng, Tôn giả lại hỏi:

- Chư hiền sống với nhau giữa rừng núi. Vậy sống giữa rừng núi, chư hiền cần phải thành tựu bao nhiêu pháp? Mà nhờ thành tựu những pháp ấy chư

hiền đi bất cứ đâu cũng không hổ thẹn mình là một vị tỳ-khưu sống ẩn cư giữa rừng già, hành theo Pháp Đầu Đà cao thượng?

Chư Tăng ngơ ngác nhìn nhau một hồi rồi họ đồng thanh nói:

- Quả thật chúng con chưa được nghe, chúng con chưa được học hỏi. Mong Trưởng lão bi mẫn chỉ giáo, soi rọi chỗ tối tăm cho chúng con.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất bèn giáo giới như sau:

- Này chư hiền! Trước đây nhiều năm, tại Vương-Xá thành có vị tỳ-khưu tên là Gulissani sống tại rừng núi, nhưng khi vào các tịnh xá trong thành phố thì thường có hành động thô tháo. Nguyên nhân của các hành động thô tháo ấy là vị tỳ-khưu Gulissani chưa thành tựu được những pháp ở núi rừng. Bây giờ chư hiền hãy lắng nghe, ta sẽ giảng.

Khi thấy Chư Tăng đang cung kính, chăm chú lắng nghe, Tôn giả đã giảng như sau:

- Này chư hiền! Khi từ núi rừng đến trú với Chư Tăng trong các tịnh xá ở làng hoặc trong thành phố, pháp thứ nhất, chư hiền phải thực hành là biết cung kính các vị đồng phạm hạnh, đừng tự cao, ngã mạn; phải biết vị nào cao hạ để đối xử cho phải lẽ; phải biết vị nào là Trưởng lão, là bậc thầy để tôn trọng, đánh lễ!

Pháp thứ hai, chư hiền nên thực hành là phải biết khéo léo về chỗ ngồi, đừng chiếm lấy chỗ ngồi của các vị Trưởng lão tỳ-khưu, đừng đuổi chỗ ngồi của các vị tỳ-khưu niên thiếu. Cả hai pháp ấy, chư hiền có thực hành được không?

- Chúng con thực hành được.

Tôn giả lại nói tiếp:

- Pháp thứ ba, là khi về trú giữa Tăng chúng, chư hiền đừng bao giờ đi khát thực quá sớm và trở về quá trưa; vì như vậy mọi người sẽ bàn tán: các vị tỳ-khưu đi la cà đâu đó, ghé nhà thiện tín này, ghé nhà thiện tín kia, để tà mạng, gợi ý ăn món này, món nọ...; thân thiện quá nhiều với giới tại gia cư sĩ. Vậy chư hiền nên đi khát thực đúng giờ và trở về khi vật thực vừa đủ no lòng. Chư hiền nhớ rõ như vậy chứ?

- Chúng con nhớ rõ.

- Pháp thứ tư, chư hiền khi về trú giữa Tăng chúng, đừng bao giờ ghé nhà thiện tín trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn; làm như vậy, người ta sẽ bàn tán: mấy ông Sa môn này đến kiểm chác cái gì đây mà trước bữa ăn đến châu chực và sau bữa ăn chẳng để người ta nghỉ ngơi! Chư hiền có thấy sự dị nghị khó nghe như vậy chăng?

- Đúng là như vậy.

- Pháp thứ năm, chư hiền khi về sống giữa Tăng chúng phải luôn luôn ổn định thân, ổn định khẩu, ý - đừng vung tay vung chân; nói năng điềm đạm, luôn luôn biết tự chế, đừng phóng dật, đừng dao động, đừng nói quá nhiều lời, đừng sa đà vào những câu chuyện phù phiếm, tạp nhạp, rỗng không, vô ích.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả!

- Lại nữa, Pháp thứ sáu mà chư hiền nên có là luôn luôn mềm mỏng, chứng tỏ người dịu dàng, dễ dạy; đừng cứng đầu và đừng bao giờ biểu hiện ra ngoài dù là một hành động ác nhỏ; làm sao chứng tỏ mình là một người bạn lành, một thiện trí.

- Chúng con xin ghi nhớ.

- Pháp thứ bảy là phải thường phòng hộ các căn, biết tri túc, tiết độ trong ăn uống, ngủ nghỉ.

- Thưa vâng!

- Pháp thứ tám là phải kiên trì, tinh cần, không được dễ duôi, buông xuôi, biếng nhác... Pháp thứ chín là phải chú tâm, cảnh giác, không thất niệm, phải có thiền định. Pháp thứ mười là luôn luôn chánh niệm, tỉnh giác, có trí tuệ, biết quán chiếu ngũ uẩn.

- Vâng, bạch Tôn giả.

- Pháp thứ mười một là chư hiền cần phải học tập cho thông suốt, rột ráo... để ai hỏi về thắng Pháp, thắng Luật, chư hiền đều có thể trả lời được.

- Thừa vâng!

- Pháp thứ mười hai là các Pháp tịch tịnh, giải thoát, vượt khỏi sắc pháp, vượt khỏi vô sắc pháp, chư hiền đều có thể giảng giải rành rẽ cho người cầu học. Và pháp thứ mười ba là các thắng trí của bậc thượng nhân, chư hiền cũng cần phải thành tựu.

Thấy hội chúng thấy đều im lặng, Tôn giả Xá-Lợi-Phất khích lệ, sách tấn:

- Thừa chư hiền! Không phải là tôi đã đòi hỏi quá nhiều, mà thật đúng là vậy, có mười ba pháp, vị tỳ-khuru sống ở rừng núi cần phải được học hỏi, y chỉ, thực hành, thành tựu. Khi mà có được mười ba pháp ấy thì chư hiền đi bất cứ đâu, đồng đạo cũng cung kính, ái mộ, mà cận sự nam nữ cũng thấy đều cung kính, ái mộ. Chư hiền đến đâu cũng là bóng mát nương tựa cho Chư Thiên và loài người.

Vậy chư hiền hãy cố gắng, kham nhẫn tấn tu, hãy thương yêu nhau, đùm bọc nhau, nhắc nhở nhau để tất cả cùng thành đạt cứu cánh tối thượng của Sa môn hạnh. Là mục đích xán lạn và cao cả, xứng đáng cho những thiện gia nam tử xuất gia cần cầu an ổn mọi ách phược.

Chư Tăng ở trong Rừng Đầu Đà thấy đều hoan hỷ, họ đã nghe một thời pháp chưa từng được nghe: trọn vẹn và toàn hảo. Họ vô cùng tri ân, cung kính tiến đưa Tôn giả Xá-Lợi-Phất lên đường.

* * *

Dừng ở ngã ba vào Vương-Xá thành, Tôn giả Xá-Lợi-Phất suy nghĩ: "Ta có nên vào kinh đô xứ Ma-Kiệt-Đà chăng? Trong thân bằng, quyền thuộc ở đây, biết ai còn có duyên để dẫn họ vào Chánh Pháp chăng?"

Rồi Ngài tự trả lời:

"- Ta có một ông cậu có duyên với Chánh Pháp. Ông cậu này thường cúng dường đến các đạo sĩ lửa thể, và ông ta nghĩ rằng, làm như vậy là thực hành con đường cộng trú với phạm thể. Ông cậu này, ta đã dẫn đến Đức Đạo Sư, và Đức Thế Tôn đã đặt ông ta vào đức tin Tam Bảo.

Ta cũng có một đứa cháu trai, tháng ngày chuyên giết thú và chăm sóc ngọn lửa tế thần. Y làm như vậy và tin tưởng rằng đây là con đường dẫn đến cõi Phạm Thiên. Ta đã dẫn cháu ta đến bên chân Đức Đạo Sư và y đã có đức tin Tam Bảo từ đây.

Ta cũng có một người bạn hữu duyên. Y theo ngoại đạo, hằng ngày tốn tiền bạc mua súc vật, giết súc vật để cúng dường thần lửa. Người bạn này cũng đã được Đức Tôn Sư đặt y vào đức tin chọn chánh rồi.

Vậy chẳng còn ai hữu duyên ở Vương-Xá thành này nữa mà thăm viếng, ngoại trừ gia đình, và người hiện thời mà ta phải quan tâm là Revata!"

Nghĩ thế xong, Tôn giả Xá-Lợi-Phất cùng với đồ chúng bộ hành trở lại Kỳ Viên tịnh xá.

* * *

Bà Sàri chồng gậy nhìn theo hình bóng người con trai thân yêu, mắt già hoen lệ. Cả một cơ ngơi trù phú, thanh mãn, đông vui mà bây giờ trở nên trống không. Cả hàng trăm gia nô, kẻ hầu người hạ mà lúc nào bà cũng cảm thấy hoang vắng. Tiền rừng bạc bể, sơn hào hải vị cũng trở nên vô ích, nhạt nhẽo...

Revata ra đứng bên cạnh, nắm tay bà, đôi mắt nó cũng nhìn ra hướng xa xăm. Động tâm, bà Sàri nghĩ:

"- Hay là cái giọt máu cuối cùng này cũng không muốn nối truyền tông hệ? Nó nhìn anh trai trưởng của nó với đôi mắt đầy khâm phục và tôn kính! Nó đã cãi lại ta, bênh vực anh nó, và cảm mến cả lũ Sa môn đầu trọc nữa!

Thôi phải rồi, nguy rồi! Ta phải cứu con trai út của ta! Ta phải cứu cho cả dòng họ Vaganta! Phải cưới vợ cho nó thôi! Revata bảy tuổi, ta sẽ cưới cho nó một cô gái chừng mười bốn mười lăm tuổi, và cô gái ấy sẽ thay ta kèm kẹp nó, ngăn giữ nó, không cho nó có ý nghĩ ngông cuồng chạy theo bọn không cửa không nhà! Gia sản phải có người gìn giữ, huyết thống phải có người kế thừa!"

Nghĩ là làm ngay. Ngày hôm sau, bà cho mời mấy người trưởng thượng trong quyền thuộc, trình bày lý do, sao đó, nhờ họ dò hỏi ở những gia đình cùng tập cấp và vai vế, cùng danh vọng và gia sản. Một cô gái mười bốn tuổi

xinh đẹp được tìm ra. Lễ đám hỏi được tiến hành nhanh chóng. Gia đình bà Sàri giàu có nên không cần của hồi môn của cô gái.

Revata còn bé quá nên không biết gì. Đến ngày cử hành hôn lễ, cậu bé được mặc trang phục xinh đẹp, mang đồ trang sức quý giá, cùng với hàng trăm tùy tùng bước lên những cỗ xe sang trọng đi đến nhà gái. Revata được người ta cho biết là hôm nay cậu cưới vợ, và cô gái kia sẽ ăn ở với cậu trọn đời. Đến đây thì cậu đã hiểu tuy còn rất mơ hồ.

Thân bằng quyến thuộc của hai họ tề tựu đông đủ. Cờ, đèn, hoa và màu sắc chỗ này chỗ kia làm cậu ta hoa mắt. Đến giờ lành, giờ tốt, người ta cử hành lễ rước dâu. Cậu đứng bên một cô gái cao hơn cậu cả một cái đầu - mặt được trùm kín bởi một chiếc khăn mỏng - không thấy mặt mũi cô gái ra sao, chỉ nghe người ta nói là đẹp lắm!

Vị Trưởng lão chủ hôn, đặt tay trong bát nước, rảy nước rồi công bố phúc lành:

"- Cầu cho các con trăm năm tở hồng thắm thiết. Cầu cho các con được phúc thọ khang ninh như bà ngoại của cô dâu vậy."

Sau lời cầu chúc tốt đẹp của hai họ, Revata tự nghĩ: "Bà ngoại của nàng là ai vậy?" Khi được biết rằng, đây là một cụ bà sống một trăm hai mươi tuổi, răng rụng, tóc bạc, da nhăn đầy những vết đồi mồi, lưng còng như một cái kèo uốn cong hình chữ U...! Revata bèn thăm hỏi người hầu thân tín: "Này, cô dâu xinh đẹp trẻ trung của tôi, khi già thì trông cũng giống như bà ngoại của nàng chẳng?" Người ta đáp: "Đây là điều dĩ nhiên. Bệnh, già, chết là định luật cậu ạ, chẳng ai tránh thoát được đâu!"

Khi sự thật đã được xác nhận, đã được thấy rõ, Revata kinh hãi, tự nghĩ:

"- Đây có lẽ là sự thật mà các anh trai của ta đã nhận thức nên họ đã từ bỏ gia đình để làm những vị Sa môn. Vậy ngay bây giờ ta phải tìm cách, lập kế mà trốn đi kẻo không còn kịp nữa. Ta phải xuất gia!"

Thế rồi trên đường trở về cùng với cô dâu trên chiếc xe hoa sục nức mùi hương, Revata chột la lên:

- Hãy dừng xe lại một chút. Tôi bị đau bụng!

Revata bước ra khỏi xe, tắt tả đi vào một đám cây rậm rạp, một lát, cậu chậm rãi trở lại. Lần thứ hai, lần thứ ba Revata cũng viện cớ như vậy.

Lần thứ tư, khi còn cách nhà không bao xa, Revata nói một cách rất tự nhiên:

- Rõ là cái bụng nó đang hành hạ tôi. Nhà cũng sắp đến rồi, vậy quý vị cứ chậm chậm cho xe đi trước, tôi sẽ theo kịp ngay tức khắc.

Không ai nghi ngờ gì cả, họ đánh xe đi. Revata đi vào một đám cây khuất bóng, rồi cậu co giò chạy một mạch vào hướng Tây khu rừng. Trời gần tối, đói meo, mệt lã, cậu tìm ra ngôi Rừng Đầu Đà, nơi có ba mươi vị tỷ-khưu mà trước đây Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã dặn dò. Gặp họ, Revata đành lễ:

- Thưa Chư Đại Đức! Hãy cho con xuất gia, hãy thu nhận con vào Tăng chúng.

- Này cậu bé! Một vị Trưởng lão nói - với những trang sức quý giá và với những y phục cao sang, đẹp đẽ như vậy, không biết cậu bé là con vua hay cháu chúa làm sao chúng ta dám nhận vào Tăng đoàn này, nơi những Sa môn sống đời ẩn cư khổ hạnh?

- Bạch Ngài, con là em trai út của Upatissa.

- Upatissa là ai?

- Bạch Ngài! Upatissa là tên của anh trai con thuở còn là gia chủ. Từ khi xuất gia đến nay, anh trai con có tên là Xá-Lợi-Phất!

Các vị Trưởng lão, Đại Đức, thất kinh cùng đứng dậy:

- Sao? Đúng là em trai Tôn giả Xá-Lợi-Phất đấy chứ?

- Dạ đúng vậy! Anh trai con là Xá-Lợi-Phất, xuất thân trong gia đình trưởng giáo Bà la môn, dòng họ Vaganta con bà Sàri. Một ngôi làng phía Đông, cách đây gần một ngày đường.

- Đúng rồi, không hoài nghi gì nữa! Này cậu bé! Trưởng lão Xá-Lợi-Phất có dặn bảo chúng tôi, chờ đợi cậu và làm lễ xuất gia cho cậu. Ngài là anh cả

của chúng tôi, là thầy của chúng tôi, là cái mặt trời, mặt trăng mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ!

Thế rồi, Revata được cởi ra những y phục và tư trang, mặc vào mảnh y của người khất sĩ, làm lễ cạo tóc và xuất gia.

Một vị tỳ-khưu trong Rừng Đầu Đà bộ hành về Kỳ Viên tịnh xá báo lại sự việc cho Tôn giả Xá-Lợi-Phất nghe. Ngài muốn đi thăm em, nhưng lần thứ nhất, lần thứ hai Đức Thế Tôn đều nói:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Bây giờ là chưa phải thời! Hãy kham nhẫn!

Trong lúc ấy, sa-di Revata tự nghĩ:

" Nếu ta tiếp tục trú ngụ ở đây, dầu chỉ một ngày thôi, thì trước sau gì gia đình cũng tìm thấy."

Bèn xin đề mục thiền quán từ vị Trưởng lão rồi mang y và bát, Revata khởi sự một chuyến du hành rất xa, ba mươi dặm đường, một mình vào trú trong khu rừng xiêm gai. Revata nhập hạ ở đây trong ba tháng mùa mưa, Revata thành tựu được mục đích của Sa môn hạnh cùng với những thắng trí của bậc thượng nhân!

Hôm ấy, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-Lợi-Phất:

- Bây giờ là phải thời, Như Lai sẽ cùng ông đi thăm sa-di Revata.

Đại chúng hay tin, chừ phàm Tăng không ngớt bàn tán, cho rằng Đức Thế Tôn thiên vị vì Revata là em trai của Bậc Tướng Quân Chánh Pháp. Họ nói:

- Chúng ta hãy xem! Một chú sa-di bảy tuổi, lại ở cách xa biết bao dặm đường, thế mà Đức Thế Tôn phải đích thân đi thăm viếng, hẳn là một sự kiện hy hữu!

Biết được tâm ý của một số tỳ-khưu như vậy, nhưng Đức Thế Tôn không nói gì, Ngài bảo Tôn giả Xá-Lợi-Phất tập hợp đại chúng rồi lên đường. Đến một ngã tư, Trưởng lão Ànanda thưa rằng:

- Có hai con đường dẫn đến rừng xiêm gai của sa-di Revata. Con đường tốt được bảo vệ, có dân cư và nhà cửa đông đúc, dài sáu mươi do-tuần. Một con

đường xấu, không được ai bảo vệ, nhiều phi nhân và ác thú, hoang vắng người và nhà cửa, nhưng rất ngắn, chỉ có ba mươi do-tuần. Vậy chúng ta đi con đường nào, bạch Đức Thế Tôn?

Đức Phật hỏi Ngài thị giả:

- Có Sivali đi cùng đây không, Ànanda?
- Thưa có, có Trưởng lão Sivali trong số năm trăm tỳ-khưu.
- Vậy chúng ta đi con đường ngắn.

Tôn giả Ànanda bần khoản:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con đường này thật không dễ dàng khát thực cho một hội chúng đông đúc!
- Này Ànanda! Đức Phật nói - ông đừng nên quá lo xa như vậy, sẽ có nhân, duyên, quả nó làm việc.

Con đường ngắn thật hiểm trở, cheo leo, vất vả.

Nhưng ngạc nhiên làm sao, con đường ấy hôm nay lại bằng phẳng, phong quang! Và cứ cách một do-tuần là có những căn nhà nghỉ to, rộng, thoáng mát. Nơi những căn nhà nghỉ đầu tiên, có những cư dân không biết ở đâu xuất hiện, ăn mặc sang trọng, mang những mâm vật thực sang trọng, tỏa ngát mùi hương đi tìm Trưởng lão Sivali và dâng cúng vật thực cho vị ấy.

Trưởng lão Sivali lại bảo họ dâng cúng đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Suốt ba mươi do-tuần, Bạc Đạo Sư và đại chúng được nghỉ ngơi và thọ dụng vật thực kỳ lạ như vậy.

Đến khu rừng xiêm gai, sa-di Revata trang nghiêm, tề chỉnh ra đánh lễ Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Mọi người đưa mắt nhìn quanh, chẳng còn thấy đâu là khu rừng già đầy gai góc và hoang dã nữa. Kia là hương phòng dành cho Đức Đạo Sư đẹp đẽ như cung điện của cõi trời. Rải rác cả mấy khu rừng là năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, mỗi chỗ ở trang trọng như vậy được dành cho một vị tỳ-khưu! Ngoài ra có năm trăm con đường đi kinh hành có mái che xanh mát bởi dây leo và hoa nở; lại có cả năm trăm khu vực dành cho ban ngày và ban đêm...

Chư Tăng không ngớt bàn tán, chỉ chỗ. Tôn giả Xá-Lợi-Phất ân cần nắm tay sa-di Revata:

- Ta hoàn toàn mãn nguyện, em có biết không, Revata?

Revata kính cẩn nắm tay anh, và biết rằng, mọi nhân, mọi duyên hôm nay mà được chín muồi đều do nhờ ân đức của người anh trai cao quý này.

Tại đây, Đức Thế Tôn ở lại một tháng để giáo giới Chư Tăng. Ngài tán thán hạnh độc cư, thiền định, tán thán những nỗ lực tấn tu phạm hạnh của Revata, khuyên Chư Tăng nên lấy đó làm gương, làm cái đích để tiến hóa.

Trong thời gian ở đây, Đức Phật và Tăng chúng được số dân cư xa lạ dâng cúng vật thực đầy đủ. Trước khi rời khu rừng xiêm gai, Đức Thế Tôn đã xóa tan mọi nghi hoặc trong tâm của đại chúng:

- Này các thầy tỳ-khuru! Suốt ba mươi do-tuần và cả thời gian một tháng ở đây, Như Lai và các thầy được dâng cúng vật thực thượng vị đều do nhờ phước báu của một người: đây là tỳ-khuru Sivali! Sự kiện hy hữu ấy các thầy phải thấy rõ để tăng trưởng đức tin chơn chánh vào Giáo Pháp!

Chư Tăng im lặng, họ đã hiểu lý do cuộc lên đường xa xôi của Đức Phật.

- Bạch Đức Thế Tôn - một vị hỏi - do nhân gì, do duyên gì mà Trưởng lão Sivali có phước báu thù thắng như vậy?

Đức Phật lại phải vén bức màn quá khứ đã bị che lấp:

- Này các tỳ-khuru! Cách đây chín mươi một đại kiếp, vào thời Đức Phật Ti-Bà-Thi (Vipassi), tỳ-khuru Sivali là một nông dân nghèo. Hôm kia, y lấy được một ổ mật ong tươi. Ôi mật ong ấy trị giá chỉ có mấy xu nhưng người ta trả giá mua đến một ngàn đồng tiền vàng. Khi biết rằng, họ mua là để cúng dường, người nông dân ấy đã không bán để lấy tiền mà phát tâm hoan hỷ hùn phước. Y đã cúng dường mật ong đến Đức Phật Ti-Bà-Thi và Tăng chúng sáu mươi tám ngàn vị. Do nhân ấy, do duyên ấy mà nhiều đời kiếp cho đến hôm nay, Sivali bao giờ cũng sung mãn vật thực, trong Giáo Hội không ai bằng được, kể cả Như Lai.

Sau này, khi các thầy bộ hành qua các làng mạc xa xôi, gặp lúc đói kém, mất mùa - hãy tháp tùng với Sivali, dầu năm vị, mười vị hay hơn thế nữa các thầy vẫn được no đủ. Thí chủ của tỳ-khuru Sivali ở khắp nơi, không phải chỉ có loài người mà còn có cả chư thiên và thọ thần nữa!

Im lặng một lát, Đức Thế Tôn đứng dậy, nắm tay sa-di Revata rồi nói rằng:

- Còn đây là con trai của Như Lai, con trai thù thắng của Như Lai! Các thầy biết tại sao mà Như Lai yêu mến Revata như vậy không? Nếu biết chuyện của Revata thì trong các thầy, ai cũng phải yêu mến và đều muốn đi viếng thăm Revata cả!

Này các thầy tỳ-khuru! Mặc dầu mới bảy tuổi nhưng Revata đã phải lên xe hoa với cô dâu. Thế nhưng, khi sắp về đến nhà, Revata đã tìm cách trốn đi, nhịn đói, nhịn khát vượt qua con đường dài, đến khu Rừng Đầu Đà với quyết chí xuất gia. Ngày hôm sau, Revata đã vội vã lên đường làm một cuộc bộ hành xa xăm hơn nữa, đến đây, với y và bát, an cư mùa mưa và khởi tâm đạt cho được quả vị A-La-Hán. Thế rồi, cuối mùa mưa, Revata thành đạt được ý nguyện cùng với những thắng trí. Hương phòng của Như Lai, năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, năm trăm đường đi kinh hành... cùng mọi tiện nghi ăn ở khác, tất cả đều do năng lực của Revata!

Vậy các thầy có thấy đây là sự kiện hy hữu không?

Khi Chư Tăng hoan hỷ cất tiếng "lành thay" thì Chư Thiên, thọ thần khắp núi rừng đồng loạt tán thán theo làm chấn động đến cả cõi trời.

* * *

Revata sau này đến tuổi, thọ đại giới. Ba người chị của Revata, mỗi nàng sinh được một người con trai, được đặt những tên có nghĩa là "theo chân người mẹ". Rồi họ xuất gia.

Các cậu con trai khi được bảy tuổi, bèn "theo chân người mẹ", họ cũng xuất gia luôn. Và chính Đại Đức Revata nhận họ, làm thầy truyền sa-di giới. Những vị tỳ-khuru ni Cālā, Upacālā và Sisupacālā đều đắc quả A-La-Hán. Các con trai của các nàng đều có hạnh kiểm tốt đẹp.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất dường như đã chu toàn xong những bổn phận cao cả đối với gia đình, quyến thuộc, bằng hữu; nhưng Ngài còn một nỗi bên lòng:

ấy là mẹ Ngài, đang còn theo ngoại đạo, vẫn giữ vững đức tin với Đấng Phạm Thiên của bà, không gì lay chuyển nổi!

---o0o---

Với Nữ đạo sĩ tóc quăn

Được biết rằng nàng là một cô gái xinh đẹp tuyệt trần, con của một thương nhân giàu có ở Vương-Xá thành, phải lòng một tên cướp đang bị dẫn ra xử trảm ở pháp trường.

Vì thương con, cha mẹ nàng phải hối lộ một ngàn đồng tiền vàng để người ta đánh tráo tên cướp, mang về nhà và sắp đặt một cuộc hôn nhân. Nàng và tên cướp bắt đầu sống chung với nhau trong cảnh vinh hoa phú quý. Chẳng được bao lâu, tên cướp khởi lên ác tâm, muốn giết nàng để lấy đi tất cả đồ nữ trang quý giá. Hắn lập mưu nói là muốn làm một cuộc lễ tạ ơn đến vị thần bốn mạng hộ trì, đây là "ngọn núi thiêng của những tên cướp". Hôm kia, sau khi sắm sửa lễ vật trọng thể, hắn dẫn nàng lên núi cao. Tại đây, tên cướp lột tất cả đồ trang sức của nàng rồi định giết nàng. Hắn đã nói thật dã tâm của hắn. Chán nản người chồng ác đức, tương kế tựu kế, nàng đã xô anh ta xuống vực sâu tan xác.

Đã thấm thía tình duyên phản trắc, cô gái quăng đồ nữ trang, xé rách y phục sang trọng, khoác một mảnh vải tìm đến một phái đạo sĩ khổ hạnh.

Các nữ đạo sĩ hỏi nàng:

- Cô muốn xuất gia khổ hạnh bậc gì?

- Bậc thượng!

Thế là thay vì cạo tóc bằng những bẹ nứa, người ta nhổ từng sợi tóc cho nàng, máu chảy thành dòng. Các nữ đạo sĩ lấy bùn đất do uế trát lên y áo của nàng, trao cho một cái bát bằng đất rồi dạy giáo pháp, tu tập, thiền định... Không bao lâu sau, cô gái bây giờ là nữ đạo sĩ - đã chứng tỏ sự thông minh kỳ đặc, một ý chí sắc thép, một đầu óc siêu việt, một lý trí sắc bén - nên sớm được đồng đạo nể phục. Người ta muốn nàng lên đường để xiển dương giáo pháp, đem chuông trống đi đánh xứ người... Từ đây, nữ đạo sĩ sống đời ta bà vô trú, không bao lâu đã nổi tiếng khắp nơi về tài hùng biện...

Từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ thành phố này sang thị trấn nọ, nữ đạo sĩ đã trở tài vô địch trong những cuộc tranh luận về các môn triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ-Đà; giương cao ngọn cờ minh triết cho một môn phái khổ hạnh, chủ trương diệt dục bằng lối sống khắc kỷ. Đến ở đâu, nữ đạo sĩ cắm lên đây một hành liễu xanh. Nhưng rồi, đến một lúc nào đó, hành liễu này khô đi lại được thay bằng một hành liễu mới, chẳng có ai dám nhổ hành liễu để tranh luận với nàng nữa!

Hôm nọ, bước chân ta bà ấy đến Xá-Vệ, nữ đạo sĩ cắm một hành liễu ngay trước cổng thành. Một số trẻ em tò mò vây quanh...

Tôn giả Xá-Lợi-Phất, sau khi đi khát thực, trên đường trở về tịnh xá, thấy đám trẻ và hành liễu, Ngài dừng chân:

- Của ai đây, các con?
- Của nữ đạo sĩ tóc quăn, thưa Trưởng lão.
- Nữ đạo sĩ à?
- Dạ phải, nữ đạo sĩ tuy ăn mặc xấu xí, tóc quăn, nhưng đẹp lắm.

Tôn giả nói:

- Vậy thì các con hãy nhổ hành liễu ấy và quăng đi!
- Chúng con sợ!
- Không sao, có ta đây! Khi nữ đạo sĩ hỏi, các con bảo là đệ tử của Đức Thế Tôn nhổ đây!

Đám trẻ reo hò, chúng đến, không phải là nhổ mà là dẫm đạp lên hành liễu, đá tung bụi, bẻ vụn hành liễu, và quăng toi tả đó đây.

Nữ đạo sĩ tóc quăn đi khát thực trở về thấy vậy bèn quát:

- Ai cả gan như thế?
- Không phải là chúng con mà là Ngài Trưởng lão cao quý của chúng con, Ngài đứng kia kia!

Quay nhìn Trưởng lão, nữ đạo sĩ thấy một Sa môn tướng mạo đoan nghiêm, thần sắc thanh thoát và trầm tĩnh. Chợt dung nạng cảm nghe hơi chợt dạ. Nàng chưa biết ai, thấy ai toát ra được cái tự chủ và tự tin như thế.

- Có phải ông là đ? tử của Sa môn Cồ-Đàm đây không?

- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!

- Ông chấp nhận một cuộc tranh luận không khoan nhượng chứ?

- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!

- Ông có biết rằng chấp nhận tranh luận là một sự mạo hiểm? Ông mà thất bại thì danh dự, tiếng tăm của ông và cả Sa môn Cồ-Đàm sẽ biến thành mây khói?

- Bản đạo biết rõ, thưa nữ đạo sĩ!

Nhìn xung quanh, nữ đạo sĩ nói với mọi người:

- Vậy thì chiều nay, tại trú xứ của ông Cồ-Đàm, sẽ có một cuộc tranh luận về giáo pháp. Thành phố này, ai là người có tai, có óc thì hãy đến đây mà nghe!

Tôn giả Xá-Lợi-Phát khiêm tốn:

- Đúng vậy, chiều nay, tại công tịnh xá Kỳ Viên, kẻ ngu hèn này xin được hầu đáp nữ đạo sĩ - một biện sĩ lỗi lạc!

Không mấy chốc, câu chuyện đồn đãi khắp cả thành Xá-Vệ. Buổi chiều, người ta vây quanh khu đất trống trước công tịnh xá Kỳ Viên. Không những là dân chúng, cư sĩ các tôn giáo mà còn có bóng dáng hàng trăm đạo sĩ của nhiều giáo phái, hàng trăm vị tỳ-khưu đồng tham dự nữa.

Người ta bàn tán với nhau:

- Trên đời này, có ai tranh luận hơn vị Trưởng lão đ? nhất của Giáo Hội Đức Tôn Sư?

- Thật là con đom đóm muốn khoe ánh sáng với mặt trời!

- Biết đâu có một kỳ nhân, dị sĩ xuất hiện?

- Eo ôi! Đúng là đem trống đánh trước cửa nhà sấm!

Đám đông chợt yên lặng khi nữ đạo sĩ tóc quăn xuất hiện. Mặc dầu y áo xộc xệch, váy bản bùn đất nhưng cũng không che dấu được vẻ đẹp tuyệt trần của nàng.

Trưởng lão Xá-Lợi-Phất trang nghiêm, từ tốn từ trong tịnh xá bước ra. Mọi người hồi hộp, yên lặng.

Nữ đạo sĩ nói:

- Ngài lấy tư cách cá nhân mà tranh luận hay lấy tư cách Giáo Hội ông Cồ-Đàm mà tranh luận?

- Là cá nhân, thưa nữ đạo sĩ! Tư cách Giáo Hội thuộc về Đức Tôn Sư. Không ai ở trên đời này có thể đại diện một Đức Chánh Đẳng Chánh Giác, thưa nữ đạo sĩ!

- Thế cũng được. Bây giờ cho tôi được hỏi đây. Ông Sa môn cần những câu hỏi có giới hạn hay không có giới hạn?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất xót thương cho sự công cao, ngã mạn của nàng nên nói:

- Đối với tôi không thành vấn đề. Nhưng đối với nữ đạo sĩ thì nên đặt những câu hỏi sở trường nhất của nàng!

- Tại sao?

- Như vậy sẽ có lợi cho nữ đạo sĩ hơn. Vì tất cả mọi triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ-Đà tôi đều biết rõ, thấy rõ; nhưng về Giáo Pháp của Đức Tôn Sư, nữ đạo sĩ không hề hay biết dẫu là một tí chút ở ngoài da!

Đám đông cười ô! Chỉ mới câu nói đầu tiên của Trưởng lão, dường như đã minh định được sự hơn thua của cuộc tranh luận. Nữ đạo sĩ thấy mình bị xem thường nên tức giận:

- Thôi đừng nhiều lời, ông Sa môn, hãy nghe ta hỏi đây!

Tôn giả ân cần nhắc nhở:

- Đừng nôn nóng, hãy bình tĩnh! Hãy đặt những câu hỏi nào mà nữ đạo sĩ cảm thấy là hóc búa nhất về Vệ-Đà và không Vệ-Đà, cả về thiên văn, địa lý, đạo đức, thuật số, luận lý, ngôn ngữ... thế học, đạo học... hoặc về tất cả những gì mà đầu óc uyên bác của nữ đạo sĩ suy nghĩ ra!

Kinh sách không ghi lại nội dung chi tiết của cuộc tranh luận lý thú này, chỉ nói là nữ đạo sĩ đã đặt vấn Trương lão một ngàn câu hỏi. Thật là kinh khiếp! Từng câu hỏi một, Trương lão đã như một nhà thông thái giải thích, phân tích, đi từ ngoài vào trong, đi từ trong ra ngoài, không những trả lời rất đầy đủ những câu hỏi của nàng mà còn làm cho nàng thấy rõ kiến thức nông cạn, hời hợt của mình nữa.

Nữ đạo sĩ say mê lắng nghe. Tất cả những ngạo khí thấy đều tiêu tan. Mọi sự khôn ngoan, sắc bén của nàng đều thui chột. Mọi kiến thức uyên bác của nàng rõ là trò trẻ con đối với Trương lão.

Tôn giả nói:

- Còn câu hỏi nào nữa không, thưa nữ đạo sĩ?

Nữ đạo sĩ im lặng. Tôn giả cất lời dụ dàng:

- Một ngàn câu hỏi nữ đạo sĩ đã hỏi tôi, vậy bây giờ tôi hỏi nàng nhé, một câu duy nhất thôi!

- Vâng, thưa Trương lão.

- Thưa nữ đạo sĩ! Nữ đạo sĩ hỏi huyền thuyên trên trời dưới đất. Bây giờ là câu hỏi của tôi: Gì là "Một"? - nói đi, nữ đạo sĩ - một là gì nào?

Câu hỏi của Tôn giả thật là lạ lùng không ai ngờ được. Đại chúng sau một hồi lặng ngắt, chợt cười reo, thú vị. Nữ đạo sĩ bàng hoàng. Thời gian trôi qua. Nữ đạo sĩ toát mồ hôi mà tượng đá cũng toát mồ hôi!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất chậm rãi thả từng tiếng:

- "Một" mà nữ đạo sĩ cũng không biết thì đòi biết cái gì? "Một" của số học, lượng học, hay triết học thì cũng là cái "Một" ấy thôi! Mà quả thật, cái "Một" ấy là ra sao, thưa nữ đạo sĩ?

- Tôi không trả lời được. Tôi đã thua cuộc.

- Vậy là đúng, vậy là chính xác, vậy là chân thực. Cho dầu nàng có trả lời được, biết được thì cũng chẳng đi đến đâu, chẳng đưa đến chấm dứt khổ đau và phiền não!

- Nhưng tôi muốn biết "Một" ấy là gì?

- Nếu nữ đạo sĩ từ bỏ giáo pháp ấy - cái giáo pháp rỗng không và phù phiếm của nàng - xuất gia dưới chân của Đức Tôn Sư, rồi nàng sẽ biết cái "Một" ấy là gì.

- Vậy hãy cho tôi gia nhập Ni chúng!

Thế là cuộc tranh luận chấm dứt. Khi được biết rằng người luận thắng nàng là Đại Đệ Tử của Đức Phật, Bạc Tướng Quân Chánh Pháp, vị Thượng Thủ của Giáo Hội, nữ đạo sĩ không thấy xấu hổ nữa. Sau đó, Tôn giả Xá-Lợi-Phát cho nhắn tin đến Giáo Hội Tỳ-khuru Ni, và nữ đạo sĩ tóc quăn được xuất gia với Trưởng lão Ni Gotami, có tên là tỳ-khuru ni Kundalakesi. Nàng nhận được đề mục thiền quán từ Đức Tôn Sư và chỉ sau ba ngày, nàng đắc quả A-La-Hán. Tri ân xiết bao, tỳ-khuru ni Kundalakesi tìm đến đánh lễ dưới chân Tôn giả Xá-Lợi-Phát, rồi nói:

- Nếu hôm ấy, con biết được trên đời có một Giáo Hội minh triết với những con người minh triết như thế này thì con sẽ không dám đặt ra một câu hỏi nào cả!

Tôn giả Xá-Lợi-Phát mỉm cười:

- Nay Kundalakesi! "Một" là gì nào?

--- oOo ---

Những câu hỏi đạo cao siêu

Đã từ lâu, thuở còn ở Trúc Lâm tịnh xá, Đức Phật thường tán thán, ca ngợi Trưởng lão Phú-Lâu-Na (Punna Mantaniputta) trước đại chúng. Trưởng lão Phú-Lâu-Na nổi tiếng về hạnh thiểu dục, tri túc, yêu thích độc cư, tinh tấn, thành tựu Giới Định Tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Và chính Trưởng lão cũng hằng khuyến khích, nhắc nhở các hàng tỳ-khưu tấn tu những hạnh kể trên. Nghe vậy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất vô cùng hoan hỷ, những mong có ngày diện kiến Trưởng lão Phú-Lâu-Na.

Ngày ấy đã đến. Hôm kia, Trưởng lão Phú-Lâu-Na bộ hành từ một khu rừng thuộc quốc độ Ma-Kiệt-Đà về nước Kosala, đến Kỳ Viên hầu thăm Đức Thế Tôn. Sau khi được Đức Đạo Sư giáo giới, Trưởng lão Phú-Lâu-Na tìm về một khu rừng yên vắng ở Andhavana để nghỉ trưa. Được một vị tỳ-khưu cho biết, Tôn giả Xá-Lợi-Phất liền mang y bát lên đường thăm viếng.

Cả hai đều không biết mặt nhau. Họ tương kính chào đón, hỏi thăm. Tôn giả Xá-Lợi-Phất mở lời:

- Thưa hiền giả, phải chăng chúng ta đang sống đời sống Sa môn hạnh trong Giáo Pháp của Đức Tôn Sư?

Trưởng lão Phú-Lâu-Na nhìn vị tỳ-khưu đứng tuổi, dung sắc chói sáng, tươi mát hiếm thấy, ôn tồn đáp:

- Đúng như vậy, thưa hiền giả!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhũn nhặn:

- Hiền giả sống đời giới hạnh trong sạch, vậy chẳng hay có phải giới thanh tịnh là mục đích của hạnh Sa môn?

- Không phải vậy, hiền giả!

Rồi những câu hỏi của Tôn giả Xá-Lợi-Phất như nước chảy mây trôi:

- Chúng sanh, phàm phu thường bị đau khổ bởi tham sân phiền não, còn hiền giả sống đời an tịnh, vắng lặng như thế này, vậy phải chăng tâm thanh tịnh là cứu cánh rốt ráo?

- Chẳng phải thế đâu, hiền giả!

- Giữa mọi loại triết học, tư tưởng rồi ren trên trần thế, chúng sanh bị quay cuồng, rối loạn bởi những kiến điên đảo, kiến hoang vu, kiến kiết phược, kiến rùng rậm bí bùng..., vậy phải chăng kiến thanh tịnh là mục tiêu cần phải đạt?

- Cũng không phải thế đâu, hiền giả!

- Hay là chấm dứt trọn vẹn tất cả mọi nghi hoặc, nghi ngờ, phân vân, lưỡng lự, do dự, bất quyết..., và đoạn nghi thanh tịnh là minh triết ở cuối con đường?

- Cũng không phải vậy, hiền giả!

- Đen trắng lẫn lộn, tà chánh khó phân; hay mục đích của phạm hạnh là trang bị cho mình sự thấy biết chánh ta, chân ngụy một cách rạch ròi, và đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là ước nguyện của đời Ngài?

Trưởng lão Phú-Lâu-Na chợt mỉm cười:

- Những câu hỏi của hiền giả hay lắm, lưu loát lắm, nhưng rất tiếc, cũng không phải là thế!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất cảm thấy rất thú vị được tao ngộ với một đồng đạo kiến thức uyên thâm, thực tu, thực chứng, nên Ngài hỏi tiếp:

- Hay là thấy rõ con đường chơn chánh? Và đạo tri kiến thanh tịnh là mục đích của Sa môn hạnh?

- Cũng không phải vậy.

- Hay là đã vượt qua, ở trên, không còn dính mắc ở cả con đường chơn chánh mà chỉ còn là tri kiến thanh tịnh thôi?

- Thưa hiền giả, các câu hỏi đều rất kỳ diệu, tiếc thay, thế vẫn chưa đúng đâu!

- Hiền giả hãy xem, Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói - tôi đã hỏi hiền giả về mục đích của Sa môn hạnh, và tôi đã lần lượt đi từ giới thanh tịnh, tâm thanh

tịnh, kiến thanh tịnh, đoạn nghi thanh tịnh, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh, tri kiến thanh tịnh. Cả bảy thanh tịnh ấy, cái gì hiền giả cũng bảo rằng không. Vậy cái gì là mục đích của hạnh Sa môn, thừa hiền giả?

- Vô thủ trước Bát Niết Bàn mới là cứu cánh tối thượng, thừa hiền giả!

Đến đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất thất vấn đề lại:

- Vậy giới thanh tịnh có phải là Vô thủ trước Bát Niết Bàn chăng?

- Không phải!

Thế rồi, Tôn giả Xá-Lợi-Phất hỏi đến cả bảy thanh tịnh, Trưởng lão Phú-Lâu-Na đều trả lời không phải chúng là Vô thủ trước Bát Niết Bàn.

- Vậy Vô thủ trước Bát Niết Bàn nó liên hệ hoặc không liên hệ với bảy thanh tịnh như thế nào hử hiền giả?

- Hiền giả! Trưởng lão Phú-Lâu-Na đáp một cách trang nghiêm - nếu giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát Niết Bàn thì Vô thủ trước ấy cũng đồng đẳng với Hữu thủ trước. Và chúng phàm phu sẽ chấp vào giới thanh tịnh ấy. Về sáu thanh tịnh kia cũng y như thế. Nhưng nếu bảo Vô thủ trước Bát Niết Bàn ở ngoài bảy thanh tịnh kia thì tất cả chúng phàm phu, ngoại đạo đều Vô thủ trước Bát Niết Bàn cả hay sao?

- Tôi hiểu, thừa hiền giả!

- Hiền giả, tôi sẽ cho thêm ví dụ. Vua Pasenadi (Ba-Tu-Nặc) đi xe từ Xá-Vê đến Saketa qua bảy trạm xe. Đến nơi, triều thần ra đón và hỏi có phải nhờ chiếc xe này mà đức vua đến được Saketa hay không? Trong trường hợp ấy, thừa hiền giả, đức vua phải trả lời thế nào cho đúng?

- Dĩ nhiên, đức vua sẽ nói rằng, trăm đi từ trạm một qua trạm hai bằng một cỗ xe, trạm hai qua trạm ba trăm đổi một cỗ xe khác. Và lần lượt như thế, qua bảy trạm trăm đổi bảy cỗ xe khác nhau.

- Đúng vậy, hiền giả quả là thông minh, đã nói rất đúng! Như vậy, giới thanh tịnh là mục đích cho tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là mục đích cho kiến thanh tịnh. Kiến thanh tịnh là mục đích cho đoạn nghi thanh tịnh... Và cuối

cùng là tri kiến thanh tịnh. Tri kiến thanh tịnh là mục đích để đạt đến Vô thủ trước Bát Niết Bàn! Vô thủ trước Bát Niết Bàn mới là cứu cánh của Sa môn hạnh, thừa hiền giả!

Đến đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất rất hân hoan, Ngài chấp tay xá chào Trưởng lão Phú-Lâu-Na.

- Quả thật tôi đã được thông suốt, đã được sáng tỏ, đã được tắm mát ? tận suối nguồn của Pháp. Chẳng hay hiền giả tên gì? Và các vị đồng phạm hạnh thường gọi hiền giả như thế nào?

- Thưa, tôi tên là Phú-Lâu-Na (Punna), các bạn đồng đạo thường gọi tôi là Di-Đà-La-Ni-Tử (Mantaniputta).

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đứng dậy, chấp tay:

- Thật là hy hữu thay, hiền giả! Thật là kỳ diệu thay, hiền giả! Những câu hỏi sâu kín, tế vi, thâm mật đã được trả lời rõ ràng, minh xác từng điếm một bởi một đệ tử đa văn, quảng kiến, bác học... của Đức Đạo Sư. Và vị ấy là Tôn giả Phú-Lâu-Na! Thật là hạnh phúc thay cho các vị đồng phạm hạnh. Thật là chơn hạnh phúc thay cho tứ chúng, cho chúng tôi được thăm viếng, thân cận Tôn giả Phú-Lâu-Na!

Trưởng lão Phú-Lâu-Na cũng đứng dậy, chấp tay:

- Hiền giả đã tán thán, ca ngợi quá nhiều làm tôi phải hổ thẹn. Vậy chẳng hay hiền giả cao danh quý tánh? và các vị đồng phạm hạnh thường gọi tên hiền giả ra sao?

- Thưa, tên tôi là Upatissa, các vị bạn đạo thường gọi tôi là Xá-Lợi-Phất!

Trưởng lão Phú-Lâu-Na mở mắt lớn, ngạc nhiên:

- Ô! Thế ra tôi vừa nói chuyện với ai đây? Tôi đã dám phân tích, lý luận, khen ngợi, đàm đạo với một bậc trí tuệ vĩ đại được xem là ngang hàng với Đức Đạo Sư? Ô! Đúng là tôi đã cả gan múa búa trước mắt thợ mộc, đã đem khoe giọt nước trên tay mình với biển Đông! Nếu biết Ngài là Bạc Tướng Quân Chánh Pháp thì tôi đã không dám lòi ra cái dốt của mình!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất ân cần nắm tay Trưởng lão Phú-Lâu-Na, nói rất thật lòng mình:

- Không phải vậy, quả thật tôi đã được nghe một thời pháp thật tu, thật thấy của hiền giả! Một đời Sa môn hạnh sẽ vô ích, uổng công nếu không bơi được đến tận bến, tận bờ... Thế rồi cả hai vị Sa môn từ giã nhau, rỗng không, thanh thoát và đậm đà tình nghĩa như đã tương ngộ với nhau từ thuở kiếp nào!

* * *

Hôm sau, trước nhóm tỳ-khưu đệ tử, Tôn giả Xá-Lợi-Phất kể lại câu chuyện đàm đạo thú vị ấy rồi Ngài tán thán ca ngợi không hết lời về đạo hạnh và trí tuệ của Trưởng lão Phú-Lâu-Na.

Có người không hiểu rõ những ngữ nghĩa qua từng trạm xe, Tôn giả lại phải ân cần, căn kẽ giải thích từng từ một, từng nghĩa một. Ai nấy đều hoan hỷ vì được lãnh hội thấu đáo những kiến thức sâu kín, vi diệu của Pháp. Cuối lời giải thích, một tỳ-khưu trẻ chợt hỏi:

- Vậy Vô thủ trước Bát Niết Bàn là gì, thưa thầy?
- Là cái cần phải liễu tri, chứng nghiệm nơi tự thân, nóng lạnh khác biệt!
- Chẳng nói ra thành lời được sao, bạch thầy?

Tôn giả đáp:

- Nói ra như thế nào thì chúng sanh sẽ chấp như thế ấy. Và như vậy thì đâu còn gọi là Vô thủ trước?

Một vị cứ khăng khăng:

- Thưa thầy, xin thầy cứ giải nghĩa cả nhóm từ cũng được.
- Vậy thì nó có nghĩa là: "rỗng lặng, không còn chấp thủ, dính mắc" gì ở trên đời này nữa!
- Nó có giống "không tâm" không?

- Rất khác. Một vị tỳ-khưu đi đến chỗ trống, ngôi nhà trống rồi khởi lên ý nghĩ "không có ngã mà cũng không có ngã sở", rồi vị ấy trú vào tướng ấy. Tướng ấy chính là "không tâm". Không tâm ấy không thể là Vô thủ trước Bát Niết Bàn được!

- Vậy nó có giống với "vô tướng tâm" không, bạch thầy?

- Một vị tỳ-khưu không khởi lên bất kỳ một tướng nào, rồi tác ý "vô tướng với tất cả các tướng", vậy là "vô tướng tâm". Đây cũng không phải là Vô thủ trước Bát Niết Bàn!

- Còn "vô sở hữu tâm"?

- Một vị tỳ-khưu rời không vô biên, rời thức vô biên, khởi lên tướng "không có gì cả", rồi trú vào tướng ấy, gọi là "vô sở hữu tâm". Vô sở hữu tâm, chúng ngoại đạo cũng đắc được, thì làm sao dám gọi là Vô thủ trước Bát Niết Bàn?

Cả hội chúng bàng hoàng lẫn ngỡ ngác! Từ lâu sống đời ta bà vô trú, rày đây mai đó, họ gặp gỡ, trao đổi, mạn đàm với bạn bè đồng đạo, thân bằng quyến thuộc, với cả chúng ngoại đạo. Họ thường lẫn lộn, không phân tích được, tìm ra sự khác nhau giữa "không tâm", "vô tướng tâm", "vô sở hữu tâm" này! Thậm chí có một số ngoại đạo khư khư bảo rằng "không định" là Niết Bàn, "vô tướng định" là Niết Bàn, "vô sở hữu định" là Niết Bàn mà các vị tỳ-khưu cũng không phản bác được!

Yên lặng để nghiền ngẫm ý nghĩa một hồi lâu, một vị khác lại hỏi:

- Bạch thầy, còn "vô lượng tâm" thì sao? Có thể nào có vô lượng tâm giải thoát và vô lượng tâm không giải thoát?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất thấy câu hỏi hay, bèn nói:

- Chính xác lắm! Vậy hãy nghe đây! Một vị tỳ-khưu biến mãn một phương, mười phương với tâm câu hữu với từ, với bi, với hỷ, với xả... ấy gọi là vô lượng tâm! Nếu vị tỳ-khưu ấy đã giải thoát thì vô lượng tâm kia giải thoát; vị tỳ-khưu kia chưa giải thoát thì vô lượng tâm ấy là không giải thoát. Một bên còn dính mắc, một bên không dính mắc - các thầy có hiểu không?

Lại im lặng.

- Chúng con đã hiểu. Có thể nào với không tâm, với vô tướng tâm, với vô sở hữu tâm - cũng được hiểu như vậy, hở thầy?

- Khá lắm! Ta có thể tóm tắt điều ấy như sau: với tâm giải thoát, vị ấy trú tâm nào cũng giải thoát; với tâm chưa giải thoát, vị ấy trú tâm nào cũng đồng với sanh tử! Các con đã thông suốt chưa nào?

- Dạ, chúng con hiểu. Phải chăng, cả tứ thiên, bát định cũng được liễu tri như thế?

- Đúng vậy.

Hội chúng lao xao bàn bạc một lúc rồi có một tỳ-khưu đứng dậy:

- Bạch thầy! Mấy khi mà chúng con có dịp được nghe đến những pháp vi tế, cao siêu, sâu kín như thế này. Chúng con biết rõ chúng con bụi trần nhiễm ô còn nhiều, nhưng trang bị cho mình những tri kiến chơn chánh không phải là uổng phí vậy. Xin thầy hoan hỷ giải đáp cho chúng con một số nghi nan nữa!

Tôn giả cười dịu dàng:

- Không sao, cứ hỏi đi, các con đừng có ngại! Thảo luận về Phật Pháp là một hạnh phúc cao thượng, Đức Thế Tôn đã không từng dạy như thế đó sao?

Thấy Tôn giả cười, cả hội chúng cùng hoan hỷ.

- Thưa thầy - một vị hỏi - còn diệt thọ tướng định? Nó là như thế nào?

- Này nhé! Một vị tỳ-khưu đã tu tập thuần thực, đã thuần thực vượt lên các định sắc và vô sắc, vị ấy không khởi lên ý nghĩ: "ta sẽ, ta đang, ta đã..."; vì đã thuần thực nên vị ấy đi vào trạng thái định diệt thọ tướng một cách tự nhiên và dễ dàng! Đây là một loại định bất động, chấm dứt tất cả mọi cảm thọ và chấm dứt tất cả mọi tướng tri!

- Một xác chết cũng không có thọ, tướng! Vậy định ấy khác xác chết ở chỗ nào?

- Này các con! Một xác chết chắm dứt thọ, tướng; chắm dứt tuổi thọ, sức nóng, các căn lần lần bị hư hoại, nhưng định diệt thọ tướng còn tuổi thọ, còn sức nóng và các căn đều sáng suốt!

- Chúng con đã hiểu - một vị nói - Vậy khi nhập định diệt thọ tướng, cái gì diệt trước?

- Khẩu hành diệt trước rồi mới đến thân hành và tâm hành!

- Xin thầy giảng giải cho về những cái hành ấy?

- Này nhé! Khẩu hành là tâm, tứ; bởi có tìm kiếm, quan sát mới có lời nói. Thân hành là hơi thở vô, hơi thở ra. Và tâm hành chính là thọ, tướng!

- Chúng con đã hiểu. Đây là khi đi vào định, còn đi ra khỏi định thì phải làm thế nào?

- Cũng y như đi vào vậy, khi đi ra cũng đừng khởi lên ý nghĩ "tôi sẽ, tôi đang, tôi đã..."

- Chúng con hiểu. Nhưng khi khởi, cái gì khởi trước?

- Tâm hành khởi trước rồi mới đến thân hành, khẩu hành.

- Bạch thầy, khi xuất khởi diệt thọ tướng định, vị ấy có cảm giác gì không?

- Có cảm giác, và đó là cảm giác với ba loại xúc: không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc.

- Không, vô tướng, vô nguyện là Niết Bàn sao?

Tôn giả Xá-Lợi-Phát điềm đạm giải thích:

- Các con lúc nào cũng muốn ta nói rõ Niết Bàn, muốn ta xác định Niết Bàn là thế này, thế nọ. Nhưng mà xác định Niết Bàn thì đâu còn là Niết Bàn nữa! Niết Bàn không phải là cái quy định. Điều ấy không phải là lý luận mà là sự thật. Các con hãy nghe đây. Sở dĩ gọi là không xúc vì vị ấy trực kiến được cái vô ngã của Pháp nên gọi rằng không. Vị ấy trực kiến được vô thường của Pháp hữu vi nên gọi là vô tướng. Vị ấy trực kiến được dukkha của Pháp hữu vi nên bảo là vô nguyện! Các con có hiểu thế không?

Hội chúng im lặng. Chỉ riêng có một số các vị A-La-Hán là mỉm cười, bởi vì các Ngài từng vào ra định diệt thọ tướng và đã chứng nghiệm hạnh phúc Niết Bàn. Và rõ ràng là Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã và đang khổ công giảng giải những điều khó giảng giải nhất.

Một vị chợt nói:

- Điều ấy cần phải tu tập, phải chứng nghiệm!
- Phải vậy!
- Nói ra, đâu đúng, nó vẫn thuần túy là tri thức, kiến thức, ý niệm.
- Phải vậy!

Rồi vị khác đứng dậy:

- Con còn một câu hỏi nữa. Khi vị tỳ-khưu xuất khởi diệt thọ tướng định, tâm vị ấy thiên về gì, khuynh hướng về gì?
- Tâm vị ấy thiên về Niết Bàn, khuynh hướng về Niết Bàn.
- Đức Thế Tôn, một số các vị A-La-Hán thường nhập đại định bảy ngày, có phải là định này không, thưa thầy?
- Đúng thế, đúng là định này!
- Vậy định này cũng coi như là Niết Bàn!

Tôn giả lại cười:

- Thế nữa, các con đã đi quá xa. Đối với một vị đã giải thoát, rỗng lặng, không còn dính mắc thì vị ấy trú tâm nào cũng giải thoát, rỗng lặng, không còn dính mắc! Ta cần phải lập lại như vậy.
- Cái ấy thì một vị Phật và một vị A-La-Hán đều giống nhau cả chứ thầy?

- Về phương diện giải thoát, vô sanh thì hoàn toàn giống nhau, nhưng về công hạnh, trí tuệ thì một vị Chánh Đẳng Chánh Giác bất khả tư nghì hơn nhiều.

Hội chúng giải tán. Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Những câu hỏi và đáp ấy thật là quá cao siêu, tế vi và thậm mật; không dễ gì những học giả, luận sư, giáo sư, giáo chủ của ngoại giáo thấy được, biết được. Vì không thấy, không biết nên chúng ỡm ờ đánh lận con đen, cố dùng những từ ngữ cho cao siêu mà rỗng không để diễn đạt. Ôi! Phải chăng là do chúng ngu dốt, kiêu căng, thiếu đạo đức tâm hồn và đạo đức tri thức? Ôi! Không biết Giáo Pháp trí tuệ và giải thoát của Đức Tôn Sư có tồn tại nhiều ngàn năm giữa cõi đời lấm bụi bặm phiền não và lấm bụi bặm kiến thức này?"

---o0o---

Rừng Gosinga hương thơm, trăng sáng

Chiều tối, sau giờ thiền định, Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên đi kinh hành dọc theo hàng cây sàlà hoa nở ngát ngào hương. Chợt Ngài dừng lại nhìn vừng trăng sáng lấp lánh sương, tự nghĩ:

"- Thời gian trôi qua quá nhanh, mới đó mà ta đã mấy mươi năm sống an lạc trong Giáo Pháp này, tóc trên đầu cũng đã lấm tấm bạc. Đã khá lâu bận đi du hóa nhiều phương, ta ít có cơ hội đàm đạo với tôn huynh Xá-Lợi-Phất. Nay thì các vị đại Trưởng lão tôn túc đều có mặt đầy đủ ở rừng Gosinga này. Thật là một cơ hội hiếm có."

Thế rồi, Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên ghé sang chỗ độc cư của Tôn giả Đại Ca-Điếp.

- Nay tôn huynh kính mến! Rừng Gosinga đêm thanh trăng tỏ, hương hoa sàlà thơm ngát cả không gian. Đây phải chăng là thời mà chúng ta nên viếng thăm Tôn giả Xá-Lợi-Phất để đàm đạo?

- Phải đấy, Tôn giả! Tiện đường ta qua chỗ Tôn giả A-Nậu-Đà-La và rủ vị ấy cùng đi luôn thể.

Tôn giả Ànanda đi kinh hành gần đây nghe được, Ngài đến chỗ Tôn giả Li-Bà-Đa (Revata- Vị này không phải là em của Ngài Xá-Lợi-Phát).

- Nay tôn huynh Li-Bà-Đa! Đêm thanh trăng tỏ, hương hoa sàlà thơm ngào ngạt như hương trời. Các vị tôn túc đại Trưởng lão đều đang đi đến Tôn giả Xá-Lợi-Phát để đàm đạo!

- Vậy thì đêm nay quả thật là hy hữu - Tôn giả Li-Bà-Đa nói - thế thì chúng ta cùng đến đây để nghe Pháp.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát thấy cả năm vị đồng đến thăm bèn cất lời chào tươi vui:

- Hoan hỷ thay chư hiền! Vinh hạnh thay là góc rừng này! Đêm rằm sáng trăng, chư hiền đã quá bộ đến đây! Cây sàlà trở bông cùng khắp, hương thơm ngào ngào không gian...

Rồi Tôn giả Xá-Lợi-Phát nhìn Tôn giả Ànanda:

- Hiền giả Ànanda cũng đến đây! Thiện lai hiền giả Ànanda! Vị thị giả Đức Đạo Sư! Vị hầu cận Đức Đạo Sư! Nay hiền giả Ànanda! Khả ái thay khu rừng Gosinga, đêm rằm sáng trăng, hương hoa sàlà vi diệu như hương trời! Hiền giả nghĩ sao, một vị tỳ-khuru tu tập như thế nào có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga?

- Thưa tôn huynh! Tôn giả Ànanda đáp - theo thiện ý của đệ thì vị tỳ-khuru nghe nhiều Giáo Pháp, gìn giữ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe. Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, nói lên phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh; những Pháp ấy được vị đa văn gìn giữ kỹ, được ý tư duy, được tri kiến khéo quan sát, khi có cơ duyên, thuyết pháp lại cho tứ chúng nghe với văn cú viên dung lưu loát, với mục đích đoạn trừ tất cả phiền não ngủ ngầm ở trong tâm! Thưa tôn huynh! Theo đệ, hạng tỳ-khuru như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga!

Tôn giả Xá-Lợi-Phát quay sang Tôn giả Li-Bà-Đa:

- Hiền giả Ànanda đã nói lên lý tưởng, nguyện vọng của mình, và vị ấy đã thành tựu toàn mãn, tuyệt hảo lý tưởng và nguyện vọng ấy. Còn quan niệm của hiền giả là thế nào?

- Thưa Tôn giả! Theo ý đệ, một vị tỳ-khuru ưa thích đời sống độc cư, vui thú đời tịnh cư, nội tâm tu pháp tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, luôn luôn lui tới các chỗ "không tịch". Vị tỳ-khuru như vậy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Đúng là vậy, Đức Tôn Sư thường tán thán, ca ngợi hiền giả là bậc thiền định đệ nhất quả không sai chút nào! Còn hiền giả A-Nậu-Đà-La, ý kiến của hiền giả thế nào?

- Vị tỳ-khuru với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, quan sát ngàn thế giới như quan sát những đường chỉ tay trong lòng bàn tay của mình. Như vậy là vị ấy có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga!

- Đúng là vậy thật. Đúng hiền giả là vậy thật. Còn Ngài Đại Ca-Diếp, quan kiến của Tôn giả ra sao?

Tôn giả Đại Ca- Diếp trang nghiêm nói:

- Theo tôi, vị tỳ-khuru tự mình sống ở rừng núi, theo hạnh khát thực, mặc y lược chỗ này chỗ kia, không quá ba y, thiếu dục, tri túc, độc cư, không nhiễm thế tục, tinh cần, tinh tấn, thành tựu giới hạnh, thiền định, trí tuệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến. không những vị ấy sống như vậy mà còn tán thán tất cả những hạnh ấy, giáo giới cho những tỳ-khuru sống theo những hạnh ấy. Vị tỳ-khuru như vậy có thể nào làm sáng chói khu rừng Gosinga được chăng?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tán thán:

- Nhất định là sáng chói, tỏa hương thơm cho khu rừng Giáo Pháp. Tuyệt vời thay là đời sống ấy mà Tôn giả là vị Sa môn thành tựu cao cả lý tưởng và nguyện vọng chơn chính của mình. Còn hiền đệ Đại Mục-Kiền-Liên, theo đệ là Đệ Nhất Thần Thông chăng?

- Không phải vậy! Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên mỉm cười - thần thông biến hóa là chỉ để du hí cho vui thôi! Đệ muốn nói đến một loại thần thông khác!

- Giáo hóa thần thông chăng?

- Đúng vậy. Nhưng muốn toàn mãn giáo hóa thần thông thì cần phải tinh thông tạng A-tỳ-đàm (Abhidhamma - Thắng Pháp). Một vị tỳ-khuru có thể làm sáng chói khu rừng Gosinga thì vị ấy phải lâu thông A-tỳ-đàm để khi đàm luận được trôi chảy, lần ra được những cái ẩn mật, thâm sâu, tế vi của Pháp; đến khi cần, lại còn dễ dàng giáo giới cho tứ chúng nữa!

- Hay thay! Đúng thay! Tôn giả Xá-Lợi-Phát ca ngợi - và hiền đệ đúng là như vậy!

- Không phải ngu đệ - Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên mỉm cười lần nữa - trong Giáo Hội của Đức Tôn Sư, ngoài Đức Tôn Sư, có ai tinh thông A-tỳ-đàm, giảng dạy A-tỳ-đàm, làm cho khúc chiết, mạch lạc, rõ ràng, có hệ thống A-tỳ-đàm... bằng được một phần mười sáu của đại huynh, hử Bạc Tướng Quân Chánh Pháp?

Mọi người nhìn nhau hoan hỷ. Đại Mục-Kiền-Liên lại nói tiếp:

- Bạc Tướng Quân Chánh Pháp khôn khéo là đệ nhất! Ai Ngài cũng tán thán, ca ngợi. Ai Ngài cũng bảo là sáng chói khu rừng Gosinga! Thế nhưng, Ngài lại không chịu nói quan kiến của mình?

Tôn giả Xá-Lợi-Phát bèn đáp:

- Nói chứ! Theo tôi, vị tỳ-khuru nào điều phục được tâm. Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều - vị ấy muốn an trú tâm nào thì dễ dàng an trú tâm ấy. Như một vị vua hay một quan đại thần có một tủ áo đựng đầy áo đẹp với những màu sắc khác nhau. Thế rồi, vào buổi sáng, buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy muốn mặc áo nào thì cứ tùy nghi lựa chọn!

Này hiền đệ Đại Mục-Kiền-Liên! Một vị tỳ-khuru điều phục được tâm, hoàn toàn sử dụng được tâm mình như ý muốn là vị tỳ-khuru khả dĩ làm sáng chói khu rừng Gosinga!

Rồi hướng đến các vị Trưởng lão, Tôn giả cẩn trọng tiếp lời:

- Nhưng mà này chư hiền! Chúng ta hãy đi đến Đức Đạo Sư! Đức Đạo Sư chỉ dạy vấn đề này như thế nào thì chúng ta cứ như vậy mà thọ trì!

Khi Đức Thế Tôn nghe thuật lại ý kiến của từng vị, Ngài nói rằng:

- Ai cũng khéo trả lời, ai cũng nói đúng quan điểm của mình, ai cũng thành tựu xuất sắc lý tưởng, ước nguyện mà mình muốn đạt.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất cung kính hỏi:

- Vậy thì theo ý Đức Thế Tôn, vị tỳ-khưu phải như thế nào mới sáng chói khu rừng Gosinga?

- Theo ý Như Lai thì đơn giản thôi! Vị tỳ-khưu nào sau khi đi trì bình về, im lặng độ thực, ngồi kiết già, lưng dựng thẳng, an trú chánh niệm trước mặt, với ý nghĩ: "Ta sẽ ngồi thiền cho đến khi tâm ta khéo giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ."

Này Xá-Lợi-Phất! ấy là vị tỳ-khưu làm sáng chói khu rừng Gosinga, làm sáng chói khu rừng Giáo Pháp của Như Lai!

Ôi! quả thật là đêm thanh trăng tỏ, rừng sàlà thơm nức mùi hương!

---o0o---

Khen ngợi và khiển trách

Đức Thế Tôn trong suốt cuộc đời hoằng hóa thường di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, đôi khi cùng với đại chúng mấy ngàn vị. Ta có thể hình dung cuộc lên đường vĩ đại, từng chiếc bóng một nối tiếp như cơn sóng vàng cuộn cuộn suốt mây dậm đường... Giáo Hội của Đức Tôn Sư được nổi tiếng thời bấy giờ là quy củ, trật tự và trang nghiêm nhất. Đó là nhờ Chư Tăng có một kỷ luật tinh thần tự giác rất cao, đồng thời cũng do nhờ Tôn giả Xá-Lợi-Phất biết tổ chức, sắp xếp, hướng dẫn. Rõ ràng không phải làng mạc, thị trấn, thành phố nào cũng có thể có chỗ dừng chân tạm trú cho mấy ngàn vị tỳ-khưu! Và không phải xóm cư dân nào cũng có khả năng cúng dường vật thực cho chừng ấy Tăng chúng đi trì bình!

Mỗi lần ra đi như vậy, đại tín nữ Visàkhà là người phát tâm cúng dường. Rồi Tôn giả Xá-Lợi-Phất ước lượng khả năng bộ hành của Đức Phật và Tăng chúng để khoảng chiều tối là có nơi để tạm trú qua đêm. Sáng hôm sau sẽ đi theo lộ trình nào có thể đủ vật thực, cũng phải được tính toán kỹ càng. Và bao giờ Tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng là vị tỳ-khưu đi trong toán cuối cùng với các vị sư già yếu hoặc những người ốm bệnh. Ngài như là một người mẹ hiền với đàn con đại cần được chăm sóc. Sẽ có rất nhiều vị tỳ-khưu bị bạo

bệnh hoặc quá yếu đuối phải rút lại dọc đường. Tôn giả Xá-Lợi-Phất, một số tỳ-khưu và sa-di trẻ trung, năng động, tháo vát sẽ cáng đáng tất cả mọi trường hợp phát sanh.

Một lần nọ, cũng vì những lý do kể trên mà Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã đến nơi rất khuya, lúc mọi người đã tịnh chỉ cả. Tịnh thất của Ngài có người đã choáng chỗ, và họ còn chiếm luôn tất cả mọi hành lang, mọi cội cây! Tôn giả lúc này đã già, lại đường xa mệt nhọc, cái thân ấy cần được nghỉ ngơi, nhưng tìm khắp chẳng còn một chỗ nào. Thế là Tôn giả phải ra ngoài trời, cột một tấm y tạm che sương, trải tọa cụ lên đất rồi ngồi kiết già suốt đêm. Sáng hôm sau, chuyện đến tai Đức Phật do tỳ-khưu La-Hầu-La kể lại, xúc động Chánh Pháp, Ngài triệu tập Tăng chúng kể một câu chuyện xưa và giáo giới như sau:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Thuở xưa, trong khu rừng già nọ có một con voi, một con lừa và một con chim đa đa kết bạn, chúng sống thuận hòa với nhau. Chúng thường vui chơi, tụ họp, chuyện vãn dưới tàn đại cổ thụ cành lá sum suê đã hàng trăm tuổi.

Hôm nọ, voi nói: "Chúng ta sống với nhau mà không hề biết đến người lớn, kẻ nhỏ. Phàm lớn là anh, nhỏ là em, phải biết xưng hô, tôn kính bậc trưởng thượng chứ?" Chúng nghe vậy lấy làm phải, bèn đồng ý. Lừa nói: "Vậy bạn voi không phải lớn xác, to con mà làm anh trưởng đâu nhé? Kẻ lớn người nhỏ là phải đem so tuổi tác, đồng ý thế chẳng?" Cả bọn gật đầu. Lừa lại hỏi: "Bạn voi, bạn bao nhiêu tuổi rồi?" Voi ngẩng đầu, nhìn cây đại cổ thụ cao gấp cả hàng chục lần nó, nói rằng: "Tôi không biết, nhưng mà khi tôi lớn lên, cái vòi của tôi có thể sờ đọt cây này một cách dễ dàng." Lừa cười: "Vậy là bạn còn nhỏ tuổi, thuở tôi lớn lên, tôi cao ngang bằng cây đại cổ thụ này và tôi ăn những đọt lá của nó dễ như chơi!" Cả hai bèn hỏi chim đa đa: "Còn bạn thì sao nào?" Đa đa đáp: "Tôi không nhớ tuổi, nhưng tôi biết rõ, thuở ấy khi qua chơi trên Hy mã Lạp sơn, tôi ăn được một chùm trái cây ngon ngọt như mật ong, khi bay ngang đây, tôi ị xuống một bãi phân, trong ấy có một cái hạt nứt ra, mọc lên thành cây đại cổ thụ này!"

Voi cười: "Vậy ra tôi to con lớn xác mà tuổi lại nhỏ nhất, tôi sẽ làm em, lừa là anh thứ của tôi, và chú đa đa nhỏ bé kia lại là anh trưởng! Từ rày chúng ta cứ theo thứ tự đó mà xưng hô để biết tôn kính kẻ già lão, trưởng thượng."

Đức Thế Tôn tiếp tục cất tiếng như chuông ngân:

- Nay các thầy tỳ-khưu! Voi, lừa, đa đa là giống bàng sinh, noãn sinh, thế mà chúng còn biết phân biệt tuổi tác, lớn nhỏ, tôn ti trật tự, biết xưng hô, tôn kính những kẻ lớn tuổi hơn mình; còn trong Giáo Hội này, chuyện gì đã xảy ra?

Như Lai thường coi Xá-Lợi-Phất như ngang hàng với Như Lai, là bậc trưởng thượng, thượng tôn Tăng đoàn, là Đại Đệ Tử, là Thượng Thủ của Giáo Hội, thế mà có một số các thầy tỳ-khưu trẻ lại không biết tôn kính Xá-Lợi-Phất! Xá-Lợi-Phất niên cao, Lạp lớn, suốt đời hằng quan tâm đến tứ chúng, đến sự phát triển của Giáo Hội, đến sự hoằng dương Giáo Pháp nên ít có cơ hội để ý đến cái thân của mình. Vậy mà có một số các thầy không thấy rõ ân đức ấy! Xá-Lợi-Phất bao giờ cũng lo lắng công việc chung, từ trong ra ngoài, từ việc nhỏ đến việc lớn một cách chu tất, toàn mãn. Xá-Lợi-Phất lo cho người bệnh, người già yếu; hướng dẫn Giáo Pháp không mệt mỏi, không bỏ quên dù cả những sa-di nhỏ tuổi, quan tâm cả từng bữa ăn, một cái chăn để đắp, một cái mũt nhọt chưa lành cho chúng. Thế gian này không có một ông Xá-Lợi-Phất thứ hai với những phẩm chất tuyệt hảo như thế. Muôn triệu năm mới có được một người. Thế mà, đêm qua, Xá-Lợi-Phất đã không có được một chỗ nghỉ, dầu là một mái che, một góc hành lang! Tịnh thất của ông ấy, có người đã ngang nhiên chiếm chỗ. Thế là với một lá y che sương mặc dầu thân không được khỏe Xá-Lợi-Phất đã phải ngồi suốt đêm ở ngoài trời! Các thầy nghĩ thế nào? Các thầy là tỳ-khưu, sống trong một Giáo Pháp phát triển tinh thần bậc cao mà tại sao còn có người tệ hơn con voi, con lừa, con chim đa đa trong câu chuyện kể trên?

Đức Phật im lặng. Cả đại giảng đường im lặng. Có một số tỳ-khưu xấu hổ cúi gầm mặt xuống. Có một số vị thì học được bài học nghìn vàng.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đến đánh lễ Đức Thế Tôn:

- Sự giáo giới của Đức Tôn Sư là lợi lạc cho hội chúng, là hữu ích cho kỷ cương, phép tắc của Giáo Hội. Nhưng ở đây chỉ có một số tỳ-khưu còn trẻ tuổi, non dại, chưa được thuần thục trong Giáo Pháp mà thôi. Sau khi Đức Thế Tôn đã dạy rồi có lẽ họ không còn dám làm như vậy nữa. Riêng đệ tử, ở một đêm ngoài trời thì cũng chưa đến nỗi nào. Trong nhóm của Tôn giả Đại Ca-Diếp, đệ tử biết rõ có cả hàng trăm vị sống đời đầu đà khổ hạnh, họ luôn ở dưới những chỗ không có mái che mà tinh thần vẫn khang kiện, sức khỏe vẫn tốt. Đệ tử xin được thay mặt số Chư Tăng đại đót ấy sám hối dưới chân Đức Thế Tôn, vì một phần lỗi là do đệ tử chưa giáo giới đến họ một cách chu đáo!

Thế rồi, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đánh lễ, sám hối.

Đức Thế Tôn bảo:

- Thôi được rồi, ông hãy đứng dậy!

Rồi hướng đến đại chúng, Ngài dạy:

- Từ rày về sau, tất cả sa-di đều phải xem tỳ-khuru là thầy, là cha của mình. Tỳ-khuru cách nhau ba hạ lạp cũng phải được quy định sự tôn kính y như thế. Riêng các vị Đại Trưởng lão thì Tăng chúng phải xem gần như ngang hàng Xá-Lợi-Phất, và Xá-Lợi-Phất lại gần như ngang hàng với Như Lai. Tất cả mọi chỗ nghỉ ngơi, trong nhà ăn, tại giảng đường, trên đường đi... đều phải có tôn ti theo hạ lạp. Như Lai không muốn có trường hợp xảy ra như hôm nay nữa. Xá-Lợi-Phất đã sám tội cho các ông, vậy nếu không khôn ngoan hơn, lửa địa ngục sẽ thiêu cháy các ông, chẳng ai cứu nổi các ông đâu!

* * *

Lần nọ, tại thành Devadaha Đức Đạo Sư và Tăng chúng đi vào làng, vào các rừng cây để nghỉ trưa. Khi đi ngang một mái vòm bằng lá cây đan nhau thật im mát, gần bên một cánh đồng, Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-Lợi-Phất đang ngồi an tĩnh, trú sâu vào thiền định. Đức Phật đã nói chuyện với một số vị tỳ-khuru đi bên cạnh:

- Các thầy có thấy không? Khi không còn bận rộn với công việc, Xá-Lợi-Phất thường tìm chỗ yên vắng để tĩnh cư. Dưới vòm mái che kia, Xá-Lợi-Phất như đang trú ở cõi trời Aviha thanh tịnh. Hãy lấy Xá-Lợi-Phất mà làm gương!

Vào buổi chiều, Đức Thế Tôn lại đem Tôn giả Xá-Lợi-Phất ra mà nói chuyện nữa:

- Xá-Lợi-Phất là người am hiểu tinh tường các giai đoạn từ đạo đến quả, từ tầng Thánh thấp nhất cho đến tầng Thánh cao nhất. Xá-Lợi-Phất có trí tuệ tiềm tàng thâm sâu không chỉ ở nơi bốn tuệ phân tích mà thôi đâu.

Nếu có kẻ hằng nói về một người, rằng là người ấy đã đi đến chỗ thông suốt, hoàn toàn về mọi đức hạnh, an trú vào các cõi tâm cao thượng, giải thoát và

giải thoát tri kiến cao thượng thì người ấy là Xá-Lợi-Phất chứ không thể là ai khác!

Nếu có kẻ hăng nói rằng họ là đứa con thật sự của Như Lai, hiểu thông giáo lý của Như Lai, thực hành tuyệt hảo giáo lý của Như Lai, xứng đáng làm người "thừa tự" Pháp Bảo thì kẻ ấy đúng là Xá-Lợi-Phất, chớ không còn ai khác nữa!

Này các thầy tỳ-khuru! Như Lai tuyên bố với tất cả sự trân trọng rằng, người mà có thể lăn bánh xe Pháp gần giống với Như Lai thì chẳng có ai ngoài Xá-Lợi-Phất! Các thầy hãy suy gẫm những điều mà Như Lai đã nói hôm nay!

* * *

Đức Thế Tôn lúc này đã già yếu nên đôi khi thuyết pháp Ngài chỉ nói tóm tắt, cô đọng; thế là Tôn giả Xá-Lợi-Phất được chỉ định thuyết lại một cách rộng rãi, giải thích và triển khai đề tài cho đại chúng dễ lãnh hội. Sau đó, lúc nào Tôn giả cũng được Đức Thế Tôn tán thán bằng cách này hay bằng cách khác.

- Này các thầy tỳ-khuru! Quả thật là Xá-Lợi-Phất rất am tường Pháp Bảo, thấu hiểu Pháp Bảo một cách chính xác và rõ ràng.

Nếu Như Lai cất vấn ông ta về Pháp trong một ngày bằng bao nhiêu câu hỏi và bằng bao nhiêu đoạn ngôn khác nhau thì Xá-Lợi-Phất cũng có thể đáp lại trong thời gian một ngày bằng những câu trả lời, bằng những đoạn ngôn khác nhau, chẳng thua gì Như Lai.

Nếu Như Lai cất vấn ông ta trong một đêm, một ngày, hai đêm, hai ngày, cho chí bảy đêm, bảy ngày thì Xá-Lợi-Phất cũng có thể giải vấn bằng một thời gian tương tự như thế mà ngữ ngôn, đoạn ngôn vẫn trôi chảy lưu loát, không hề vấp vấp, không hề ngập ngừng!

Vậy thì những điều mà Xá-Lợi-Phất đã giảng nói, hoặc chi tiết, hoặc triển khai chi tiết các thầy cứ như thế thọ trì, vì nó cũng đồng với Như Lai thuyết vậy.

Có lẽ vì quá ưu ái, bằng lòng về người đệ tử hoàn hảo này nên Đức Thế Tôn lại còn đem ra những ưu điểm khác nữa:

- Các thầy có biết không? Xá-Lợi-Phát lại còn có đầy đủ năm thiện xảo khác nữa. Chính nhờ năm thiện xảo ấy mà ông ta có thể chuyển Pháp luân một cách vô ngại. Khi Xá-Lợi-Phát lăn bánh xe Pháp thì trên thế gian này, dầu là Ma quân, Chư Thiên, Phạm Thiên hay Bà la môn ngoại giáo cũng khó có thể phá rối, làm đảo điên hay tạo nên chướng ngại được. Năm thiện xảo ấy là gì? Một là biết rõ đâu là lợi ích cao thượng, hai là rành rẽ về phương pháp giáo huấn, ba là luôn luôn có biện pháp đúng đắn, bốn là biết tùy thời, năm là biết tùy cơ! Ngay chính Như Lai cũng chỉ có năm thiện xảo ấy mà thôi, không hơn, không khác!

Khi lời tán thán ấy đến tai Tôn giả Xá-Lợi-Phát, Ngài mỉm cười nói với chúng tỳ-khưu rằng:

- Đức Thế Tôn nói rất đúng! Tuy nhiên, các vị có biết không? Ngọn đèn và mặt trời đều có đủ năm tính chất giống nhau: cháy bởi nhiên liệu, sức nóng, làm khô hơi nước, sát trùng, tỏa ánh sáng! Nhưng ngọn đèn thì làm sao so sánh được với mặt trời? Công hạnh và trí tuệ của Đức Thế Tôn đã trải qua hai mươi bốn vị Phật Tổ, các vị phải biết như vậy!

Tôn giả Đại Ca-Điếp lại thường dạy các đệ tử:

- Các người thường nên tìm đến Tôn giả Xá-Lợi-Phát mà nghe Pháp. Sau khi nghe Tôn giả ấy thuyết rồi, các người sẽ cảm thấy như vừa được ăn uống những thức ăn thượng vị, vi diệu cho cái lỗ tai và cho cả đầu óc của các người đấy!

Đôi khi Đức Thế Tôn ca ngợi Tôn giả Xá-Lợi-Phát chung với Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên:

- Hãy thân cận, hợp tác và học hỏi nơi hai ông Xá-Lợi-Phát và Mục-Kiền-Liên. Họ là những Sa môn thông thái và là những người có lòng từ quảng đại, không mệt mỏi dùi dắc tất cả chúng sanh. Xá-Lợi-Phát như một người mẹ hiền, cho con sanh mạng, vóc dáng, mặt mũi; còn Mục-Kiền-Liên giống như bà vú, có bổn phận chăm sóc, nâng niu, bồng bế, dưỡng dục cho trẻ mau khôn lớn! Hai người nhưng chỉ là một. Ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt, Xá-Lợi-Phát hướng dẫn đệ tử đến quả vị A-La-Hán còn đa phần ông ta chỉ hướng dẫn đến Nhập Lưu, và ba quả Thánh sau cùng là bổn phận của bà vú nuôi Mục-Kiền-Liên vậy.

Này các thầy tỳ-khuru! Đây là tất cả những lý do tại sao trong Tăng chúng có rất nhiều thầy thường ôm ấp nguy?n vọng, lý tưởng trở thành một Xá-Lợi-Phất hay một Mục-Kiền-Liên. Và quả đúng là vậy, Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên là khuôn thước bằng vàng, là biểu tượng bằng ngọc, tốt đẹp nhất, thù thắng nhất cho tất cả các thầy học hỏi, noi theo.

* * *

Tôn giả Xá-Lợi-Phất được Đức Thế Tôn tán dương ca ngợi khá nhiều mà bị khiển trách cũng lắm, đôi khi là những lời khiển trách nhẹ nhàng thôi.

Như chuyện Bà la môn Dhànanjāti ở cửa ngõ vào Vương-Xá thành, từ lâu vì hâm mộ đức hạnh và trí tuệ của Tôn giả Xá-Lợi-Phất mà ông ta thường cung kính cúng dường vật thực cho Ngài. Trước đây, ông Bà la môn có một đời sống phóng dật, ác tâm thu góp của cải, nhiều vợ và con; sau nhờ Tôn giả Xá-Lợi-Phất giáo giới mà ông ta trở nên tốt đẹp hơn. Tuy ông Bà la môn chưa quy y Tam bảo nhưng rõ ràng ông ta có tâm hướng thiện, là kẻ có trí.

Khi đang thoi thóp trên giường bệnh, ông Bà la môn cho người đến vấn an sức khỏe Đức Phật. Sau đó tha thiết mong muốn được Tôn giả Xá-Lợi-Phất đến thăm. Biết Bà la môn Dhànanjāti sắp chết, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã cố gắng giảng giải cho ông ta thấy rõ nhân quả của từng cảnh giới từ thấp lên cao. Vượt qua sáu cõi trời Dục Giới, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại giảng về Tứ Vô lượng tâm, và bảo rằng muốn cộng trú với Phạm Thiên thì phải thành tựu trọn vẹn các tâm từ, bi, hỷ, xả vô lượng, quảng đại, không hận, không sân.

An tâm khi dẫn tâm ông Bà la môn đến cảnh giới Phạm Thiên, Tôn giả Xá-Lợi-Phất ra về.

Đức Phật kêu lại hỏi rằng:

- Ông Bà la môn Dhànanjāti có tinh táo không?

- Bạch, rất tinh táo.

- Ông Bà la môn có chú tâm vào các thời pháp của ông không?

- Bạch, ông rất chú tâm, ông ta là người có trí, biết nghe lời phải.

- Biết ông ta có chú tâm, là người có trí, sao có nhiều cảnh giới cao hơn, nhiều pháp cao hơn, ông lại không thuyết mà lại an trú ông Bà la môn kia vào cảnh giới Phạm Thiên thấp thôi rồi ông lại bỏ về đây?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất có lý do riêng của mình nên Ngài đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn! Những người Bà la môn này suốt đời hằng cung kính Phạm Thiên, hằng ngưỡng mộ Phạm Thiên nên đệ tử đã an trú ông ta ở cảnh giới ấy thể theo lý tưởng và nguyện vọng của ông ta!

Đức Thế Tôn im lặng hồi lâu:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Như Lai cũng biết ông Bà la môn kia là người có trí, lúc sắp lâm chung vẫn có chú tâm; lý ra, có thể đưa ông ta đến quả Nhập Lưu, tiếc là ông đã không thấy rõ như vậy.

Đức Thế Tôn chợt nói:

- Bà la môn Dhànanjāti vừa chấm dứt hơi thở! Ông giỏi lắm! Muốn sao được vậy! Bà la môn kia đã tức khắc hóa sanh vào cảnh giới Phạm Thiên mất rồi!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất bản thân nghĩ ngợi, rõ là lỗi tại Ngài, tại Ngài trí tuệ không bằng Đức Phật!

* * *

Đôi khi vì lo lắng cho Giáo Hội mà Ngài cũng bị Đức Thế Tôn rầy la một cách dịu dàng.

Hôm kia, sau khi xuất thiền, Tôn giả Xá-Lợi-Phất tới hầu Đức Thế Tôn và bạch:

- Trong các Chư Phật quá khứ, Giáo Pháp của vị nào tồn tại lâu dài và vị nào không tồn tại lâu dài, thưa Đức Đạo Sư?

Đức Phật căn kẽ bảo rằng Giáo Pháp của Chư Phật Vipassi, Sikhi, Vesabhù không tồn tại lâu dài; Giáo Pháp của Chư Phật Kakusandha, Konagamana và Kassapa tồn tại lâu dài. Sở dĩ như vậy là vì có một số Chư Phật không dạy giáo lý cho đệ tử một cách căn kẽ, không ban hành giới luật một cách

nghiêm túc để giữ hàng môn đệ trong nếp sống kỷ cương. Một số Chư Phật khác thì làm trọn hảo các điều ấy.

Nghe vậy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất cung kính thưa:

- Vậy xin Đức Thế Tôn ban hành những giới căn bản để trong tương lai có thể giữ Chư Tăng trong nếp sống kỷ cương; và nhờ vậy, đời sống thiêng liêng phạm hạnh được tồn tại lâu dài!

- Hãy kham nhẫn, Xá-Lợi-Phất! Hãy kham nhẫn! Chỉ có Đức Như Lai là biết rõ lúc nào nên làm việc ấy. Như Lai sẽ không đề ra những biện pháp kỷ luật hay những giới luật căn bản khi chưa có những trường hợp hoen ố phát sanh trong hàng Tăng chúng. Chừng nào mà Tăng chúng thờ ơ học Pháp; buông xuôi, biếng nhác, dễ dãi trong đời sống, xấu xa về hạnh kiểm... thì lúc ấy Như Lai sẽ ban bố những giới điều, có biện pháp kỷ luật để đoạn trừ những ô nhiễm ấy.

Này Xá-Lợi-Phất! Hiện nay đệ tử của Như Lai chưa có gì phải lo lắng, những khuynh hướng xấu xa cũng chưa phát sanh, đa phần Chư Tăng sống đời giới hạnh trang nghiêm trong sạch. Người cuối cùng trong năm trăm đệ tử cũng đã Nhập Lưu, không còn phải rơi trở lại nữa, đã và đang vững chắc tiến bước trên con đường Giác Ngộ.

Những lời tuyên bố này của Đức Thế Tôn là ở tại Veranja vào mùa hạ thứ mười hai; và người cuối cùng trong năm trăm đệ tử là Tôn giả Ānanda! Đây là Đức Phật mới kể đến năm trăm Thánh Tăng A-La-Hán, nhưng sau đó, Chư Tăng ngày càng đông nên Đức Phật đã tùy theo từng trường hợp phát sanh để ban bố những giới điều căn bản.

Như vậy, mặc dầu la rầy, nhưng sau đó Đức Thế Tôn đã tỏ ra lưu tâm đến lời xin của người học trò ưu tú này.

Một lần khác là Tôn giả Xá-Lợi-Phất tán dương Đức Thế Tôn, nhưng tán dương mà cũng bị chê!

Hôm ấy, ở Vương-Xá thành, tịnh xá Trúc Lâm, Đức Đạo Sư thuyết rất nhiều bài Pháp, Chư Tăng chứng quả rất nhiều. Sau đó Đức Phật và Tăng chúng đi Ambalattika rồi đến Nālandā, ngụ trong vườn xoài Pāvārika. Tại đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất cảm hứng tán dương Đức Đạo Sư như sau:

- Nghe những thời Pháp vô thượng của Đức Tôn Sư, đệ tử rất an hỷ, rất mát mẻ, rất thỏa thích. Ôi! Đệ tử đặt Niềm Tin Cao Cả nơi Đức Tôn Sư đến nỗi đệ tử nghĩ rằng từ ngàn xưa trước, đến ngàn xưa sau và cả hiện tại này không thể có một Sa môn hay Bà la môn nào có Công Đức và Trí Tuệ cao siêu hơn Đức Thế Tôn!

Đức Phật đã nghiêm trang khiển trách vị Đại Đệ Tử:

- Hãy chấm dứt! Xá-Lợi-Phất! Hãy chấm dứt ngay những tư tưởng ấy! Làm sao ông có thể biết được Công Đức và Trí Tuệ của các Đức Chánh Đẳng Chánh Giác quá khứ và tương lai ra sao mà dám nói như vậy?

- Quả đúng là vậy - Bạch Đức Tôn Sư - Nhưng đệ tử có thể biết được Truyền Thống Chánh Pháp, biết được Con Đường và biết được tiến trình đi đến Giác Ngộ của tất cả các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác!

Đức Thế Tôn bằng lòng với câu đáp sau.

* * *

Lại bị rầy la nữa.

Hôm ấy, Đức Thế Tôn ngụ ở Cātuma trong rừng cây Kha-luu-lặc. Vì xa vắng đã lâu nên Tôn giả Xá-Lợi-Phất cùng với Đại Mục-Kiền-Liên dẫn năm trăm tỳ-khưu đệ tử bộ hành đường xa đến để thăm viếng vấn an Đức Thế Tôn. Đa phần số tỳ-khưu này chưa biết mặt Đức Phật, lại là mới xuất gia, chưa thuần thục trong giới hạnh nên khi đến nơi, họ đã có những hành động thô tháo, va động ồn ào chỗ này, chỗ kia, nói năng to tiếng huyên náo... giống như là một buổi họp chợ.

Đức Phật hỏi Tôn giả Ānanda:

- Cái gì vậy? Những tiếng náo động ồn ào kia là gì vậy? Đây là khu rừng thiên duyệt mà sao lại có sự tranh cãi, to tiếng như giành giật ở những hàng tôm hàng cá?

Sau khi Tôn giả Ānanda trình bày lại về chuyện năm trăm thầy tỳ-khưu vừa mới xuất gia được quý Ngài Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên dẫn đến để yết kiến Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo:

- Nay Ananda! Hãy nhân danh Như Lai, đuổi các tỳ-khưu ấy đi, Như Lai không muốn các người ấy thân cận Như Lai!

Thấy sự việc như vậy, các Thích tử ở Cātuma và Phạm Thiên Sahampati lần lượt đến quỳ bên chân Đức Đạo Sư, xin cho năm trăm vị tỳ-khưu kia được ở lại vì họ mới xuất gia, chưa biết gì. Như một hạt mầm còn non trẻ, nếu thiếu nước, thiếu ánh sáng thì nó sẽ tiêu hoại. Như con nghé con, nếu không được chăm sóc, bú mớm từ trâu mẹ, nghé sẽ chết. Cũng vậy, năm trăm tỳ-khưu kia phải được yết kiến Đức Thế Tôn, được nghe Pháp, được dạy dỗ thì họ sẽ trưởng thành trong giới luật của bậc Thánh.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, sau đó Ngài hỏi Tôn giả Xá-Lợi-Phất đang ngồi một bên:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Ông nghĩ gì khi Như Lai đi? chúng tỳ-khưu ấy?

- Đệ tử nghĩ rằng: "Như vậy Đức Tôn Sư sẽ ít bận rộn và sẽ an trú trong hiện tại lạc, và chúng đệ tử cũng sẽ được như thế!"

Đức Thế Tôn nói:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Hãy dừng lại! Chớ để cho những tư tưởng như vậy khởi lên ở trong tâm của ông nữa!

Rồi Đức Phật lại hỏi Tôn giả Mục-Kiền-Liên cùng câu hỏi trên, Tôn giả đã trả lời:

- Khi ấy đệ tử nghĩ rằng: "Như vậy Đức Thế Tôn sẽ ít bận rộn và sẽ được an trú trong hiện tại lạc. Và nay, đệ tử cùng với Tôn giả Xá-Lợi-Phất phải có bổn phận chăm lo và giáo giới Chư Tăng."

Câu đáp ấy Đức Phật khen:

- Lành thay! Nay Mục-Kiền-Liên! Ông đã trả lời rất đúng! Trong Giáo Hội này, chỉ có Như Lai, Xá-Lợi-Phất hay ông là mới có thể chăm sóc chu đáo cho Chư Tăng được thôi!

Như vậy, rõ ràng là dầu bị khiển trách, thì vị trí và vai trò của Tôn giả Xá-Lợi-Phất trong Giáo Hội của Đức Tôn Sư vẫn không ai thay thế được. Là

ngôi sao thiêng liêng, mà thiếu nó thì vòm trời Giáo Pháp sẽ tối tăm một khoảng lớn vậy.

--- o0o ---

[10]

Với Đê-Bà-Đạt-Đa

Cái tin vua A-Xà-Thế (Ajàtasattu) bị Đê-Bà-Đạt-Đa xúi giục, âm mưu sát hại vua cha là Bình Sa Vương để chiếm ngôi làm mọi người bàng hoàng, chua xót. Công việc bại lộ, A-Xà-Thế bị bắt quả tang, và người cha đầy lòng nhân ái, bi mẫn ấy vốn là một Thánh đệ tử không đành lòng xử phạt con trai mà lại còn nhường ngôi, vì biết hoàng tử thêm muốn làm vua. Thế nhưng, để trả ơn, người con bèn hạ ngục, bỏ đói cha và vua Bình Sa đã chết một cách thê thảm. Cả Vương-Xá thành đều đau về nỗi đau này. Và Giáo Hội của Đức Tôn Sư từ đây lại phát sanh lên một mụn nhọt, do bởi một con người bị lợi danh mù quáng, biến đổi nhân tâm, tham vọng ngông cuồng: đây là Đê-Bà-Đạt-Đa!

Được vua A-Xà-Thế hậu thuẫn, xây cất cho một tu viện nguy nga đồ sộ, lại hằng ngày cung cấp tứ sự dư dả, Đê-Bà-Đạt-Đa khởi tâm muốn lãnh đạo Giáo Hội. Quy tụ xung quanh ông là mấy trăm tỳ-khưu ham muốn lợi dưỡng, khỏi phải đi khát thực, nhàn hạ thảnh thơi, nên lôi cuốn môn đồ ngày càng đông! Số tỳ-khưu này suốt ngày nịnh bợ, tâng bốc ông. Quần chúng không phân định được trắng đen nên họ hết lòng sùng bái. Vậy là danh tiếng Đê-Bà-Đạt-Đa có lúc lại vượt trội hơn cả Tôn giả Xá-Lợi-Phất.

Đê-Bà-Đạt-Đa thấy cơ hội đã đến, hôm kia, ông cùng với đông đảo tùy tùng môn đệ, đến hầu Đức Thế Tôn, cất giọng có vẻ cao ngạo:

- Bạch Đức Đạo Sư! Lúc này Đức Đạo Sư niên trưởng đã cao, sức đã yếu, đệ tử thấy Đức Đạo Sư nên nghỉ ngơi, tịnh dưỡng là phải lẽ. Còn công việc của Giáo Hội, Đức Đạo Sư hãy để con làm chương quản, chăm sóc và lãnh đạo Chư Tăng.

Đức Phật đã thẳng thừng từ chối:

- Này Đê-Bà-Đạt-Đa! Ông là gì mà đòi chứng quản Giáo Hội? Ông tưởng rằng Giáo Hội Thánh hạnh này để cho một kẻ liệt tuệ, thiếu tư cách, thiếu phẩm chất như ông lãnh đạo hay sao? Ngay chính Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên, Như Lai thường coi như ngang hàng với Như Lai thế mà Như Lai vẫn chưa giao phó Giáo Hội cho hai ông ấy. Ông hãy đi đi! Từ rày trong Giáo Pháp này không có chỗ cho ông - một kẻ cuồng vọng!

Xin làm lãnh đạo không được, lại bị bẽ mặt, Đê-Bà-Đạt-Đa tức giận, nguyện trả thù.

Khi Đê-Bà-Đạt-Đa đi rồi, Đức Thế Tôn cho gọi Tôn giả Xá-Lợi-Phất:

- Ông, Mục-Kiền-Liên cùng với đệ tử, hãy đi khắp thành Vương-Xá công bố về tất cả những hành động xấu xa của Đê-Bà-Đạt-Đa. Và xác định cho mọi người hay rằng, Đê-Bà-Đạt-Đa đã ở ngoài Giáo Hội; việc làm của ông ta sau này là trách nhiệm của chính ông ta, chứ không còn liên hệ gì đến Tam Bảo!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất ngại ngần:

- Trước đây, cũng tại Vương-Xá thành này, đệ tử đã từng đi công bố cho mọi người hay về phẩm hạnh trang nghiêm, trong sạch của Đê-Bà-Đạt-Đa rồi. Lẽ nào, hôm nay đệ tử lại tuyên bố ngược lại?

- Trước đây, ông công bố như thế có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

- Vậy bây giờ ông đi công bố những điều Như Lai vừa nói, có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

Đức Thế Tôn liền phán:

- Vậy thì các ông hãy đi! Đệ tử của Như Lai bao giờ cũng nói đúng sự thật cả!

Khi nghe tin Đức Phật cho Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên đi công bố trong thành Vương-Xá về những việc làm xấu quấy của mình, Đê-Bà-Đạt-Đa tức

giận điên cuồng. Lập tức, ông ta bỏ vàng bạc ra mua một số tay cung thiện xạ, rình để ám sát Đức Phật.

Chuyện bắt thành, những tên cung thủ kia đến sát tội với Đức Phật rồi xin quy y Tam Bảo.

Lần thứ hai, khi Đức Thế Tôn đi trên sườn núi Gijjakùta, chính Đề-Bà-Đạt-Đa lên đỉnh cao xô một tảng đá to lăn xuống để giết Ngài.

Chuyện cũng không thành, các tảng đá va đập vào nhau, chỉ có một mảnh nhỏ gây thương tích nhẹ cho Đức Phật và có máu chảy.

Lần thứ ba, ông ta cho voi Nàlàgiri uống rượu mạnh đến say, rồi thả ra ngay chỗ Đức Phật đang đi. Voi hung tợn, điên cuồng lao đến Đức Phật. Tôn giả Ânanda định hy sinh tính mạng nên lật đật đứng chặn trước. Nhưng Đức Thế Tôn đã cảm hóa voi say bằng tâm từ của Ngài.

Những hành động tặc hại kia làm ông dần dần mất hết uy tín và dư luận cực kỳ chống đối lại ông. Chính vua A-Xà-Thế cũng chán nản ông, bỏ rơi ông, không nâng đỡ ông nữa. Mọi ân huệ của vua thế là mất hết. Khi lòng sân độc muốn hại Phật và lòng tham vọng đẩy ông đến chỗ xấu xa như thế thì mọi khả năng thần thông phép lạ của ông cũng tiêu tan luôn!

Thế nhưng ông chưa chịu ngừng lại. Với trí thông minh sẵn có, ông quay qua chiêu bài khác. Ông giả vờ đến sám hối Đức Phật và xin Đức Phật ban hành thêm năm điều cho hàng xuất gia:

- Thầy tỳ-khưu phải sống trọn đời trong rừng
- Thầy tỳ-khưu phải trọn đời khát thực.
- Thầy tỳ-khưu phải mặc y bằng vải lượm nơi nghĩa địa (vải bó xác tử thi).
- Thầy tỳ-khưu trọn đời phải sống chỗ không có mái che.
- Thầy tỳ-khưu trọn đời phải ăn ngũ cốc, rau trái, không được dùng các loại thịt!

Đức Phật thấy rõ dã tâm của ông, nhưng Ngài chỉ nói lên điều đáng nói:

- Hôm nay mà ông còn đến đây để giả vờ xin những điều như vậy. Ông biết Như Lai sẽ từ chối, và rồi ông sẽ đi rêu rao đây đó rằng, những điều ông xin là cao thượng hơn. Thế là một số tỳ-khưu nhẹ dạ, quần chúng nhẹ dạ lại bị ông mê hoặc nữa.

Còn đệ tử của Như Lai thì năm điều kia có người thực hành là tốt mà không thực hành năm điều ấy cũng được. Ông nên nhớ rằng với ăn, mặc, ngủ... bao giờ Như Lai cũng hằng khuyên là: "thiểu dục tri túc". ăn, mặc, ngủ một cách thiểu dục tri túc và phải tu tập một Giáo Pháp như thế nào con người mới trở nên cao thượng! Chiêu bài của ông chỉ có thể lừa dối được người ngu, không bao giờ qua mắt được kẻ có trí đâu!

Thôi, ông hãy đi đi. Hôm nay Như Lai đã nói quá nhiều. Quả địa ngục đang chờ đón ông đấy. Hãy ghi nhớ lời ấy, và chỉ cần ghi nhớ một lời ấy mà thôi!

Đức Phật đã cảnh tỉnh Đề-Bà-Đạt-Đa như vậy. Nhưng có chừng năm trăm tỳ-khưu bị Đề-Bà-Đạt-Đa dụ dỗ bởi chiêu bài cao thượng đã theo chân ông ta đến núi Xú điều (kên kên ăn thịt) để hình thành một giáo đoàn riêng. Sự chia rẽ Tăng già đã đến hồi trầm trọng.

Tuy nhiên, Đức Thế Tôn lại bảo Xá-Lợi-Phất:

- Bây giờ là đến phiên ông và Mục-Kiền-Liên. Cả hai ông hãy đi mau, theo chân Đề-Bà-Đạt-Đa, đến núi kên kên, thuyết pháp cho năm trăm tỳ-khưu nhẹ dạ. Như Lai biết rằng, khi trở về, năm trăm tỳ-khưu kia sẽ tháp tùng theo hai ông. Và từ đây cho đến cuối đời, Đề-Bà-Đạt-Đa không còn làm gì được nữa. Ông ấy sẽ chết trong cô quạnh, đầy ăn năn, hối hận, sầu muộn. Tuy nhiên, khi nhắm mắt, ông ta rất thành thật, muốn yết kiến Như Lai và sám hối với Như Lai. "Con xin thành kính quy y Đức Phật" là câu nói cuối cùng của ông ta!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất khởi tâm từ ái:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sau này Đề-Bà-Đạt-Đa có khá hơn được không?

- Ông ấy bị đất rút, chịu quả báo ở địa ngục rất lâu, nhưng nhờ một thời gian tu hành trong sạch, nghiêm túc, ông ấy sẽ trở thành một vị Phật Độc Giác tên là Atthissara!

- Thật kỳ diệu thay, bạch Đức Thế Tôn!

Và còn kỳ diệu hơn nữa, Tôn giả Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên đến núi Xú điểu khi Đê-Bà-Đạt-Đa đang nghỉ ngơi, hai vị đã thuyết pháp đến cho năm trăm thầy tỳ-khưu, sau thời Pháp, cả năm trăm thầy tỳ-khưu đều đắc quả Tu-Đà-Hườn! Và họ đồng theo chân hai vị Trưởng lão về Trúc Lâm tịnh xá yết kiến Đức Thế Tôn.

Đê-Bà-Đạt-Đa biết ra thì đã muộn, nhìn khung cảnh quanh quẽ xung quanh, ông ta gục xuống, thổ ra một bụng máu tươi! Không ai phản ông cả mà bởi chính tâm cuồng vọng của ông đã đẩy ông đến tuyệt lộ!

---o0o---

Họ lần lượt ra đi

Hôm ấy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Càng sống ta càng hiểu tất cả là do nhân duyên có sẵn từ trước. Quả thật, đôi khi không thể miễn cưỡng nếu không đủ nhân duyên. Như trường hợp tỳ-khưu Kolàlika đã một thời vu cáo, mạ sát ta với Mục-Kiền-Liên là "những kẻ sống theo dục vọng thấp hèn". Chính Đức Phật giáo giới cũng không được hưởng hò gì ta? Sau này, Kolàlika kết bè với Đê-Bà-Đạt-Đa để quậy phá Giáo Hội, một lần nữa Đức Phật giáo giới cũng không xong. Như vậy, rõ ràng có những kẻ không bao giờ cảm hóa được! Tuy nhiên, bây giờ tỳ-khưu Kolàlika đang bệnh nặng, ta cần phải đến thăm viếng y."

Tôn giả Mục-Kiền-Liên đến tìm gặp Tôn giả Xá-Lợi-Phất đưa tin:

- Hiền huynh! Tôn giả Kiều Trần Như đã xin phép Đức Thế Tôn, nhập diệt rồi!

- Thế ư? Tôn giả ấy nhập diệt ở đâu?

- Thưa, ở hồ Chaddanta trên Hy mã Lạp sơn.

Cả hai ngồi đăm chiêu.

- Rồi đến lúc chúng ta cũng an nghỉ thôi. Nhưng bây giờ chúng ta hãy đi thăm tỳ-khưu Kolàlika.

- Thừa vâng, chúng ta nên như thế lắm. Ông ấy đi đâu cũng bị Chư Tăng và cận sự nam nữ xua đuổi, hiện giờ đang ở trong một cái chòi hoang sát bờ rừng, ngoại ô thành phố, về hướng Tây.

Thế rồi, cả hai vị đã tìm thấy. Tỳ-khuru Kolàlika đang nằm trên một chõng tre, tằm chần rách nát, mụn nhọt lở loét hôi hám. Có một sa-di đi ngang thương tình ở lại chăm sóc chút cháo, chút hồ. Cả hai Tôn giả đi hái lá thơm, kiếm nồi nấu nước sôi, pha nguội, giặt khăn rửa ráy cho bệnh nhân. Đôi mắt tỳ-khuru Kolàlika ứa ra hai giọt lệ, định nói gì nhưng Tôn giả Xá-Lợi-Phất xua tay:

- Hiền giả không cần phải nói gì cả. Cũng không cần thiết mở lời cảm ơn.

Tôn giả Mục-Kiền-Liên đến bên, vỗ về:

- Tôi biết rõ hiền giả muốn sám hối những lỗi lầm trước đây của hiền giả với Đức Thế Tôn, với cả hai chúng tôi. Điều ấy là tốt, nhưng cứ sám hối trong tâm thôi. Chúng tôi đã tha thứ lỗi lầm ấy cho hiền giả rồi!

Tỳ-khuru Kolàlika quá yếu, thoi thóp thở, lát sau, vật vờ, đau đớn rồi từ trần, hai con mắt lòi ra không nhắm lại được!

Chú sa-di vô danh thờ dài:

- Ai cũng mặt sát, phỉ nhổ vị tỳ-khuru này cả, nhưng thấy ông ta bị trả quả hiện tiền thật là kinh khủng, cũng tội!

Buổi chiều, dân làng hay tin, họ chất củi đầy cả chòi hoang rồi thiêu xác, họ bảo với nhau là ông Sa môn ấy bị quỷ ma bắt!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói như nói một mình:

- Ông ta còn biết sám hối đấy, nhưng quả thật là đã quá muộn màng!

Ngày hôm sau, Tôn giả Mục-Kiền-Liên bận việc đi giáo giới một người đệ tử ở rừng sâu đang gặp chướng ngại trong thiền định, Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại phải rủ Tôn giả Mahà-Cunda đi thăm Trưởng lão Sa-Nặc (Channa) cũng đang trầm trọng trên giường bệnh. Tôn giả tự nghĩ:

"- Vị tỳ-khuru này đã từng kết oan trái với ta, nhưng dẫu sao cũng có duyên lành hơn tỳ-khuru Kolàlika!"

Trưởng lão Sa-Nặc đang bị cơn bệnh dày vò, quần quai.

Tôn giả Xá-Lợi-Phát quan tâm nhắc nhở:

- Hãy để tâm rộng không, hiền giả! Tâm rộng không nếu được an trú thuần thực sẽ chống đỡ được tất cả mọi đau đớn!

Trưởng lão Sa-Nặc phập phều:

- Tôi hiểu, tôi hiểu, cảm ơn Tôn giả! Tôn giả có tha thứ cho những lỗi lầm của tôi không?

- Nhất định như vậy rồi! Tôi đã tha thứ lỗi lầm cho hiền giả cách đây mấy chục năm kia đấy!

Tôn giả Xá-Lợi-Phát lại ân cần nói:

- Chúng tôi sẽ tìm thuốc men và chút cháo phù hợp cho hiền giả dùng. Ráng thiền quán xem "cảm thọ chỉ là cảm thọ thôi!"

- Thừa vâng!

Thế rồi, Tôn giả Mahà-Cunda đến nhà đại thí chủ Visàkhà kiểm thuốc, Tôn giả Xá-Lợi-Phát đến nhà trưởng giả Cấp Cô Độc tìm cháo. Khi hai vị ra đi không bao lâu; Trưởng lão Sa-Nặc phát triển thiền quán, thấy rõ Vô Sanh; sau đó, Trưởng lão đi sâu vào định, chấm dứt hơi thở và chấm dứt luôn thọ mạng.

Khi hai vị trở về thì Đức Thế Tôn đã có mặt bên cạnh, Ngài nói với tất cả chúng tỳ-khuru vây quanh:

- Này các thầy! Các thầy đừng nghi ngờ gì nữa cả. Sa-Nặc rất an lành. Sa-Nặc có trạng thái tâm hồi quá rất tốt. Trước giờ lâm tử, Sa-Nặc đã phát triển thiền quán, tức khắc đắc quả A-La-Hán nhờ lời nhắc nhở của Xá-Lợi-Phát. Ông ta, sau đó đã trú định và ra đi, ý rằng không còn muốn phiền ai săn sóc cho mình nữa!

* * *

Khi hỏa thiêu thi hài Trương lão Sa-Nặc trở về, Tôn giả Xá-Lợi-Phất gặp Tôn giả La-Hầu-La, Ngài dừng chân lại.

- Đã khá lâu không gặp con, lúc này dáng dấp và thần sắc của con uy nghi, đỉnh đạt như Đức Thế Tôn.

Tôn giả La-Hầu-La mỉm cười:

- Thầy cũng vậy, con chưa bao giờ tìm ra được một nét nào là mệt mỏi ở nơi thầy.

- Thân xác này thì có mệt mỏi đây con ạ!

Tôn giả La-Hầu-La nói:

- Con muốn thưa với thầy một chuyện.

- Con hãy nói đi?

- Con muốn ở trong phòng.

Khi đến tịnh thất, Tôn giả La-Hầu-La quỳ sát đất, đánh lễ Tôn giả Xá-Lợi-Phất ba lần rồi nói:

- Con còn trẻ, thưa thầy! Thế mà cái thân của con đã mệt mỏi, tuổi thọ của con đã sắp hết rồi. Xin phép thầy cho con được nhập diệt.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất im lặng một hồi.

- Con lại muốn ra đi trước ta?

- Thưa, con tự biết sự đổi khác, biến hoại ở trong con. Con đã xin phép Đức Thế Tôn.

Im lặng.

- Con muốn nhập diệt ở đâu?

- Thưa, vì có duyên với cõi trời, nên con sẽ an nghỉ vĩnh hằng ở cõi trời Ba Mươi Ba.

Lại im lặng.

- Đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì không?

- Đức Đạo Sư nhìn con một hồi rồi Ngài nói: "Các người hãy đi trước hết đi, Như Lai đi sau cũng được".

- Thế là Giáo Hội càng ngày càng trống rỗng!

Tôn giả La-Hầu-La đánh lễ rồi chấp tay:

- Từ ngày bước vô Giáo Hội cho đến khi thấy được đạo Bất Tử và cả sau này, con có lỗi lầm nào dầu vô tình hay cố ý, xin thầy hoan hỷ xá tội lỗi ấy cho con!

- Dĩ nhiên thế rồi! Có lỗi hay không có lỗi đều như gió thoảng mây bay, con biết thế mà!

- Thưa vâng!

- Còn gì nữa không con?

- Thưa, còn hai việc nữa?

- Vậy thì hãy ngồi lên đây mà nói chuyện - Tôn giả đứng lên, sửa soạn chỗ - con hãy qua đây, bên cạnh ta đây!

Sau khi yên vị, Tôn giả La-Hầu-La nói:

- Tỳ-khuru Losaka - cậu bé khốn khổ, nghe lời thầy, con vẫn săn sóc luôn, nhưng không bao giờ vị ấy được đầy đủ vật thực.

- Ta biết!

- Kể từ khi đắc quả A-La-Hán đến nay cũng vậy!

- Ta biết!

- Đường như, "thọ hành" (tuổi thọ) của vị ấy cũng không còn được bao lâu!
- Được rồi! Ta sẽ đi thăm tỳ-khưu Losaka! Còn việc thứ hai là gì?
- Con muốn đọc cho thầy nghe một bài thơ được cảm hứng sau giây phút chứng ngộ.

Tôn giả cười:

- Hay lắm! Thú vị lắm! Con hãy bắt đầu đi.

Thế rồi, Tôn giả La-Hầu-La đứng dậy, bước tới bước lui và đọc lên bài thơ tâm đắc của mình:

"- Ôi! Giữa thế giới ba ngàn này
có ai hai lần được điểm phúc như ta?
là con của Đức Vô Thượng!
và là kẻ đã chiến thắng vinh quang,
chiến thắng Khổ Đau và Sự Chết!
là bậc A-La-Hán Vô Sanh
ta xứng đáng được mọi người mến yêu,
tán dương và tôn trọng.
đáng thương thay chúng sanh
bị bít bùng trong màng lưới của tham ái, si mê và khát vọng!
như cá nằm trên thớt!
như thỏ nằm trong rọ!
ta đã xây lưng lại rồi
không còn nghe tiếng gọi của trần gian vô minh kia nữa!
ta đã cắt đứt mọi sợi dây trói buộc
chẳng còn cái chồi nào
cho các sợi dây leo và tua uốn
gốc rễ Tử Sanh đã được bứng tận
bao nhiêu lửa nóng đã bị vùi tro
giữa bầu trời mùa xuân mát mẻ
ta ca lên bài ca tự do!"

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tán thán:

- Đúng là một kiệt tác, đúng là một tuyên ngôn Bất Tử! Bài thơ này rồi sẽ còn được truyền tụng nhiều ngàn năm sau đây, con biết không?

Tôn giả La-Hầu-La nhìn Tôn giả Xá-Lợi-Phất rất lâu.

- Giờ đã đến thời. Chúc thầy ở lại mạnh giỏi, con đi đây!

Tôn giả La-Hầu-La lại quỳ xuống đánh lễ. Tôn giả Xá-Lợi-Phất ân cần nắm tay. Khi bốn bàn tay vừa rời ra thì Tôn giả La-Hầu-La đồng thời cũng biến mất, vô hình vô ảnh. Tôn giả Xá-Lợi-Phất bước ra khỏi tịnh thất, dăm dăm nhìn lên trời cao.

Tiếng Tôn giả Mục-Kiền-Liên nói sau lưng:

- Đệ sẽ lên đó ngay lập tức. Bảo với Thiên Chủ Đệ Thích chuẩn bị một bảo tháp tôn nghiêm, quý trọng để tôn trí xá-lợi của La-Hầu-La!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất quay lại.

- Các người ai cũng muốn du hí thần thông trước mặt ta. Nhưng mà này, hiền đệ! Lên trên đó nhớ nhắc nhở Đệ Thích đừng quá phóng dật.

- Thừa vâng!

Tôn giả Mục-Kiền-Liên vừa nói xong thì cũng không còn thấy bóng dáng ở đâu nữa.

Ngài Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Không trách gì người đời ai cũng ham muốn thần thông phép lạ."

* * *

Từ khi đứa bé được Tôn giả Xá-Lợi-Phất nhặt lên từ đồng rác, đem về Kỳ Viên cho xuất gia sa-di, đến tuổi thọ đại giới, có tên là tỳ-khưu Losaka.

Losaka vì nghiệp quá khứ nên không có công đức, ít nhận được đồ ăn cúng dường. Dầu cho có cuộc bố thí lớn cách mấy, không có gì sánh nổi, bụng của Ngài cũng không được no, chỉ vừa đủ để duy trì mạng sống. Một muổng cháo thôi thì hình như đã đầy tràn miệng bát của Ngài. Người ta luôn cảm

thấy bát của vị tỳ-khưu Losaka đã đầy dầu bên trong không có gì nên lại đem dâng cúng cho vị đi sau.

Tuy vậy, tỳ-khưu Losaka tu hành rất tinh tấn, thiền quán tăng trưởng, sau một thời gian, Ngài chứng quả A-La-Hán. Song, Ngài vẫn được cúng dường ít ỏi. Vì thiếu thốn vật thực nên "thọ hành" giảm thiểu và ngày nhập Niết Bàn đã đến!

Sau khi nghe Tôn giả La-Hầu-La mách bảo, Ngài Xá-Lợi-Phất tìm thăm, hướng tâm đến, biết được thọ mạng của người đệ tử sắp chấm dứt, bèn nghĩ rằng:

"- Tỳ-khưu A-La-Hán Losaka hôm nay sẽ nhập Niết Bàn. Ta sẽ làm thế nào cho vị ấy được một bữa ăn no bụng lần cuối cùng."

Thế rồi Tôn giả dẫn Ngài Losaka vào thành Xá-Vệ để khát thực. Dầu cả thành phố ai cũng biết Tôn giả, kính trọng Ngài, nhưng hôm đó cả hai đều không nhận được một lời chào hướng nũa là cúng dường. Thấy chuyện lặp lại đúng như trước đây, Tôn giả Xá-Lợi-Phất liền bảo Ngài Losaka về trước, ngồi tại giảng đường rồi Ngài sẽ gọi vật thực về sau.

Đúng như Ngài nghĩ, khi Tôn giả Losaka vừa rời khỏi, Ngài liền đầy một bát, đầy hai bát. Tôn giả sốt ra nhiều phần, gặp vị tỳ-khưu nào, Ngài cũng bảo mang về cho Tôn giả Losaka đang ngồi đợi tại giảng đường. Tuy nhiên, vì nghiệp báo xui khiến, tất cả những người mang về đều quên, không đem những phần vật thực đến cho Ngài Losaka, hoặc họ ăn hết hoặc họ đem cho người khác.

Đến trưa, khi về tịnh xá, Tôn giả Losaka đến gặp Ngài để đánh lễ. Bạc Tướng Quân Chánh Pháp nói:

- Này con! Con có nhận được đồ ăn ta gửi về không?

Vì là bậc Thánh, Tôn giả Losaka trả lời:

- Thưa Tôn giả, thưa thầy! Rồi con sẽ nhận được!

"Rồi con sẽ nhận được, nghĩa là hiện giờ chưa nhận được!" - Tôn giả Xá-Lợi-Phất ngẩng đầu nhìn trời: đã quá ngo!

- Hãy ngồi xuống đây, con! Hãy ngồi xuống đây! Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói nhanh, chỉ đợi ta trong giây lát thôi!

Xong, như cánh chim ung vàng, Tôn giả quăng bát qua hư không, vận thần thông lực (Ngài cũng có đại thần thông nhưng ít khi sử dụng) bay sang trú xứ của vua Kosala. Ở đây, sau khi nhận đủ bốn loại bánh ngọt - những thức ăn phi thời - Tôn giả mau chóng trở về với thời gian như viên lực sĩ đuổi cánh tay!

Tôn giả cầm bát, đứng và nói với Ngài Losaka:

- Này con! Hãy ăn đi! Đây là những vật thực được phép dùng lúc phi thời. Ta cho phép con hãy lấy tay bốc và ăn.

Ngài Losaka vì lòng kính trọng thầy, không thể để thầy đứng cầm bát cho mình ăn, nên ngăn ngại.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất phải giải thích:

- Này con! Hạnh cung kính ấy rất quý báu, nhưng đây là do ta cho phép chứ không phải tự ý của con. Ta cầm bát và đứng. Con cứ thò tay bốc và ăn. Ta biết rõ rằng, khi hai bàn tay ta vừa rời khỏi bình bát thì sẽ không còn một tí vật thực nào ở trong ấy nữa.

Do thần thông lực của Bạc Tỏi Thượng Thủ duy trì, nên bánh không thể biến mất. Và nhờ vậy, Tôn giả Losaka được ăn một bữa như ý muốn, đầy đủ, no bụng.

Tôn giả Losaka quỳ xuống bên chân Ngài Xá-Lợi-Phất, nói rằng:

- Con đã thấy nghiệp của con rồi, và hôm nay con đã trả hết nghiệp. Con cũng chẳng còn luyện gì cái thân này nữa, thầy hãy cho con nhập diệt!

- À! Chỉ con biết lúc nào là phải thời! Vậy con muốn nhập diệt ở đâu?

- Thưa, ở đây, tại chỗ này! Tại chỗ mà nhờ ân đức của thầy, con được ăn một bữa no bụng, trong suốt cuộc đời!

Thế rồi, ngay chiều hôm ấy, Tôn giả Losaka nhập Niết Bàn không có Dư Y. Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác đứng một bên chứng kiến thi hài được hỏa táng.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất tự nghĩ:

"- Có mặt Đức Thế Tôn thì quả là đại hạnh cuối cùng cho hiền giả Losaka vậy."

Đã tiễn rất nhiều người rồi, thế mà Tôn giả còn phải tiễn một nhân vật quan trọng khác.

Con trai của trưởng giả Cấp Cô Độc đến đánh lễ Đức Thế Tôn, vấn an sức khỏe của Đức Thế Tôn, và báo rằng bệnh tình của trưởng giả đã đến hồi trầm trọng, xin Tôn giả Xá-Lợi-Phất hãy mở lòng bi mẫn đến thăm viếng trước khi ông nhắm mắt. Nghe tin vậy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã cùng Tôn giả Ananda không chút chậm trễ, lên đường tức khắc.

- Ông có đau đớn lắm không? Có chịu đựng được không? Có triệu chứng tăng trưởng cơn đau hay là đang thuyên giảm?

- Thưa, có cái gì đó trong con đang băng hoại, đang rữa nát hay là đang bị vỡ vụn ra từng khúc! Cái thân con dường như không còn chịu đựng được nữa rồi!

- Dĩ nhiên là vậy! Tôn giả nắm tay ông - cái thân nào rồi cũng đến lúc bị hủy hoại, nhưng mà ông còn tỉnh trí không, còn sáng suốt không, hỡi người hiền trí?

- Thưa, con minh mẫn lắm! sự sáng suốt ở trong con không bị mây che!

- Vậy là rất tốt. này ông trưởng giả! Hãy chú tâm nhé, ta sẽ thuyết cho ông nghe một thời Pháp!

- Thưa vâng, con mong muốn lắm. Con sẽ rất chú tâm!

Rồi Tôn giả thuyết thời Pháp sau đây:

- Này trưởng giả kính mến! Hãy ghi nhận theo lời ta mà quán tưởng như thế này: "Này Người Thợ Sinh Diệt! Ta không còn dính mắc với đôi mắt, với lỗ

tai, với cái lưỡi, lỗ mũi và làn da xúc cảm nữa! Người cứ không ngưng nghĩ tạo ra những cảm thọ trống không vô vị, như bọt nước, như hoa đóm, như hoa trong gương, như trăng đáy nước... như con chó gặm khúc xương khô! Người không còn lừa bịp ta được nữa đâu! Người không còn làm gì được ta nữa đâu!

Này hỡi Người Thợ Sinh Diệt! Những ảo ảnh do người nguy tạo ra, ta đã nhìn thấy rồi! Những cái gọi là vừa lòng, êm ái, khoái lạc, ngon ngọt, thỏa thích, khả hỷ, khả ái từ lâu đã quyến dụ ta, mê hoặc ta như cá dính câu, như chim sa lưới, nay thì ta không còn mắc mưu người nữa! Ôi! Tất cả rồi sẽ bị phân ly, biến hoại, rã tan. Dầu thân này hay thân khác, dầu thế gian này hay thế gian khác, không bao giờ có việc thường còn, cực lạc, hay trường sanh bất lão đâu. Tất cả đều là đau khổ và phiền não!

Này hỡi Người Thợ Sinh Diệt! Ta đã tu tập như vậy, ta đang tu tập như vậy, ta đã an trú như vậy thì ta nhất định sẽ chiến thắng người. Từ nay, người không còn làm gì nổi ta đâu!"

Nghe xong thời Pháp, trưởng giả Cấp Cô Độc rửa nước mắt. Thấy vậy Tôn giả Ananda hỏi:

- Này trưởng giả kính mến! Ông lo sợ về điều gì? Ông buồn khổ về điều gì? Hay tinh thần ông đã trở nên quá suy nhược?

- Thưa không, bạch nhị vị Tôn giả! Lo sợ hoặc buồn khổ hoàn toàn không có ở trong con. Và tinh thần của con không chút giảm suy, trái lại, đang phấn chấn, đang thịnh mãn, đang phi lạc. Ấy chỉ vì mặc dầu đã dự thính rất nhiều bài Pháp do Đức Tôn Sư giảng, con chưa hề được nghe một bài Pháp cao siêu như thế này!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Cũng đúng thôi, trưởng giả! Đây là những bài Pháp cao siêu chỉ để giảng cho những vị tỳ-khưu có trình độ tâm linh tiến hóa. Trong Tăng chúng rất nhiều vị chưa hề được nghe, huống hồ là cư sĩ, ngại rằng họ sẽ không thấu hiểu!

Trưởng giả kính mến! Ông cũng là cư sĩ, nhưng ông nghe được, tại sao? Vì ông có tâm của bậc đại nhân! Ông đã chi dùng một gia sản năm trăm bốn chục triệu đồng tiền vàng cho Giáo Pháp của Đức Tôn Sư mà không một

chút chau mày. Chỉ đến lúc chỉ còn cháo tẩm và bột chua mà ông vẫn không chau mày, vẫn giữ đức tin tuyệt đối, bất động với Tam Bảo! Tâm ông quảng đại, đầy vị tha và nhân ái nữa. Những người nghèo khổ, cơ bản, cô độc cả thành Xá-Vệ coi ông như một người mẹ vĩ đại. Mái nhà của ông là bóng mát thân yêu cho hàng ngàn tỳ-khưu.

Này trưởng giả kính mến! Như vậy tâm linh ông tiến hóa, tinh thần ông vượt trội - lại là Bạc Thánh Thất Lai nữa - quả thật ông xứng đáng được nghe bài Pháp cao siêu ấy!

Trưởng giả Cấp Cô Độc muốn ngồi dậy đánh lễ nhưng Tôn giả Ânanda ngăn lại - ông mỉm cười mà nước mắt lưng tròng, nghẹn ngào:

- Tri ân Trưởng lão, tri ân nhị vị Tôn giả! Hiện giờ con rất sung sướng, nội tâm con bình an mặc dầu thể xác đau đớn kịch liệt. Con hoàn toàn mãn nguyện. Con chỉ có một lời thỉnh cầu.

- Ông cứ nói!

- Con chỉ mong Trưởng lão thỉnh thoảng giảng những bài Pháp cao siêu này đến cho những cư sĩ tiên bộ. Con lãnh hội được thì chắc cũng có một số cư sĩ sẽ lãnh hội được.

- Đúng vậy! Ta sẽ xin với Đức Tôn Sư từ lời thỉnh nguyện của ông!

Khi hai vị Tôn giả trở về không được bao lâu thì trưởng giả Cấp Cô Độc trút hơi thở cuối cùng, tức khắc tái sanh vào cung trời Đâu-Suất.

Sáng ngày, Đức Phật gọi Tôn giả Xá-Lợi-Phất rồi hỏi rằng:

- Hôm qua ông đã làm gì mà ông Cấp Cô Độc tán dương ông dữ vậy?

- Thưa, đệ tử...

- Hồi hôm vị trời Cấp Cô Độc từ cung trời Đâu-Suất xuống đây đánh lễ Như Lai và nói rằng phẩm hạnh và tài đức của ông còn sáng muôn vạn lần so với hào quang của tất cả vị trời cộng lại. Vị trời ấy ví von vậy cũng không sai lắm đâu!

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử đã tự ý...

- Như Lai đã hiểu. Và ông làm vậy là đúng. Từ rày Như Lai cho phép Chư Thánh Tăng Trưởng lão giảng những bài Pháp cao siêu đến cho những cư sĩ có trí.

- Thừa vâng!

- Thôi ông hãy về đi! Ông cứ tiễn người này lên đường rồi người khác lên đường - cái thân quá mệt mỏi thì cũng nên cho nó nghỉ ngơi một tí!

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất cúi đầu, tự nghĩ:

"- Đấng Đạo Sư đã biết rõ cái thân ta bắt đầu biến hoại. Mọi người lần lượt ra đi, mình cũng không còn lâu nữa."

---o0o---

Cuộc từ giả vĩ đại

Sau khi an cư mùa mưa ở làng Beluva, Đức Thế Tôn và Tăng chúng bộ hành qua nhiều chận đường xa về Kỳ Viên tịnh xá. Tôn giả Xá-Lợi-Phất cảm thấy cơ thể rã rời, dường như không còn chút hơi sức nào.

Ngài biết rằng, tấm thân này đã như một cỗ xe quá cũ, các trục đã mòn, các cãm đã lỏng lẻo hoặc hư mục. Rõ ràng đây là lúc phải tính chuyện ra đi!

Thế rồi, Tôn giả trở về tịnh thất, cất đặt y bát, quét dọn phòng, trải tọa cụ rồi đi vào định diệt thọ tướng. Khi xả thiền thì trời đã vào khuya, lúc đứng dậy, Ngài nghe các khớp xương đau nhức và trong đầu như có cái gì bén nhọn đâm vào rồi lại kéo ra. Tuy thế, đi kinh hành một lát, Ngài lại trở về chỗ tọa cụ, ngồi xuống, nghĩ rằng:

"- Ta sẽ nhập diệt trước Đức Thế Tôn hay là sau Ngài?"

Tôn giả hướng tâm đến, biết rằng, bao giờ vị Đại Đệ Tử cũng nhập diệt trước vị Phật.

"- Còn Mục-Kiền-Liên thì sao?"

Tôn giả lại biết Mục-Kiên-Liên sẽ nhập diệt sau Ngài nửa tháng. Và thọ hành của Ngài chỉ còn duy trì được bảy ngày. Vậy thì trong thời gian này, Ngài còn bồn phận gì trên đời cần phải thực hiện? Dĩ nhiên Ngài lại nghĩ đến mẹ. Mẹ Ngài là cái gì vẫn mãi canh cánh bên lòng.

Mặc dầu cả thầy bảy người con trong gia đình đều đắc quả A-La-Hán nhưng bà Sà-rì không tin Tam Bảo, vẫn xem thường Đức Phật và Tăng chúng, vẫn đặt niềm tin mù quáng theo ngoại đạo.

Tại sao Ngài lại không thể cứu độ mẹ được? Cả hàng ngàn Chư Thiên, Ngài đã từng an trú cho họ vào các tầng Thánh quả. Cả hàng ngàn gia đình cư sĩ, Ngài đã mở những cánh cửa trời cho họ bước lên? Cũng đã hàng ngàn tỳ-khưu và sa-di nhờ Ngài mà họ bước vào dòng Thánh? Kể cả các giáo phái chủ, giáo phái sư, Bà la môn trưởng giáo, Bà la môn hữu danh, vua chúa, đại thần, tướng quân, thương gia... dẫu kiêu căng, cứng đầu, trịch thượng - nhưng sau khi nghe pháp họ đã trở nên nhu thuận, dễ dạy! Thế thì tại sao Ngài lại bất lực trước mẹ Ngài? Có lẽ vì thiếu trí tuệ hoặc vì nhân duyên của bà chưa chín muồi?

Tôn giả Xá-Lợi-Phất lại trở nên trầm ngâm - Ngài đang hướng tâm quan sát căn duyên của mẹ. Chợt Ngài thốt lên:

"- Hay thay! Tuyệt diệu thay! Mẹ ta sẵn đủ căn duyên bước vào Thánh Đạo!"

Rồi Ngài lại nghĩ tiếp: "Vậy ai là người có duyên để cứu độ mẹ ta?" Sau khi biết kẻ đó chính là mình, Ngài quyết định:

"- Vậy thì ta sẽ nhập diệt ở chốn cố hương, nơi chỗ mà ta chào đời để cứu độ mẹ ta!"

Sáng hôm sau, Tôn giả Xá-Lợi-Phất trình bày quyết định của mình cho Tôn giả Mục-Kiên-Liên hay. Cả hai ngời yên lặng một hồi lâu.

- Đại huynh tính như vậy thì tình, lý, thời đều trọn vẹn. Thôi, đại huynh đi trước, đệ sẽ đi sau nhé!

Tôn giả Xá-Lợi-Phất đứng lên, nắm tay Mục-Kiên-Liên:

- Chúng ta sẽ không gặp nhau nữa.

- Cũng vừa đủ, đại huynh! Đã kinh qua suốt cuộc đời, chúng ta đã không làm một con người vô ích, đã làm việc hết sức mình, cơ thể chúng ta đã không còn chịu đựng được nữa rồi!

- Đúng là vậy, hiền đệ! Chúng ta làm bạn với nhau suốt trong tuổi thơ ấu, thanh niên, và hơn bốn mươi năm trong Giáo Pháp của Đức Tôn Sư. Chúng ta đã hợp tác chặt chẽ với nhau trong mọi công việc được Đức Thế Tôn giao phó, chưa lần nào chúng ta tranh cãi một lời, luôn luôn thuận thảo, tương kính, luôn luôn tự hòa, hoan hỷ.

Thật là tốt đẹp thay một cuộc đời biết sống!

Tôn giả Mục-Kiền-Liên nắm tay xiết chặt, mỉm cười:

- Không biết mấy triệu năm mới có một cuộc tương ngộ và một cuộc vĩnh biệt như thế này? Hãy cho đệ đánh lễ lần cuối cùng, một người anh duy nhất, cao cả và siêu việt!

Đại Mục-Kiền-Liên quỳ xuống đánh lễ. Tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng quỳ xuống đánh lễ theo. Cả hai đều rất trân trọng và thành kính.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Từ khi thấy được Giáo Pháp Bất Tử, huynh không tìm thấy chỗ nào là huynh, chỗ nào là đệ ở trong hai chúng ta cả. Đây chỉ là sự tương kính Pháp. Huynh cũng đã đánh lễ một người em duy nhất, cao cả và siêu việt!

Cả hai vị Tôn giả tối thượng từ giã nhau như vậy, vĩnh biệt nhau như vậy, thân thiết mà xa xôi, đậm đà mà lạnh lẽo, chẳng vướng bận gì, chẳng níu kéo gì. Như mây bay, như gió thoảng. Rỗng không như hư không.

Sau đó, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đi khát thực. Ngài muốn đi một vòng quanh thành Xá-Vệ thăm viếng một lần cuối cùng nơi mà Ngài đã từng sống với Chư Tăng và mọi người trong bao nhiêu năm, nơi mà Ngài có đủ vật thực để hành đạo. Ngài phải biết tri ân điều đó.

Về lại tịnh xá Kỳ Viên, Ngài cũng đi thăm một vòng như thế. Độ ngo xongi, Ngài cho gọi Trưởng lão Cunda - là em của Ngài - đến rồi nói:

- Này Cunda! Hãy chuẩn bị về quê thăm mẹ, cùng với ta!

- Thưa vâng!

- Hãy bảo rằng là ý của ta, cho tụ họp năm trăm tỳ-khuru môn đệ, cùng bộ hành với ta về Nalakà luôn thể!

- Thưa vâng!

Khi Cunda quay lưng bước đi, Tôn giả Xá-Lợi-Phất chợt kêu lại:

- Này Cunda! Trong bao năm sống với đại huynh, đại huynh có làm phiền gì đến em không?

- Dạ thưa không! Đại huynh trắng bạch như vỏ ốc. Bao làm phiền thì chẳng khác nào là em không có tai, không có mắt, không có tim, không có óc!

Tôn giả lại ân cần:

- Em đã là một Trưởng lão cao hạ rồi. Ta hỏi thế thôi chứ ta biết em an vui, tinh tấn, sống rất hài hòa với mọi người, lại được hạnh phúc trong Pháp nữa.

Trưởng lão ngần ngừ một lúc:

- Làn này có thể dắt mẹ qua bờ được không?

- Báo tin vui cho em hay là chắc chắn được!

Trưởng lão Cunda cảm thấy hoan hỷ trong lòng, chào Tôn giả rồi đi ngay. Ngài Xá-Lợi-Phất lấy chổi quét dọn tịnh thất, cất đặt mọi thứ đầu đó cho ngăn nắp. Dọn dẹp bên trong rồi Ngài ra dọn dẹp xung quanh hành lang.

Xong xuôi, đắp y, mang bát - Ngài bước ra bên ngoài, khép cửa lại. Ngài đi quanh ba vòng rồi bước ra xa, nhìn ngắm lại tịnh thất. Ngài nói thầm trong tâm rằng:

"- Cảm ơn người đã che mưa đỡ nắng cho ta bao ngày. Đây là cái nhìn cuối cùng của ta người biết không? Nhưng khi ta đi rồi, thì hy vọng rằng, sau ta, nhiều vị A-La-Hán khác nữa sẽ ở trong vòng tay âm cúng của người."

Lát sau, Trưởng lão Cunda cùng năm trăm tỳ-khưu đi đến. Họ đều đánh lễ Tôn giả và chờ lệnh.

Tôn giả nói:

- Các thầy sẽ vất vả bộ hành đường xa, nhưng rồi sẽ thu hái được nhiều điều bổ ích. Bây giờ hãy cùng ta đến đánh lễ Đức Tôn Sư!

Đức Thế Tôn đã biết, lúc ấy, Ngài đang chờ họ ở Đại Giảng Đường. Sau khi đánh lễ, Tôn giả quỳ xuống bên chân Đức Đạo Sư:

- Hôm nay, đệ tử đến đây để chào Đức Tôn Sư lần cuối cùng. Đệ tử sắp từ bỏ huyễn thân và từ bỏ cõi đời trần tục này. Thọ hành của đệ tử như ngọn đèn leo lét. Xin Đức Tôn Sư cho đệ tử được nhập diệt.

Đức Thế Tôn im lặng.

Tôn giả lại cất giọng khẩn thiết:

- Ôi! Đệ tử biết nói lời gì khi vĩnh biệt một bậc vĩ nhân siêu quần bạt tụy? Chính nhờ Ngài mà đệ tử bước ra khỏi bể khổ trầm luân để đi theo dấu chân giải thoát của Ngài. Từ đây, đệ tử sẽ không còn lang thang vô định, tới lui giữa sáu cõi khổ vui sinh diệt nữa. Đây là lời phụng bái thứ nhất của đệ tử!

Tôn giả cung kính đánh lễ.

- Giờ đây, thân xác tứ đại của đệ tử bắt đầu rã tan, trả về cho tứ đại. Chỉ bảy hôm nữa, thọ hành của đệ tử sẽ chấm dứt vĩnh viễn, kể cả ngũ uẩn này cũng không còn tiếp tục chùng chất, rối loạn, lèo bịp ai được nữa. Thế là gánh nặng muôn đời đã được buông bỏ xuống. Đệ tử sẽ hoàn toàn giải thoát, không còn bất kỳ một hạt bụi phiền não nào còn tồn tại. ạn đức ấy thuộc về Đức Tôn Sư, triệu triệu năm không đền đáp được. Hãy cho đệ tử thêm một phụng bái này!

Tôn giả cung kính đánh lễ.

-Ôi! Hồng ân của Đức Tôn Sư là đời đời bất diệt. Từ khi bước chân vào Giáo Pháp Bất Tử, đệ tử đã biết sống một đời có ích, biết phục vụ và biết phát huy, tăng trưởng sung mãn những phẩm chất cao đẹp của con người.

Thế nên biết bao chúng sinh đã được lìa xa khổ não? Biết bao Chư Thiên và nhân loại đã được nếm hương vị của Pháp mầu? Giờ đây, đệ tử đi vào Niết Bàn với tâm tư hoàn toàn thanh thản và mãn nguyện. Xin Đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nghỉ ngơi vì cái cỗ xe thân xác này đã đến lúc rã mục. Cho đệ tử được phụng bái một lần nữa, thay mặt chúng sinh, tri ân Bạc Vô Thượng Giác!

Cả hội trường im lặng như tờ. Đâu đó dường như có tiếng khóc nho nhỏ. Rất nhiều Chư Tăng không ngăn được giọt lệ.

Đức Thế Tôn cất giọng bình thản:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Ông sẽ nhập diệt ở đâu?
- Tại quê hương của đệ tử, làng Nàlakà, tại chỗ mà đệ tử được chào đời!

Đức Phật hỏi tiếp:

- Thời gian từ đây đến đó có kịp không?
- Thừa, dư dả.
- Vậy thì đây là việc cần thiết, sau lần từ giã này, Chư Tăng và huynh đệ sẽ không còn cơ hội được gặp mặt ông nữa, ông hãy ưu ái đến hội chúng thuyết cho họ nghe thời Pháp cuối cùng.

Vâng lời, Tôn giả bước lên một bảo tọa thấp hơn, ngồi ngay ngắn, đoan nghiêm, nhiếp tâm thanh tịnh rồi ban một thời Pháp chưa từng được nghe. Thời Pháp như tiếng gió rì rào bất tận, như hải triều âm xa mù đại dương, từng đợt sóng cuộn va đập vào ghềnh đá. Liên miên. Bất tuyệt. Gió lại lặng, sóng lại tan... Cử tọa thính chúng chột như thấy trước mắt mình một bình minh tươi sáng, một mùa xuân mát mẻ an lành hiện ra sau đêm đông lạnh lẽo. Tuyệt tan, tiếng chim reo vui, muôn hoa đua nở, hương trời bàng bạc, dịu dàng như xoa dịu tất cả những tâm hồn khổ đau... Ngài nói về đời Ngài bị bít bùng bởi truyền thống, bởi tâm thức ngoại giáo, sống trong bóng tối nô lệ của thần quyền, bước đi trong mê lộ của những thú triết học rối rắm, to vò, hợm hĩnh và cao đại. Có những lời, những chữ dệt gấm thêu hoa, kết nên tư tưởng được đóng khung, được mạ vàng, được quảng cáo rầm rộ là chân lý bất diệt nhưng thực chất là rỗng không, không có linh hồn, không có sự sống. Tất cả đây chỉ là lớp nguy trang, là cái vỏ hào nhoáng che bên ngoài

các bản ngã với những dục vọng thô thiển cũng như tế vi! Thế rồi từ đời này sang đời nọ, cha ông, cháu con, hệ hệ được nối tiếp, kế thừa; hình thành một tập cấp buôn thần bán thánh, rêu rao vì đại bi, vì phương tiện tối thượng thừa, vì lòng từ của Thượng Đế! Chúng nắm độc quyền về tinh thần, miệng lưỡi trả giá như con buôn, thao túng bọn dân ngu khu đen, chụp vào bàn tay lông lá những đặc quyền đặc lợi, ăn trên ngồi trước, no nê phê phỡn, nhảy múa bên bờ vực thẳm của Tử Ma.

Thế rồi, tiếng trống Bát Tử có mặt giữa đời, xóa tan mây mù hôn ám; như một sinh khí mới, làn sóng Pháp bảo uy dũng và dịu dàng cuốn đi tất cả mọi rác rưởi xú uế của thần linh và con người ngu si để lại. Đấng Vô Thượng Tôn ngự giữa tầng mây, gióng lên tiếng sấm, thức tỉnh mọi loài, một cơn mưa hoa nhân ái, sáng rõ trí tuệ, minh mông giải thoát; mở ra một lộ trình hướng thượng, một cánh cửa đã đóng kín tự ngàn xưa, đem chúng sanh đến các cõi chân phúc và xán lạn. Ôi! Con đường ấy là gì? Cánh cửa ấy là gì? Hỡi ai có chân để bước, có tay thì gõ mà vào! Một vị Chánh Đẳng Chánh Giác đã xuất thế, qua hàng triệu năm tu tập công hạnh, thăng hoa phẩm chất, kết đài Trí Tuệ! Từ đỉnh Hy mã lạp sơn bước xuống, giòng sông Đại Hằng mở ra, quả địa cầu cúi mình xuống thấp, nghênh đón bước chân nở bảy hoa sen; Ngài đi giữa chốn loài người bốn mươi lăm năm không một mối vì lợi ích và hạnh phúc cho Chư Thiên và Nhân Loại. Đức Thế Tôn ấy là Thầy của Ngài, cho Ngài uống được giọt nước trong mát tận đầu nguồn Thánh hạnh... Ôi! Đầu nguồn Thánh hạnh ấy là gì? Hỡi ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu!...

Vốn lâu thông cả Ba Tạng, Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã đi từ những pháp cao siêu nhất xuống những pháp gần gũi và giản dị nhất. Rộng thì rộng đến vô biên mà nhỏ thì có thể đựng đầu hạt cải. Và cuối cùng, lộ trình hướng thượng ấy, cánh cửa Bát Tử ấy chỉ còn là đứng đi nằm ngồi, mặc áo, ăn cơm, quét tịnh thất, tôn kính bậc trưởng thượng, giác tỉnh, nhu thuận, lặng lẽ, ôn hòa, thuần tịnh, nội tâm trong sạch không có cấu bợn phiền não...!

Cả Đại Giảng Đường minh mông như vừa được tắm mát bởi thời Pháp của Tôn giả. Chư Thiên ngự đầy đặc cả không gian rải hoa ca ngợi.

Tôn giả bước xuống Pháp tòa, quỳ ôm đôi chân của Đức Thế Tôn rồi cất lên tiếng lời uy dũng của Sư Vương:

- Kính lạy Bậc Thiên Nhân Sư! Hãy cho đệ tử lễ bái đôi chân này! Cũng chính nhờ lễ bái đôi chân này mà đệ tử được hoàn toàn giác ngộ, hoàn toàn

giải thoát. Chính nhờ lễ bái đôi chân này mà đệ tử được sống giữa thời gian vô cùng và không gian vô tận, được sống vĩnh cửu trong mỗi chớp mắt thoáng trôi. Tất cả mọi nguyện vọng, hy cầu của đệ tử giờ đây đã được cụ túc, viên dung, trọn vẹn. Từ đây, đệ tử sẽ không còn được gặp Đức Thế Tôn để đánh lễ đôi chân này nữa. Đây là giờ phút nghiêm trọng, thiêng liêng mà đệ tử có thể sờ được đôi chân của Đấng Toàn Giác, đồng thời thấy rõ được cảnh giới Niết Bàn, không chết, không sinh, an nhiên, tự tại, tịnh mặc. Đệ tử đánh lễ đôi chân này vì đôi chân này cũng chính là đôi chân của vô lượng vị Phật quá khứ đã bước vào cảnh giới ấy và hiện giờ đây, đệ tử cũng đang lần bước theo.

Đánh lễ đôi chân một ngàn cặm bánh xe của Đức Phật xong, Tôn giả đứng lên rồi quỳ xuống lại.

- Bạch Đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, suốt bốn mươi bốn năm sống trong Giáo Pháp, nếu đệ tử có hành vi hay lời nói nào phật ý Đức Thế Tôn, không được vừa lòng Đức Thế Tôn vì trí tuệ non kém của đệ tử, ngưỡng mong Đức Thế Tôn hỷ xả, tha thứ lỗi lầm ấy cho đệ tử.

Đức Phật cất giọng chậm rãi, từ hòa:

- Nay Xá-Lợi-Phất! Ông là một tỳ-khưu uyên bác, thông minh, có đạo hạnh cao cả, khiêm nhu, một Trí Tuệ vượt bậc, sắc bén và sáng sủa, lẽ nào ông có thể có hành vi hay cử chỉ tạo ra lỗi lầm với Như Lai? Ông đúng là một Sa môn ưu tú, mẫu mực, giềng mối cho Giáo Hội; gia dĩ có sự quở trách nào đó cũng chỉ vì muốn viên toàn bổn phận cho ông, hoặc ông sẽ tăng trưởng phương tiện thiện xảo để dẫn dắt Chư Tăng thay mặt Như Lai mà thôi.

Rồi Đức Thế Tôn lại nói tiếp:

- Dầu ông có lỗi lầm hay không lỗi lầm Như Lai cũng đã tha thứ cho ông rồi. Mà thật ra, ông có lỗi lầm gì đâu, trọn cả cuộc đời, dầu là một hạt bụi nhỏ, ông cũng không để dính trên sợi lông chân của mình! Thôi, thì giờ cũng đã phải lễ, ông hãy làm những gì mà ông nghĩ là đúng thời!

Đức Phật đứng dậy. Tôn giả Xá-Lợi-Phất rời khỏi bàn chân của Đức Thế Tôn.

Ngay lúc ấy, đại địa cầu rung chuyển, nước trong bốn đại dương dâng cao. Cả tầng mây, cả hư không dường như cũng dao động không ngớt! nếu đại địa cầu biết nói thì nó sẽ khởi lên tiếng nói như sau:

"- Ôi! Hỡi những hiện thân vĩ đại và siêu việt! Mặc dầu thân thể tôi đây có thể chịu đựng được những vết chém ngang dọc của những con sông to, sông nhỏ, mặc dầu thân thể tôi đây có thể chở mang, gánh nặng những ngọn Meru hùng vĩ, những thần sơn Cakkavala cao ngất và đỉnh Himavantu - vua của loài núi, ngút mây! Thế nhưng, tôi đã không chịu đựng nổi ngày hôm nay, một ngày mà Giới đức, Định đức, Tuệ đức cùng vô lượng phẩm chất cao đẹp khác của con người đồng quy tụ ở Đại Giảng Đường Kỳ Viên tịnh xá này!"

Chợt một tiếng sấm đầy uy vũ vang tận các tầng trời và không biết từ đâu, một đám mây khổng lồ che kín cả không gian, tối đen, và một trận mưa kinh hoàng, xối xả tuôn xuống mặt đất như thác đổ.

Đức Thế Tôn nhìn trời, tự nghĩ:

"- Giờ đây, một vị Chương Pháp vô song sắp đi vào Tịch Diệt, trời đất đã khởi lên những hiện tượng của trăm ngàn đại kiếp mới có một lần. Thôi, như vậy là vừa đủ để còn nhiều người đưa tiễn con trai của ưu tú Như Lai!"

Trời lại quang, mây lại lặng. Đức Thế Tôn rời Đại Giảng Đường bước về hương phòng, Ngài đứng trên tấm thảm ngọc nhìn ra. Tôn giả Xá-Lợi-Phất đi theo, chấp tay rồi đi quanh hương phòng ba vòng về bên mặt, bốn góc, đánh lễ bốn phương; đến chính điện, chấp hai tay lên quá đầu, đánh lễ Đức Thế Tôn một lần nữa. Với tư thế lạng lẽ như vậy, Tôn giả nói ở trong tâm:

"- Giờ phút này, giữa không-thời-gian vĩnh cửu, bất diệt, không biết đã trải qua bao trăm ngàn đại kiếp, khi ta quỳ mọp dưới chân Đức Phật Anomadassi và phát nguyện được gặp Đấng Như Lai này? Nguyện vọng ấy giờ đã hoàn toàn viên mãn. Lần gặp gỡ đầu tiên với Ngài là sự kiện lớn nhất đối với ta. Còn đây là lần gặp gỡ sau chót, ta chiêm ngưỡng Ngài, để sau này chẳng còn cơ hội nào nữa cả."

Thế rồi, Tôn giả đứng dậy, vẫn giữ nguyên tư thế hai tay trên đỉnh đầu, Ngài thụt lùi từng bước một chậm rãi, thụt lùi cho đến lúc không còn thấy Đức Thế Tôn nữa.

Đại địa cầu một lần nữa lại rung chuyển dữ dội, sóng nước từ bốn đại dương dâng cao, ì ầm, va đập giữa hư không!

Đức Phật nói với Chư Tăng - lúc ấy họ đứng yên lặng đầy đặc cả Kỳ Viên tịnh xá:

- Các thầy hãy đi đi! Hãy đi tiễn ông anh cả của các thầy đi!

Nói xong, Đức Thế Tôn quay lưng, khép cửa hương phòng lại. Chư Tăng cả hàng ngàn vị, hàng chục Đại Trưởng lão đồng theo chân đưa tiễn Bạc Tướng Quân Chánh Pháp v? nơi an nghỉ cuối cùng. Dân chúng thành Xá-Vệ hay tin, họ khóc lóc kéo nhau thành từng đoàn, lũ lượt như từng dòng suối chảy cuồn cuộn, đổ ra từ các hang cùng ngõ hẻm. Chợ không đông, nhà nhà đóng cửa lại. Họ tỏ dấu chịu tang bằng cách tắm ướt nước lên tóc, tay cầm tràng hoa, vật thơm đặt lên tất cả các lối đi.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất và Chư Tăng bị bít kín giữa rừng người, giữa rừng tiếng khóc và biển nước mắt.

Ngài phải đứng lên cao, nói lời an ủi, phủ dụ:

- Hỡi các hàng cận sự nam nữ và muôn dân thành Xá-Vệ yêu mến! Các người đã có lòng thương xót đến ta, kính mến ta thì hãy trở về. Đưa tiễn ta như vậy là vừa đủ. Ai rồi cũng phải một lần vĩnh biệt. Nhưng ta ra đi không phải là về nơi đau khổ, ta đi về chốn giải thoát và tịnh lặng. Ta ghi nhận tấm lòng tri ân của các người, rồi phước báu sẽ hộ trì cho các người được hạnh phúc và an ổn!

Tôn giả lại nói với Chư Tăng cùng chư vị Trưởng lão:

- Tôi cũng rất biết ơn Chư Tăng cùng các vị Trưởng lão đã tận tình tiễn đưa. Trong bao năm chung sống trong Giáo Pháp thiêng liêng, cao cả - chư Tôn giả đã giúp đỡ tôi hết lòng, nhờ vậy Giáo Hội mới có được ngày hôm nay. Giờ phút cuối cùng này, và không bao giờ còn sự gặp gỡ nào khác, xin Chư Tăng và chư vị Trưởng lão xá tội cho tôi nếu tôi đã có gì làm lỡ. Mong chư Tôn giả thay mặt tôi mà chăm sóc, hầu hạ sức khỏe cho Đức Bổn Sư. Tôi xin thành kính đa tạ.

Chư Tăng lặng lẽ hơn nhưng không tránh khỏi còn nhiều tiếng khóc. Họ cũng không nói gì, đưa đôi mắt nhìn Tôn giả thật lâu, kính cẩn đánh lễ, chào

rồi từ từ quay gót. Tuy thế còn rất đông vị bịn rịn không chịu đi, Tôn giả ân cần nói mãi, họ vẫn khóc lóc, kể lể:

- Nay các thầy! Hãy đứng lại một lát đã. Trước đây người anh cả của chúng ta đi bao nhiêu lần cũng trở về, còn đây là chuyến đi không có ngày trở lại!

- Chúng ta sẽ không bao giờ được nghe những lời Pháp êm ái, ngọt ngào được tuôn chảy ra từ tấm lòng từ ái bao la của người Mẹ hiền nữa.

- Chúng ta sẽ không còn được nhìn ngắm khuôn mặt tuấn tú, đoan nghiêm; tác phong ôn nhu, khiêm tốn; nụ cười rực sáng hồn hậu của vị đại huynh trưởng kia nữa!

Tôn giả lại phải khuyên nhủ:

- Nay các thầy! Ly hợp là thường tình, luyến thương là phiền não. Tất cả mọi cái được cấu tạo, do nhân duyên, do điều kiện đều bị chi phối bởi định luật tất yếu của sanh diệt, vô thường. Các thầy biết rõ điều ấy rồi thì đừng nên chuốc lấy đau khổ cho mình mới phải!

- Thưa vâng, bạch Tôn giả! Chúng tôi sẽ khắc cốt, ghi tâm những lời vàng ngọc ấy.

Lúc đó họ mới chịu bước đi.

Trong giờ phút tiễn đưa này, Tôn giả Xá-Lợi-Phất được gặp hầu hết các vị Trưởng lão. Chỉ có một số Tôn giả tránh gặp mặt, rút vào rừng sâu. Tôn giả Mục-Kiền-Liên viện cớ đi xa. Tôn giả Ànanda được Đức Phật sai đi công việc ở nơi khác.

Tôn giả Li-Bà-Đa và A-Nậu-Đà-La xin được đưa tiễn đến nơi đến chốn. Ngài Xá-Lợi-Phất đồng ý. Thế rồi, Ngài cùng với hai Tôn giả Thánh Tăng, Trưởng lão A-La-Hán Cunda và với năm trăm vị tỳ-khưu môn đệ nhắm hướng Nàlakà cất bước.

Ôi! Thật là một cuộc từ giã vĩ đại mà trong Giáo Pháp của Đức Tôn Sư chỉ xảy ra một lần! Quả địa cầu đã không chịu đựng nổi.

Đền ơn Mẹ rồi yên nghỉ vĩnh hằng

Thế rồi, ngày đi đêm nghỉ, bộ hành vất vả sáu ngày đường, họ mới về được đầu làng Nàlaka. Trong thời gian ấy, Tôn giả Xá-Lợi-Phất cũng không tránh khỏi sự gặp gỡ Chư Tăng cùng cận sự nam nữ hai hàng. Dường như Tôn giả chẳng có sự nghỉ ngơi nào, Ngài đã không mệt mỏi giáo huấn, dạy dỗ tại mỗi nơi dừng chân. Và số người được nếm hương vị Thánh quả không phải là ít.

Ngôi làng Nàlaka, cũng được gọi tên là Upatissa, trước đây Bà la môn giáo rất thịnh hành, bây giờ đã đến lúc suy tàn. Cả hàng trăm chỗ thờ cúng, lễ lạy nơi đền thiêng, bảo tháp, cội cây giờ đã trở nên hoang lạnh. Rất nhiều gia đình đã quy giáo Đức Thế Tôn. Rất nhiều tỳ-khưu, sa-di xuất thân từ những gia đình danh giá, cao sang ở đây. Chỉ riêng bà Sàri là khư khư bất động mà thôi.

Dừng chân dưới những tàn cây cừa cổ thụ, Chư Tăng tìm nước rửa mặt, tay chân. Trời đã về chiều, khói hoàng hôn bảng lảng xa gần giữa những vườn xanh trùng điệp. Làng quê trông thật yên ả, thanh bình - nơi đây đã một thời Tôn giả lớn lên, học hành, suy tư và trưởng thành... Tất cả trở nên mồn mọt trong ký ức. Bây giờ, Tôn giả đã là một con người khác, rất gần mà cũng rất xa con người cũ ấy. Dường như Ngài không còn dính bất kỳ một quê hương nào nữa cả, lý lịch cũng không mà tên tuổi cũng không, đã bước ra ngoài tất cả mọi hiện tượng, mọi quy ước trên trần thế...

Có một đứa trẻ dừng lại nhìn ngắm Chư Tăng với đôi mắt đầy thân thiện. Khi hỏi ra mới biết đó là cháu trai của Ngài, bà nội nó là em của mẹ Ngài, Tôn giả kêu lại và nói:

- Cháu đoán ra ta là ai không?
- Cháu đoán Ngài là con của bà dì cháu!
- Thế là giỏi! À, này cháu! Cháu có biết bà dì cháu có nhà không?
- Dạ có ạ!

- Vậy thì ta nhờ cháu làm giúp một việc nhé?

- Dạ vâng ạ!

- Cháu vào làng, nói với bà dì như thế này: "Con trai trưởng của bà dì, Sa môn Xá-Lợi-Phất đang về đến đầu làng." Cháu nói thế có được không?

- Dạ được!

- Hãy nói như thế này nữa: "Sa môn Xá-Lợi-Phất sẽ xin ở trong nhà bà dì một ngày. Vậy xin bà dì sửa soạn, sắp xếp căn phòng mà thuở xưa con trai trưởng của bà dì chào đời. Ông ta sẽ xin được ở lại đây! Ngoài ra, xin bà dì hoan hỷ sắp xếp chỗ ở cho năm trăm vị tỳ-khưu nữa! Năm trăm vị, cháu nhớ không?"

Y lời, trẻ Uparevāta chạy vụt đi, đến nhà bà Sàri:

- Thưa bà dì, con trai trưởng của bà dì đã về đến đầu làng.

Lòng người mẹ rất thương nhớ con, nghe vậy rất vui, nhưng lời lại rất xẵng:

- Nó về đây làm gì?

- Thưa, Ngài không về một mình mà có cả năm trăm vị tỳ-khưu nữa!

- Làm gì mà đông dữ vậy! Bất "con mọi già" này hầu hạ chúng chăng?

Đứa bé vẫn vô tư:

- Bà dì phải sửa soạn căn phòng thuở xưa Ngài chào đời cho Ngài ấy ở. Rồi lại còn phải sửa soạn hơn năm trăm chỗ ở khác nữa đây. Dường như con trai thứ hai của bà dì cũng có mặt trong ấy. Đông lắm! Vui lắm!

Khi đứa bé đi rồi, bà Sàri tự nghĩ:

"- Đúng thật là cái thằng ngu! Lại kéo theo cả bầy, cả lũ đến đây nữa. cái gia đình này giàu lắm mà! Nó đã không cần, sao còn về đây mà báo hại? À, hay là nó đã chán cái đời sống không cửa không nhà, muốn về đây trong những ngày tháng cuối cùng để ngủ cho đã, ăn cho sướng, mặc cho ấm? Rõ là đã

quá muộn rồi con ơi, con cũng đã gần bảy mươi tuổi đầu rồi, còn "cá mú" gì được nữa?"

Bà Sàri thở dài nhưng cũng sai gia nhân sắp đặt đầu đó tươm tất đàng hoàng. Trời đã tối, bà còn sai gia nhân đốt hàng chục cây đuốc sáng rực, đến đầu làng dẫn Tôn giả và Chư Tăng về nhà.

Lát sau, Tôn giả và Chư Tăng bước qua sân gạch rộng thênh thang. Gia nhân đứng lối nhỏ, thắp đèn sáng rực như ban ngày. Ai cũng muốn nhìn mặt hai người con trai của chủ sau mấy chục năm xa cách.

Tôn giả bước đến bên bà Sàri, cúi đầu xuống:

- Thưa mẹ! Con đã về!

Bà Sàri chóng gậy lui vào phòng, nói mà không hề ngoái lại:

- Có gì mai hãy nói! Chỗ ở của ông yêu cầu đã dọn sẵn, chỗ ở cho hơn năm trăm vị tỳ-khưu đều đầu đó cả rồi, có gì sai bảo, nước nôi, giặt giũ - có gia nhân sẵn sàng túc trực hầu hạ!

- Cám ơn mẹ.

- Có đưa nào theo về đây?

Trưởng lão Cunda đáp kính cẩn:

- Thưa mẹ, con là Cunda. Con cũng về thăm mẹ đây!

- Cám ơn!

Rồi bà Sàri đóng phòng lại. Trưởng lão Cunda hướng dẫn Chư Tăng tìm ác chỗ ở, chỉ cầu tiêu, phòng tắm v.v... Quả đúng là một cơ ngơi vĩ đại, không thiếu bất cứ một tiện nghi gì. Chư Tăng rất thán phục anh em của Tôn giả, dám khăng khai từ bỏ một cơ ngơi như cung điện của vua chúa thế này. Nếu Chư Tăng còn biết rõ gia sản hiện kim của gia đình Ngài lên đến chín trăm triệu đồng tiền vàng thì họ còn kính phục đến chừng nào nữa! (Ghi chú - So sánh để biết: gia sản của trưởng giả Cấp Cô Độc trước là năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng, sau tìm thấy thêm năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng nữa)

Tôn giả Xá-Lợi-Phất bước vào căn phòng xưa, vừa ngồi vào giường là một căn bệnh trầm trọng phát sanh. Trưởng lão Cunda thấy đại huynh trưởng có vẻ đau đớn, ái ngại hỏi:

- Em có giúp gì được cho đại huynh không?
- Có lẽ đêm nay phải làm phiến em đây!
- Được giúp đại huynh lần cuối này, không dễ gì ai cũng có may mắn ấy!
- Anh bị bệnh tả lỵ đấy em ạ! Hãy chuẩn bị mấy cái "bô".

Thế rồi, sau đó Tôn giả đi tả liên hồi. Trưởng lão Cunda đi vào đi ra hoài với cái bô trên tay. Bà Sàri thấy phòng con trai còn thấp sáng, lịch kịch có tiếng động, bà hé cửa nhìn sang. Thấy Trưởng lão Cunda tắt tả vào ra, bà biết chuyện. Cho đến gần nửa khuya, bệnh mới giảm bớt. Bà nghĩ:

"- Con trai của ta đi tả liên tục, chắc là đau đớn lắm, nhưng nó không hề rên la lấy một tiếng. Thiệt lạ đời! Cả ông Cunda cũng vậy, cũng lặng lẽ. Sao họ giống nhau đến thế? Ôi! Người Mẹ này lo lắng cho con mà dường như không dính đến họ được."

Bà không thể ngủ, cứ chong tai lắng nghe, chong mắt để nhìn.

Lúc ấy, Tứ Trấn Thiên Vương gặp nhau, nghĩ rằng họ phải có bổn phận đi thăm lần chót Bạc A-La-Hán Trưởng lão nên đã với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, hào quang sáng rực, họ hiện trong phòng Ngài, cung kính lễ bái rồi đứng hầu một bên. Tôn giả biết chuyện này nên dùng thần thông để cho bà Sàri nghe thấy quang cảnh và cuộc đàm thoại.

Tôn giả hỏi lớn:

- Các vị là ai?
- Bạch Tôn giả, chúng tôi là Đại Thiên Vương cai quản bốn châu.
- Các vị đến đây có việc gì?

- Thưa, thứ nhất là để chiêm ngưỡng thăm viếng Tôn giả lần cuối cùng, thứ hai là đến đây để Tôn giả tùy nghi sai bảo.

Tôn giả nói:

- Vậy thì cảm ơn các vị trời đầy oai đức đã bỏ công thăm viếng. Bệnh tình tôi đã thuyên giảm, lại có Trưởng lão Cunda ở đây, khỏi phiền đến các vị. Thời cũng đã phải lẽ, các vị hãy đi đi!

Họ vâng lời, đánh lễ Tôn giả, rồi như vàng trắng sáng, họ mất hút giữa hư không.

Thiên Chủ Đế Thích - Thiên vương cõi trời Đạo Lợi - nghĩ mình phải có bổn phận đưa tiền Bạc Đại Chương Pháp nên với oai nghi, hào quang, thần lực hiện bên giường Tôn giả trong chớp mắt. Cũng qua một hồi đối thoại ngắn, Trời Đế Thích cung kính đánh lễ rồi xin rút lui.

Trời đã khuya, không những trong vườn bà Sàri mà dường như cả làng Nàlaka đồng trở nên sáng rực. Đó là các vị Đại Phạm Thiên xuống hầu Tôn giả Xá-Lợi-Phất, cũng cung kính nghiêng lưng thi lễ và muốn săn sóc bệnh tình cho Ngài. Tôn giả cảm ơn và rồi họ cũng cáo biệt.

Bà Sàri chứng kiến từ đầu, thấy rõ quang cảnh và nghe không sót lời một nào, bà nghĩ rằng:

"- Không biết những vị nào như các Đấng Thiên Thần oai lực và cao sang như thế lại đến thăm con ta, đánh lễ con ta rồi nói gì rằng là... hầu hạ... sai bảo nữa? Mà cũng kỳ lạ, là con ta có vẻ lớn hơn họ, là bậc Thầy của họ?"

Bà Sàri rời phòng, rón rén đến tận cửa phòng của Tôn giả, muốn gặp Trưởng lão Cunda để thăm hỏi bệnh tình. Tôn giả đã biết chuyện này nên bảo Trưởng lão Cunda mở cửa để bà Sàri vào.

Tôn giả Xá-Lợi-Phất dựa lưng trên chiếc gối, ngồi dậy:

- Đã khuya rồi mẹ chưa đi ngủ sao?

- Mẹ ngủ sao được khi tả lỵ nó hành hạ con như thế!

- Con đã khỏe rồi mẹ ạ!

Bà lặng lẽ quan sát thần sắc Tôn giả thấy có hư hao nhưng vẫn toát ra cái an nhiên, thanh thản lạ kỳ! Rồi căn phòng bệnh của tả ly, mà sao lại thanh sạch và như tỏa mùi hương (các vị trời âm thầm bỏ lại hương trời, tẩy xú khí).

- Này con! - bà Sàri hỏi - Tại sao đã khuya rồi mà có những người đến thăm con như vậy? Các vị đầu tiên là ai mà oai phong凛冽, oai gấp trăm lần vua loài người, mà chung quanh họ lại sáng rực như có hào quang? Họ là ai vậy con?

Chưa trả lời vội, Tôn giả bảo Trưởng lão Cunda lấy cho Mẹ một cái ghế, còn Tôn giả sửa lại oai nghi, ngồi kiết già rồi mới nói chuyện:

- Thưa mẹ! Đây là bốn vị Vua Trời, còn gọi là Tứ Đại Thiên Vương oai trấn bốn châu thiên hạ đấy!

- Bà Sàri rùng mình, nổi gai ốc: "hèn gì!" Rồi bà bồn chồn hỏi:

- Họ oai đức như vậy, cao sang như vậy, sao họ lại đến thăm con, cung kính đánh lễ con? Có lẽ nào con lại cao hơn họ sao?

- Thưa mẹ! Những vị Trời ấy có tâm rất cao thượng, họ hằng hộ trì Phật Pháp. Khi Đức Bổn Sư đản sanh, chính họ tiếp bồng hoàng tử bằng tấm da mịn. Họ luôn luôn bảo vệ Đức Bổn Sư, như bốn vị Thiên Tướng cặp kè với gươm giáo sáng lòa vậy. Con cũng hay giảng đạo, dạy đạo cho họ nên họ cung kính con, coi con như bậc Thầy!

Bà Sàri nghe vậy, hoan hỷ đến tận chân tơ kẽ tóc. Móm mém cười, bà hỏi tiếp:

- Còn vị đến sau? Vị đó ngó bộ oai sang hơn bốn vị trước! cái thân như tạc bằng ngọc ngà châu báu, hào quang đã sáng mà lại đẹp. Ôi, lại đẹp một cách lạ lùng! Vị ấy là ai?

- Thưa mẹ! Vị đó là Vua cõi Trời Ba mươi Ba hay còn gọi là cõi Trời Đạo Lợi mà người ta hay gọi là Đế Thích Thiên Vương. Vị này cũng còn là vua của bốn vị kia nữa. Thế gian hay gọi vị này là Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì Ngài có rất nhiều thần lực.

- Vị như vậy mà còn thua cả con sao?

- Thưa mẹ! Đối với tỳ-khưu, đối với chúng con thì vị Trời ấy cũng như một chú sa-di, một người hầu để sai bảo việc vật thế thôi!

- Khiếp! Nghe ông con nói mà khiếp!

Tôn giả mỉm cười:

- Mẹ không tin sao? Để con gọi Ông Đế Thích ấy xuống đây, sai bảo cho Mẹ xem nhé?

Bà Sàri chới đây đây, xua tay lia lịa:

- Thôi! Thôi! Mẹ tin rồi! Thấy oai tướng của ông Trời ấy mẹ đã khiếp rồi! Mẹ thiếu đức, thiếu phước nên sẽ cúi đầu, run rẩy trước ông ta mà thôi!

Tôn giả giải thích tiếp:

- Có một mùa an cư, Đức Thế Tôn nhập hạ ở cõi Trời ấy về. Chính vị Trời Đế Thích cao sang ấy đã mang y bát cho Đức Thế Tôn, tiễn đưa Đức Thế Tôn đến tận quả đất với lòng thương kính và trân trọng.

- Ô! Còn mấy vị đến sau, hào quang sáng cả vùng trông rõ mồn một như ban ngày? Ôi! Các vị này thân thể như ánh sáng, nhẹ nhàng, thanh cao và tinh khiết làm sao! Mới thấy họ thôi mà tâm hồn mẹ đã lâng lâng, mát mẻ vô cùng. Họ là ai vậy con?

- Thưa mẹ! Đây chính là những vị Đại Phạm Thiên, là những Bậc Thần Linh Cao Cả mà mẹ tôn thờ đấy!

- Hà?!!!

Bà Sàri tròn xoe đôi mắt, ngạc nhiên quá, miệng dường như không còn ngậm lại được.

Biết mẹ đã khởi tâm tịnh tín, Tôn giả giảng tiếp:

- Vào ngày Đức Bổn Sư xuất thế, có bốn vị Đại Phạm Thiên ở cõi Trời Ngũ Tịnh Cư Thiên, bốn người bốn góc đã căng một tấm lưới bằng vàng mịn tiếp hoàng tử đây. Thường thường vào buổi khuya, Đức Thế Tôn thuyết pháp

cho họ nghe. Không những họ coi Đức Bồn Sư là Bạc Thầy Vô Thượng mà họ cũng xem chúng con như Bạc Thầy mà họ hằng ngưỡng mộ, tôn sùng!

Bà Sàri tâm tư đã hoàn toàn đổi khác, bà nghĩ:

"- Ôi! Ai ngờ rằng con trai ta mà cao cả đến thế, cho đến các vị Đại Phạm Thiên mà giòng tộc ta tôn thờ, lễ lạy, cúng kiến từ đời này sang kiếp nọ cũng ở dưới con ta không biết bao nhiêu bậc! Ôi! Nếu con ta đã là vậy thì oai đức của Đức Thế Tôn kia cao lớn biết dường nào?"

Một sự thỏa thích, hoan hỷ tràn ngập tâm ta bà; một niềm mát mẻ, trong lành tỏa khắp cả châu thân bà. Tôn giả Xá-Lợi-Phất ghi nhận được sự diễn biến ấy, và đây là thời tốt đẹp nhất để thuyết cho bà rõ ạn Đức của Tam Bảo.

Tôn giả bèn hỏi:

- Thưa mẹ! Mẹ nghĩ gì mà khuôn mặt mẹ rạng sáng đến như vậy?

- Này con! Không rạng sáng sao được khi con trai của mẹ cao cả hơn các Ngài Đại Phạm Thiên? Và chắc chắn rằng Thầy của con, Đức Thế Tôn lạ lùng ấy, rõ đúng là vô biên vô lượng ân đức nhất dưới gầm trời này!

Tôn giả gật đầu:

- Đúng vậy mẹ ạ! Mẹ đã suy nghĩ rất đúng. ạn đức của một vị Phật thì chính ngay hư không hay biển cả kia cũng không thể so sánh được. Mẹ biết không? Dễ gì có một Đức Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện trên đời này? Phải kể đến hằng trăm đại kiếp mới tượng ra được một nhân cách hùng vĩ như thế. Ngày Đức Bồn Sư ra đời, quả địa cầu dày bốn mươi do tuần này rung chuyển ba lần. Ngày Đức Thế Tôn thành đạo cũng thế. Không những địa đại rung chuyển mà cả hằng vạn cõi trên khắp đại thiên thế giới cũng chấn động như sóng dội!

Thưa mẹ! Con thì đã có nghĩa gì, mặc dầu giữa thế gian này, con đứng hàng thứ hai sau Đức Phật! Về Phước Đức, về Định Lực, về Trí Tuệ, về Giải Thoát, về Kiến thức hiểu biết quảng đại, về Phạm Hạnh, về Công Hạnh, về các Tâm Vô Lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả thì con cũng đã thành tựu khá nhiều, nhưng so với Đức Phật thì có thể ví như hạt cát với biển cát của con sông Đại Hằng, như một hạt bụi so với ngọn Hy mã Lạp sơn!

Rồi tuần tự, từ từ, chậm rãi, Tôn giả nói cho bà Sàri nghe về ạn Đức của Phật, ạn Đức của Pháp, ạn Đức của Tăng... làm cho bà Sàri như rơi vào vùng biển trời bao la, lạ lùng, choáng ngợp, hùng vĩ, huy hoàng... Thời Pháp chưa chấm dứt mà bà đã đắc quả Tu-Đà-Huàn, nhập vào dòng Thánh.

Bà Sàri hoan hỷ quá, hân hoan quá, bà thốt ra lời trong những giọt lệ mừng vui, lần thứ nhất và cuối cùng ở trong đời:

- Nay Upatissa! Từ nay mẹ không dám gọi xách mé ông nữa, mà mẹ sẽ gọi ông là tỳ-khưu Upatissa, là Sa môn Xá-Lợi-Phát! Một người có ân đức vô lượng vô biên, đã cho mẹ uống được những giọt nước ngọt ngào, đã cho mẹ thấy rõ đường đi nước bước, biết đặt đức tin đâu là đúng, đâu là sai. Ôi! Quý hóa thay! Nay Sa môn Upatissa! Sao từ trước đến nay ông không chịu dẫn dắt mẹ? Tại sao trong suốt những năm tháng qua, ông không cho mẹ một sự hiểu biết Chơn Chánh, Bất Tử này?

Tôn giả Xá-Lợi-Phát hân hoan tự nghĩ:

"- Thế là ta đã báo đáp được trong muôn một ân sinh thành dưỡng dục cho Mẹ. Và đây chính là điều phải làm duy nhất còn lại đối với ta. Vậy mọi bần phận trên đời này ta đã hoàn tất, đã chu toàn, ta ra đi là phải lẽ, đúng thời"

Khi bà Sàri rời khỏi phòng, Tôn giả hỏi Trưởng lão Cunda:

- Giờ là canh mấy rồi?

- Thưa, đã quá canh ba, trời đã rạng sáng.

- Ta muốn nói chuyện với Chư Tăng lần cuối cùng, em triệu tập giúp ta nhé!

- Thưa vâng!

- Ta đã tập trung tất cả mọi sức lực còn lại để nói chuyện với mẹ, giờ ta yếu lắm! Em hãy bảo người khiêng ta ra Nhà Hội, Chư Tăng cũng sẽ tụ họp ở đây!

- Thưa vâng!

Khi đã an vị đầu đó xong xuôi, nhìn Chư Tăng một cách rất ân cần, Tôn giả nói:

- Tất cả mọi điều đáng nói, ta đã nói hết rồi. Bây giờ ta chỉ xin các thầy hoan hỷ bỏ lỗi cho ta vì một vài hành vi hay lời nói nào đó mà làm cho các thầy buồn lòng. Trên con đường tấn tu Phạm hạnh, ai cũng có những sai lầm, không nhiều thì ít. Đây là giây phút cuối cùng, các thầy hỷ xả bỏ qua cho ta nhé?

Chư Tăng đệ tử của Tôn giả đồng trả lời:

- Ngài đừng nói như thế mà tội nghiệp cho chúng con. Ôi! Quả thật một sự méch lòng nhỏ như hạt bụi giữa Ngài đối với chúng con cũng không có! Với chúng con, Ngài là một viên ngọc Mani không tỳ vết, là mặt trăng, là mặt trời lồng lộng giữa không trung! Dù Ngài có ra đi, có khuất bóng, dấu chân Bất Diệt và Cao Cả của Ngài vẫn còn đó. Chúng con nguyện đi theo dấu chân ấy và ghi khắc hình ảnh của Ngài vào tâm khảm. Phải nói ngược lại mới đúng: xin Ngài hoan hỷ xá tội cho những lầm lỡ của chúng con!

- Lành thay - Tôn giả nói, giọng đã yếu lắm - Hãy lấy Phật làm ngọn đèn, hãy lấy Pháp làm chân lý lên đường, hãy lấy Tăng làm áo giáp ngăn che. Vậy các thầy sẽ được bình an về nơi cõi miền Giác Ngộ. "Hãy tinh tấn, gia công chuyên niệm, kiên trì chăm chú đừng có xao lãng - đây là lời dạy cuối cùng của ta." Các thầy hãy lui ra!

Cả năm trăm vị tỳ-khưu, rất nhiều vị đồ đệ ngậm ngùi nhưng đều vâng dạ, bước ra ngoài, vòng tay cúi đầu hoặc nhìn vào. Bên cạnh Tôn giả chỉ còn ba vị Trưởng lão A-La-Hán, đó là Cunda, Ly-Bà-Đa và A-Nậu-Đà-La.

Tôn giả ngược nhìn cả ba vị Trưởng lão rồi nói nhỏ nhỏ:

- Giờ là phải thời, cho phép tôi đi trước chư hiền!

Cả ba lặng lẽ chấp tay, cúi đầu. Tôn giả xoay người nằm nghiêng về bên phải, chân phải duỗi thẳng, chân trái co lên, đầu gối lên cánh tay phải, tay trái bỏ dọc theo thân mình. Trưởng lão Cunda kéo y ngoại phủ chân và phủ đầu Ngài. lát sau, nhiếp tâm, Tôn giả nhập Sơ thiền, từ Sơ thiền Ngài đi vào Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không vô biên thiền, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi phi tướng rồi đi vào Diệt thọ tưởng định. Từ Diệt thọ tưởng định, một lượt nữa, Ngài xuống lại Sơ thiền. Từ Sơ thiền Ngài lên lại Tứ thiền. Dừng lại ở Tứ thiền, Ngài trú sâu viên mãn vào đại định rồi hoàn toàn đi vào Niết Bàn Tịch Diệt.

Lúc ấy, vầng thái dương cũng bắt đầu ló dạng ở chân trời như chào đón một Bậc Vĩ Nhân, một Ngôi Sao Sáng đã đi vào vĩnh cửu. Hôm đó là ngày trăng tròn tháng Kattika ở Ấn Độ, vào khoảng giữa tháng 10 và 11 Dương lịch.

* * *

Bà Sàri nằm nghỉ một lát thì trời đã sáng bừng, bà vội vã trở dậy với ý nghĩ: "không biết bệnh tình của Ông con ta giờ ra sao?" Bà bước sang phòng, vắng tanh. Thấy mọi người trang nghiêm đứng trong Nhà Hội, bà bước vào. Tới nơi chỗ nằm, bà lần lượt sờ chân, sờ mũi, sờ đầu mới biết rằng Tôn giả đã tịch! Bà liền quỳ dưới sàn phòng, than khóc, nước mắt, nước mũi nghẹn ngào.

- Ôi! Ông con trai cao quý của mẹ đã đi rồi! Ôi! Ông con trai suốt đời hiền lành, dịu dàng, nét na, mẫu mực... giờ không còn nữa! Trước khi mất, mẹ mới biết rằng ông là người cao cả, đức lớn hơn cả Phạm Thiên! Thế nhưng đã muộn rồi, ông con ơi! Gần suốt một trăm năm, mẹ đã không tạo được, không tích lũy được một công đức nào cả trong cái ngôi nhà đồ sộ này cả. Mẹ đã không biết cung kính, cúng dường cho hằng trăm Sa môn, hằng ngàn Sa môn chân chánh và cao thượng. Mẹ đã không xây cất được một tịnh xá, không dâng được một mảnh đất, chưa thật sự phát tâm hoan hỷ dâng một chút ít vật thực cho Đức Phật và Tăng chúng. Ôi! Cửa cái chất đầy rương mà mẹ chưa có một chút phước báu nào cả ông con ơi!

Bà Sàri kể lễ cho đến khi mặt trời lên cao. Ba vị Trưởng lão A-La-Hán ngồi đại định ở ba góc xung quanh nhục thể của Tôn giả. Nhìn sự yên tĩnh ấy, một hồi, tâm bà thanh thản hơn. Chư Tăng lần lượt bước vào đánh lễ. Tôn giả A-Nậu-Đà-La xuất thiền, khẽ nói nhỏ vào tai bà Sàri :

- Không nên khóc nữa, thưa Mẹ! Con Trai của Mẹ đã nhập Niết Bàn, nghĩa là đã đi vào chốn an vui vĩnh cửu, từ rày không còn dính một tí đau khổ nào nữa, dầu chỉ là đầu ngọn cỏ kusa! Mẹ hãy tỉnh táo, lau ráo nước mắt, lo hậu sự cho Con Trai Mẹ, với tất cả tấm lòng của mẹ, rồi mẹ sẽ cảm thấy yên ổn và mát mẻ lạ lùng!

Thưa Mẹ! Mẹ chỉ mất đi một người con đức hạnh, nhưng chúng con lại mất đi cả Một Kho Tàng Pháp Bảo, mất đi một Ngôi Sao Sáng bên cạnh Đức Tôn Sư; mất đi một người Cha, một người Mẹ, một người Anh Cả trong Giáo Hội và Tăng Đoàn. Chúng con mất mát lớn hơn cả mẹ nữa đấy! Mẹ

hãy nhìn xem Chư Tăng kia! Anh Trai Trưởng của chúng con ra đi, cả năm trăm đứa con kia - mới chỉ là số ít thôi - đã cảm thấy bơ vơ không có nơi nương tựa! Nhưng định luật là vậy, có sinh thì có diệt, có tụ thì có tan! Còn vấn đề tạo công quả thì không có gì phải muộn màng! Chư Tăng còn châu bên linh giác, Đức Phật còn tại thế, Giáo Hội còn trường tồn. Mẹ hãy chứng tỏ cho các thôn làng xung quanh đây - những ngôi làng Bà la môn kỳ cựu - biết rằng mẹ là mẹ của bảy vị A-La-Hán cao cả, mẹ đã đứng vững trong Chánh Pháp, mẹ có Đức Tin Bất Động với Tam Bảo, mẹ đã nếm được hương vị của Đạo Bất Diệt. Thưa Mẹ! Những lời con đã mạo muội nói ra như vậy, mẹ nghĩ có đúng không?

Bà Sàri gật đầu mạnh mẽ:

- Rất đúng, hoàn toàn đúng, thưa Tôn giả! Các Ngài và ông con trai của tôi nói lời nào là đúng lời ấy mà trước đây tôi vì quả mê muội nên không thấy. Hãy cho tôi được sám hối Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng.

Bà quỳ xuống đánh lễ, cả ba vị A-La-Hán chứng minh cho lời sám tội ấy.

Sau đó, bà Sàri rộng tay mở kho tàng, lấy ra những bao vàng lớn. Thế rồi hàng trăm gia nhân chạy tới chạy lui xuôi ngược. Hàng chục Trưởng lão trong thân quyến ăn vận nghiêm trang đến nhà theo lời mời của bà Sàri. Hàng trăm thợ thầy danh tiếng, hàng trăm người phụ việc tuân lệnh răm rắp theo lời chỉ dẫn của bà. Từng núi lương thực được chở đến. Vật liệu, hương liệu, tràng hoa, vật thơm, vải vóc... ngựa xe nườm nượp. Gỗ chiên đàn, gỗ thơm hương vàng cháy theo thuyền trên nguồn tải về.

Thế là chỉ trong ba ngày, một ngôi Nhà Hội Tế được dựng ngay chính trung tâm làng Nalaka. Tất cả cột và vòng khung toàn bằng gỗ quý, thép vàng, thép bạc. Chính giữa ngôi Nhà Hội Tế có hai mái che phủ rộng rãi, có bao lơn, có trường bản được khắc chạm tinh vi với những trụ cột cũng được bọc vàng bên ngoài. Tất cả khí cụ thờ tế hoặc trang hoàng khác cũng bằng vàng, bằng bạc.

Thật là tài tổ chức, sự khéo léo sắp đặt, chỉ huy của bà Sàri vẫn còn hiệu năng, đặc dụng như thuở nào! Cả mấy làng trăm tro tàn phục một bà lão trăm tuổi. Chưa thôi, hàng ngày, gia nhân chăm lo vật thực đầy đủ, sung mãn, thượng vị cúng dường cho năm trăm thầy tỳ-khưu. Hàng ngày, số người ăn, cả quan khách, thầy thợ và gia nhân bao giờ cũng trên ngàn người. Một mình bà Sàri quán xuyến tất cả.

Đến ngày thứ tư, quan khách đông hơn, và Tôn giả A-Nậu-Đà-La nói với bà Sàri là rất nhiều Chư Thiên cũng trà trộn xen lẫn vào đây để cùng tham dự. Có điều hay là mặc dầu đã ở trong hàng ngũ Chánh Đạo, bà Sàri vẫn để cho các trưởng giáo Bà la môn và quan khách tổ chức hội tế theo truyền thống, tập tục của dân làng. Khi số người đông đảo ấy đã hành lễ suốt mấy ngày theo nghi thức tang lễ cổ truyền đã xong, bà cho dựng ngay một dàn hỏa thiêu cao trọng bằng tất cả các loại gỗ quý nhất, củi đốt cũng bằng gỗ trầm hương. Nhục thể của Tôn giả Xá-Lợi-Phất được phủ bằng hàng chục loại hoa tươi, hương liệu thơm như đinh hương, hồi hương, nước hoa ngát ngào đủ loại, và được tôn trí trên cao.

Thế rồi, Chư Tăng đứng vòng quanh, tụng những biến kinh về Vô Thường, Khổ Nãi, Vô Ngã. Ba vị Trưởng lão A-La-Hán cầm những bó mỗi bằng rễ cây Usiva thơm hương, châm lửa đốt. Lời kinh của năm trăm người đọc qua có uy lực kinh thiên động địa, dào dạt, ùn ùn như sóng lượn giữa không gian. Lửa bốc cháy, thơm ngào ngạt, lan xa cả mấy ngôi làng...

Trong đêm hỏa thiêu ấy, có mấy ngàn người tham dự cùng vô số Chư Thiên chứng kiến. Tôn giả A-Nậu-Đà-La, Ly-Bà-Đa và một số tỳ-khưu cao hạ khác thay nhau thuyết pháp không nghỉ. Khi lửa tàn chỉ mới cuối canh hai, Tôn giả Ly-Bà-Đa và A-Nậu-Đà-La lấy những thùng nước hoa tươi tắt những cục than âm i khói. Trưởng lão Cunda đến góp nhặt xá-lợi vào vương vải lọc.

Bà Sàri đưa ra một cái hộp bằng vàng để đựng di cốt nhưng Trưởng lão Cunda nói:

- Không, Thưa mẹ! Chỉ vương vải lọc của thầy tỳ-khưu như thế này là đẹp lắm rồi. Con sẽ đi ngay, kịp thời về trình báo với Đức Thế Tôn. Con không thể lưu lại đêm, hay lưu lại một giây khắc nào nữa cả.

Nói xong, Trưởng lão Cunda sửa lại y bát, buộc vương vải lọc chứa đầy xá-lợi, đồng thời cầm luôn Y Tăng-Già-Lê và Bình Bát - là di vật của Tôn giả Xá-Lợi-Phất - cấp tốc lên đường.

---o0o---

Hội chúng trống rỗng

Trưởng lão Cunda hơn năm ngày bộ hành cấp tốc mới đến được Kỳ Viên tịnh xá. Không nghỉ ngơi, Ngài tìm gặp Tôn giả Ānanda, đánh lễ, rồi ngồi xuống một bên:

- Thưa Ngài! Tôn giả Xá-Lợi-Phất, anh trai trưởng của con đã nhập diệt rồi. Đây là di cốt, đây là bình bát và y tăng-già lê của Ngài.

Tôn giả Ānanda lặng ngắt một hồi lâu, thò tay sờ vuông vải lọc, sờ y, sờ bát rồi nói như một cái máy.

- Vâng, thưa Tôn giả! Chúng ta hãy ra mắt Đức Tôn Sư!

Thế rồi cả hai vị đến đánh lễ Đức Đạo Sư.

- Bạch Đức Thế Tôn! Tôn giả Cunda vừa từ Nālaka đến đây, có báo với đệ tử rằng đại huynh trưởng của đệ tử là Tôn giả Xá-Lợi-Phất đã nhập Niết Bàn rồi. Và đây là di vật của Con Người Cao Cả ấy!

Nói thế xong, Tôn giả Ānanda đôi mắt ứa ra hai hàng lệ, nghẹn ngào:

- Khi đệ tử nghe tin ấy, tâm tư đệ tử trở nên bàng hoàng và cơ thể cảm nghe như yếu ớt, suy nhược đi. Mọi vật chung quanh như quay cuồng, mờ nhạt. Và tâm trí của đệ tử như rơi vào trạng thái mơ hồ, mông lung, không còn phân biệt cái gì ra cái gì nữa cả. Ôi! Đệ tử rất đau đớn!

Đức Phật biết tâm tư của người đệ tử giàu xúc cảm, Ngài cất giọng từ hòa:

- Nay Ānanda! Sao ông lại nói như vậy? Xá-Lợi-Phất nhập diệt có lấy đi của ông phần nào giới hoặc định hay không? Hay Xá-Lợi-Phất đã mang đi tất cả trí tuệ và giải thoát của ông mất rồi?

- Anh Cả của đệ tử không lấy đi cái gì cả. Nhưng Người là cố vấn trí tuệ cho đệ tử, đã giảng giải Pháp Bảo cho đệ tử một cách trọn vẹn, rõ ràng và chân thực. Người đã dẫn dắt hàng ngàn tỷ-khuru vào Thánh Đạo. Những huấn pháp, dụ pháp của Tôn giả ấy linh động, ngát ngào, mát mẻ, ấm cúng và thâm diệu dường bao! Ôi! Vĩnh viễn đệ tử không còn nghe được những thời pháp đậm đà, sâu sắc và thấm thiết kia nữa!

Đức Phật lại phải an ủi, dạy bảo:

- Này Ànanda! Đừng sầu thương thái quá! Như Lai biết rõ tình cảm của ông đối với Xá-Lợi-Phất, nên trong buổi tiễn đưa, Như Lai đã cố ý không cho ông gặp mặt là vì vậy.

Tất cả mọi pháp hữu vi nó sinh diệt hoại thành ra sao ông đã biết rồi. Tất cả mọi cái gọi là yêu thích, yêu mến, duyên thương... chúng tạo ra ràng buộc, đau khổ như thế nào ông cũng biết rồi. Và ông còn thuyết pháp rất hay về điều đó nữa là khác. Như Lai chỉ nhắc nhở ông một điều thôi: "Hãy tự tạo cho mình một hòn đảo để nương tựa, một hòn đảo không sinh diệt - Bất Tử, một hòn đảo thoát ra ngoài mọi định luật vô thường, một hòn đảo ở trên mọi trạng thái và các điều kiện." Ông là bậc bác học, đa văn, quảng tuệ, Như Lai nói ít nhưng ông hiểu nhiều!

Tôn giả Ànanda cúi đầu ghi nhận nhưng dòng sóng cảm xúc trong tâm tư vẫn cứ tuôn trào.

Thấy vậy, Đức Phật đưa Tôn giả Ànanda vào công việc:

- Hãy tự tập tất cả Tăng chúng trong Kỳ Viên tịnh xá đến ngay Đại Giảng Đường để Như Lai nói thêm về Người Anh Cả của họ.

* * *

Đức Thế Tôn ngồi lên Pháp tòa, phóng hào quang sáu màu trộn lẫn từng đôi một, duỗi thẳng cánh tay nhận vuông vải lọc đựng di cốt của Tôn giả Xá-Lợi-Phất, đưa lên cao rồi đặt vào lòng tay trái, nhìn hội chúng Chư Tăng đầy cả Đại Giảng Đường rồi Ngài nói:

- Này các thầy tỳ-khuru! Đây là di cốt có màu sắc sáng trắng như ngọc trai của một vị tỳ-khuru có phẩm hạnh tinh bạch tựa vỏ ốc. Đây là Anh Cả của các người! Ông ấy đã nhập diệt rồi. Và đây là Y, Bát còn lại!

Đức Thế Tôn đưa tay chỉ Y, Bát nằm bên cạnh Pháp tòa, mở lời tán dương công đức:

- Này các thầy! Xá-Lợi-Phất đã tu tập rất lâu, kể từ khi phát nguyện dưới chân Đức Phật Anomadassi đến nay với thời gian không thể tính được, Ông đã tích lũy Ba-la-mật như cát của con sông Đại Hằng. Quả vị mà Ông đạt được rất gần với Như Lai. Là một tỳ-khuru xứng đáng được tứ chúng tôn trọng và ngưỡng mộ. Trí Tuệ của Ông không ai bì kịp. Trí Tuệ ấy sáng suốt,

quảng bác, rực chói như hàng triệu ngôi sao tụ lại. Ông ấy là một người sống đời biết đủ, ít ham muốn, điềm đạm, không dính bụi trần, ưa tĩnh cư, ưa tạo sự hòa hợp giữa Tăng chúng, không mệt mỏi trong Phật sự, không chán nản trong việc giáo huấn môn đồ, là người bạn khả kính, khả ái của mọi người. Là một thiện trí thức vĩ đại.

Này các thầy tỳ-khưu! Từ bỏ một gia tài không thua gì gia tài của trưởng giả Cấp Cô Độc, Xá-Lợi-Phất đã nhẹ nhàng ra đi để sống đời Sa môn vô sản bần hàn. Trải qua vô lượng kiếp sống đào tạo công hạnh, Ông ấy là người luôn luôn thân cận Như Lai, khi là thân phụ, khi là nội tổ, là chú, là bác, anh em, con cái, cháu chắt hoặc bạn của Như Lai. Ông ấy kiên định như đá tảng, khiêm nhu tựa lụa mềm, kham nhẫn giống đại địa, tĩnh lặng tựa bể sâu! Ông ấy sống đời vô hại và hữu ích cho mọi người. Sống với bè bạn, người thân, môn đệ Ông như con chúa đàn với đôi sừng bằng sắt sẵn sàng bảo vệ và ngăn chặn kẻ ác, điều ác không cho đến gần. Ông ấy còn tự ví mình như một người Chiên-Đà-La thấp kém nhất trong xã hội, thế nhưng lại là một Người Cao Cả Nhất trên đời này.

Đức Phật một lượt nữa lại đưa di cốt lên:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đây là xá-lợi của vị Tỳ-khưu ấy, có sắc trong sáng như ngọc trai, là vị Thánh Tăng duy nhất khi ra đi có cuộc tiễn đưa vĩ đại, quả đất phải rung động và sấm gióng đầy uy vũ giữa trời cao!

Trong trăm ngàn kiếp sống qua, Ông đã biết bao lần bức xiềng đời sống gia đình. Đã biết bao lần Ông khăng khải chối bỏ ngọc vàng, tước lộc, thê nhi vì lý tưởng vô thượng của đời mình. Vị Tỳ-khưu ấy giờ đây mãi mãi được thế gian tôn thờ. Các thầy hãy bước theo gót chân của Xá-Lợi-Phất. Một gót chân mà dù ở giữa đô thị hay giữa rừng sâu cũng không làm hại đến một cọng cỏ; gót chân in dấu sự tịch lặng và vô nhiễm đến muôn đời!

Xá-Lợi-Phất là người chiến thắng vĩ đại! Một vị Tỳ-khưu phẩm hạnh trong trắng như vỏ ốc, xứng đáng xây dựng một bảo tháp để Chư Thiên và nhân loại cung kính, lễ bái, chiêm ngưỡng, dâng đèn hoa, trầm hương để tôn kính đến ngàn sau.

Sau khi xá-lợi của Tôn giả Xá-Lợi-Phất được chính Đức Thế Tôn ca ngợi như vậy, tán thán như vậy, hai hàng cận sự nam nữ, vua chúa, đại thần, phú hộ, dân chúng quanh thành Xá-Vệ hùn góp tiền bạc, của cải nhanh chóng

kiến tạo một bảo tháp để tôn trí xá-lợi của Ngài, trên một ngọn đồi cao, sâu trong rừng cây của hoàng thân Kỳ-Đà.

Đến ngày, Tứ chúng tổ chức một cuộc rước xá-lợi trang nghiêm và trọng thể. Đức Thế Tôn đi trước với xá-lợi, với kiệu, với lọng và tràng hoa; sau là một đoàn Chư Tăng cùng cận sự nam nữ cả hàng ngàn người. Xúc động nhất là Tôn giả Ànanda, bị bỏ lại đằng sau xa, khóc lóc, than thở với nước mắt đầm đề, như người vô hồn, lặ đi lặ lại mãi:

"- Ôi! Người bạn cao thượng của tôi đã đi rồi thì đối với tôi, cuộc đời sẽ chìm sâu trong đêm đen lạnh lẽo!"

Tôn trí xá-lợi trên bảo tháp xong, Đức Phật bảo Tôn giả Ànanda:

- Thấy di vật, ông lại tưởng nhớ Ông Anh Cả! Vậy hãy tập hợp Chư Tăng, hãy cùng với Như Lai về Vương-Xá. Như Lai cũng không muốn ở lại đây nữa!

Ngay ngày hôm sau, là một cuộc lên đường vĩ đại từ nước Kosala, dọc theo sông Hằng về nước Ma-Kiệt-Đà. Rong rã ngày đi, đêm nghỉ, Đức Phật khi ấy đã quá già yếu nhưng Ngài vẫn chậm rãi, kiên trì, dẻo dai trên đường trường. Vì bộ hành đông nên gần một tháng mới về đến Trúc Lâm tịnh xá.

Tôn giả Ànanda báo tin:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên cũng nhập diệt rồi.

- Như Lai đã biết!

Thấy Ànanda ngẩn ngơ như người mất hồn, Đức Phật ân cần nói:

- Tại Kỳ Viên tịnh xá, khi đang xây bảo tháp cho Xá-Lợi-Phát, Mục-Kiền-Liên đã có đến đánh lễ và xin phép Như Lai rồi.

- Vậy thì xá-lợi của Tôn giả hiện ở đâu?

- Đã có Ca-Diếp làm việc ấy.

Lát sau, Tôn giả Đại Ca-Diếp mang vuông vải lọc đựng di cốt, Y và Bát của Tôn giả Đại Mục-Kiền-Liên đến đánh lễ bên chân Phật.

Tôn giả Đại Ca-Diếp giải thích cho Tôn giả Ānanda nghe:

- Tôn giả Mục-Kiền-Liên đã ba lần dùng thần thông để tránh bọn giết người, nhưng sau đó Tôn giả nghĩ rằng không nên trốn tránh nghiệp. Vậy là Tôn giả cứ ngồi bất động cho bọn kia đâm, chém, chặt ra từng khúc rồi quăng vào bụi tre. Khi bọn giết người đi rồi, Tôn giả hóa hiện thần thông, hoàn thân lại như cũ, bay về Kỳ Viên tịnh xá và xin Đức Thế Tôn để Niết Bàn!

- Này Đại Tôn giả! Tôn giả Mục-Kiền-Liên gây nhân gì mà quả báo khủng khiếp vậy?

- Nói ngắn gọn là quả báo bất hiếu với mẹ cha!

Đức Thế Tôn nói với hai vị Tôn giả:

- Cả hai ông nên bỏ cáo chuyện này với Chư Tăng, cận sự nam nữ hai hàng, phải xây một bảo tháp như của Xá-Lợi-Phất để tôn trí xá-lợi cho Mục-Kiền-Liên. Các ông hãy đi đi. Như Lai rất mệt. Như Lai muốn nghỉ ngơi bảy ngày. Đừng cho ai quấy rầy Như Lai!

Thế là Đức Thế Tôn đóng hương phòng, an trú vào diệt thọ tướng định - là chỗ tĩnh cư của bậc Thánh. Khi xuất định thì bảo tháp đã xây xong. Cuộc rước xá-lợi cũng trọng thể, huy hoàng. Đức Thế Tôn tự tay đặt di cốt của người học trò yêu thứ hai vào bảo tháp.

Ba hôm sau, Đức Thế Tôn lại rời Trúc Lâm tịnh xá cùng với Tăng chúng lên đường. Ngài lại đi ngược dòng sông Hằng lên đến xứ Vajji, tại Ukkacala. Ở đây, tại một bãi cỏ trống, với đại chúng vây quanh, Đức Thế Tôn nhìn ra sông Hằng sóng vỗ cuộn cuộn, rồi nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Các thầy có thấy không? Sông Đại Hằng nước lũ cuộn cuộn, nó sẽ cuốn theo mình bao nhiêu rác bèo, đất cát về với biển cả. Giòng sông Sinh Tử cũng vậy, nó cuốn đi tất cả chúng hữu tình, dầu là Chư Thiên, Phạm Vương, Ma quân hay vua chúa, chúng sanh vạn loài. Giờ đây nó đã cuốn đi hai vị Đại Đệ Tử ưu tú của Như Lai!

Các ông có biết không? Các Bậc Thế Tôn, các Đấng Toàn Giác từ ngàn xưa, ai cũng có hai ngôi sao xuất chúng bên cạnh mình, và bao giờ họ cũng ra đi trước Đấng Đạo Sư. Hai vị Đại Đệ Tử ấy bao giờ cũng được Tứ chúng kính

yêu, nể phục do trí tuệ, công hạnh cùng phước báu Ba-la-mật của họ. Hai vị Đại Đệ Tử ấy là những người hoàn toàn về mọi phương diện. Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên là hai nhân cách ưu việt khó tìm thấy, không những các ông thương tiếc mà Như Lai cũng thương tiếc. Nhưng Như Lai và các ông đã thấy rõ, đã an trú vững chắc vào Tâm Bất Động, vào Tuệ Bất Động khi nhìn ngắm các pháp hữu vi vốn chịu tác động bởi những định luật tất yếu. Nhờ thế mới nói đến giải thoát, nhờ thế mới nói đến chấm dứt Tử Sinh.

Này các thầy tỳ-khưu! Các ông hãy nỗ lực tinh cần, kiên định không mệt mỏi để bước lên Con Đường. Người bước lên trước dẫn người bước lên sau, phải lên đến đỉnh đồi cao Bất Tử ấy để ca bài ca Chiến Thắng và Tự Do!

Đưa mắt lạng lẽ nhìn đại chúng, Đức Thế Tôn nói thắm trong tâm rằng:

"- Khi Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên đi rồi - thì đối với Như Lai - Hội chúng này hoàn toàn trống rỗng!"

Khởi viết từ năm 1980
Hoàn thành năm 1995.

-ooOoo-

Cảm Bạt

Trong trường miên nổi nhớ
gió vô tận rì rào
cát hồng, đốm tía lá tả bay
sóng tâm tư dạt dào
mây, vén ra trên khung xanh
bóng người lừng lừng
từ sát-na mà hiển hiện vô cùng
Tôi đã khóc

thương tuyết đổ trên sông dài

thương mù sa trong bóng khói

Người

ra đi không dấu chân

mà nở hoa vụn đạ

hiện giữa Kinh Thư

như máu huyết

như tủy xương

như óc tim từ lá cỏ thảo nguyên trù mật

Ôi! Thánh hạnh như chu sa

khắc trên trán ngày trán đêm

giữa điêu linh và nổi chết

Tôi nhật làn hương

tôi nhật hạt sương

tôi nhật ánh sao

để nói rằng hư vô còn mãi

loảng xoảng trong giấc mơ của anh

bập bùng theo tóc bạc của tôi

xác bướm đêm và phù du trên lửa

Ôi! đứng giữa đời cao này

dế trắng ca thiên châu
hoang vu từng hạt bụi
thế gian không bóng người
sông dài còn lam lũ
lũng thấp mãi bò quanh
thiên đường kia đã cũ
bước chân này từ đỉnh Hy-ma
hơi thở này tự tại mở ra...

--- o0o ---
Hết

¹. tam chúng: lúc ấy chưa có tỳ-khưu ni

². Vì tích này nên Kỳ Viên tịnh xá còn được gọi là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên (Kỳ thọ: cây của Kỳ Đà; Cấp Cô Độc viên: vườn của Cấp Cô Độc)

³. Giải thích đoạn trên: Mang vật thực ăn vào sẽ tạo ra năng lượng (sức nóng). Có năng lượng thì thân thể sẽ no, khỏe (sinh sắc). Sắc duyên xúc sẽ tạo ra các "cảm thọ". (ăn vào sẽ chống được sự khổ do đói, và người sẽ cảm thấy khoan khoái, hạnh phúc)